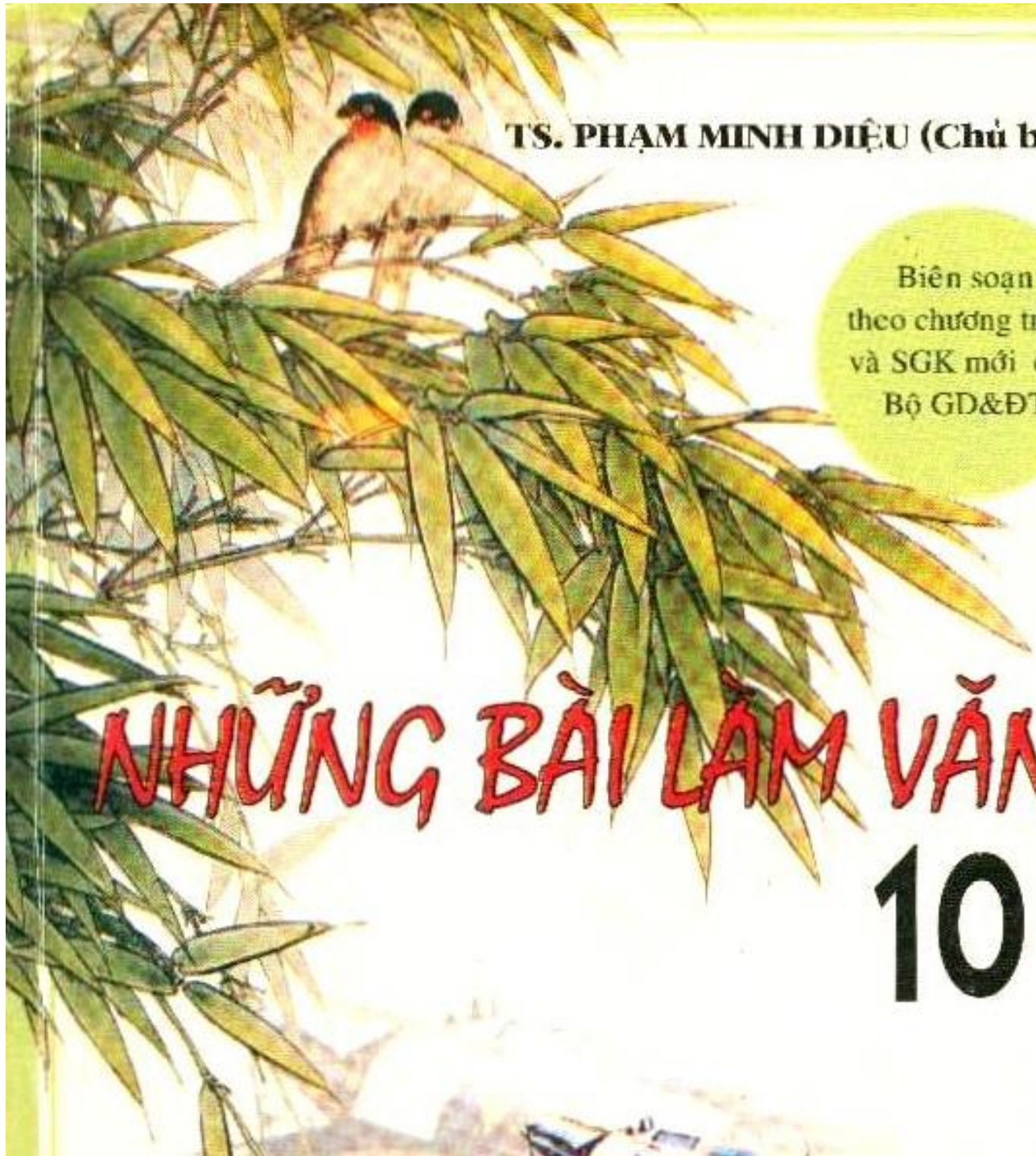




TS. PHẠM MINH DIỆU (Chủ biên)

Biên soạn
theo chương trình
và SGK mới của
Bộ GD&ĐT

NHỮNG BÀI LÂM VĂN

10



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. PHẠM MINH DIỆU (Chủ biên)
MAI HỒNG KIÊN - HOÀNG THỊ TÂM - VŨ THỊ THẮNG
LÊ HỒNG CHÍNH - PHẠM THỊ ANH - NGUYỄN XUÂN HOÀ

Những bài làm văn

(Biên soạn theo chương trình mới)

10

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

ĐT: (04) 9715013; (04) 7685236. Fax: (04) 9714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc **PHÙNG QUỐC BẢO**
Tổng biên tập **NGUYỄN BÁ THÀNH**

Biên tập nội dung
KIỀU THU HUYỀN

Sửa bản in
HOÀNG VĨNH
Trình bày bìa
SƠN KỶ

NHỮNG BÀI LÀM VĂN 10

Mã số: 2L - 100ĐH2007

In 2.000 cuốn, khổ 16 × 24 cm tại Công ty cổ phần Văn hoá Tân Bình.

Số xuất bản: 481- 2007/CXB/5 - 73/ĐHQG HN, ngày 25/06/2007.

Quyết định xuất bản số: 323/LK/XB

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2007

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh lớp 11 thân mến!

Chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn 10 từ năm học 2006-2007 có những đổi mới so với trước. Một số nội dung kiến thức và kỹ năng mới được bổ sung, cũng như đã được cân nhắc lại, nhằm giúp các em thuận lợi hơn trong việc tự tìm kiếm tri thức và rèn luyện kỹ năng.

Để phục vụ kịp thời việc học tập môn Ngữ văn lớp 10 theo chương trình mới, chúng tôi đã biên soạn tài liệu này nhằm hỗ trợ việc học tập của các em.

Nội dung của sách này bao gồm những bài văn do các bạn học sinh THPT loại khá, giỏi, một số sinh viên và giáo viên trên nhiều địa bàn khác nhau đã tham gia sưu tầm và giới thiệu. Sách cũng chọn lọc và giới thiệu tại một số bài văn học sinh giỏi, một số bài viết hay đã được công bố gắn liền với nội dung chương trình, sách giáo khoa mới. Hi vọng cuốn sách sẽ là tài liệu bổ ích, giúp các em học tập môn Ngữ văn tốt hơn.

Để tránh tình trạng học sinh quá lệ thuộc vào bài làm văn sẵn, chúng tôi chủ trương đưa ra một số bài viết vẫn còn có chỗ khiếm khuyết nhưng gần với thực tế bài làm của phần lớn các em. Cố nhiên, sách đã được biên soạn một cách khá công phu, nhằm giới thiệu cho các em những kiến thức, kỹ năng cơ bản, gắn liền với mục đích, yêu cầu của từng bài học. Trên tinh thần "dạy thiết thực, học thiết thực", tài liệu này nhấn mạnh những kiến thức và kỹ năng cơ bản chủ yếu thuộc các phân môn Đọc văn, Tập làm văn.

Khi sử dụng sách này, các em học sinh lưu ý học lấy trong đó những suy nghĩ, cách lập luận, bố cục... của mỗi bài viết, tìm ra những chỗ diễn đạt còn sai sót và cố gắng để có cách viết tốt hơn.

Do điều kiện chế về thời gian, cuốn sách này có thể còn có những thiếu sót nhất định. Rất mong được các em học sinh và bạn đọc nói chung góp ý xây dựng.

Mọi góp ý xin gửi về:

- Trung tâm sách giáo dục Alpha - 225^C Nguyễn Tri Phương, P.9, Q.5, Tp. HCM. ĐT: (08) 8107718, 8547464.

Email: alphabookcenter@yahoo.com

TM nhóm tác giả

TS. Phạm Minh Diêu

PHẦN I- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 1

Đề số 1- Tóm tắt đoạn trích Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây.

Bài làm

Sau khi bị Mtao Mxây cướp mất vợ là Hơ Nhị, Đăm Săn vô cùng tức giận. Chàng cầm khiên đến nhà Mtao Mxây để khiêu chiến.

Đến nhà Mtao Mxây, Đăm Săn đứng ở dưới gọi Mtao Mxây xuống thách đấu. Lúc đầu Mtao Mxây không xuống, vừa dè chừng vừa để tỏ ý khiêu khích. Nhưng Đăm Săn dọa sẽ đốt nhà, Mtao Mxây buộc phải đi xuống. Hắn bước xuống "tần ngần, do dự", sợ sẽ bị Đăm Săn đâm chết khi đang đi xuống.

Đăm Săn nhường cho Mtao Mxây múa khiên trước. Mtao Mxây rung khiên múa, tiếng khiên kêu lạch xạch như quả mướp khô. Đăm Săn thấy buồn cười trước hành động múa khiên của Mtao Mxây và chàng không nhúc nhích. Mtao Mxây kiêu ngạo nói với Đăm Săn rằng mình là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen xéo nát đất đai của thiên hạ. Tức giận khi nghe câu nói của Mtao Mxây, Đăm Săn rung khiên múa với một sức mạnh như vũ bão. Chàng xốc tới chỗ Mtao Mxây. Hắn sợ bỏ chạy hết bãi tây sang bãi đông. Đăm Săn rượt đuổi theo. Chàng bị Mtao Mxây vung dao chém trúng một cái chảo trâu.

Khi đã thấm mệt, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trâu. Nhưng Đăm Săn đã dớp được miếng trâu đó. Chàng nhai trâu và sức mạnh của chàng tăng lên gấp bội. Chàng lại tiếp tục múa khiên và rượt đuổi Mtao Mxây với sức mạnh phi thường. Khi Đăm Săn múa khiên, gió như bão lốc, chồi lăm đổ lăn lóc, cây cối chết rụi, đồi núi rạn nứt, đồi tranh bật rễ nhổ tung. Chàng cầm ngọn giáo phóng trúng vào đùi Mtao Mxây nhưng Mtao Mxây vẫn không hề bị thương gì. Mệt quá, Đăm Săn vừa chạy vừa ngủ. Chàng mộng thấy ông Trời. Ông Trời đã chỉ cho Đăm Săn biết cách đánh thắng Mtao Mxây: lấy cái chày mòn ném trúng vành tai của Mtao Mxây. Đăm Săn bừng tỉnh, chớp ngay một cái chày mòn ném trúng vành tai Mtao Mxây. Tức thì chiếc áo giáp bảo vệ thân thể trên người Mtao Mxây rơi xuống. Mtao Mxây sợ hãi bỏ chạy. Đăm Săn đuổi theo rất nhanh, Mtao Mxây bị ngã lăn quay ra đất. Hắn van xin Đăm Săn tha chết. Nhưng Đăm Săn đã đâm chết Mtao Mxây và cắt đầu hắn đem bêu ngoài đường.

Sau khi Mtao Mxây chết, tội tớ của hắn đã đi theo Đăm Săn.

Giết chết được Mtao Mxây, giành lại được vợ, thu được nhiều tội tớ, của cải, danh tiếng Đăm Săn vang lừng khắp nơi, đến tai các thần.

Chàng mở tiệc linh đình để ăn mừng thắng lợi. Người nhà Đăm Săn, dân làng và khách khứa từ khắp mọi nơi kéo về chúc mừng, ăn uống, tiệc tùng kéo dài suốt mùa khô.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Tóm tắt tác phẩm hay đoạn trích là một kĩ năng rất quan trọng và cần thiết. Làm thế nào để câu chuyện (hay đoạn trích) dài, rất dài cũng có thể trở thành ngắn, rất ngắn? Nhưng vẫn phải giữ được cái "thần" của nó, thế mới khó chứ!

Ta đã biết rằng, muốn tóm tắt, trước hết phải nắm được đại ý, nhớ được các đoạn. Mỗi đoạn tóm gọn lại ý chính, kể lại một hay vài sự kiện, chi tiết quan trọng nhất. Miễn sao toát ra được cái cốt lõi nhất của đoạn hay của bài là được.

Các bạn hãy tập tóm tắt đi! Như bài của bạn trên đây là được đấy!

Đề 2- Hãy tưởng tượng mình là Đăm Săn, kể lại trận đánh Mtao Mxây

Bài làm

Các bạn thân mến! Tôi là Đăm Săn, người anh hùng trong sử thi Đăm Săn. Tôi là một tù trưởng hùng mạnh, "đầu đội khăn kép, vai mang túi da". Tôi xin kể lại cùng các bạn một trong những chiến công của tôi. Đó là trận đánh Mtao Mxây - một tên tù trưởng đã cướp vợ tôi.

Sau khi nghe tin Mtao Mxây đã cướp nàng Hơ Nhị - người vợ xinh đẹp của tôi, tôi vô cùng tức giận. Tôi liền xách khiên, dáo đến thẳng nhà Mtao Mxây để rửa nỗi nhục này và giành lại người vợ hiền yêu quý.

Nhà Mtao Mxây quả thực là đẹp. Đầu sàn hiên đeo hình mặt trăng, đầu cầu thang đeo hình chim ngói, cầu thang lên xuống rất rộng. Tôi đứng ở dưới nói to:

- Ơ diêng, ơ diêng, xuống đây! Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta đây!

Mtao Mxây chẳng những không xuống, hắn còn nói khích tôi:

- Ta không xuống đâu, diêng ơi! Tay ta còn bận ôm vợ hai chúng ta ở trên nhà này cơ mà.

Máu nóng trong người tôi bốc lên, tôi quát lớn:

- Xuống, diêng! Xuống, diêng! Người không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên của người ta bỏ đôi, ta sẽ lấy cái sàn hiên của người ta kéo lửa, ta hùn cái nhà của người cho mà xem!

Nghe tôi nói vậy, hấn sợ hãi đi xuống. Hấn còn nói với tôi rằng, không được dân hấn khi hấn đang đi xuống. Tôi cười khẩy mà nói với hấn:

- Sao ta lại đâm người khi người đang đi nhỉ? Người xem, đến con lợn nái của nhà người dưới đất, đến con trâu cái của nhà người trong chuồng ta cũng không thêm đâm nữa là.

Mtao Mxây bước xuống, tay cầm khiên, giáo. Khiên hấn tròn như đầu củ, giáo hấn óng ánh như cái cầu vồng. Trông hấn dữ tợn như một vị thần, nhưng dáng vẻ thì lại tần ngần do dự, mỗi bước đi đắn đo.

Tôi nhường cho hấn múa khiên trước. Ban đầu hấn từ chối: Hấn bảo với tôi:

- Ta như gà làng mới mọc cựa khế, như gà rừng mới mọc cựa ê chằm, chưa ai đâm phải mà đã gãy cánh.

Và hấn bảo tôi múa khiên trước. Nhưng tôi nhất định không chịu. Tôi là người thách đấu, lẽ nào tôi lại rung khiên múa trước. Thế là Mtao Mxây rung khiên múa trước.

Tôi đứng im, không nhúc nhích nhìn Mtao Mxây múa khiên. Khiên hấn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Buồn cười trước hành động múa khiên của hấn, tôi nói khích:

- Người múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy người học ai vậy? Người múa chơi đấy phải không, diêng?

Hấn nói với tôi:

- Có cậu ta học cậu. Có bác ta học bác. Có thần Ròng ta học thần Ròng.

Tôi mỉa mai:

- Thế ư, ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, người múa đi xem nào!

Nghe tôi nói vậy, chắc là hấn tức lắm. Hấn kiêu ngạo hỏi tôi:

- Thế người không biết ta đây là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen đi xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

Fến lúc ấy thì tôi không thể đứng im được nữa. Tôi phải dạy cho hấn một bài học về thói kiêu ngạo và rửa nỗi nhục hấn đã cướp vợ của tôi. Tôi rung khiên múa. Hấn vội vã bỏ chạy. Một lần xóc tới, tôi vượt một đũ tranh, một lần xóc tới nữa tôi vượt một đôi lô ô. Tôi chạy vun vút qua phía đông sang phía tây, đuổi theo hấn. Còn hấn thì bước thấp bước

cao chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hấn vung dao chém tôi, nhưng chỉ vừa trúng một cái chảo cột trâu. Tôi lại nói khích hấn:

- Sao người lại chém cái chảo cột trâu? Còn khoeo chân ta, người dành làm gì?

Và tôi lại tiếp tục đuổi theo hấn. Rượt đuổi nhiều, cả tôi và hấn đều đã thấm mệt. Lúc này, hấn bảo Hơ Nhi quăng cho hấn một miếng trâu. Trong khi đánh nhau, nếu ăn được một miếng trâu sẽ đỡ mệt hơn rất nhiều. Nhanh như cắt, tôi đón lấy miếng trâu và nhai luôn. Sau đó, sức của tôi tăng lên gấp bội. Tôi lại múa khiên và rượt đuổi theo hấn. Khi tôi múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên đồng, tiếng gió mạnh như bão. Khi tôi múa dưới thấp vang lên tiếng khiên kêu, gió mạnh như lốc. Cả một vùng đồi núi nơi diễn ra cuộc chiến đấu tan hoang: chòi lẫm đổ lán lóc, cây cối chết rụi. Khi tôi múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bay tung. Tôi phóng cây giáo thần - cây giáo đã từng đâm chết bao nhiêu thú dữ, bao nhiêu kẻ địch của tôi - vào trúng đùi của Mtao Mxây. Nhưng lạ thay, đùi hấn vẫn không hề bị thương gì, không hề chảy máu. Tôi lại phóng cây giáo đâm trúng người hấn, nhưng hấn cũng chẳng hề hấn gì. Hấn vẫn bỏ chạy. Chẳng nhẽ hấn có phép thuật gì sao? Hay có vị thần nào bảo vệ cho hấn? - Tôi tự hỏi mình như vậy.

Trận đánh diễn ra ròng rã. Mấy lần tôi đã đâm trúng Mtao Mxây, nhưng hấn vẫn không bị thương. Mệt quá, tôi vừa chạy vừa ngủ. Tôi mộng thấy ông Trời. Tôi hỏi ông Trời:

- Ối chao, chết mất thôi, ông ơi! Cháu mệt quá! Tại sao cháu đâm mãi mà không thủng hấn.

Ông Trời đã chỉ cho tôi điểm yếu của hấn: "Cháu lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hấn là được". Bừng tỉnh, tôi chớp ngay lấy cái chày mòn ném trúng vành tai Mtao Mxây. Quả nhiên, cái giáp trên người hấn tức thì rơi loảng xoảng. Đến lúc ấy tôi mới biết vì sao mấy lần ngọn giáo thần của tôi đâm trúng hấn mà vẫn không thủng.

Mất vũ khí bảo vệ, hấn hoảng sợ tháo chạy. Hấn tránh quanh chuồng lợn, tôi phá tan chuồng lợn. Hấn tránh quanh chuồng trâu, tôi phá tan chuồng trâu. Hấn chạy đến đâu tôi đuổi theo đến đấy. Cuối cùng hấn ngã lán quay ra đất.

Khi nằm dưới mũi giáo của tôi, mặt hấn tái mét, cát không còn giọt máu. Hấn sợ hãi, cầu xin tôi tha mạng. Hấn nói:

- Ơ diêng! ơ diêng! Để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho diêng thêm một voi.

Nhưng tôi đâu có bận tâm. Cầu phúc cho tôi ư? Có ích gì? Còn trâu, voi? Tôi đâu có thiếu. Hắn đã to gan dám cướp vợ của tôi thì tôi không thể tha thứ được.

Tôi giận dữ nói với hắn:

- Sao người còn cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta người đã cướp, dúi ta người đã đâm rồi sao?

Và ngọn giáo của tôi đã đâm phập vào người hắn. Tôi cắt luôn cái đầu của hắn, đem bêu ngoài đường để dân làng được chứng kiến.

Giết chết Mtao Mxây, tôi giành lại được Hơ Nhị. Tất cả đám tôi tớ của Mtao Mxây đều đi theo tôi. Để mừng chiến thắng, tôi đã mở tiệc chiêu đãi tôi tớ trong nhà, dân làng. Các tù trưởng phương xa, khách khứa từ khắp nơi nghe tin tôi chiến thắng đều ùn ùn kéo về ăn mừng chiến thắng của tôi. Nhà tôi đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài. Tôi sai giết nhiều lợn, mổ nhiều trâu, đánh lên các chiêng, các trống to, hoà nhịp cùng chũm chọe sao cho kêu lên rộn rã. Tiệc tùng linh đình ăn uống kéo dài suốt mùa khô.

Sau trận đánh thắng Mtao Mxây, danh tiếng của tôi vang khắp nơi, đâu đâu cũng nghe thấy, vang tận đến tai các thần. Sau trận ấy, tôi thật sự trở thành một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Kể chuyện thì đã được học từ hồi tiểu học, qua trung học cơ sở, có gì nà khó?

Song, ở đây không phải kể chuyện thông thường, mà là kể chuyện trong vai của nhân vật, lại là nhân vật Đăm Săn, người anh hùng của dân tộc Ê-đê từ thời cổ xưa.

Như vậy thì cũng có nhiều cái khó đấy!

Thứ nhất, tất nhiên là phải nhớ chuyện, nhớ các chi tiết chính, nhớ những lời đối thoại giữa hai nhân vật Đăm Săn và Mtao Mxây, nhớ cả những hành động của họ nữa..., mới có thể kể lại được.

Thứ hai là cũng phải có tâm cỡ, tâm cỡ như Đăm Săn ấy, mới có thể nhập vai được, chứ không à?

- Nhưng tớ đâu phải người anh hùng?- Có bạn bảo thế.

Đúng vậy, ở đây chưa yêu cầu bạn phải trở thành người anh hùng, nhưng cũng phải có gì đồng cảm với người anh hùng mới có thể kể lại chuyện này một cách hấp dẫn được chứ, nhỉ?

Bài làm

Bạn đã bao giờ được dự một buổi tiệc mừng chiến thắng của người Tây Nguyên chưa? Tôi cũng thú thực, chưa bao giờ được chứng kiến cái cảnh ăn mừng nhộn nhịp ấy. Tuy nhiên, sau khi đọc sử thi *Đăm Săn* và được học đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*", tôi cứ có cảm giác mình đã từng được dự vào cái không khí tưng bừng trong buổi tiệc ăn mừng chiến thắng ở nhà tù trưởng Đăm Săn.

Đăm Săn là một tù trưởng anh hùng. Chàng đã lập được một chiến công lừng lẫy đó là đánh thắng tù trưởng thù địch Mtao Mxây để giành lại vợ, cũng tức là để mở rộng lãnh thổ của bộ tộc, làm cho bộ lạc mình càng trở nên hùng mạnh.

Hôm ấy quang cảnh nhà Đăm Săn thật vui tươi, tấp nập. Trước tiên phải kể đến đoàn người tơi tở của Mtao Mxây đông như bầy cà tong, ùn ùn như kiến, như mối, mang của cải về nhà chủ mới: Đăm Săn. Cùng lúc đó chàng vừa về đến nhà, lập tức hô gọi tơi tở mang rượu, bắt trâu dâng cúng thần, cúng tổ tiên, mở tiệc ăn mừng cho anh em trong nhà cũng như tất cả bà con trong làng. Tất cả các chiêng, các trống, công, chũm chọe cũng được mang ra. Âm thanh của các nhạc khí của nhà tù trưởng Đăm Săn cùng rung lên rộn ràng "khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sàn, kì nhông ngoài bãi phải ngừng kêu". Nhà Đăm Săn hôm nay đông nghịt khách, có rất nhiều tù trưởng từ phương xa đến. Còn Đăm Săn chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, hứng tóc chàng ở dưới đất là một cái nong hoa, mùi thơm bay ra ngào ngạt. Bữa tiệc linh đình đã được chuẩn bị chu đáo. Cùng một lúc cả chủ, khách, dân làng, tơi tở ăn uống rào rào, thịt lợn, thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le, thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô. Máu bò, máu trâu đọng đen khắp sàn hiên. Dây công, dây chiêng giăng như mạng nhện. Chỉ vàng, chỉ đỏ như hao dăm piết. Tù trưởng Đăm Săn hôm nay vui sướng quá chừng, chàng uống không biết say, ăn không biết no, trò chuyện không biết chán. Mà đâu chỉ tù trưởng Đăm Săn vui, tất cả mọi người cùng hoan hỉ ra mặt, các chàng trai đi lại ngực đụng ngực, các cô gái đi lại vú đụng vú. Xung quanh cả một vùng nhào ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài bãi thì kêu inh ỏi suốt ngày đêm. Rõ ràng là tù trưởng Đăm Săn đang giàu lên. Chiêng lắm, la nhiều, voi cả bầy này, tơi tở nhiều vô kể và bè bạn thì nhiều như nêm như xếp. Bữa tiệc linh đình đông vui đó sẽ không chỉ diễn ra một hai

hôm, mà kéo dài suốt cả mùa khô cho đến lúc nào rượu nhạt, ché vơi thì khách mới lần lượt ra về.

Thật là một bữa tiệc mang đậm hương vị của núi rừng, ngập tràn niềm vui chiến thắng. Đó là bữa tiệc của những con người Tây Nguyên mộc mạc, hồn nhiên, yêu đời. Cuộc sống của họ mang tính cộng đồng rất cao. Tù trưởng Đăm Săn là nhân vật trung tâm của sử thi anh hùng dân tộc Ê-đê, đồng thời chàng cũng là niềm tự hào, là lí tưởng xã hội của toàn thể cộng đồng. Do vậy bữa tiệc ở nhà chàng hôm ấy như một ngày vui của toàn thể buôn làng.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Bài viết này thuộc loại miêu tả sáng tạo. Điều quan trọng là phải dùng đến trí tưởng tượng. Cần nhớ một số chi tiết trong phần cuối của đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", và nếu đọc được toàn bộ Sử thi Đăm Săn, lại có thêm những kinh nghiệm quan sát về cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên nữa thì càng tốt- những điều ấy rất cần để tái hiện cả một cuộc vui mừng chiến thắng tưng bừng của đồng bào Ê-đê trong thời kì tiền sử.. Có thể nói, đó là một yêu cầu rất khó. Đối với ai cũng khó!

Tuy nhiên, nếu có niềm say mê thì chúng ta chắc cũng không phải là không làm được.

Như bài viết trên đây đã có một số chi tiết rất tốt.

Đề 4- Có ý kiến cho rằng, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng. Qua đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", hãy chứng minh.

Bài làm

Trong kho tàng văn học dân gian vô cùng phong phú của dân tộc Việt Nam, sử thi Tây Nguyên chiếm vị trí đặc biệt cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong đó, nổi tiếng nhất là sử thi anh hùng Đăm Săn.

Sử thi Đăm Săn viết về đề tài chiến tranh. Toàn bộ thiên sử thi tập trung ca ngợi tài năng, sức mạnh, vẻ đẹp phi thường của người anh hùng - tù trưởng Đăm Săn. Một trong những chiến công nổi bật của Đăm Săn là chiến thắng Mtao Mxây - tên tù trưởng thù địch, giành lại được vợ của mình. Có ý kiến cho rằng: "Cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan

trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng". Ý kiến này đã khái quát nội dung ý nghĩa của đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây".

Sau khi nghe Mtao Mxây cướp vợ của mình, Đăm Săn đã đến thẳng nhà Mtao Mxây để thách đấu. Mục đích của chàng là giết được kẻ thù, giành lại người vợ hiền yêu quý - Hơ Nhị - của mình. Với ý thức của một người đàn ông, Đăm Săn không thể chịu nổi nỗi nhục bị người khác cướp vợ của mình. Nhất là, chàng lại là một tù trưởng có bản tính "ngang tàng từ trong bụng mẹ". Chàng có thể chết dưới mũi giáo, đường gươm của kẻ thù chứ không thể chịu nổi nỗi nhục ấy. Nhất định chàng phải trả thù, chàng phải chiến đấu với Mtao Mxây để giành lại vợ của mình.

Và chàng đã chiến đấu bằng cả sức mạnh. Cuộc chiến diễn ra hết sức căng thẳng. Mtao Mxây do có chiếc áo giáp bảo vệ nên đã mấy lần mũi giáo thần của Đăm Săn đâm trúng nhưng hấn vẫn không chết. Không nản chí, Đăm Săn vẫn quyết tâm chiến đấu đến cùng. Khi đã thấm mệt, chàng "vừa chạy vừa ngủ" và mộng thấy ông Trời. Ông Trời đã chỉ "điểm yếu" nơi vành tai Mtao Mxây cho chàng. Chính sự mách bảo ấy đã giúp cho Đăm Săn chiến thắng kẻ thù. Khi bị Đăm Săn lấy chiếc chày mòn ném trúng vành tai, bộ áo giáp trên người không còn nữa, Mtao Mxây hoảng sợ bỏ chạy. Nhưng hấn chạy đến đâu cũng bị Đăm Săn rượt đuổi theo đến đó. "Hấn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn, hấn tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu". Và đến khi "hấn ngã lăn ra đất", nằm dưới ngọn giáo của Đăm Săn, hấn vội cầu xin Đăm Săn tha mạng: "Ơ diêng, ơ diêng, để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho thêm diêng một voi". Nhưng cái giá phải trả của một kẻ đã cướp vợ người không thể khác được. Câu trả lời của Đăm Săn đã như một bản kết án tử hình: "Sao ngươi còn cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta ngươi đã cướp, đui ta ngươi đã đâm rồi sao?". Chàng đã giết chết Mtao Mxây, rửa được nỗi nhục cho bản thân và giành lại vợ của mình.

Cuộc chiến đấu của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích riêng là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng.

Trong lịch sử hình thành các dân tộc, các bộ tộc, bộ lạc, đứng đầu là các tù trưởng như Đăm Săn đã mở rộng đất đai, tích lũy của cải bằng những cuộc chinh phạt, mà nguyên nhân trực tiếp bao giờ cũng do sự tranh chấp tài sản, đất đai hay nô lệ, trong đó thường có sự tranh giành phụ nữ. Cho nên, cuộc chiến giành lại Hơ Nhị cũng chỉ là cái nguyên cơ trực tiếp. Ý nghĩa gián tiếp, khách quan, và cũng là ý nghĩa lịch sử của những cuộc chiến này là sự mở rộng lãnh thổ, phát triển buôn làng. Điều đó không chỉ có ý nghĩa đối với cá nhân Đăm Săn hay Hơ Nhị, mà còn có

ý nghĩa đối với cả dân tộc Ê-đê. Nó phản ánh một dấu mốc lớn trong lịch sử hình thành dân tộc Ê-đê.

Chính vì lẽ đó, chiến thắng của Đăm Săn mới được miêu tả như một kì tích, có cả Ông Trời giúp đỡ, và trở thành niềm vui, niềm tự hào của cả buôn làng.

Tất cả tôi tớ trong nhà, dân trong làng đều vui sướng, nhộn nhịp trong buổi tiệc mừng chiến thắng của tù trưởng. "Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực, các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu trông sao mà vui thế". Và họ tự hào rằng họ đã có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, đánh đầu đập tan đó, vây đầu phá nát đó như chàng".

Chiến công của Đăm Săn còn đem đến niềm vui, niềm tự hào cho nhiều buôn làng khác. "Các khách tù trưởng đều từ phương xa đến". Họ đến là để chia vui, mừng cho chiến thắng của Đăm Săn. Sau chiến thắng ấy, danh tiếng của Đăm Săn vang lừng khắp nơi "danh vang đến các thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe thấy danh tiếng". Uy tín, sức mạnh của chàng tăng lên gấp bội. Người ta tự hào "ca ngợi Đăm Săn là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước". "Đăm Săn hiện ra là một tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy".

Như vậy, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây có mục đích riêng là để giành lại người vợ nhưng lại có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cả cộng đồng. Đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*" là một trong những bản hùng ca ca ngợi tài năng và sức mạnh của người anh hùng Đăm Săn, ghi lại dấu mốc của một thời kì lịch sử của dân tộc Ê-đê.

Hướng dẫn đọc

Đối với HS lớp 10, bài viết trên đây có cái khó là làm sao để tránh được việc đem lối suy diễn đời thường áp dụng cho văn chương, và làm sao thoát khỏi cách hiểu "hiện đại hoá" các nhân vật trong sử thi.

Cuộc chiến giành lại Hơ Nhị không phải chỉ do sự ghen tuông hay vì sĩ diện đời thường, cũng không phải chỉ để "trừng phạt kẻ xấu" theo cách nghĩ sau này.

Bài viết trên đây đã làm được việc đó. Tôi cũng không hiểu sao bạn ấy lại có thể biết được "lịch sử hình thành các dân tộc thường có nguyên do trực tiếp ở việc tranh giành đất đai, nô lệ, trong đó có phụ nữ". Có lẽ bạn ấy đã đọc thêm rất nhiều.

Bài học cho chúng ta là phải đọc và tìm hiểu thêm, càng sâu sắc càng tốt những tri thức ngoài sách vở đã được học trong nhà trường.

Đề 5- Cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp của một nhân vật văn học mà anh (chị) thích.

Bài làm

Từ khi còn bé tôi đã thích đọc những câu chuyện thần tiên và mơ ước trở thành nàng công chúa. Nhưng nhân vật yêu thích của tôi không phải là nàng công chúa ngủ trong rừng đợi chờ hoàng tử..., mà là một cô gái tự đi tìm hạnh phúc cho mình. Đó là công chúa Tiên Dung trong truyền thuyết *Chử Đồng Tử*.

Truyện kể rằng: Tiên Dung là nàng công chúa "nhan sắc tuyệt trần, tuổi đã lớn mà không chịu lấy chồng, chỉ thích chèo thuyền đi xem sông núi". Nhưng một con người đã từ chối-truyện hôn nhân để đổi lấy một thú vui sơn thủy hữu tình vì sao lại dễ dàng kết duyên cùng Chử Đồng Tử - một người chưa hề quen biết, một chàng trai nghèo khổ đến mức không mảnh khố che thân? Là một công chúa, được sinh ra từ chốn phồn hoa, Tiên Dung phải là người hiểu hơn ai hết những "khuôn vàng thước ngọc" của xã hội ấy. Vậy mà nàng vẫn quyết tâm lấy Chử Đồng Tử. Hẳn rằng nếu không có tâm hồn cởi mở với thiên nhiên, tự do, phóng túng thì có lẽ Tiên Dung đã không giăng màn tắm trên bãi sông. Một tình huống bất ngờ giúp bộc lộ tính cách nhân vật chính là sự xuất hiện của Chử Đồng Tử. Tiên Dung coi đây là duyên trời. Nàng sai thị tì lấy quần áo cho Chử Đồng Tử mặc rồi lại mong muốn kết duyên cùng chàng.

- Thiếp đã nguyện không lấy chồng, nay duyên trời run rủi gặp chàng chốn này mới biết không cưỡng lại được trời.

Khi Chử Đồng Tử ngẩn ngai, Tiên Dung đã mạnh mẽ nhắc lại:

- Thiếp với chàng là tự trời se duyên việc gì mà từ chối.

Duyên trời ấy há chẳng phải là sự gặp gỡ kì lạ của hai người hay sao? Không có một xúc tác nào từ phía gia đình và xã hội, họ đến với nhau tình cờ cũng như một lẽ tự nhiên.

Đối với một người ham thích trời rộng như Tiên Dung thì sự dứt bỏ cuộc sống tù túng chốn hoàng cung để sống giữa nhân dân cũng là điều không khó hiểu. Sự lựa chọn ở lại với Chử Đồng Tử vì thế vừa bộc lộ tính cách Tiên Dung, vừa thể hiện được ý nguyện nhân dân. Đó có thể chưa phải là khát vọng một tình yêu tự do nhưng đó chắc chắn là mơ ước về một hôn nhân không biên giới, không có sự can thiệp của lễ giáo, không có sự phân biệt sang hèn, thứ bậc.

Ở Tiên Dung còn toả sáng vẻ đẹp của ý chí tự cường và tinh thần yêu lao động. Cũng như Mai An Tiêm khi bị đày ra đảo hoang, Tiên Dung đã vững vàng trên đôi tay và khối óc của mình.

Ý chí đó là phẩm chất tốt đẹp của người dân Việt Nam từ bao đời nay trong lao động và trong chiến đấu. Nó đã hoá thân cả vào những sự vật bình thường làm nên linh hồn dân tộc.

Nhưng con người bằng đôi tay có thể làm thay đổi cuộc đời lại không ham giàu sang, phú quý. Khi được Chử Đồng Tử truyền cho phép tiên mà chàng được sư Phật Quang truyền dạy, Tiên Dung đã cùng chồng bỏ làng xóm đi tìm nơi thanh tĩnh để tu tiên học đạo. Tác giả dân gian qua việc miêu tả hành động đó có phải ước mơ về cuộc sống thoát tục hay không? Chi tiết cuối Tiên Dung cùng Chử Đồng Tử bay lên trời có phải là sự thể hiện ước mơ ấy? Nhân dân muốn bắt tử hoá những con người xứng đáng được tôn vinh. Nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn từng nói: "Người chết chỉ chết thật khi họ chết hẳn trong lòng người sống". Vì Tiên Dung, Chử Đồng Tử lúc nào cũng như ngọn lửa bập bùng cháy đỏ trong tâm khảm con người Việt Nam nên họ đời đời tươi trẻ. Vẻ đẹp toả ra từ họ chính là vẻ đẹp kết tụ từ tâm hồn dân tộc, từ những ước mơ, khát vọng của nhân dân.

Càng yêu quý, cảm phục nhân vật bao nhiêu ta càng tôn trọng tác giả, người cha tinh thần của nhân vật bấy nhiêu. Để tạo nên một công chúa Tiên Dung dũng cảm, mạnh dạn trong tình yêu và hôn nhân, yêu lao động, tự tin chấp nhận và cải thiện hoàn cảnh, không ham mê giàu sang phú quý, tác giả dân gian hẳn đã giành rất nhiều tâm huyết. Câu chuyện ấy là tiếng hát say mê của nhân dân vút lên từ bao nhiêu mồ hôi, nước mắt. Chính vì thế mà nó có sức sống lâu bền như một liều thuốc an thần xoa dịu những đắng cay. Câu chuyện ấy đẹp vì nó được tạo ra từ những trang đời, từ ước mơ, lí tưởng của nhân dân. "Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra" (An-đéc-xen). Tuyệt vời làm sao khi cổ tích và cuộc sống hoá thân làm một.

Từ truyện kể lịch sử đi vào trí tưởng tượng dân gian, từ trí tưởng tượng dân gian bước ra cuộc sống, Tiên Dung đã trở nên thật gần gũi và quen thuộc với chúng ta, bình dị hơn bất cứ cô gái nào trong ca dao hay trong tranh dân gian Nàng công chúa ấy vẫn thường hiện về trong giấc mơ của tôi.

(Bài của Hoàng Thị Lam, do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật cũng là một kiểu bài riêng, và khó. Ở đây, đề chưa yêu cầu phân tích nhân vật. Tuy nhiên, cần huy động những kĩ năng đã học về môn Tập làm văn như: giới thiệu tác

phẩm, nhân vật, tóm tắt truyện của nhân vật, sau đó mới nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về nhân vật đó...

Bài viết trên đây đã viết theo cảm hứng riêng nhưng cũng đã có bố cục khá mạch lạc. Bạn ấy đã đánh giá đúng về nhân vật công chúa Tiên Dung: mạnh mẽ, quả quyết, tự lập, tự cường, và đặc biệt là có tinh thần dân chủ, gần gũi với người lao động. Ngoài ra, bạn ấy còn biết cả tư tưởng "cái trọng tự nhiên" trong tác phẩm.

Tuy nhiên, có một số câu văn còn dễ dãi, có chỗ diễn đạt còn rối.

Đề 6- Cảm nghĩ anh (chị) sau một chuyến đi (du lịch hoặc tham quan).

Bài làm

Có lẽ không phải riêng tôi mà đứa trẻ nào cũng mơ ước được một lần bước lên tấm thảm bay, xỏ chân vào đôi hài bầy dậm, thậm chí cưỡi chổi thần của bà phù thủy mà du ngoạn khắp thế gian. Và lần này – không phải trong giấc mơ đâu – tôi đã được cùng bố mẹ đến xứ sở thần tiên huyền diệu – một thế giới trong tranh: Mai Châu – Hoà Bình. Tôi đã hiểu ra một điều thật ý nghĩa: những phút giây bên gia đình chính là những phút giây đẹp đẽ nhất mà câu chuyện cổ tích dẫu hấp dẫn đến đâu cũng không thể tạo ra được.

Cả nhà chúng tôi đi, hôm đó, trời mưa bụi. Cảnh vật bên đường mờ ảo trong khói sương. Thực sự chưa bao giờ tôi biết rằng quê hương mình lại rộng lớn đến như vậy. Mẹ ngồi bên cạnh thỉnh thoảng lại đưa tay vuốt tóc tôi cho khỏi rối. Em tôi thì luôn miệng đọc mấy câu thơ của một ai đó:

"Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:

- Theo cánh bướm đi mãi tới nơi xa

Sẽ có cây, có cửa, có nhà

Vẫn là đất nước của ta

Những nơi đó cha chưa hề đi tới

...

- Cha mượn cho con bướm trắng nhé

Để con đi..."

Chắc hẳn cu cậu đang sung sướng lắm. Em thân yêu à, rồi em sẽ còn đi được rất nhiều nơi bằng đôi chân của chính em. Nhưng những phút

giây bên gia đình như thế này dù rất muốn em cũng không bao giờ có thể quay trở lại. Nó nhìn tôi, đôi mắt long lanh. Tôi nhớ bố tôi khi đó còn huyết sắc rất vui: "Ba sẽ là cánh chim cho con bay thật xa..."

Tôi ghé đầu vào vai mẹ, đưa mắt nhìn ra xa. Núi tiếp núi đuổi nhau chạy mãi như muốn đến tận đường chân trời. Dòng sông nằm dưới chân chúng tôi đang thì thầm hát khúc ca bất hủ của núi rừng. Cảnh đẹp và yên bình quá. Nhưng tôi muốn khi nhớ lại tôi không hề cảm thấy nuối tiếc. Tôi mơ ước được đến đây tham quan nhưng lại rất sợ không gian thiếu vắng bóng người.

Tôi nhớ Mai Châu với những núi mai, núi bương bàng bạc. Tôi nhớ bản Vân, bản Lác – những bản du lịch với nhà sàn ẩn hiện trong tán nhãn và ngát hương các loại lan rừng. Còn gì tuyệt vời hơn buổi sớm mai thức dậy nghe tiếng chim hót trên mấy cây cao trước nhà, ngắm nhìn những giò phong lan hoa rủ từng chùm xuống mặt ao tắm cá. Hình như bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến. Không khí trong lành quá đến nỗi chỉ em tôi đều ước ao có thể hít căng đầy lồng ngực để dự trữ khi trở về, vì nơi mình ở chẳng bao giờ có buổi sáng nào thanh khiết tuyệt vời như thế.

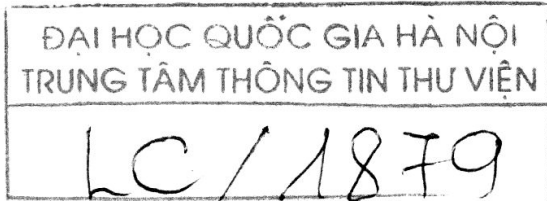
Chúng tôi ở trong nhà người Thái. Mỗi khi ngắm những bức ảnh chụp chung với họ, bố mẹ tôi đều xúc động đến rơi nước mắt. Con người nơi đây hiếu khách và nhiệt tình quá. Phong tục người Thái Mai Châu rất lạ. Bếp lửa của họ bập bùng cháy suốt ngày đêm. Có lẽ khi đi xa họ sẽ nhớ nhất bếp lửa ấy, nhớ tiếng nói, tiếng cười vang lên cùng tiếng tàn đóm nổ lép bép và những khuôn mặt ánh hồng rạng rỡ. Rồi những đêm bản tổ chức văn nghệ, thật kì lạ bởi những khách du lịch như chúng tôi hình như không chỉ say sưa vì rượu cần mà còn vì thả hồn theo những động tác uyển chuyển của điệu múa xoè hoa.

Hôm tạm biệt Mai Châu, cả nhà xách lễ mễ những quà: nào cơm lam, rượu cần, nào phong lan, nào khăn, áo thổ cẩm... Mẹ cười: "Cả Mai Châu theo mình về nhà rồi". Bây giờ, nhìn những thứ đồ ấy lại nhớ xứ sương mù, nhớ từ dãy núi, dòng sông đến những vật dụng bình thường như cơi trầu hay những bậc thang...

Cảm ơn bố mẹ về chuyến đi tuyệt vời ấy. Con nhớ nhất là những tiếng cười, tiếng hát trong mét chuyến đi du lịch miền sơn cước, cả nhà ta hạnh phúc bên nhau.

Hướng dẫn đọc

Đây là bài văn phát biểu cảm nghĩ, tức biểu cảm, trước một chuyến đi du lịch. Thế mà bạn ấy lại kể chuyện về chuyến đi, thế có "lạc đề" không chứ?



Cũng may, bài viết cũng có nhiều dòng biểu cảm, xen lồng trong các ý, các đoạn. Tôi rất tiếc: giá như các ý ấy được bố cục lại theo đúng một bài văn biểu cảm thì tốt!

Bài làm số 2

Chuyến đi ấy giờ đây với tôi đã trở thành một kỉ niệm đẹp đẽ! Nó ghi dấu tình cảm của bạn bè lớp tôi, nhất là tình cảm của chúng tôi đối với cô chủ nhiệm.

Cô giáo chủ nhiệm lớp tôi là một giáo viên dạy văn mới ra trường. Cô nhiệt tình, và thương yêu học sinh hết mực.

Ngày hôm đó, chúng tôi thấy cô chủ nhiệm bước vào lớp và..., thế là chương trình du lịch đã được định hình thành.

Tôi vốn là đứa bé nhút nhát. Thực lòng, tôi không thích những cuộc du lịch như vậy. Nhưng chính chuyến đi ấy là do cô giáo muốn tạo ra để những đứa trẻ như tôi bớt đi phần nhút nhát...

Sông Chu nằm cách trường không xa. Đường đi thật khó, lên dốc, xuống dốc.

Tôi một mình đơn độc trên chiếc mi-ni, đã mệt lại càng thêm mệt.

Lần ấy, chiếc xe của tôi bỗng nhiên bị hỏng. Cả lớp phải dừng lại, cô giáo và các bạn lo lắng, làm cho tôi đỏ bừng mặt. Tôi đang lúng túng thì... Đúng lúc đó, Nam – cậu bạn "diễn trai" và học giỏi nhất lớp đi tới.

Cậu ta hỏi đôi câu, rồi lật ngựa xe rà, lấy tay vặn mấy cái ốc, quay vài vòng, thế là xong. Cô giáo cũng phải khen cậu ta là giỏi.

Tôi lâu nay chưa hề "quan hệ" với một bạn nam nào trong lớp, thậm chí còn lảng tránh khi các cậu ta đến làm quen.

Sửa xong, Nam trao xe cho tôi bằng một nụ cười thân mật. Tôi bối rối, mãi mới lí nhí nói được lời cảm ơn.

Cả lớp lại lên đường, Sơn đề nghị được đèo tôi, cô giáo và các bạn đồng ý, tiếng ai đó vang lên:

- Cái Trang mệt rồi! Sơn đèo Trang đi!

- Ừ, phải đấy! Sơn - Trang, chúng mày ả! - Tiếng lao nhao cười đùa làm tôi ngượng suốt khóc.

Rồi dù ngượng đến đâu, tôi cũng phải ngồi sau Sơn vì quả thật, tôi đã thấm mệt. Tôi tự nhủ, mình sẽ không thèm nói một câu nào cho mà xem.

Bãi cát sông Chu một buổi chiều mùa đông nhạt nắng. Màu cát vàng trải dài theo triền sông được tô điểm thêm màu xanh của mía, và

ngô khoai. Dòng nước trong vắt. Những làng xóm bên sông gợi ra một cảm giác êm ả, thái bình... Ôi một buổi chiều đông tuyệt đẹp làm sao!

Nửa buổi chiều, cô giáo gọi cả lớp tập hợp trên bãi cỏ. Máy bạn rải ni-lông bày những thức quà mà cô trò mua lúc đi. Cả lớp quây tròn quanh cô. Máy đứa con gái nhanh trí còn mang theo những món ăn riêng như dưa chuột, táo, khế... bứt ở trong vườn nhà cái Lan. Tình cảm cô trò và các bạn trong lớp thật khác nào như người trong một nhà...

Cô giáo kể cho cả lớp nghe những câu chuyện về dòng sông Chu. Rồi cô đọc những bài thơ hay nhất viết về dòng sông.

Cô còn kể về thời học sinh của cô thật hồn nhiên và trong sáng gắn liền với dòng sông quê mình.

Hôm ấy, cô giáo hỏi chuyện các bạn, giúp các bạn tự bộc lộ về mình, để chúng tôi có dịp hiểu về nhau hơn. Ôi, tình cảm của người cô thật sự làm tôi xúc động!

Bấy giờ, tự nhiên, tôi không còn cảm giác ngại ngùng như trước nữa. Tôi thấy cô như một người chị, một người bạn thân thiết của chúng tôi. Một cảm giác mà bấy lâu nay tôi không cảm nhận được ở trong tập thể. Bấy giờ đây, lần đầu tiên, tôi nhận tình cảm của các bạn và của cô giáo dành cho tôi thật hết sức chân thành.

Buổi pic-nic ấy kéo dài cho tới tận chiều tối. Ai cũng vui và muốn kéo dài thêm nữa. Với tôi, buổi chiều hôm ấy thật có ý nghĩa vô cùng.

Ôi, một cuộc du lịch! Nó không chỉ đem đến cho tôi những nhận thức mới về thiên nhiên và cuộc sống. Nó đã làm biến đổi cả con người tôi!

Chúng tôi ra về lúc trời đã tắt nắng, gió từ sông thổi lên đê lạnh lạnh. Tôi quay đầu nhìn lại dòng sông một lần nữa! Ôi, dòng sông quê hương! Nó gần gũi với chúng tôi đến thế mà giờ đây, với tôi, vẫn trở nên mới mẻ lạ lùng!

Tôi lại ngồi sau xe của Sơn, một cậu bạn đẹp trai, học giỏi, lại có nhiều tài vật. Tôi vẫn tự hứa sẽ không thêm nói với cậu ta một lời nào. Nhưng trong lòng cảm thấy vui vui!

Như thế từ đây, Sơn, cô giáo, và tất cả các bạn trong lớp đã trở nên không thể thiếu trong tinh thần của tôi.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)

Hướng dẫn đọc

Vẫn có rất nhiều yếu tố tự sự, nhưng chúng không nên lấn át mục đích chính là "biểu cảm" trong bài viết.

Cần ghi nhớ rằng, văn biểu cảm có giọng văn giống như lời tâm sự thì thầm, gần với một bài thơ trữ tình không vần, nhịp...

Để viết được bài văn biểu cảm, phải suy nghĩ và xúc động thật sâu sắc và chân thành. Có thể diễn đạt dựa trên một cốt truyện hay một sự kiện chính nào đó, rồi cứ thế mà đào sâu, khai thác mãi cái ý nghĩa của nó...

Trong văn biểu cảm cũng cần có kể chuyện và miêu tả. Nhưng kể hay tả cũng chỉ là cái cớ, chứ không phải mục đích!

THAM KHẢO MỘT SỐ ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM

MÙA XUÂN MIỀN BẮC TÔI YÊU⁽¹⁾ (Dầu đề đoạn trích do chúng tôi đặt)

"Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội- là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ, mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông [...] mở cửa đi ra ngoài, tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó- có lẽ là sự sống!

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người cứ căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ li ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh"

(Vũ Bằng- *Thương nhớ tuổi mười hai*. Dẫn lại *Ngữ văn 7*, tập 1. GD. 2003, tr. 174).

CÔ GIÁO CỦA EM

"Ôi! Cô giáo rất tốt của em, không, chẳng bao giờ em lại quên cô được! Sau này, khi em lớn lên, em vẫn sẽ nhớ đến cô, và em sẽ tìm gặp cô giữa một đám học trò nhỏ. Mỗi bận đi ngang qua một trường học và nghe một cô giáo giảng bài, em sẽ tưởng chừng như nghe tiếng nói của cô. Em sẽ nhớ lại hai năm ngồi trong lớp học của cô, ở đó, em đã học được bao nhiêu điều bổ ích; ở đó, em đã bao nhiêu lần nhìn thấy cô mệt nhọc và đau đớn nhưng luôn luôn theo dõi lớp học, luôn luôn yêu thương mọi người. Cô đã thất vọng khi thấy một em bé cứ cầm sai cây bút khi viết mà không sao uốn nắn lại được; [...] cô lấy làm sung sướng khi chúng em

đạt được những kết quả xuất sắc. Lúc nào cô cũng có lòng tốt và dịu hiền như một người mẹ.

Không bao giờ, phải, không bao giờ em lại có thể quên cô được, cô giáo yêu quý của em!" (Ét-môn-đơ đơ A-mi-xi, *Những tấm lòng cao cả*, Dẫn lại *Ngữ văn 7*, tập 1. GD. 2003, tr. 119).

TẾT TRUNG THU ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

"Đêm nay, anh đứng gác ở trại. Trăng ngàn và gió núi bao la khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu và nghĩ tới các em. Trăng hôm nay soi sáng xuống nước Việt Nam độc lập... Trăng sáng mùa thu vàng vặc chiếu khắp thành phố, làng mạc, núi rừng, nơi quê hương thân thiết của các em...

Anh nhìn trăng và nghĩ tới ngày mai...

Ngày mai, các em có quyền mơ tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mười mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng nước thác đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, rải trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá! Trăng mai còn sáng hơn. Anh mừng cho các em vui Tết Trung thu độc lập đầu tiên và anh mong ước ngày mai đây, những tết trung thu tươi đẹp hơn nữa sẽ đến với các em". (Thép Mới- Dẫn lại *Tiếng Việt 4* tập 1. GD, 2005, tr. 66).

TIẾNG HÁT QUÊ HƯƠNG

"Trên đài, một người con gái nào đó vừa hát một bài dân ca của đất nước ta trong đêm khuya. Bây giờ, tất cả im lặng rồi, giọt sao ngoài khung cửa đọng lại, đứng im, không nhảy nữa, đêm đã đi vào chiều sâu mà vẫn còn nghe âm vang mãi của giọng hát của người con gái lúc nãy. Một giọng hát dân ca, ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt dè e thẹn như khóe mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trợn lẫn bóng tre và bóng nắng... Có lẽ không phải là một người con gái đã hát trên đài. Đó chính là quê hương ta đang lên tiếng hát. Tiếng ngân nga dội lên từ lòng đất, ở trong đó, một góc vườn có đôi cây sấu đông và một dàn bầu đông đưa quả nặng, một ngày đã xa, mẹ ta chôn nhúm rau của ta thuở ta mới lọt lòng. Đó là tiếng ngân của mặt đất, của dòng sông, của những xóm làng và những cánh đồng sau một ngày lao động và chiến đấu"

(Nguyễn Ngọc- *Đường chúng ta đi*. Dẫn lại *Ngữ văn 7*, tập 1. GD. 2003 tr. 72)

QUÊ HƯƠNG TÔI

"Riêng tôi về làng về xứ, lúc nào tôi cũng muốn nói đến cái đẹp, cái lớn quê mình. Có lẽ vì tôi yêu quê hương thấm thiết, yêu đến độ đam mê như một kẻ si tình yêu cả cái dở của người yêu.

Tuổi thơ tôi đã hằn sâu trong ký ức những ngọn núi trông xa lấp lánh như kim cương, lúc xanh mờ, khi xanh thắm, lúc tím lơ, khi rực rỡ như núi ngọc màu xanh. Những năm tháng xa quê, đông tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả, nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuộn cuộn chảy, những dòng kinh biên biếc vẫn lặng lẽ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mù khói rạ thơm vị mía lùi và trắng xóa sương mù sau Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thẳm thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà rải màu vàng tãi trên rẫy khoai mì nghiêng, nghiêng bên triền núi. Biết bao đêm trăng trở, tôi viết bao trang về con rạch nhỏ cạn lờ chảy qua bến Miếu, cát vàng xấp nước. Tôi yêu màu đá xám đen, tấm phen xác xơ che nắng cho người đập đá. Tôi nhớ ngọn cỏ phát phơ giữa đồng nước lớn, cây cà na trái nặng chùm chùm, cây gáo mồ côi, cây gáo đôi im lìm xa ngoài đồng bãi. Như con chiên ngoan mơ về "Đất Hứa", tôi da diết mong gặp lại cây đa bến Miếu, cây me già Đá Chẹt, con đường quanh co lồi lõm lên Pháo Đài. Tôi nhớ những dòng nước lấp lánh từ triền đá cao ào ào đổ xuống, róc rách len vào các khe đá rồi thông thả bò qua con đường trái đá, chảy xuống xóm làng..."

(Theo *Tản văn* Mai Văn Tạo. Dẫn lại *Ngữ văn 7* tập 1, GD. 2003, tr. 89).

Đề 7- Thuyết minh về văn học dân gian Việt Nam cho đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường em.

Bài làm

Chào mừng các bạn đã đến với đất nước Việt Nam tươi đẹp của chúng tôi !

Đến với Việt Nam, các bạn đang đến với một đất nước có nền văn hóa lâu đời. Các bạn sẽ được tiếp xúc với nền văn học dân gian đặc sắc của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Người Việt Nam luôn tự hào vì nền văn học dân gian độc đáo của mình, vì nó phản ánh vẻ đẹp của tâm hồn con người Việt.

Thưa các bạn ! Truyền thần thoại Việt Nam kể rằng, các dân tộc Việt Nam đều có nguồn gốc từ những đứa con được sinh ra trong bọc trứng. Người bố là Lạc Long Quân thuộc họ nhà Rồng, người mẹ là Âu

Cơ, thuộc họ nhà Chim, tức giống Tiên. Cho nên, người Việt Nam luôn tự hào mình là "con Rồng cháu Tiên".

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã luôn vươn lên để chiến thắng thiên nhiên, điều đó được ghi lại trong truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh*. Sơn Tinh là vị thần của núi rừng; còn Thủy Tinh là vị thần trị vì sông nước.

Nhân dân Việt Nam còn luôn phải đương đầu với các thế lực ngoại xâm để bảo vệ quốc gia, lãnh thổ. Điều đó đã được phản ánh trong truyện Thánh Gióng, một cậu bé lên ba không biết nói biết cười bỗng ngồi bật dậy, trở thành tráng sĩ, nhờ ngựa sắt, giáp sắt, nón sắt, gậy sắt, đánh tan lũ giặc.

Các truyền thuyết như *Sự tích bánh chưng bánh dày*, *Sự tích dưa hấu*, *Sự tích trầu cau*... đã cho thấy dân tộc Việt Nam từ thời Hùng Vương đã có nền văn minh rất phát triển.

Rồi đất nước Việt Nam phải trải qua thời kì bi ai của lịch sử. *Truyện An Dương Vương và Mỵ Châu*, *Trọng Thủy* phản ánh tấn bi kịch mất nước, mở đầu thời kì một ngàn năm Bắc thuộc...

Văn học dân gian Việt Nam còn có một kho tàng truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn hết sức phong phú. Nhân dân Việt Nam đã thổi trí tưởng tượng vào các nhân vật cô Tấm, Thạch Sanh..., hun đúc thành những nhân vật tiêu biểu cho tâm hồn, nhân cách con người Việt Nam. Cô Tấm xinh đẹp, hiền thực nết na, dù phải trải qua bao thất bại cay đắng nhưng cuối cùng, nhờ Tiên Phật giúp đỡ, cũng chiến thắng mẹ con nhà Cám độc ác và trở thành hoàng hậu. Thạch Sanh tài năng, trung hậu, trải qua trăm nghìn nỗi cực khổ gian truân, cuối cùng vẫn chiến thắng Lí Thông, một kẻ gian xảo, quỷ quyệt tham lam, độc ác. Thạch Sanh được Viện Vương giả công chúa và truyền ngôi cho...

Đến với Việt Nam, ngoài những pho truyện cổ tích li kì, bạn còn được nghe cả một rừng cười (người Việt Nam gọi truyện cười là "tiểu lâm", nghĩa là "rừng cười"). Rồi bạn sẽ được tiếp xúc với cả "rừng" ngụ ngôn đầy chất trí tuệ hóm hỉnh.

Chưa hết, văn học dân gian Việt Nam còn có một kho tàng ca dao-dân ca, tục ngữ... vô cùng phong phú. Những bài ca dao được sáng tác, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đó là lời hát giao duyên ngọt ngào, tình tứ của vùng quê Kinh Bắc, lời ca ấm áp, mặn nồng, dịu ngọt của xứ sở miền trung, hay lời ca sâu thẳm cất lên từ Đồng Tháp Mười... Khắp các miền thôn quê, đâu đâu cũng có lời ca tiếng hát, thể hiện cuộc sống nội tâm, cùng các sinh hoạt văn hoá tinh thần của người Việt Nam thật là phong phú và sâu sắc.

Thưa các bạn ! Tục ngữ Việt Nam có câu: "Đi một ngày đường học một sàng khôn". Các bạn đã vượt cả ngàn dặm đường tới đây, hi vọng sẽ học được nhiều "sàng khôn", tức học được kho tàng văn hoá văn học dân gian của người Việt.

Chúc các bạn hạnh phúc và thành công !

(Bài của Nguyễn Thị Lan Vi - TP. Hồ Chí Minh.
Tư liệu do thầy Phạm Minh Diệu cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Viết bài văn thuyết minh nhằm giới thiệu một vấn đề lớn và phức tạp cho một đối tượng đặc biệt là đoàn học sinh nước ngoài..., đó là cả một công việc cực kì khó khăn.

- Giả sử cứ phân tích hay bình giảng một tác phẩm có khi lại dễ hơn!- Chắc có bạn nói thế!

Sự thực thì việc gì cũng có cái khó của nó! Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là học sinh không thể làm được. Bài viết trên đây của bạn Lan Vi cho thấy điều đó.

Cái khó là phải biết khái quát, đừng sa đà vào câu chuyện cụ thể nào, nhưng đồng thời lại cũng phải biết dừng lại, điểm qua đôi nét, sao cho từng thể loại lần lượt hiện lên với những nét chấm phá...

Đề 8 – Hãy viết một bài văn ngắn giới thiệu về trường hoặc về lớp của anh (chị).

Bài làm

Thưa các bạn! Trường phổ thông trung học của chúng tôi mang tên Cẩm Bá Thước, nằm ở một vùng núi xa xôi của huyện T.X.

Trường đã được thành lập từ hơn bốn mươi năm trước. Từ lớp học ghép năm mươi học sinh ngày nào, đến nay trường đã có hàng ngàn học sinh trưởng thành, ra đi khắp mọi miền Tổ quốc.

Trường vinh dự được mang tên anh hùng dân tộc Cẩm Bá Thước. Đó là người anh hùng dân tộc Thái đã hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Cần Vương trong kháng chiến chống Pháp cuối thế kỉ 19. Ông là tấm gương sáng nhất trên quê hương Quế Ngọc - Châu Thường quê tôi. Là một thủ lĩnh phong trào Cần Vương của đồng bào dân tộc thiểu số, ông đã chiến đấu rất anh dũng và hi sinh ngay trên quê hương thân yêu của mình.

Trường tôi nằm trên một quả đồi thấp. Phía trước nhìn ra thị trấn Đồng Mới, phía sau là cánh rừng bạch đàn bốn mùa xanh tươi. Những

dây nhà màu trắng xen giữa những hàng cây xà cừ xanh tươi bốn mươi tuổi quanh năm toả bóng mát. Vào những ngày sương mù, nhìn từ xa mái trường như một bản người Thái, người Mường thu nhỏ vậy. Tôi yêu trường tôi, tôi yêu quê tôi như yêu cái bản Thái chỉ ven ven có hai mươi nóc nhà và hơn một trăm người sinh sống, nghèo khổ nhưng luôn yêu đời bằng sức sống mộc mạc mà nguyên sơ.

Thầy tôi kể lại, ngày trường mới thành lập vào năm 1965, những thầy cô giáo ở miền xuôi được cử lên đây đã phải băng rừng lội suối cả ngày trời mới tìm thấy lớp học. Lớp học ngày đó chỉ là những lán trại dựng tạm bằng tranh tre nứa lá. Vì bom giặc Mĩ nên trường đã chuyển hàng chục nơi. Có lúc tưởng chừng không thể nào còn giữ được trường lớp. Thế nhưng, các thầy cô giáo đã vì học sinh thân yêu mà vượt qua tất cả để bám trường bám lớp. Mỗi khi đến chỗ đặt trường mới thầy trò lại cùng chặt gỗ, chặt nứa dựng lại cái cột, cái kèo và thế là thành trường, thành lớp.

Bao nhiêu gian nan rồi cũng được bù đắp. Khoá học sinh đầu tiên ra trường, chủ yếu là con em dân tộc thiểu số. Trong số đó có người được đi học đại học trong nước và đi du học ở Liên Xô (cũ), Những thế hệ cha anh ấy bây giờ là thầy cô giáo của chúng tôi, là những cán bộ, kỹ sư, bác sĩ, có người là thạc sĩ, tiến sĩ của các ngành khoa học. Chúng tôi đã được gặp mặt những con người ấy trong ngày kỉ niệm bốn mươi năm thành lập trường.

Trường tôi bây giờ không như ngày xưa nữa, đẹp và khang trang lắm. Những dãy nhà cấp bốn đã được thay bằng những dãy nhà cao tầng với những tiện nghi hiện đại, có bàn ghế đẹp, có điện thắp sáng, mưa gió bão lụt không còn lo sợ nữa. Học trò ngày một đông hơn, có rất nhiều bạn đã làm rạng danh cho trường bằng sự cần cù, thông minh và sáng tạo của mình trong học tập, có rất nhiều học sinh đạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia. Tiếng tăm của trường đã vượt qua sông Chu, qua đèo Trịnh Vạn đến với bạn bè trong cả nước. Vừa qua, một niềm vui lớn nữa đã đến với thầy trò trường chúng tôi, đó là trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng ba và được công nhận là trường chuẩn Quốc gia.

Chúng tôi luôn tự hào khi nhắc đến ngôi trường thân yêu mà mình đang học tập và chúng tôi luôn tự ý thức được rằng phải học tập rèn luyện tốt hơn nữa để xứng đáng với bao thế hệ thầy cô giáo cũng như các thế hệ học sinh đi trước đã vun đắp cho mái trường này.

Nếu có dịp, mời bạn hãy đến với trường của chúng tôi.

Hướng dẫn đọc

Bài viết trên đây có mục đích giới thiệu về trường lớp. Người giới thiệu có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm, khiến cho ngôi trường hiện lên sinh động và có ý nghĩa "phô trương".

Tuy nhiên, văn viết cần hay hơn: miêu tả cần sinh động hơn, biểu cảm cần xúc động hơn. Có thể thì người nghe mới muốn đến thăm trường bạn chứ!

Đề 9- Viết bài văn giới thiệu bức tranh chùa Một Cột.

Bài làm

Các bạn thân mến! Mời các bạn đến với chùa Một Cột, một di tích văn hoá nổi tiếng trong lòng Thủ đô Hà Nội.

Cùng với Hồ Tây, Hồ Gươm, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh..., chùa Một Cột là một địa chỉ văn hoá, là linh hồn của Thăng Long ngàn năm văn hiến.

Nhìn tổng thể, đó là một công trình kiến trúc vừa tôn nghiêm, cổ kính vừa hết sức bình dị, mộc mạc, mô phỏng hình tượng bông sen vươn lên giữa đầm hồ. Chùa Một Cột là cụm kiến trúc gồm ngôi chùa và toà đài sen xây dựng giữa hồ vuông. Cả cụm vốn có tên gọi là chùa Diên Hựu và đài Liên Hoa. Đài này lâu nay quen gọi là Chùa Một Cột. Chùa nằm trên đất thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía Tây hoàng thành Thăng Long đời Lí, nay thuộc phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội, ở bên phải lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chùa hình vuông, mỗi bề rộng khoảng 3 mét, mái cong, dựng trên cột đá hình trụ. Cột có đường kính 1,2 mét, cao 4,0 mét (chưa kể phần chìm dưới đất) đỡ toàn bộ hệ thống những thanh gỗ tạo khung sườn kiên cố cho ngôi đài dựng bên trên, tựa một đoá hoa sen vươn thẳng trên khu ao hình vuông, có lan can bằng gạch bao quanh. Từ bên ngoài có lối nhỏ bằng gạch đi qua ao đến một chiếc thang xinh xắn dẫn lên Phật đài. Trên cửa Phật đài có biển đề "Liên Hoa Đài" (*Đài hoa sen*) ghi nhớ sự tích nằm mộng của vua Lí dẫn tới việc xây chùa. Sử chép: vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) chiêm bao thấy Phật Quan Âm trên toà sen đưa tay dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua kể cho các quan nghe, có người cho là điềm không lành. Sư Thiên Tuế khuyên nhà vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy trong mộng. Chùa xây xong, đài sen nghìn cánh đỡ toà Phật sắc hồng, trong đặt tượng Phật vàng lấp lánh. Các nhà sư đến làm lễ, đi vòng quanh chùa niệm Phật cầu phúc cho vua sống lâu, vì thế đặt tên là chùa Diên Hựu. Sự tích ấy còn thể hiện lòng tin vào những điều tốt đẹp của Phật giáo, hướng con người đến sự thanh lọc tâm hồn, đồng thời cũng cho thấy thị hiếu thẩm mỹ của người Việt Nam ta.

Thời gian trôi qua và sự tàn phá của chiến tranh đã làm cho chùa Một Cột không còn giữ được vẻ đẹp lúc ban đầu. Tuy nhiên sức sống và linh hồn của nó thì không hề phai giảm. Đó là biểu tượng thiêng liêng cho con người Việt Nam, văn hoá Việt Nam và cả sức sáng tạo tuyệt vời

của người nghệ sĩ. Chứng nào còn những bức tranh chùa Một Cột thì chứng ấy chúng ta còn háo hức tìm hiểu những nét đẹp hoà quyện trong công trình kiến trúc độc đáo đó.

Hướng dẫn đọc

.Chùa Một Cột là linh hồn của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến? Đúng vậy, đó là một di tích văn hoá nổi tiếng vì sự độc đáo của nó. Cho nên, giới thiệu chùa Một Cột là việc làm rất khó. Nếu hiểu quá ít về nó, không có thái độ trân trọng di tích văn hoá này..., chắc sẽ không thể giới thiệu được.

Bạn có thể dựa vào nội dung các bài đọc- hiểu, nhớ lại những bài Tập đọc ở cấp dưới, và quan trọng hơn, nên tự tìm hiểu trong sách báo, nhất là báo điện tử (mạng Internet), và nếu có dịp, hãy tới thăm chùa Một Cột để được quan sát kĩ và trực tiếp đối với di tích văn hoá có giá trị quốc tế này.

Đề 10- Giới thiệu hình ảnh đầm sen Việt Nam.

Bài làm

Thưa các bạn!

Đầm sen là một trong những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt Nam.

Trên khắp các làng quê Việt Nam, nơi nào cũng có hồ sen, ao sen, đầm sen...

Có một vùng quê nổi tiếng có hoa sen ngào ngạt, bát ngát một vùng đầm lầy, đó là đầm sen Tháp Mười:

"Tháp Mười đẹp nhất bông sen"

Làng tôi thuộc miền trung du, ở đó không có những cánh đồng thẳng cánh cò bay, không có những dòng sông đỏ nặng phù sa, nhưng vẫn có một đầm sen xanh biếc. Đến mùa sen nở rộ, cả một rừng hoa trắng hồng phoi dưới ánh nắng trông thật lung linh. Đâu đó trong làn gió, ta nghe thoảng mùi hương sen dịu dàng, tinh khiết.

Không những thế, hoa sen còn được đúc thành tượng, in thành tranh..., khắp nơi, đâu đâu cũng có.

Nhiều làng quê lấy tên loài hoa vùng đầm lầy này để đặt tên, chẳng hạn như làng Sen quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Sen đi vào trong những bài dân ca trữ tình:

"Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên chiếc áo bên cạnh hoa sen..."

Hình tượng hoa sen đã đi sâu vào đời sống tâm linh của người Việt Nam. Bạn đến bất cứ làng quê nào cũng có thể thấy hình tượng bông sen được gắn trên các cổng làng, đình chùa, miếu mạo... Và gần như làng nào cũng có hồ sen, đầm sen, ao sen...

Người Việt Nam luôn tự hào ví mình như những bông sen tươi đẹp và thơm ngát, bất chấp sự ô uế của môi trường xung quanh:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhi vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Còn đối với tôi, mỗi khi qua đầm sen của làng có một cái gì đó rất lạ như níu kéo tôi đứng lại.

Xin mời bạn hãy đến với đầm sen Việt Nam.

Đứng trước đầm sen, bạn sẽ thấy tâm hồn thư thái, sẽ nhận ra chính cốt lõi của tâm hồn mình.

(Bài của bạn Hà Minh Thư- Thanh Hóa)

Hướng dẫn đọc

Bông sen là một hình tượng đẹp, thường được nhân dân ta (và người phương Đông nói chung) sử dụng làm biểu tượng để nói về tâm hồn, cốt cách của mình.

Để viết được bài này, cần có sự hiểu biết khá sâu sắc về bông sen và văn hoá Việt Nam.

Như ta thấy đây, bài viết trên đây đã đáp ứng được yêu cầu đó.

Đề 11- Giới thiệu hình ảnh cánh đồng lúa quê hương bạn.

Bài làm

Mời bạn đến quê hương tôi, bạn sẽ bắt gặp ngay những cánh đồng lúa bát ngát. Hình ảnh cánh đồng lúa từ lâu đã trở thành biểu tượng cho miền quê Việt Nam, và cũng là hình ảnh hằn sâu trong kí ức chúng tôi mỗi khi nghĩ tới quê nhà.

Cánh đồng làng tôi là một vùng đất trũng, xung quanh là đồi núi. Nhưng cánh đồng chiêm trũng ấy cũng đủ rộng để mỗi cánh cò bay....

Hàng năm, cánh đồng cho hai vụ thu hoạch: vụ chiêm bắt đầu cấy lúa từ trước Tết, khi trời còn rét căm căm, và vụ mùa thì bắt đầu cấy lúa khi trời đổ lửa tháng sáu.

Người nhà nông quê tôi xưa kia cực kì vất vả. Vùng đất ấy chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã lụt. "Chiêm mất đằng chiêm, mùa mất mùa"! Bao nhiêu công sức cực nhọc của người nhà quê phút chốc bị nhấn chìm trong biển nước, hoặc được đền đáp bằng cái nắng hạn dai dẳng mà người xưa đã miêu tả trong chuyện *Cóc kiện trời*.

Còn bây giờ thì cả cánh đồng mênh mông lúc nào cũng sung sức nước tưới. Nào đề điều, kênh mương, lạch rãnh..., tất cả đều được xây đắp kiên cố. Và con đường nhựa liên xã rẽ đôi cánh đồng lúa có nhiều bờ vùng bờ thửa rất đẹp mắt, khiến người ta nghĩ rằng đây là một vùng quê giàu có và phát triển.

Nếu bạn về quê tôi vào vụ tháng năm, bạn sẽ bắt gặp cảnh tượng cánh đồng lúa chín. Lúa tháng năm chín từng vùng, màu lúa chín pha lẫn cái màu của nắng mùa hạ mới chói chang làm sao! Những con châu chấu, cào cào sạch sẽ và thơm tho bay lên, chui lọt cả vào tay áo của khách qua đường.

Nếu bạn về quê tôi vào vụ tháng mười, bạn sẽ thấy mùi thơm của hương cốm và lúa nếp. Chỉ mùi của rơm cũng đã thơm nồng. Lúa tháng mười chín đều. Cả cánh đồng vàng rực. Cái màu vàng không chói chang như đồng lúa chín tháng năm. Và cái nắng tháng mười cũng dịu dịu, pha lẫn cái gió khô và hanh..., thật là dễ chịu.

Còn bây giờ là cánh đồng lúa xanh mơn mớn. Người ta gọi là "lúa phát cò", lúa "thì con gái". Vừa sau một trận mưa rào tháng ba, lúa trông sạch sẽ, khởi sắc lạ thường. Đâu đó có tiếng cò lửa, cò bọ gọi nhau "túc tục", tiếng sơn ca hót líu ríu từ trên khoảng xanh thẳm rót xuống cánh đồng bát ngát...

Và chập chờn trên khoảng rộng là mấy cánh cò trắng, vừa muốn đậu, vừa muốn bay. Cùng với chúng là những chiếc nón trắng của những mẹ, những chị đang làm cỏ, bón phân cho lúa đồng...

Những người con xa quê hương vẫn nhớ nhất hình ảnh cánh đồng lúa, bao phủ xóm làng...

Mời bạn đến với quê hương tôi, đến với những cánh đồng lúa bát ngát gắn liền với cuộc sống của những người nông dân nơi đây, nghìn đời nay, họ vẫn sống và vươn lên bằng nghề trồng lúa nước.

(Bài do thầy giáo Phạm Minh Diệu cung cấp)

Bài làm số 2

Xin chào các bạn! Hân hạnh giới thiệu cùng các bạn một hình ảnh bình dị nhưng rất đẹp: hình ảnh cánh đồng lúa quê hương tôi.

Quê tôi là một vùng đất trũng nghèo khó, nằm cạnh dòng sông (Chu. Mùa mưa, nước lên nhanh; mới hôm nay còn là đồng lúa xanh mơn mớn, ngày sau chỉ là cánh đồng trắng nước, mênh mông. Mùa nắng, lại dễ bị hạn hán, năm nào đến mùa tháng bảy, cả làng kéo nhau ra đồng dẫn nước. Nước từ con kênh được xã ưu tiên cấp cho ba ngày. Cánh đồng khô hạn, nứt nẻ, như reo ca, như một sự hồi sinh, lúa xanh hơn và lá mượt hơn. Đồng lúa quê tôi nằm kề với đồng lúa của các xã lân cận, nên trải dài ra như một tấm thảm rộng lớn, đến tận phía chân núi xa kia. Ngay từ nhỏ, cánh đồng đã mở ra trước mắt tôi một chân trời lạ lẫm và kì bí. Nhà tôi ở giữa cánh đồng, xung quanh là những thửa ruộng, dọc ngang và những con đường đầy hoa dại. Nhìn những rặng núi phía xa, tôi từng ngỡ cánh đồng như một cái hồ rộng lớn, và những dãy núi ấy là bãi bờ xa hun hút. Những hôm sương xuống nhiều, cánh đồng phủ một màu trắng hư ảo đẹp như trong giấc mơ, và khi nắng lên lại hiện ra tươi tắn dưới ánh trời. Tôi thường gọi cánh đồng như một cô nàng đồng đánh, thay đổi xiêm áo từng giờ, từng ngày, từng mùa, chỉ cần nhìn vào màu áo là có thể đoán được tuổi của cô.

Khi mùa gặt xong, cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, thỉnh thoảng vài con cò sà xuống lặn lội kiếm mồi. Tấm thảm vàng không còn nữa, chỉ còn một màu nâu lờm chờm, nhìn vô hồn và buồn buồn đến se lòng. Nhưng chỉ vài ngày sau, lại trở thành cánh đồng màu trắng, lúc đó là sắp đến mùa vụ mới, các bác nông dân đang làm đất để chuẩn bị cho một mùa cấy. Trên triền dề, một vạt màu xanh mơn mớn hiện lên. Đó là nơi gieo mạ!

Mùa cấy bắt đầu, và nhanh như một giấc mơ. Những thửa ruộng màu xanh cứ nhân lên theo bàn tay chăm chỉ của người nhà nông quê tôi. Mỗi ngày màu xanh ấy lại lan ra rộng hơn, xa hơn, chẳng mấy chốc cả cánh đồng lại phủ một màu xanh của mạ. Nhanh đến bất ngờ! Màu xanh ấy cứ đậm dần lên theo những cơn mưa. Có năm rét hại, những thân lúa run rẩy, còi cọc, nhiều mảnh ruộng rạc đi, lúa chết nhiều. Nhưng chỉ một thời gian, các bác nông dân kiên trì cấy lại, lúa lại vươn lên, kiêu hãnh vượt qua mùa rét. Từng ngày lúa lớn lên như một đứa con ngoan ngoãn dưới bàn tay chăm bẵm của những bác nông chuyên cần.

Khi lúa ở thì con gái, màu xanh như xanh hơn, mơn mớn, dịu dàng và tươi tắn hơn. Lúa đã biết cười, tiếng cười rì rào trong gió, những lá lúa vươn lên lung lay trước gió như những bàn tay giơ lên vẫy vẫy lúa vui như ngày hội và nặng dần bước vào mùa làm đồng đầy khó nhọc.

Sang tháng tư hạt lúa mẩy và bắt đầu phớt vàng, sự thay đổi sắc màu như một điều kì diệu mà thiên nhiên ban tặng. Màu vàng của lúa và màu vàng của nắng hoà vào nhau đẹp như trong mơ. Tôi thích ngắm nhìn đồng lúa chín dưới nắng chiều thu, cái màu vàng của nắng chiều với màu của lúa sao dịu dàng, tinh khiết đến thế. Cả cánh đồng trải dài như một tấm thảm vàng xinh xắn, rộn lên trong tôi bao tình cảm thiết tha. Mỗi ngày màu vàng ấy mỗi đậm hơn, cánh đồng như một biển vàng lấp lánh. Mùa gặt bắt đầu rộn ràng và tấp nập. Mùi gạo mới, mùi rơm mới quện thơm, đưa hương trên khắp xóm làng. Xa xa là những cánh diều, những đàn bò thong thả cúi đầu gặm cỏ. Tiếng cười của lũ trẻ giòn tan bay giữa ánh hoàng hôn.

Tôi đứng trên bờ đê, nhìn cánh đồng sau một mùa gặt, bình lặng quá! Tôi lại hình dung một mùa mới, cảm tưởng như ngày qua ngày cánh đồng lại sinh sôi màu xanh lại trời dậy và cánh đồng lại vàng như bao mùa đã đi qua, bền bỉ và đầy thơ mộng, như một sự đáp đền công lao không quản nắng mưa của con người quê tôi.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Cả hai bài viết trên đây đều giới thiệu hình ảnh đồng lúa Việt Nam. Cả hai đều giới thiệu những cánh đồng vùng chiêm. Rất tiếc chưa sưu tầm được những bài giới thiệu những cánh đồng lúa bát ngát Nam Bộ hoặc những cánh đồng châu thổ sông Hồng. Cũng có thể giới thiệu những cánh đồng trên thửa ruộng bậc thang. Và tôi còn thấy cả những nơi trồng lúa nương trên núi cao rất đặc trưng cho miền núi, có thể giới thiệu những cánh đồng lúa nương ấy, sẽ rất hấp dẫn đấy.

Mỗi miền quê đều có những cánh đồng lúa với những đặc trưng riêng. Bạn có thể giới thiệu về nó để các bạn nơi khác cùng biết. Chỉ xin lưu ý là văn giới thiệu (tức thuyết minh) không phải là văn miêu tả hay văn biểu cảm. Trong văn giới thiệu, cần nêu lên những nét chính về đối tượng. Có thể sử dụng các yếu tố miêu tả, kể chuyện, biểu cảm, nhưng đừng sa vào các thể văn này.

Trên đây có những đoạn sa vào miêu tả và biểu cảm. Hãy tìm và rút kinh nghiệm cho bài viết của bạn.

Đề 12- Giới thiệu hình ảnh con trâu trên đồng ruộng.

Bài làm

Thưa các bạn !

Con trâu trên đồng ruộng là một hình ảnh rất gần gũi với người nông dân Việt Nam. Người nông dân xưa vẫn thường hát:

*"Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ, trâu cày với ta
Cày cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây, trâu đấy ai mà quản công..."*

(Ca dao)

Từ thời xa xưa, hình ảnh người nông dân cùng con trâu, vất vả một nắng hai mưa trên cánh đồng đã trở nên rất quen thuộc:

*"Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày..."*

(Ca dao)

Thế rồi hình ảnh mục tử, mục đồng (đứa trẻ chăn trâu) véo von tiếng sáo giữa buổi chiều tà đã trở thành hình ảnh tượng trưng cho cuộc sống yên bình nơi thôn dã:

*"Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn..."*

(Bà Huyện Thanh Quan)

Về với làng quê Việt Nam, chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh con trâu đang cày bừa, hoặc đang ăn cỏ trên đồng ruộng.

Người nông dân có câu: "Con trâu là đầu cơ nghiệp". Trong tình trạng sản xuất nông nghiệp còn ở trình độ thủ công, con trâu đúng là "cơ nghiệp" của nhà nông. Giờ đây, với tốc độ công nghiệp hóa nhanh chóng, cái cảnh "con trâu đi trước, cái cày theo sau" sẽ dần dần không còn nữa.

Nhưng hình ảnh con trâu trên đồng ruộng đã đi vào tâm thức của bao thế hệ người Việt Nam:

*"Ai bảo chăn trâu là khổ ?
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao"*

(Quê hương- Giang Nam)

Mời bạn đến với đồng ruộng Việt Nam để được chứng kiến tận mắt cái cảnh thái bình yên ả, "trẻ dắt trâu về tiếng sáo bay"...

(Bài viết của Phạm Hoàng Lan)

Hướng dẫn đọc

Có thể thấy bài viết trên đây có rất nhiều ưu điểm.

Trước hết, bạn ấy đã có cái nhìn tổng quát để biết ý nghĩa của hình ảnh con trâu trên đồng ruộng Việt Nam. Lại cũng biết rất rõ rằng, trong thời kì công nghiệp hoá, hình ảnh con trâu có thể khác trước nhưng nó đã đi vào tâm thức của người Việt. Đặc biệt, bạn ấy còn biết đến ý nghĩa của những câu thơ viết về mục đồng, tiếng sáo... nói lên cuộc sống thái bình yên ả nơi thôn quê...

Kể ra viết như thế cũng thật là "già" ! Nhưng tôi vẫn ước giá như tất cả học sinh lớp 10 đều biết được ý nghĩa văn hoá- văn học của các hình ảnh mang đậm chất dân tộc và truyền thống này.

Đề 13- Giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu ngạn ngữ: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".

Bài làm

Để có được thành công, con người phải không ngừng học hỏi, tìm kiếm, thậm chí phải đổ cả mồ hôi, nước mắt. Để động viên mọi người học tập, phấn đấu, ngạn ngữ xưa từng có câu: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào". Đây chính là bài học kinh nghiệm mà người xưa muốn gửi gắm cho thế hệ mai sau.

"Học vấn" là một vấn đề đáng quan tâm nhất của mọi thời đại. Để phát triển, con người phải không ngừng học hỏi, khám phá để chinh phục những chân trời đầy bí ẩn. "Học vấn" là học hỏi, là sự tìm tòi, khám phá và là con đường chiếm lĩnh tri thức của nhân loại. Nhưng con đường chiếm lĩnh ấy không bằng phẳng. "Chùm rễ đắng cay" ở đây là hình ảnh nói đến sự vất vả, khổ cực. "Rễ" là cái gốc, cái xuất phát, cái nền tảng của sự phát triển. Còn "đắng cay" là từ tượng trưng cho gian khổ, khó khăn vất vả của con người. "Chùm rễ đắng cay" được hiểu là những gian khổ, khó khăn, có khi là cả sự thất bại cay đắng. Hình ảnh này tượng trưng cho những bước kiếm tìm, khám phá. Để đạt được mục đích, con người phải miệt mài vượt qua bao thử thách.

Đối lập với "đắng cay" là một kết quả "ngọt ngào". Như một quy luật tất yếu "trồng cây đến ngày hái quả"- thứ quả mà con người trồng bằng bao đắng cay, gian khổ cũng đến ngày chín. "Hoa quả ngọt ngào" là cụm

từ chỉ thành quả của một quá trình học tập, nghiên cứu để làm chủ được tri thức. "Ngọt ngào" cũng là từ nói về cảm giác. Thú vị là cảm giác "đắng cay" nói về rẽ, còn "ngọt ngào" nói về "hoa quả", đó đều là những cảm giác có thật, và ở đây chúng được dùng theo nghĩa ẩn dụ. "Hoa quả ngọt ngào" tượng trưng cho những thành quả mỹ mãn, đúng như mong ước. Đó là những kết quả vinh quang và hiển hách, là sự đền bù xứng đáng cho những con người biết vượt khó.

Bằng cách nói đầy hình ảnh, câu ngôn ngữ đã làm thành một lời nhắc nhở, khuyên răn: muốn thành công, con người phải trải qua vô vàn gian khó. Càng khó khăn bao nhiêu thì cái đích thắng lợi càng vinh quang bấy nhiêu. Tục ngữ xưa cũng từng khuyên: "Có công mài sắt có ngày nên kim". Người xưa khuyên chúng ta phải biết kiên trì, học tập, tu dưỡng, biết chờ đợi biết vượt lên một khó khăn thì thành công nhất định sẽ tới.

Chân trời kiến thức của nhân loại tuy bao la vô tận, để chinh phục được nó không phải là điều dễ dàng. Có người phải bỏ cả tuổi xuân của mình, có người phải hi sinh tình cảm riêng tư, có khi phải đổ mồ hôi, xương máu... để thử nghiệm một vấn đề nào đó. Và không phải bao giờ cũng thành công. Nhiều người trong số họ đã phải chịu thất bại cay đắng. Nhưng cũng có nhiều người cuối cùng đã thành công. Bù lại những công lao và cả sự mất mát, họ sẽ hái được "hoa quả ngọt ngào". Nguyễn Ngọc Kí từng là một cậu bé bị liệt hai tay, nhưng cậu đã dùng đôi chân để tập viết. Nhiều lúc cậu tưởng chừng phải bỏ cuộc. Nhưng bằng nghị lực phi thường Nguyễn Ngọc Kí đã thành công.

Mạc Đình Chi từng là cậu bé nhà quê học bằng ánh đèn dom đóm, nhưng cuối cùng đã thành tài, đỗ Trạng nguyên. Để có được thành công đó, Mạc Đình Chi đã không quản khó khăn, học tập và rèn luyện với một nghị lực phi thường. Phải nói rằng, nghị lực con người sẽ làm nên tất cả.

Hiện nay trong nhà trường, học sinh được trang bị kiến thức bằng nhiều môn học, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: Văn, Sử, Địa, Toán, Lí, Hoá, Sinh... Đó chính là cơ hội tốt để học sinh tự trang bị cho mình những kiến thức trước khi bước vào đời.

Dù có khó khăn đến đâu cũng phải phấn đấu để học tốt.

Ý nghĩa của câu ngôn ngữ vô cùng to lớn, nó giúp chúng ta biết tin vào ngày mai, tin vào cuộc sống. Dù ngày hôm nay, chúng ta vất vả học hành, nhưng ngày mai chúng ta có kiến thức để vào đời.

Có thể nói, câu ngôn ngữ là lời răn dạy, khuyên nhủ, cũng là lời tâm tình của người xưa dành cho chúng ta hôm nay. Đó là bài học kinh nghiệm mà bao thế hệ đi trước đã đúc kết nên. "Học không bao giờ là

muộn", vì "học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

Có người nói: thiên tài có 1% là bẩm sinh còn 99% là mồ hôi và nước mắt.

Thật vậy, kiến thức không tự nhiên mà đến với mỗi con người. Để sáng tác những bài nhạc bất hủ như Mô-da, sáng tạo những phát minh khai sáng loài người như Ga-li-lê, Ê-di-xơn, viết những áng thơ làm rung động trái tim như Ta-go, Pu-skin,... thì đến 99% những thành tựu của họ là mồ hôi và nước mắt. Thành công không đến với con người như một trái táo chín rụng cành mà là quá trình chinh phục, là một con đường dài, đầy trắc trở nhưng phía trước lại tràn ngập ánh sáng. Đúng như câu ngạn ngữ Hi Lạp nói: *"Học vấn có chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào"*.

Ông cha ta có câu: "Nhân bất học bất tri lý" (Người không học thì không biết lý lẽ). Vì vậy đã sinh ra là con người phải có học, kẻ không biết lý lẽ thì đâu có thể coi là **Con Người** đúng nghĩa.

Học vấn là trình độ hiểu biết của con người. Trình độ hiểu biết gắn liền với quá trình học hỏi, nghiên cứu và nâng cao. Quá trình này chẳng phải ngày một, ngày hai mà có được, nó kéo dài thậm chí cả đời người.

Kiến thức là biển rộng, trời cao, là vũ trụ bao la. Càng hiểu biết nhiều, con người càng nhận ra mình quá nhỏ bé trong kho tàng tri thức của nhân loại. Học vấn không chỉ bó hẹp trong phạm vi sách vở, trong một lĩnh vực nào đó. Tất cả những hiểu biết và những điều chưa được khám phá tận cùng đều là tri thức.

Cả danh ngôn nói rằng: *"Bộ lông làm đẹp con công, học vấn làm đẹp con người"*. Nhờ chiếm lĩnh được những tri thức, mà con người từ ăn hàng ở lỗ đã tiến đến văn minh như ngày nay, từ nương nhờ thiên nhiên đến bắt thiên nhiên phục vụ cuộc sống của mình... Tất cả đều nhờ khao khát khám phá mãnh liệt kho tri thức bao la vô cùng vô tận của nhân loại. Thế mới biết: *"Có học thì như lúa như nếp, không học thì như rơm như cỏ"*.

Khát vọng chinh phục thúc đẩy con người chiếm lĩnh những tầm cao tri thức. Nhưng đây là con đường đầy chông gai. Người dễ nản lòng, nản chí, không thể đi đến tận cùng. Không ít người đó bỏ cuộc vì không đủ điều kiện và lòng kiên nhẫn... Cũng không ít người bị vấp ngã, thất bại

không đứng lên được. "*Chùm rễ đắng cay*" của học vấn không biết kể đâu cho hết. Đó là khó khăn, vất vả, là thất bại. Tuy nhiên, cũng có nhiều người đã thành công nhờ có nghị lực, có lòng kiên nhẫn..

Nhiều nhà văn, nhà thơ lớn xuất thân từ tầng lớp bình dân, nên họ rất nghèo. Ô.Ban-zắc luôn nợ nần chồng chất, phải gắn mình trên bàn viết 20 tiếng mỗi ngày, nhưng lao động nghệ thuật nghiêm túc cộng với quyết tâm, nỗ lực cao độ đã giúp ông thành công. U. Séc-xpia, cha đẻ của nền sân khấu thế giới, cũng xuất thân là người trông ngựa cho rạp hát. M. Goóc-rki, người mở đầu cho khuynh hướng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Nga cũng xuất thân là người thợ, từng làm đủ nghề để kiếm sống... Tất cả những danh nhân ấy xứng đáng để người đời sau tôn thờ vì sự nỗ lực vươn lên, vượt qua cả những "chùm rễ đắng" để hái được những chùm "hoa quả ngọt ngào".

Bát cơm manh áo đã từng làm bận lòng biết bao nhà văn, nhà thơ Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Xuân Diệu đã từng viết:

"Cơm áo không đùa với khách thơ"

Thế nhưng, những nghệ sĩ ấy đâu có chịu khuất phục. Họ đã không ngừng học tập, rèn luyện trình độ, nhân cách, ngòi bút của mình để viết nên những tác phẩm lớn cho dân tộc và cho nhân loại.

Một mình chứng điển hình cho tinh thần học tập là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Dù làm phụ việc trên tàu, làm anh quét tuyết ở công viên, làm thợ ảnh, nhà báo... Bác đều nghiêm túc, nỗ lực học tập hết mình. Bác học ngoại ngữ, học viết văn, làm báo, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, tiếp thu học thuyết Mác - Lê-nin... Một mình Bác bôn ba khắp năm châu để cuối cùng tìm được con đường cho Cách mạng Việt Nam. Người là vị lãnh tụ ưu tú của dân tộc, là một trong số ít những lãnh tụ không cần đến người phiên dịch khi tiếp khách nước ngoài, là một nhà thơ tài hoa, một nhà báo điêu luyện. Tất cả đều bắt đầu từ "*chùm rễ đắng cay*" nhưng lại cho "*hoa quả ngọt ngào*".

Trong quá trình phấn đấu học tập, ngoài những khó khăn từ ngoại cảnh, khó khăn từ bản thân mình mới chính là kẻ thù đáng sợ nhất. Biết bao tấm gương đã vượt lên trên khó khăn của bản thân mình, chiến thắng chính bản thân mình để dành được thành công viên mãn.

Người tham lam là người không muốn trồng cây nhưng lại muốn hái quả. Người dễ nhụt chí là người biết trồng cây nhưng không biết chăm bón. "Hoa quả ngọt ngào" cuối cùng chỉ dành cho người biết vun trồng bằng sự nỗ lực và cố gắng.

Trong thời đại văn minh hiện nay, kinh tế càng phát triển. vấn đề tri thức, học vấn càng trở nên quan trọng, cần thiết hơn. Vì vậy, chúng

ta, những con người của thế kỉ mới, dù ở đâu, lúc nào cũng luôn ghi nhớ một chân lí: "Học vấn có chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".

(Bài của Nguyễn Thanh Thủy do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Nội dung bài nghị luận xoay quanh vấn đề khắc phục khó khăn, chiếm lĩnh tri thức để cuối cùng đạt được thành công.

Cả hai bài viết trên đều đã cố gắng huy động những kiến thức và lí lẽ cần thiết để giải thích và chứng minh cho luận điểm trên.

Tuy nhiên, cả hai bài đều bộc lộ những điểm yếu đáng lẽ có thể khắc phục được. Giả như các bạn ấy cứ trình bày mạch lạc theo hai ý:

- Giải thích rõ ràng ý nghĩa của câu danh ngôn.
- Chứng minh cho nội dung câu danh ngôn ấy.

Như vậy thì bài viết chắc sẽ mạch lạc hơn.

Phân chứng minh, giả có nhiều tư liệu hơn và chọn lọc hơn, chắc sẽ có sức thuyết phục.

Cuối cùng, văn nghị luận cần có lập luận sắc sảo hơn chút nữa.

Tuy nhiên, bước đầu học viết văn nghị luận, viết được như thế cũng đã tương đối khá rồi. Chúc các bạn vượt qua "những chùm rễ đắng" để có được "hoa quả ngọt ngào"!

Đề 14- Nhận xét về nội dung câu tục ngữ: "Học thầy không tày học bạn".

Bài làm

Cuộc sống là một bài học lớn mà ở đó con người không ngừng học tập. Quá trình ấy được nhân dân phản ánh vào tục ngữ thông qua những kinh nghiệm. Hàng loạt những câu tục ngữ về việc học được đúc kết từ thực tiễn và sự trải nghiệm trở thành những bài học quý giá cho các thế hệ con cháu mai sau. "Học thầy không tày học bạn" là câu tục ngữ có giá trị thực tiễn cao và được vận dụng rất nhiều trong cuộc sống.

Truyền thống hiếu học là một trong những truyền thống tốt đẹp, lâu đời, và là vẻ đẹp văn hoá của người Việt. Truyền thống ấy được thể hiện cụ thể trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Từ việc nhỏ đến việc lớn, tất cả đều cần phải được học tập, cần phải có người dạy, người hướng dẫn.

Nhân dân ta có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Thật vậy, ăn cũng phải học.

Vì thế vai trò, vị trí của người thầy rất được đề cao trong ý thức của nhân dân: "Không thầy đố mày làm nên".

Tuy nhiên, trong phương pháp học tập, cái nhìn của nhân dân không chỉ coi việc học bó hẹp ở chỗ "học thầy". Cần phải học bạn bè xung quanh mình.

"Học thầy" cố nhiên là rất quan trọng, nhưng "học bạn" còn có ý nghĩa thiết thực hơn nhiều: "Học thầy không tày học bạn".

"Học thầy" theo lối học xưa là việc tiếp thu lí thuyết, học lí luận, học chữ nghĩa của Thánh Hiền. "Không tày học bạn" tức là "không bằng học bạn". Đây là cách nói đề cao lối học thực tiễn, coi trọng thực tế. Chính "học bạn" là học trong thực tế, lấy bạn để làm gương, lấy bạn để soi lại mình, mới thấy rõ cái yếu, cái mạnh của mình.

Việc "học thầy" chủ yếu diễn ra trong môi trường dạy học, tức là trong lớp, trong trường. "Học bạn" không chỉ diễn ra trong trường, trong lớp mà có thể diễn ra ở nhiều lúc, nhiều nơi. Theo đó, nội dung chính của câu tục ngữ khuyên người ta không nên chỉ biết coi trọng lí thuyết mà phải quan tâm đến thực tế. Đúng như Bác Hồ đã dạy: "Học trong sách vở, học trong thực tế cuộc sống, học trong nhân dân".

Với tư tưởng ấy, câu tục ngữ không hề đi ngược lại truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt mà còn thể hiện cái nhìn biện chứng, linh hoạt của nhân dân trong học tập. Đó là một bài học quý giá của cha ông để lại cho con cháu muôn đời.

(Theo thầy giáo Lê Hồng Chính)

Hướng dẫn đọc

Bài văn có yêu cầu nghị luận: nhận xét về một vấn đề thuộc nội dung và phương pháp học tập.

Bài viết cũng đã cố gắng huy động một số kiến thức cần thiết.

Tuy nhiên, kiến thức còn nghèo, cách trình bày lại chưa mạch lạc.

Xin bật mí rằng: bài viết có thể theo dàn ý sau:

+ Giải thích thế nào là "học thầy không tày học bạn"? (Học thầy không bằng học bạn).

+ Vì sao "học thầy" lại "không tày học bạn"? (Học thầy theo cách học xưa chủ yếu là học lí thuyết; học bạn là học thực hành, học trong thực tế. Vậy học thực tế, thực hành hơn học lí thuyết)

+ Chứng minh: tất cả những người thành công trong sự nghiệp lớn đều học trong thực tế (học bạn).

Đề 15- Giải thích và chứng minh câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

Bài làm

Tục ngữ Việt Nam giàu có, óng ánh sắc màu trí tuệ. Nó đúc rút kinh nghiệm quý báu trong dân gian. Là bài học nhân sinh, là cách ứng xử... nó dạy khôn, dạy khéo để làm người. Chỉ một chuyện học mà nhân dân ta có bao nhiêu câu tục ngữ mang tính giáo dục sâu sắc. Một trong những câu tục ngữ đó là câu:

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

Chúng ta cần hiểu câu tục ngữ này như thế nào cho đúng và đầy đủ?

"Một ngày" so với một năm là ngắn, "một ngày" trong một đời người trăm năm là vô cùng ngắn. "Đi một ngày đàng" đối với khách bộ hành thì quãng đường đi được có đáng là bao? Thế nhưng nhân dân ta lại khẳng định là "học một sàng khôn". "Khôn" là điều hay, điều tốt, cái mới mẻ rất bổ ích đối với mọi người để mở mang trí tuệ, trau dồi nhân cách. "Sàng" là công cụ lao động, đan bằng tre, nứa của nhà nông dùng để sàng gạo. "Sàng khôn" là biểu tượng chỉ khối lượng kiến thức rất lớn, rất nhiều mà người bộ hành đã "học" được sau một hành trình, "đi một ngày đàng".

Tóm lại, câu tục ngữ có hai vế tương phản đối lập với cách nói thậm xưng trong mối tương quan hai vế: đi ít mà học được nhiều, qua đó khẳng định một chân lí, đề cao một bài học kinh nghiệm, nhằm khuyên nhủ mọi người biết đi nhiều mở rộng tầm mắt và sự hiểu biết, sống nhiều, học giỏi trong thực tế cuộc sống.

Tại sao "đi một ngày đàng" lại học được "một sàng khôn"? Câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là hoàn toàn đúng! Học ở trường lớp, học trong sách vở, học thầy, học bạn. Chúng ta còn cần phải biết học hỏi trong thực tế cuộc sống rộng lớn của xã hội. Nhân dân là ông thầy vĩ đại của mỗi chúng ta. Học tập trong thực tế cuộc sống là phương thức học tập khoa học nhất: học đi đôi với hành, học tập gắn liền với lao động sản xuất và hoạt động xã hội. Nếu chỉ biết quanh quẩn trong bốn bức tường lớp học, cách học tập như thế đã xa rời cuộc sống, học sinh bước vào đời sẽ lúng túng, thiếu năng động. Cá không thể xa rời nước, chim không thể thoát li bầu trời, người đi học cũng vậy, học tập cũng không thể tách rời thực tế cuộc sống muôn màu muôn vẻ của xã hội.

Đi rộng biết nhiều, "đi một ngày đàng" tầm mắt được mở rộng, thấy được bao cảnh lạ, tiếp xúc được nhiều người, nghe được bao điều hay

lẽ phải của thiên hạ. Từ đó mà biết suy xét: xa lánh điều xấu kẻ xấu, học tập cái hay, noi gương người tốt việc tốt; "học một sàng khôn" là như vậy.

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là cách học tập và giáo dục kết hợp chặt chẽ giữa ba môi trường: gia đình – nhà trường – xã hội. Kiến thức sách vở được củng cố khắc sâu. Sự hiểu biết được mở rộng và nâng cao. Cùng với trang sách học đường, ta có thêm pho sách cuộc sống muôn màu muôn vẻ.

Những hoạt động của thầy và trò như ngoại khoá, cắm trại, đi tham quan là rất bổ ích. Nó đem lại nhiều sinh khí cho trường học. Học sinh được đến với đồng quê, nhà máy, danh lam thắng cảnh... mà thêm yêu nhân dân lao động, tự hào với nhân dân đất nước. Đi hội Lim ta thấy được cái hay của câu hát "liền anh liền chị" "Bèo dạt mây trôi" làn điệu dân ca quan họ tuyệt vời. Đến với đền Hùng, ta trở về cội nguồn, lòng ta xôn xao bài ca tình nghĩa:

"Ai về Phú Thọ cùng ta

Nhớ ngày giỗ Tổ tháng ba mừng mười.

Dù ai đi ngược về xuôi,

Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng ba"

Đến với Ba Đình lịch sử, viếng lăng Bác Hồ, xúc động trước cuộc đời cách mạng sôi nổi, phong phú của lãnh tụ, mỗi học sinh chúng ta mới thấy hết cái hay của văn thơ Viễn Phương:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"

(Viếng lăng Bác)

Thi hào Nguyễn Du đã từng viết "Nghe khúc hát thôn quê mới thấy được lời nói trong nghề trồng dâu, gai". Văn hào Go-rơ-ki tuy chưa bước qua ngưỡng cửa trường đại học, nhưng nhờ tự học mà đã trở thành một danh nhân văn hoá thế giới và ông đã từng nói: "Dòng sông Vôn-ga và thảo nguyên mênh mông là những trường đại học của tôi".

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là một bài học vô cùng sâu sắc đối với mỗi người. Sau thời cắp sách là thời làm ăn và tự học, học trong công việc, học trong cuộc đời. Và có đi nhiều, có sống nhiều, lăn lộn với đời mới biết đường đi khó, lắm thử thách gian nan. Phải có quyết tâm vượt khó, có bản lĩnh thì chúng ta mới có thể chiếm lấy tầm cao để thực hiện hoài bão của mình:

"Đi đường mới biết gian lao,

Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non"

(Đi đường – Hồ Chí Minh)

Câu tục ngữ trên cho ta thấy đầu óc thực tế của người lao động. Nhân dân ta hiếu học, nhưng thưở xưa, mấy ai được cấp sách đến trường? Cho nên trong dân gian lưu truyền nhiều câu tục ngữ đề cao việc học hỏi trong thực tế cuộc sống.

"Đi một buổi chợ, học một mớ khôn.

Qua một chuyến dò ngang, học một sàng mới lạ.

Ở nhà nhất mẹ nhì con,

Ra đường còn lắm kẻ giòn hơn ta..."

Trên con đường học tập đi tới ngày mai tươi đẹp, học sinh chúng ta phải chăm chỉ, cố gắng, coi "sách vở là vũ khí, lớp học là chiến trường" như A-mi-xi đã dạy. Phải khắc sâu vào trái tim: "Không thầy đố mày làm nên", "Học thầy không tày học bạn". Phải coi trọng lời khuyên của ông bà cha mẹ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Chỉ có điều là phải khiêm tốn, biết quan sát, lắng nghe, biết suy ngẫm thật, giả, tốt, xấu v.v... thì việc học hỏi trong thực tế cuộc sống mới thu được nhiều điều "khôn" mà ta hằng mong muốn.

(Theo Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10. NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, tr. 51).

Đề 16- Phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo trong truyền thuyết "An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy".

Bài làm

An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy là một trong những truyền thuyết đặc sắc của người Việt Nam. Ở đó, sức hấp dẫn không chỉ được tạo nên bởi tính chất bí tráng của sự thực lịch sử mà một phần là nhờ sự có mặt của yếu tố kì ảo.

Cũng như nhiều truyền thuyết khác, yếu tố kì ảo trong truyền thuyết *An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy* là một "đường viền" không thể thiếu trong diễn biến của câu chuyện mất nước. Câu chuyện bắt đầu từ việc xây thành giữ nước của An Dương Vương. Công việc xây thành thất bại, mọi chuyện sẽ rơi vào bế tắc nếu như không có sự động lòng của yếu tố thần linh. Cụ già bí ẩn từ phương Đông tới mách bảo sứ Thanh Giang sẽ giúp vua xây thành. Sứ Thanh Giang hiện thân trong hình hài của Rùa Vàng xuất hiện, mọi khó khăn trong xây thành được

giải quyết, thành được xây xong nhanh chóng. Đó là lần thứ nhất yếu tố kì ảo thể hiện vai trò của mình.

Hiện hình trong sứ mệnh của Rùa Vàng, yếu tố thần kì lại giúp An Dương Vương làm lẫy nỏ. Nỏ thần được làm bằng lẫy của Rùa Vàng. Lẫy nỏ thần có một sức mạnh kì diệu. Quân Triệu Đà ồ ạt, hung hãn kéo sang xâm lược. Thế giặc mạnh như vũ bão. Nhưng chỉ ngay lần đầu chiến đấu, Loa thành đã chiến thắng lẫy lừng. Sức mạnh ấy có được chính là nhờ có nỏ thần mà Rùa Vàng đã giúp đỡ. Lần thứ hai, yếu tố thần kì đã tỏ rõ sức mạnh của mình. Nhờ vào yếu tố kì ảo này, nhân dân đã lí giải được nguồn gốc của những chiến thắng kì diệu đã từng có trong lịch sử dân tộc, đồng thời cũng thể hiện được thái độ ủng hộ, tôn vinh của mình đối với một nhà vua biết chăm lo công việc của đất nước.

Sau chiến thắng là câu chuyện về âm mưu và tình yêu, câu chuyện của bài học cảnh giác. Sự ỷ lại vũ khí mạnh và mất cảnh giác của An Dương Vương, sự cả tin ngây thơ của My Châu vào tình yêu đã dẫn đến một bi kịch đau thương. Loa Thành thất thủ, cha con An Dương Vương bỏ chạy nhưng giặc vẫn đuổi sau lưng. Một lần nữa, Rùa Vàng- yếu tố kì ảo- lại xuất hiện.

An Dương Vương sau khi chém con gái, cầm sừng tê bảy tấc theo Rùa Vàng rẽ nước đi xuống biển. Người anh hùng không chết như trong sự thực lịch sử. Ông đi vào một thế giới khác, thế giới của thần linh, của sự bất tử. Kết thúc câu chuyện như vậy, cùng với yếu tố kì ảo ấy đã làm giảm bớt sự đau thương, giảm bớt nỗi xót xa trước bi kịch lịch sử. Yếu tố kì ảo ấy cũng phản ánh ý nguyện, lòng biết ơn của nhân dân đối với An Dương Vương.

Còn My Châu và Trọng Thủy, hai nhân vật chính trong câu chuyện tình yêu, mỗi người có một kết cục riêng. My Châu biến thành châu ngọc. Trọng Thủy gửi hồn vào nước giếng. Hình ảnh châu ngọc cũng như nước giếng có hồn là những yếu tố kì ảo, thể hiện thái độ bao dung của nhân dân ta đối với cả hai nhân vật.

Với My Châu, mặc dù nàng bị kết tội là "giặc" nhưng chỉ vì ngây thơ, cả tin mà vô tình đã trở thành phản quốc. Tuy nhiên, tấm lòng của nàng thì vẫn trong sáng và long lanh như ngọc trai biển Đông.

Với Trọng Thủy, tuy là một kẻ phản bội tình yêu, vong ân bội nghĩa với An Dương Vương, nhưng xét cho cùng, Thủy cũng là kẻ nặng tình, cho nên mới ngày đêm tưởng nhớ My Châu, rồi nhảy xuống giếng mà chết. Chuyện kể: Thủy thấy hồn My Châu dưới giếng nước, thương nhớ không cùng, liền nhảy xuống chết theo nàng. Có bản kể hồn My Châu dìm chết Trọng Thủy. Cả hai bản kể đều sử dụng yếu tố kì ảo: đó là hồn na My Châu. Rồi tính chất kì ảo cuối cùng là việc đem ngọc trai dưới biển Đông,

rửa vào giếng nước Trọng Thủy, ngọc trai sẽ sáng hơn lên. Tất cả những yếu tố kì ảo ấy đều là sản phẩm của trí tưởng tượng, dù hoang đường nhưng nó cũng phản ánh tấm lòng, thái độ đánh giá của nhân dân lao động thời xưa đối với các nhân vật này. Có thể nói, đó là tấm lòng bao dung, vị tha, nhân hậu đối với con người.

Rõ ràng, với sự có mặt của yếu tố thần kì, những câu chuyện lịch sử đã thực sự trở nên sinh động, hấp dẫn. Nó là sản phẩm của trí tưởng tượng, là đôi cánh nghệ thuật giúp cho hình tượng trở nên lung linh, rực rỡ và thiêng liêng. Nó cũng phản ánh tình cảm, thái độ của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

Hướng dẫn đọc

Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo vừa là phương tiện nghệ thuật, vừa là nội dung thể hiện sự lí giải của nhân dân lao động đối với những sự thực lịch sử và cũng thể hiện nguyện vọng của nhân dân đối với các nhân vật, sự kiện...

Trong truyện An Dương Vương, yếu tố kì ảo cũng đóng vai trò quan trọng, nhằm giải thích những nguyên nhân thành công hay thất bại của vua An Dương Vương, đồng thời cũng thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật chính trong truyện.

Yếu tố kì ảo cũng chính là sản phẩm của trí tưởng tượng giúp cho câu chuyện thêm li kì và hấp dẫn.

Bài viết trên đây chỉ ra được một cách khá rõ ràng những yếu tố kì ảo trong truyện, thấy được vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung và đó cũng chính là tác dụng nghệ thuật của những yếu tố kì ảo.

Bài viết tuy khá tốt, nhưng theo tôi vẫn hơi "già", và cũng cần mạch lạc hơn chút nữa.

Đề 17- Qua đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" của dân tộc Mường, nêu nhận xét của em về quan niệm của nhân dân lao động thời xưa về nguồn gốc vũ trụ.

Bài làm

Đẻ đất đẻ nước là bộ sử thi thần thoại của dân tộc Mường. Khác với sử thi anh hùng, nội dung chủ yếu của sử thi thần thoại là tập trung phản ánh sự lí giải của nhân dân về quá trình hình thành vũ trụ, thiên nhiên, con người và xã hội. *Đẻ đất đẻ nước* cũng đã phản ánh những vấn đề ấy. Đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" thuộc chương mở đầu của tác phẩm sử thi này.

Xuất phát từ những cái đã có, đã biết, người Mường muốn tìm hiểu và lí giải ngọn nguồn của vũ trụ, trời đất, cỏ cây, thiên nhiên và cuộc sống xã hội của con người.

Theo quan niệm của người xưa, vũ trụ được hình thành thật đơn giản:

*"Ngày xưa sinh trời trước
Dưới đất chưa có đất
Trên trời chưa có trời
Trên trời chưa có ngôi sao xanh đỏ
Dưới đất chưa có ngọn cỏ xanh xanh
Đất còn nên pạc lặc
Nước còn nên pời lờ
Trên trời còn nên puổng luổng"...*

Vũ trụ còn trống không, mông lung, mịt mù. Đất chưa có đất, nước chưa thành nước... Tất cả là một cội hỗn mang, mịt mù, lộn xộn. Các điệp ngữ "chưa có", "chưa nên" lặp đi lặp lại trong suốt đoạn trích chính là để tô đậm thêm tính chất hỗn độn chưa hình thành ấy. Trong cội hỗn mang này, cái gì cũng chưa có. Sông thì chưa có sông, mớ thì chưa có mớ, chưa có nước trong sông, trong mớ. Chưa có đồi núi, chưa có các loài cây, chưa có muông thú. Cuộc sống và xã hội loài người cũng chưa có bởi vì chưa có con người.

Cách giải thích của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật biện chứng. Họ nhận thấy rõ sự vận động và ràng buộc lẫn nhau của các sự vật trong trời đất, thiên nhiên, cuộc đời con người. Mọi cái đều là tiền đề, là nguyên nhân và là kết quả của nhau: chưa có nước nên chưa có sông, có mớ, các loài cây "muốn dậy" nhưng chưa có những điều kiện cần thiết để dậy, để thành cây, các loài vật, các sự vật, đồ vật cũng chưa có, vì chưa có đủ điều kiện cho sự hình thành. Những điều kiện cần cho việc hình thành muôn loài, muôn sự được nêu trong sử thi đều là những đặc điểm nổi bật của giống loài hay của loại sự vật ấy:

*"Dây sắn muốn dậy néo vò
Nhưng chưa nên néo vò
... Trống gà, trống công, trống khôn muốn dậy nhưng chưa
có mào
... Cá chuối, cá gáy muốn dậy nhưng chưa có mang, có vây
Con nhà, con người muốn dậy nhưng chưa có mặt mũi".*

Tất cả mọi vật, mọi loài đều chưa xuất hiện, chính là vì chưa hoàn chỉnh, chưa có tiền đề và chưa có đủ hệ thống:

"... Trâu muốn dậy nhưng chưa có bò

... Khiêng com muốn dậy nhưng chưa có khiêng rệu"...

Chỉ cần có đủ điều kiện, đủ tiền đề, đủ hệ thống thì lập tức tất cả sẽ trỗi dậy, sẽ tạo thành vũ trụ, thành muôn loài, thành thiên nhiên, cỏ cây, thành con người và xã hội.

Sự hình thành thế giới theo quan niệm của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật lô-gíc. Côi hỗn mang dù hỗn độn, mù mịt vẫn nuôi trong mình mầm mống của sự sống, của vũ trụ. Và trong trời đất, mọi vật đều có mối quan hệ, liên lạc ràng buộc lẫn nhau để cùng hình thành và phát triển.

Đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" cho ta thấy cách lí giải hồn nhiên và giàu hình tượng, giàu cảm xúc của người Mường cổ xưa về thiên nhiên, vũ trụ. Có thể nói, đó là một bài thơ về côi hỗn mang, bài thơ về nguồn gốc của thiên nhiên tạo vật.

Bí quyết để làm nên sự hấp dẫn của bài thơ ấy là các tác giả dân gian đã khai thác mối quan hệ biện chứng giữa các sự vật, hiện tượng. Dân gian đã khéo léo xoá nhoà ranh giới giữa trời và đất, giữa vật nọ với vật kia, trong một quan hệ đồng nhất kì lạ.

Qua "bài thơ triết lí" này, chúng ta nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của người Mường cổ xưa- một cách nhìn hồn nhiên với tâm hồn trong sáng, trí tưởng tượng phóng túng và giàu biện chứng.

(Bài do cô giáo Vũ Thị Thắng cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Bài văn nghị luận trên đây có yêu cầu cao trong việc phân tích và khái quát hoá một đoạn trích để nêu ra nhận xét về ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm- một thiên sử thi lớn của dân tộc Mường.

Người viết đã thấy được "quan niệm của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật lô-gíc. Côi hỗn mang dù hỗn độn, mù mịt vẫn nuôi trong mình mầm mống của sự sống, của vũ trụ". Bài viết còn kết luận: đây là "một bài thơ triết lí về côi hỗn mang", trong đó, tác giả dân gian đã "khéo léo xoá nhoà ranh giới giữa trời và đất, giữa vật nọ với vật kia, trong một quan hệ đồng nhất kì lạ"...

Tôi cũng hơi ngạc nhiên vì những khám phá trên đây. Có phải bạn ấy đã "học thuộc lòng" không?

Bài làm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỌC LỚP CỜ VUA

TẠI CÂU LẠC BỘ THỂ THAO HUYỆN HÀ TRUNG

Hà Trung, ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Kính gửi: Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ thể thao huyện Hà Trung.

Tên tôi là: Nguyễn Thị Lan – Tuổi: 16

Địa chỉ: Học sinh lớp 10A, trường PTTH Hà Trung.

Sau khi tìm hiểu nội quy, quy định của Câu lạc bộ,

Sau khi xem xét nguyện vọng và năng lực bản thân,

Tôi thấy mình có nhu cầu và khả năng vào học tại lớp huấn luyện cờ vua của câu lạc bộ, nhằm phát triển năng lực thể thao cho bản thân.

Tôi viết đơn này xin phép Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ cho phép tôi được vào học tại lớp Huấn luyện cờ vua dành cho lứa tuổi từ 16 - 17.

Tôi xin hứa sẽ thực hiện đúng nội quy, quy định của Câu lạc bộ, và sẽ nộp học phí đầy đủ.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Người viết đơn

(Kí tên)

Nguyễn Thị Lan

PHẦN II-CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 2

Đề 19- Tóm tắt chuyện của nhân vật Trọng Thủy trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy.

Bài làm

Trọng Thủy là con trai Triệu Vương. Trong cuộc chiến chinh phục nước Âu Lạc, Trọng Thủy bị vua cha sai làm gián điệp.

Nước Âu Lạc có Loa Thành kiên cố và có nỏ thần, vua cha là Triệu Đà nhiều lần tấn công nhưng đều thất bại. Triệu Đà bèn dùng kế cầu hoà và hai nước kết làm thông gia. Trọng Thủy kết hôn cùng Mỵ Châu, con gái An Dương Vương.

Đợi một thời cơ thuận lợi, Trọng Thủy dỗ dành Mỵ Châu cho xem nỏ thần, rồi ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay thế. Xong việc, Trọng Thủy nói dối về phương Bắc thăm cha.

Trước khi chia tay Trọng Thủy còn hỏi Mỵ Châu: ..."nếu hai nước xảy ra việc binh đao, ta biết tìm nàng ở đâu?".

Mỵ Châu thật bụng tin chồng, nói:

- Thiếp có chiếc áo lông ngỗng. Nếu có biến, chạy tới đâu, thiếp sẽ rải lông ngỗng tới đó. Chàng cứ theo đó mà tìm.

Có được nỏ thần, Triệu Đà cất binh xâm lược Âu Lạc. An Dương Vương thất trận, đem theo Mỵ Châu lên ngựa chạy về phương Nam.

Trọng Thủy theo lời vợ dẫn đuổi theo dấu lông ngỗng đến bờ biển. Trọng Thủy ôm xác Mỵ Châu về táng ở Loa Thành. Theo lời thề của nàng, sau khi chết nàng hoá thành ngọc trai ở biển Đông.

Trọng Thủy ngày đêm thương tiếc Mỵ Châu. Một lần, khi đi tắm, Trọng Thủy tưởng thấy bóng nàng bèn lao đầu xuống giếng mà chết.

Người đời sau mò được ngọc ở biển Đông, lấy nước giếng này rửa, thấy ngọc càng thêm sáng.

Trọng Thủy đáng bị lịch sử lên án song ít nhiều cũng là kẻ đáng thương bởi Trọng Thủy là nạn nhân của chiến tranh xâm lược.

Hướng dẫn đọc

Tóm tắt tác phẩm là một kĩ năng rất quan trọng, cần được lập lại nhiều lần. Nhưng ở đây yêu cầu kể lại một cách tóm tắt, mà kể lại trong một góc nhìn mới- góc nhìn của nhân vật Trọng Thủy- chứ không phải tóm tắt truyện kể một cách đơn thuần.

Tình sáng tạo của bài viết trên đây cũng đảm bảo yêu cầu của đề ra đấy chứ?

Đề 20- Kể lại truyện An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thủy, tưởng tượng một cách kết thúc khác với tác giả dân gian.

Bài làm

Truyện An Dương và Mỵ Châu, Trọng Thủy là một trong những truyện tiêu biểu trong hệ thống truyền thuyết về nước Âu Lạc và An Dương Vương, đồng thời tiêu biểu cho hệ thống truyền thuyết Việt Nam.

Truyền thuyết kể rằng: vua An Dương Vương xây Loa Thành cứ gần xong lại đổ, bèn lập đền trai giới, cầu khẩn thần linh. Ngày mồng bảy tháng ba, thần hiển linh thành một cụ già từ phương Đông tiến thẳng tới trước cửa thành. Cụ già nhìn thành mà than rằng: "Tiếc cho công sức của biết bao người!". Vua mừng rỡ đón cụ già vào điện, thi lễ và xin cụ già cho biết nguyên nhân vì sao việc xây thành lại chiếm nhiều công sức mà cứ xây xong lại đổ. Cụ già nói với nhà vua là sẽ có sứ Thanh Giang (một sứ giả đến từ dòng sông Xanh linh thiêng) đến giúp. Nói rồi, cụ già từ biệt nhà vua.

Quả nhiên, ngày hôm sau, nhà vua gặp được sứ Thanh Giang. Vị sứ giả này chính là Rùa Vàng (Thần Kim Quy) vật tổ linh thiêng của người Việt. Rùa Vàng nói sải tiếng người đã giúp nhà vua xây thành chỉ nửa tháng là xong. Thành rộng hơn ngàn trượng xõy hình tròn ốc nên gọi là Loa Thành (Quy Long Thành, Côn Lôn Thành).

Rùa Vàng ở lại ba năm rồi từ biệt ra về, nhà vua cảm tạ và xin Thần Rùa kế sách giữ nước. Rùa tháo vuốt đưa cho nhà vua để chế làm lẫy nỏ và dặn: "Vận nước suy thịnh, xã tắc an nguy đều do mệnh trời, con người có thể tu đức mà kéo dài thời vận".

Vuốt Rùa được Cao Lỗ chế làm lẫy nỏ thần có thể bắn một phát trúng cả ngàn tên giặc khiến cho Triệu Đà bao lần xâm lược Âu Lạc đều thất bại phải xin hoà.

Không bao lâu, Đà xin cầu hôn. An Dương Vương gả con gái là Mỵ Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy với mong muốn cuộc hôn nhân này sẽ nối lại hoà hiếu bang giao hai nước. Không ngờ cuộc hôn nhân này lại nằm trong mưu đồ xâm lược của Triệu Đà. Trọng Thủy sau khi lấy được Mỵ Châu đã dỗ nàng cho xem trộm nỏ thần rồi ngấm ngấm làm một cái lẫy nỏ khác giống hệt đánh tráo lẫy nỏ làm bằng vuốt Rùa Vàng. Xong việc, Trọng Thủy lấy cơ về phương Bắc thăm cha, đem lẫy nỏ thần về phương Bắc cho Triệu Vương. Trước khi đi, Trọng Thủy còn để phòng

"*Bắc Nam cách biệt*" hỏi My Châu cách tìm nàng khi có biển. My Châu mang áo gấm ra nói rằng nàng sẽ dút lông ngỗng trên áo rải dọc đường làm dấu.

Trọng Thủy về nước, Triệu Đà cất quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương chủ quan cây có nỏ thần nên quân giặc đến gần vẫn điềm nhiên đánh cờ nói cười như không. Đến khi cầm nỏ mới biết lẫy thần đã bị mất, nhà vua lập tức hiểu hết sự tình.

Nhà vua nhìn My Châu đầy trách móc, My Châu biết tội bèn quì xuống xin cha trừng phạt. Không nỡ giết con, An Dương Vương sai người lấy ngựa đem My Châu chạy trốn, còn mình thì nhanh chóng tập hợp quân sĩ quyết một phen tử chiến. Khi quân hai bên đánh nhau đến bờ biển, thế giặc mạnh không thể chống đỡ, An Dương Vương cùng đường, gọi: "Sứ Thanh Giang đâu! Mau mau giúp ta!". Rùa Vàng hiện lên, rẽ nước đưa nhà vua xuống Thủy cung.

Triệu Đà chiếm được Loa Thành. Trọng Thủy nhớ lời dặn bèn theo vết lông ngỗng mà tìm. Đến bờ biển, Trọng Thủy nhìn thấy My Châu đang nắm chặt chuôi kiếm đứng đợi. Trọng Thủy tiến lại gần, My Châu tuốt kiếm chia về phía Trọng Thủy mà rằng: "Chàng vì nghĩa vụ quốc gia mà trở thành kẻ lừa dối, phản bội. Thiếp vì yêu chàng mà đem trái tim đặt nhăm lên khối óc. Nhưng thiếp thề rằng, tấm lòng thiếp vẫn trong sáng và trung thành với vua cha và xã tắc. Nếu có lòng phản trắc, sau khi chết xin làm mồi cho cá. Ngược lại, xin được làm ngọc trai dưới biển Đông". Dứt lời, nàng vung kiếm tự vẫn.

Trọng Thủy đem xác My Châu về chôn cất tại Loa Thành. Xong xuôi, chàng quá ân hận và thương nhớ My Châu bèn nhảy xuống giếng tự vẫn.

Người đời sau đem ngọc trai biển Đông về rửa ở giếng nước Trọng Thủy, viên ngọc bỗng sáng khác thường.

Hướng dẫn đọc

Đề yêu cầu kể lại chuyện An Dương Vương và My Châu, Trọng Thủy, nhưng lại phải tưởng tượng một cách kết thúc khác của tác giả dân gian.

Cái khó không phải là ở chỗ kể lại (vì đã học kĩ ở cấp dưới), mà là phải tưởng tượng ra một kết thúc khác.

- Nhưng kết thúc khác là thế nào mới được chứ? - Chắc có bạn nghĩ thế. Vì những cách kết thúc trong truyện dân gian đã có ý nghĩa rất sâu xa. Khó có thể tìm cách kết thúc khác sao cho sự hấp dẫn và ý nghĩa câu chuyện không bị thuyên giảm.

Bài viết trên đây đã biết kết thúc theo hướng "tạo cơ hội" cho các nhân vật "sửa chữa sai lầm". Bạn ấy cũng không làm mất đi tính chất bi kịch và tính chất lịch sử của câu chuyện.

Đề 21- Tê-lê-mác kể lại buổi Uy-lít-xơ trở về.

Bài làm

Tôi là Tê-lê-mác, con trai của vị anh hùng Uy-lít-xơ. Sau khi hạ được thành Tơ-roa, người cha vĩ đại của tôi đã phải trải qua hai mươi năm lênh đênh trên biển cả, đương đầu với rất nhiều thử thách trước khi về được quê hương I-tác.

Thuyền của nhà vua xứ Phê-a-ki đưa cha tôi về I-tác, cập bến vào đúng thời điểm mẫu thân tôi đang gặp rắc rối vì bọn cầu hôn thúc ép. Bà tìm cách chối từ, bèn lấy chiếc cung của cha tôi ra, giao hẹn: hễ kẻ nào giương được cung, bắn xuyên qua mười hai cái vòng rùi thì bà sẽ lấy kẻ đó. Tất cả bọn cầu hôn đều thất bại, trừ một người. Ấy chính là cha tôi. Tôi nhận ra ông ngay lập tức bởi thân hình vạm vỡ, lực lưỡng, cánh tay giương cung nổi cơ bắp cuộn cuộn, rắn chắc, ánh mắt cháy rừng rực như ngọn lửa mặt trời. Tôi kể nhanh sự tình và cùng cha trừng trị bọn cầu hôn cũng như những gia nhân phản bội. Lúc rửa chân cho cha, nhũ mẫu Ô-ri-clê đã nhận ra người qua vết sẹo ở chân và mặc dù bị cha ngăn lại, nhũ mẫu vẫn đem chuyện kể cho mẫu thân. Thật trái với những gì tôi tưởng tượng, mẫu thân tôi không tin.

Sau bao năm xa cách, lẽ ra giây phút gặp lại, cha mẹ phải ôm hôn nhau thấm thiết, nhưng thật không thể hiểu nổi: cha ngồi dựa vào một cây cột cao, mắt nhìn xuống đất trong khi mẹ bước qua ngưỡng cửa bằng đá đến ngồi trước mặt dựa vào một bức tường đối diện. Giữa hai người là bếp lửa hồng cháy rừng rực. Im lặng. Một sự im lặng khó hiểu đến nghẹt thở khiến tôi không thể chịu nổi. Tôi thấy mẹ tôi thật bất công với cha bèn buông lời trách bà gay gắt, rằng: người thật độc ác, thật nhẫn tâm, trái tim người làm bằng sắt đá...

Mặc dù bị tôi, đứa con yêu trách cứ nặng nề, nhưng Pê-nê-lốp, mẹ tôi, vẫn nói những lời thận trọng. Người nói với tôi để bóng gió với cha rằng: họ có những dấu hiệu riêng để nhận ra nhau. Cha tôi nhún vai mỉm cười và nói với tôi những lời có cánh. Tôi chỉ biết đáp lại: "Cha thân yêu, việc này xin để tùy cha định liệu, vì xưa nay cha vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan, không một kẻ phàm trần nào sánh kịp".

Nói rồi, theo lời cha, mọi người tắm rửa, ca hát nhảy múa như trong nhà đang làm lễ cưới. Cha cũng đi tắm và khi từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người trở về chỗ cũ, đối diện với mẹ và nói: "Khốn khổ! Hẳn là các thần tiên núi Ô-lem-p đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết... vì một người khác chắc không có gan ngồi xa chồng như thế, khi chồng đi biên biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới trở về xứ sở". Người quay sang nói với nhũ mẫu Ô-ric-lê: "Già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình". Mẹ tôi vẫn rất thận trọng đáp lời cha tôi và nói với nhũ mẫu: "Ô-ric-lê! Già hãy khiêng chiếc giường chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uy-lít-xơ xây nên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên giường."

Mẹ nói vậy có ý thử cha và cha bỗng giật mình hỏi: "Ai đã xê dịch giường tôi đi chỗ khác vậy? Nếu không có thần linh giúp đỡ thì là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này". Cha tôi đã kể liền một mạch về bí mật chiếc giường mà chỉ hai người biết. Sở dĩ chiếc giường không thể xê dịch được là vì một chân giường do chính tay cha làm bởi gốc cây ô-liu cổ thụ có rễ bám chặt vào lòng đất. Cha còn kể tỉ mỉ về những vật dụng, những đồ trang trí trong phòng khiến mẹ tôi nghe mà bủn rủn cả chân tay. Tới lúc đó người mới chạy lại, nước mắt chan hoà, ôm lấy cổ cha, hôn lên trán người và nói: "Uy-lít-xơ! Xin chàng chớ giận thiếp". Rồi cứ thế, cha mẹ tôi ôm nhau khóc. Đó là những giọt nước mắt hạnh phúc của giây phút đoàn tụ sau hai mươi năm xa cách với muôn vàn sóng gió.

Nhìn cảnh tượng cha mẹ hạnh phúc, tôi cảm động và sung sướng vô cùng. Tôi thầm cảm ơn thần Dớt, vị thần tối cao, cảm ơn các vị thần trên đỉnh Ô-lem-pơ!

Hướng dẫn đọc

Trở lại với văn kể chuyện, những cách kể chuyện không đơn thuần như trong CT tiểu học hay THCS mà được kể trong vai nhân vật một sử thi Hi Lạp: Tê-lê-mác- con trai Uy-lít-xơ- kể lại buổi người cha mình trở về sau cuộc chiến thành Tơ-roa và những ngày lênh đênh trên biển cả.

Người kể mới vừa tạo cơ hội cho người viết cảm nhận sâu hơn tâm lí nhân vật, đồng thời kích thích trí tưởng tượng sáng tạo của HS.

Bài viết trên đây đã thực hiện được những yêu cầu cơ bản của đề. Tuy nhiên, văn viết chưa hay, chưa xúc động.

Bài làm

Tấm Cám là một trong nhiều truyện tiêu biểu cho loại truyện cổ tích thần kì Việt Nam.

Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Bố mẹ mất sớm, Tấm phải ở với dì ghẻ (mẹ Cám). Tấm vất vả, khổ cực, còn Cám thì được cưng chiều.

Một hôm, Tấm và Cám cùng đi hớt tép. Cám mãi rong chơi nên chiều về giỏ không. Cám đã lừa trút hết tép trong giỏ của Tấm. Tấm khóc. Bụt hiện lên bảo Tấm xem trong giỏ còn gì không. Tấm tìm thấy một con cá Bống. Tấm thả cá Bống xuống giếng, mỗi ngày cho Bống ăn cơm. Mẹ con nhà Cám rình, biết được, đã lừa cho Tấm đi chăn trâu thật xa, ở nhà giết thịt cá Bống. Bụt bảo Tấm tìm nhặt xương cá, bỏ vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường.

Đến ngày hội làng, mọi người nô nức đi xem hội. Mẹ con Cỗm trước khi đi còn trộn thóc lẫn gạo bắt Tấm nhặt. Tấm tủi thân ngồi khóc. Bụt hiện lên, sai đàn chim sẻ nhặt giúp Tấm. Rồi bảo Tấm đào bốn cái lọ xương Bống dưới chân giường lên. Trong lọ có quần áo đẹp, khăn, nón, giày... và một con ngựa hồng rất đẹp. Tấm vui sướng, tắm rửa, thay đồ, cưỡi ngựa đi xem hội.

Khi ngựa qua cầu, chẳng may Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống sông. Tấm mò mãi mà không được.

Lát sau, ngựa của nhà vua qua cầu cứ hí lên không chịu đi. Vua sai quân lính xuống sông mò, thì bắt được một chiếc giày xinh đẹp. Vua truyền lệnh: hễ ai ước giày vừa chân thì vua sẽ lấy làm vợ.

Mọi người thi nhau ước thử. Đến lượt Tấm, chiếc giày vừa vặn. Vua cho kiệu rước Tấm về cung.

Ít lâu sau, nhân ngày giỗ bố, Tấm xin phép vua về thăm nhà. Dì ghẻ lập mưu lừa Tấm trèo cau rồi đốn gốc cau giết Tấm, để Cám vào cung thay chị.

Tấm chết, biến thành Vàng Anh. Vua rất yêu chim. Mẹ con Cỗm giết Vàng Anh, đổ lông ra góc vườn. Nơi ấy mọc ra hai cây xoan đào. Vua rất thích hai cây xoan đào, mắc võng ngủ, không để ý gì đến Cám. Mẹ con Cám chặt hai cây xoan làm khung cửi. Khung cửi kêu tiếng người khiến Cám sợ hãi chặt khung cửi, đốt, đem tro đổ ra thật xa.

Nơi xa ấy lại mọc ra cây thị tươi tốt. Nhưng cây thị chỉ có một quả thơm và ở trên cao. Một bà cụ đi chợ trông thấy, đọc câu: "Thị ơi, thị hỡi!

Thị rụng bị bà. Thị thơm bà ngửi, chứ bà không ăn". Quả thị liền rụng vào bị bà. Bà cụ đem về. Tắm ở trong quả thị chui ra, nấu cơm, nấu nước, dọn nhà dọn cửa cho bà. Bà cụ rình bắt được, xé nát vỏ quả thị đi. Từ đó Tắm sống với bà cụ như hài mẹ con.

Một lần, nhà vua kinh lí đi qua ghé vào quán nước, nhận được Tắm. Vua đón nàng về cung.

Cám thấy chị đẹp hơn xưa đem lòng ghen ghét. Tắm trả thù Cám. Mụ dì ghẻ cũng uất lên mà chết theo con.

Truyện *Tắm Cám* phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội, nói lên số phận của những con người mồ côi, bất hạnh và thể hiện khát vọng chiến thắng cái ác để giành và giữ hạnh phúc.

Hướng dẫn đọc

Tắm Cám là câu chuyện quen thuộc nhưng có nhiều tình tiết. Việc tóm tắt sẽ gặp khó khăn nếu HS không biết tìm các chi tiết chính, và nhất là không biết diễn đạt sao cho ngắn gọn.

Bài viết trên đây đã rất coi trọng cả hai khâu: tìm các sự kiện chính và diễn đạt ngắn gọn.

Tuy nhiên, do quá lo diễn đạt ngắn gọn nên nhiều chỗ lại quá khô khan.

Tóm tắt cũng phải làm sao cho câu văn hoàn chỉnh và sinh động nữa đấy!

Đề 23- Từ truyện *Tắm Cám*, hãy viết ba đoạn văn miêu tả cô Tắm trong ba hoàn cảnh:

- a. Tắm bị dì ghẻ bắt ngồi nhặt thóc.***
- b. Tắm cười ngửa đi xem hội.***
- c. Tắm từ trong quả thị bước ra.***

Bài làm

Đoạn 1

Tắm buồn rầu nhìn hai mẹ con Cám, áo quần là lượt, đi xem hội. Cô lẳng lặng cúi xuống nhặt thóc. Tắm lưng mảnh dẻ, mái tóc rối bù, che gần hết khuôn mặt lấm lem của Tắm. Đôi tay gầy guộc nổi lên những đường gân xanh mờ đang kiên trì nhặt từng hạt thóc như đang đếm từng nỗi đắng cay, cơ cực. Bộ quần áo Tắm mặc trên người không thể đếm

được có bao nhiêu mụn vá. Thỉnh thoảng, Tấm ngồi thẳng người lên cho đỡ mỏi, tiện tay gạt tóc về phía sau để lộ khuôn mặt trái xoan với cặp mắt trẻ thơ ngơ ngác buồn vô hạn. Tuy phải làm lưng vất vả, lại không được ăn no nhưng Tấm vẫn giữ được những đường nét thanh tú của mẹ truyền cho. Tấm không nhớ nổi khuôn mặt của mẹ nhưng nghe bà con lối xóm bảo Tấm giống mẹ như lột. Mỗi chiều đi làm về qua giếng làng, Tấm soi mình xuống mặt nước mà như thấy người mẹ thân yêu hiện lên như che chở và thương yêu Tấm.

Lúc này, Tấm ước sao mẹ hiện về cùng nhặt thóc với Tấm rồi cùng Tấm ra đình xem hội. Mẹ sẽ thưởng cho Tấm một chiếc yếm đào. Tấm sẽ để mẹ cầm tay dắt đi như hồi còn chập chững. Nhìn đôi bàn tay gầy guộc của mình và nhìn đầu thóc lẩn gạo còn đầy ắp. Nhớ mẹ và tủi thân, Tấm bật khóc.

Đoạn 2

Nghe theo lời Bụt dặn, Tấm đào bốn chiếc lọ chôn xương cá ở bốn chân giường lên và thật sung sướng, Tấm có đủ mọi thứ: quần áo, khăn, giày,... lại thêm một con ngựa bé tẹo vừa đặt xuống đất đã hí lên một tiếng rồi lớn bằng con ngựa thật có đủ yên cương. Tấm tắm rửa sạch sẽ rồi diện tất cả vào, cưỡi ngựa đi xem hội. Cô Tấm lọ lem, rách rưới thường ngày chỉ trong phút chốc đã biến thành một cô Tấm lộng lẫy trong bộ quần áo rúc rì. Cái yếm màu hoa hiên tươi thắm ôm gọn quanh cái cổ cao trắng ngần. Chiếc thắt lưng hoa lí tôn thêm dáng thắt đáy lưng ong. Chiếc khăn nhiễu tam giang khoác trên vai khiến Tấm ra dáng một thiếu nữ có vẻ đẹp thanh thoát, mềm mại. Đôi giày thêu xinh xắn như được làm ra giành riêng cho đôi chân bé nhỏ, thon thả của Tấm. Vui sướng không sao tả xiết, Tấm vừa cho ngựa đi nước kiệu vừa khe khẽ hát một làn điệu dân ca quen thuộc. Đôi mắt thiếu nữ như cũng biết hát, ánh mắt trong veo lấp lánh niềm hạnh phúc. Bà con hai bên đường đến hội không ai nhận ra cô Tấm mồ côi tội nghiệp thường ngày. Tấm chào bà con mà ai nấy cứ tròn mắt nhìn theo tấm tắc: "Người ở đâu đến hội làng ta mà đẹp thế, xinh thế!". Tấm đi đến hội làng mà cứ tưởng như mình đang đi trong một giấc mơ.

Mẹ con nhà Cám trông thấy Tấm nhưng không tin vào chính mắt mình nữa.

Đoạn 3

Bà cụ lấy làm lạ vì từ khi đem trái thị về nhà, mỗi lần đi chợ hay đi làm đồng về, cụ đều thấy nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, lại có sẵn cơm dẻo, canh ngọt. Một hôm, bà cụ giả vờ đi chợ rồi rón rén trở về nấp ở cửa ngoài. Bà nhìn thấy một cô gái từ trong quả thị bước ra. Mới đầu, cô gái

chỉ nhỏ bằng hạt thị, rồi cứ thế lớn dần thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần. Bà lão không dám tin vào mắt mình. Nhưng kia, cô gái đang đi lại dọn dẹp ngay trước mắt bà. Đôi chân trần thon mảnh nhanh nhẹn từ trong nhà ra vại nước rồi xuống bếp, ra vườn rau... Cô gái đi đến đâu là mọi thứ được lau chùi, quét dọn, sắp đặt gọn ghẽ, tinh tươm. Đôi tay trắng trẻo, nhanh thoăn thoắt. Cơm nước xong xuôi, cô gái nhìn chiếc áo rách vai của bà cụ. Cô ngồi xuống ghế, vừa hát điệu "se chỉ, luồn kim" vừa vá áo cho bà. Bà cụ cảm thấy mình thật hạnh phúc. Quả là Trời Phật thương tình đã cho bà một cô con gái xinh đẹp, nết na. Khuôn mặt trái xoan của cô gái mới phúc hậu, rạng rỡ làm sao. Cái miệng hát xinh như trái đào. Đôi mắt vừa ngây thơ, vừa thoáng buồn như biết nói. Chỉ một ít sau, chiếc áo đã được vá xong. Miếng vá mới thật khéo, đường kim, mũi chỉ đều tăm tắp. Cô gái giơ chiếc áo lên ngắm nghía vẻ hài lòng. Cô trả chiếc áo của bà cụ về chỗ cũ. Nhìn tất cả mọi thứ đã đâu vào đấy, cô gái hài lòng bước về phía chiếc võ thị, định biến trở vào trong. Lúc bấy giờ, bà cụ mới chạy vội vào nhà, xé tan võ thị, rồi ôm chầm lấy cô gái. Cô gái ấy chính là cô Tấm.

Kể từ đó, Tấm sống với bà cụ, hai người thương yêu nhau như hai mẹ con ruột thịt.

Hướng dẫn đọc

Bài văn này giúp ta trở lại với văn miêu tả đã học từ bậc tiểu học. Và ở đây yêu cầu miêu tả sáng tạo: người viết một mặt phải dựa vào câu chuyện, mặt khác phải tưởng tượng thêm những chi tiết hợp lí và đầy tính sáng tạo để làm nổi bật hình tượng nhân vật Tấm trong ba tình huống khác nhau: Tấm nhặt thóc, khôn khéo và tủi cực; Tấm đi dự hội, tươi tắn, rạng rỡ với trang phục lộng lẫy; Tấm bước ra từ quả thị, vừa giản dị, mộc mạc, vừa trong trắng, thanh cao,...

Cái khó là phải biến những đoạn văn tự sự thành văn miêu tả. Vậy thì bí quyết là phải tưởng tượng thật tốt.

Đề 24- Tả lại ngôi nhà Tấm ở khi còn nhỏ theo tưởng tượng của em.

Bài làm

Là trẻ thơ, ai chẳng có một lần được nghe truyện *Tấm Cám*? Trong giấc mơ thơm mùi thị chín có cô Tấm dịu hiền âu yếm xoa đầu. Trong giấc mơ tôi có lần ngỡ mình đã được đứng trước ngôi nhà, trước mảnh sân con, dạo trong khu vườn nhà Tấm.

Ngôi nhà Tấm ở có ba gian, mái tranh ngả màu thâm lại thành một màu nâu bình dị, màu của những mái nhà quê yên tĩnh khuất sau những rặng cây. Những bức vách được đan bằng nứa cẩn thận và tỉ mỉ từ đôi bàn tay khéo léo của người cha, vách được trát bùn thành một lớp dày, bừa khô đi mang một màu trắng đục, xám xám của đất. Cột nhà là những cây gỗ xoan rắn chắc cũng đã ngả màu nâu. Chiếc võng gai được mắc vào đầu hai cây cột, đã từng kéo kẹt giữa những trưa hè đưa chị em Tấm vào giấc ngủ, và ban đêm là tiếng thở đều đều của cha. Sàn nhà bằng đất, một thứ đất đã được nện chặt, nhẵn bóng và bằng phẳng làm mát những bàn chân. Gian buồng được ngăn lại bằng tấm liếp nứa, hằng đêm nghe rõ tiếng nhai trầu bồm bồm của dì. Hai gian ngoài kê một chiếc chõng tre, một bộ bàn ghế uống nước, và kê những chiếc bàn thờ tổ tiên. Nhà lúc nào cũng im ắng, thỉnh thoảng rộn lên tiếng cười vô tư của Tấm và Cám.

Ngoài hè, là nơi dì quay tơ đêm đêm Tấm thường vẫn thường thấy ánh đèn hắt qua khe hở vào gian ngoài, tiếng tơ vẫn quay đều đều chìm sâu vào giấc ngủ. Có những trưa hè hai chị em thường rủ nhau đánh chắt ngoài hè, sàn đất mát rượi xua đi cái oi nồng của nắng. Giàn thiên lí trước sân, quanh năm rủ bóng; những chùm hoa màu xanh mát rủ xuống, đưa hương diu diu; không gian bình yên đến lạ.

Sân nhà Tấm là mảnh sân nhỏ nền đất cao, xung quanh có gò. Tấm vẫn thường vãi thóc cho mẹ con gà mỗi sáng trên sân, nhìn đàn gà con lấm chẫm theo mẹ chạy về, cô thấy vui vui. Mỗi sáng mai cho gà ăn xong. Tấm thường cầm chổi quét lá, những chiếc lá thiên lí già nua rụng xuống đêm qua khô khốc. Ngày nào cũng vậy mảnh sân con đã trở nên quen thuộc với Tấm, quen với những đêm trăng vác chõng ra ngồi ngẩng đầu nhìn lên giàn cây, qua kẽ lá là những vì sao lấp lánh. Tấm vẫn thường trò chuyện với mẹ qua những vì sao. Từ ngày mẹ mất Tấm phải ở với dì, phải làm việc nhiều hơn. Bố Tấm thì ít nói, suốt ngày ra đồng làm việc, Tấm ở nhà trông nhà và nấu cơm; chứ ít được đi chơi như Cám.

Trước nhà, bố Tấm lúc còn sống đã trồng hàng râm bụt đỏ, quanh năm nở hoa làm rực cả một khoảng sân. Tấm vẫn thường hái hoa làm trò chơi, sáng nào râm bụt cũng rụng đỏ gốc, lăn lóc theo chiều gió. Hàng cau đứng nghiêm thẳng tắp, luôn lúc lắc khoe những buồng, trái sai trĩu, mùa hoà thì bung ra một màu trắng tinh khiết, lấp lánh dưới ánh mặt trời; rơi xuống cầu ao làm làn nước như có rắc hoa; sóng sánh và thơm hương. Ao không rộng lắm, chỉ như một chiếc hộp vuông trước nhà; phía bên bố trồng một giàn mướp, mùa này hoa mướp trở vàng, gọi bao nhiêu là bướm ong về trải hội. Mặt ao như sắc sỡ hơn bởi màu của những đóa hoa mới rụng và những bóng hoa in xuống, cả mảnh trời xanh cũng như chìm dưới nước, loang loáng bóng mây trắng trôi qua.

Cổng nhà Tám là hai hàng chè mạn cắt đều tăm tắp, phủ dây tơ hồng óng ả. Thứ dây vàng vàng, dài mảnh mà tám vẫn thường hay rủ Cắm làm vòng cô dâu mỗi buổi chiều chờ bố và dì đi làm về. Hai bên ngõ được trồng những cây xoan cao lớn, lúc nào cũng rủ bóng che mát rượi. Mùa xuân hoa xoan rụng tím cả đường như một tấm thảm biếc mà Tám vẫn thường mơ. Nơi đây đã diễn ra bao trò chơi, in bao tiếng cười trong veo của bạn bè. Cây rơm to lừng lững nằm ngay cạnh cổng, như một chiếc nấm khổng lồ. Tám vẫn thường phải buộc trâu vào chiếc cọc đóng cạnh đó, cho trâu nhai rơm.

Những buổi trưa không ngủ, Tám thường ra ngõ ngồi nhìn trâu bình thản nằm nhai những cọng rơm vàng, thỉnh thoảng lại vung chiếc đuôi dài đập đập vào lưng để xua những con ruồi lì lợm. Có hôm Tám rủ Cắm bắt ruồi cho trâu, con trâu sung sướng vẩy tai ngoan ngoãn nằm im. Tiếng ve kêu rộn rã cả trưa hè!

Căn bếp được dựng ở trái nhà, cũng mái tranh, vách đất buổi chiều nhìn khói bay lên từ mái rạ nâu, xuyên qua nắng hoàng hôn long lánh, Tám lại nhớ mẹ. Nhớ những chiều cùng mẹ nhặt rau, vo gạo nấu cơm, nhớ cả tiếng chày giã gạo của mẹ, nhớ cả cái dáng gầy gầy lên xuống theo nhịp giã ở hè bếp, hay tiếng ù ù đêm đêm của chiếc cối xay mẹ miệt mài xay lúa đêm khuya. Mẹ đã mất rồi, dì ghẻ cay nghiệt vẫn làm những việc mà xưa kia mẹ Tám làm, nhưng Tám không sao quên được hình bóng mẹ đã khắc sâu trong tiềm thức của Tám, để bây giờ nhìn vật gì trong nhà Tám cũng nhớ đến mẹ. Tám nhớ chiều nào mẹ cũng xách nước ở cầu ao tưới cho giàn trầu sau nhà, giàn trầu bây giờ hình như không còn xanh và tốt như trước nữa; lá vàng nhiều hơn, và cũng ít hơn.

Nhìn từ xa, căn nhà của Tám đơn sơ và bình dị, lặng lẽ khép mình ẩn dưới những tán cây. Hình ảnh này đã ám ảnh tôi rất nhiều, để hôm nay tôi cầm bút viết lên theo cảm xúc của mình ngôi nhà ấu thơ của cô Tám dịu dàng, hiền lành, nhân hậu.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Hướng dẫn đọc

Bài viết vẫn tiếp tục yêu cầu miêu tả sáng tạo. Trên cái nền của câu chuyện cổ tích Tám Cắm, bạn phải dùng trí tưởng tượng để miêu tả lại ngôi nhà Tám ở khi còn bé. Chà, cũng thú vị đấy chứ!

Tôi rất thích bài này vì sự tưởng tượng khá tốt của người viết. Hình như bạn ấy từng sống ở nông thôn thì phải.

Chỉ có điều thắc mắc là chi tiết: cổng vào nhà Tám có hai hàng chè mạn "cắt đều tăm tắp", sao lại còn "phủ dây tơ hồng óng ả"? Nhưng mà thôi, cái lỗi nhỏ ấy cũng dễ thông cảm!

Đề 25- Kể lại một câu chuyện ngoài cuộc sống mà anh (chị) đã được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.

Bài làm

"Quà tặng trái tim"- đó chính là những gì mà mẹ tôi đã dành cho tôi khi tôi mới 13 tuổi. Năm ấy tôi đang học lớp 7.

Hôm ấy, tôi cùng mẹ đi chợ đầu cầu Mới, ghé vào một cửa hàng tạp hoá đầu cổng chợ. Cùng mua hàng với chúng tôi là một gia đình khá đặc biệt. Tôi biết điều đó qua những bộ quần áo mà ba người trong gia đình ấy mặc. Người mẹ mặc một chiếc áo sơ mi hoa kiểu cũ đã rất bạc màu, chiếc quần cu ống thả dài quá mắt cá cũng đã cũ có vẻ như quá rộng so với thân hình gầy gò của cô. Một đứa bé gái trạc 10 tuổi tóc chấy nắng, rồi bù kẹp bằng chiếc cặp ba lá, tay cắp chiếc rổ ướn nước. Đứa bé hơn là con trai chỉ mặc độc một chiếc quần đùi đen hình như được cắt ra từ quần dài người lớn đang túm chặt lấy tay mẹ. Họ là một gia đình sống trên sông nước mà chúng tôi quen gọi là "hàng thuyền". Nhà của họ là chiếc thuyền xi-măng nhỏ, đồ đạc chỉ có vài chiếc xoong treo trên mạn thuyền, mấy thứ đồ đạc linh kính và những bộ quần áo cũ đang phấp phới bay trước đầu con thuyền. Ngoài việc chở cát cho các chủ bãi, họ còn kiếm sống thêm bằng nghề quăng chài. Những thứ mà họ kéo được là mớ cá vụn, vài con châu chuộc, thỉnh thoảng là ít tôm nhỏ hay trai, hến.

Trong khi người mẹ lựa chọn những nhu yếu phẩm hàng ngày thì hai đứa trẻ đứng ngắm nhìn một cách thèm thuồng những gói kẹo xanh đỏ, những chum bim bim hấp dẫn. Thằng bé bặm môi đứng dí mũi vào quầy bán kẹo cao su vàng, xanh, đỏ được bỏ vào những hộp thuỷ tinh. Mắt nó sáng rực lên lạ thường.

Mẹ cùng tôi đã mua hàng xong và đi tới quầy trả tiền. Tôi đứng cạnh, thấy người mẹ đang trả tiền và liên tục hỏi bác bán hàng về số tiền mà cô sẽ phải trả. Trong lúc ấy thì cô con gái vẫn mân mê chiếc mũ để ở phía dưới quầy hàng. Đứa bé trai tay nắm chặt phong kẹo cao su Chewinggum. Tôi sốt ruột nhìn cô lưỡng lự bỏ túi xà phòng to để lấy túi bé hơn rồi lần lượt bỏ chai dầu ăn, mấy gói mì tôm. Cuối cùng, cô quay lại buồn rầu bảo cậu con trai:

- Con trả lại bác phong kẹo cao su đi. Hôm sau bán được nhiều tiền, mẹ sẽ mua cho con!

Thằng bé châu bậu môi, phụng phịu đưa lại mấy thanh kẹo cho bác bán hàng. Hình như mắt nó rần rần nước. Còn chị nó cũng thôi không nhìn vào chiếc mũ nữa, lặng lẽ nhìn đứa em trai và lại quay sang nhìn mẹ.

Ngay lúc ấy, mẹ tôi rút ví lấy tờ 50. 000 đồng dúi vào tay người mẹ của hai đứa trẻ. Cô có vẻ rất ngạc nhiên và thốt lên:

- Chị ơi, em không thể nhận được đâu.

Mẹ tôi nhìn vào mắt cô, từ tốn nói:

- Em cứ cầm lấy mà mua thêm cho cháu gái cái mũ. Đừng bỏ lại gì cả. Nhà em đang cần mà.

Mẹ tôi còn quay lại cậu con trai, cầm mấy thanh kẹo đưa cho nó. Mẹ nói với nó:

- Cháu thật ngoan. Bác cho cháu đấy.

Đứa bé cứ tần ngần, hết nhìn mẹ tôi lại quay sang nhìn mẹ nó. Cuối cùng, nó nói:

- Cháu xin bác ạ.

Cô nhận tiền, nắm lấy tay mẹ tôi và nói trong nước mắt:

- Em cảm ơn chị nhiều lắm. Em còn một đứa bé nữa ở nhà. Nhà em khó khăn quá, nhiều khi thương con nhưng không biết làm thế nào. Từ trước tới giờ, chưa ai đối xử tốt với em như chị.

Tôi nhớ rằng: mình đã khóc khi ra khỏi cửa hàng. Mẹ tôi đi bên cạnh tôi, gương mặt mẹ lặng lẽ. Đây là một kỉ niệm mà tôi luôn nhớ mãi. Dù gia đình tôi chẳng bao giờ dư tiền bạc vì chỉ có lương của mẹ, còn bố tôi lao động tự do nhưng bất cứ khi nào, gặp ai đó khó khăn, mẹ tôi đều sẵn lòng.

Tôi rất hạnh phúc vì có một người mẹ có trái tim nhân hậu. Những gì tôi chứng kiến hôm đó là một bài học quý giá mà mẹ đã dạy tôi. Tôi luôn nghĩ rằng, đó là bài học của trái tim.

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Bài làm số 2

Chiều 30 Tết, trời lạnh buốt, mưa phùn nhẹ nhẹ. Không khí tết và tiết xuân làm ai nấy đều cảm thấy lâng lâng, lòng nhẹ nhõm. Tôi cùng mẹ và em gái háo hức hoà chung vào dòng người tấp nập đi chợ hoa.

Giữa khung cảnh nhộn nhịp sắc hoa, một đứa bé chừng 12 tuổi dò dẫm bước đi, buồn bã đến náo nùng. Đôi chân bị tật khiến những bước đi của em thêm khó khăn, khập khiễng trông thật tội nghiệp. Dường như mùa xuân chưa đến với em, bộ quần áo rách rưới, mỏng manh không đủ để chống chọi với giá rét, cái mũ nan rách trên tay vẫn chìa ra trước mặt - "Xin các bác, các cô, các chú, các ông, các bà...".

Dòng người xô nhau đi, chẳng ai để ý đến đứa bé. Thỉnh thoảng có người dừng lại lạnh lùng vớt vôi trăm bạc lẻ vào chiếc mũ của em.

Đang ngắm hoa ngày Tết, thấy cảnh đứa bé xin ăn, ba mẹ con tôi bỗng thấy chạnh lòng. Đứa bé cũng bằng tuổi em tôi nhưng sao đáng thương đến vậy. Mẹ dặn hai chị em tôi đứng chờ. Mẹ vào cửa hàng bán đồ tết một lát rồi đi ra với một bọc lớn trên tay. Mẹ đến bên đứa bé, đặt bọc quà vào tay nó và nói điều gì đó. Đứa bé run run nắm tay mẹ tôi, môi mấp máy lời cảm ơn. Nụ cười hiếm hoi, rạng rỡ bùng nở trên khuôn mặt méo mó, khắc khổ. Dường như mùa xuân đã gõ cửa tâm hồn đứa bé bất hạnh này. Tôi khẽ hỏi mẹ : "Vừa nãy, mẹ nói gì với đứa bé kia vậy?". Mẹ cười phúc hậu : "Một lời chúc mừng năm mới con ạ !!!".

(Bài của Lê Minh Nguyệt do thầy giáo Lê Hồng Chính sưu tầm)

Hướng dẫn đọc

Đừng tưởng kể chuyện là dễ. Cứ nhìn hai bài viết vừa rồi thì biết: kể được chuyện hay là khó lắm đấy !

Thú thật, tôi đã từng "đặt hàng" bao nhiêu bạn nhỏ, kể cả những anh chị lớp lớn nữa, thế mà cũng thấy khó !

Tuy nhiên, cả hai câu chuyện vừa rồi lại khá thành công.

Bí quyết là phải có "chuyện" cái đã, rồi mới kể được. Nhiều bạn cứ hay kể bừa, thành ra con cà con kê, không có chuyện. Dân gian có câu:

"Nửa đêm, giờ tí, canh ba

Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi..."

Hình như là để chế giễu những người không biết kể, nói nãi nãi mà cũng không ra chuyện gì.

Đề 26-

Tả lại một con chim bị nhốt trong lồng.

Bài làm

Tôi đã lấy tên nhân vật chính trong cuốn truyện *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi để đặt tên cho chú chim lạ mà cậu tôi mới đưa về từ xứ sở đầy nắng gió ấy - tên nó là An.

Tôi không biết tên gọi của loài chim này. Cậu tôi cũng không biết. Ai đến chơi cũng khen đẹp nhưng đều không biết tên. Ông tiến sĩ, bạn cậu tôi có nhắc đến một cái tên khoa học rất dài và khó nhớ, chỉ biết nó là giống chim đang có nguy cơ tuyệt chủng trên thế giới. Nó quý, đẹp, nó

đáng yêu và cả đáng thương nữa! Tôi đã đặt tên cho nó theo cách riêng của mình. An, thế thôi!

An không vạm vỡ như loài đại bàng, đôi cánh không rộng như cánh hải âu, bộ lông và đuôi không có vẻ trình diễn, khoe mẽ như loài công... Thoạt nhìn, cứ tưởng chú là một giống chim được lai vẹt hoặc khướu nhưng ngắm kĩ sẽ thấy chú chẳng giống vẹt mà cũng không giống khướu. Chú là An, thế thôi!

An chỉ nhỉnh hơn một chàng khướu trưởng thành đôi chút, mình thon cân đối. An hút hồn người ta bởi màu sắc bí hiểm của bộ lông màu nhung đen có điểm vào những sợi chỉ đỏ. Cổ đeo một vòng cuờm xanh biếc. Tất cả cứ óng ánh, lung linh. Ban đêm, ánh đèn nê-ông hắt vào trông càng đẹp mê hồn tưởng như chú đến từ một thế giới cổ tích vậy. Trên giữa đỉnh đầu chú có một túm lông nhỏ màu đỏ rực mà tôi gọi là "ngọn lửa phương Nam". Mỗi lúc An giận dữ, ngọn lửa dựng ngược lên như đang cháy. Ban đêm, nó cứ nhấp nháy như đốm lửa ma trời khiến người yếu bóng vía thoáng nhìn sẽ giật mình. Đôi mắt An đẹp như mắt bồ câu sau khi đã trừ đi vẻ hiền lành và cộng thêm vào nét mơ màng xa xăm. Cặp mỏ ngắn và xinh đến nỗi tôi dám chắc nó được sinh ra không phải để mổ vào những con sâu bọ gớm giếc. Mà thật, từ hôm về chỉ thấy An ăn toàn hoa quả. Nó rất thích những thứ quả của rừng phương Nam. Đôi chân An giống đôi chân của một chú gà nhiep nhưng không thô bởi móng chân dài, ngón chân thon, tất cả được bọc trong một đôi tất sừng mun quý giá. Mỗi lúc chú nhảy nhót, đuôi chú xòe ra, cụp vào trông như một công chúa tí hon biểu diễn múa quạt vậy.

An buồn từ hôm mới về. Theo ông tiến sĩ giới thiệu thì An có giọng hót rất hay: trong veo, ngân vang thánh thót. Tôi mong một lần được nghe tiếng hót của nó nhưng nó cứ làm như thể mình không biết hót vậy. Thỉnh thoảng chỉ nghe An líu ríu tiếng gì đấy không rõ. Mấy ngày gần đây nó im bất luận, nó nằm im ra chiều nghĩ ngợi. Chiều nay, đột nhiên An đập cánh dữ dội, lao qua, lao lại trong lồng, hai chân cào liên hồi vào những nan tre, miệng kêu "kiếc,...! kiếc,...!", mắt lác đi vừa có vẻ giận dữ, vừa có vẻ hoảng sợ, có lúc nó nhìn tôi như van xin điều gì rồi đưa mắt nhìn lên bầu trời xanh mênh mông đầy tiếc nuối.

Cả ngày hôm nay An bỏ ăn. Tôi mua cho An những thứ quả mà nó thích nhưng nó cũng chỉ nhìn. Nó khóc? Trên khoé mắt nó có ngấn nước. Thật đấy! Chao ôi, thứ "nước mắt" của loài chim đất rừng phương Nam khiến lòng tôi se thắt. Sau bữa ăn tối, tôi thuật lại chuyện của An cho ba mẹ nghe. Lúc đầu, ba mẹ không tin nhưng khi nhìn cảnh An bỏ ăn nằm buồn so như ốm, ba mẹ tin lời tôi nói và hứa sẽ bàn với cậu: nếu ngày mai, có người vào Nam sẽ cho An đi theo, trả An về rừng. Chẳng cần đợi

đến mai, tối, cậu tôi về cùng với ông tiến sĩ. Khi nghe ba mẹ nói chuyện đó, cậu tiếc ra mặt còn ông tiến sĩ thì rất vui. Ông cho biết loài chim này có thể bay trong đêm, bay liên một mạch hàng mấy trăm cây số, đặc biệt là có khả năng định hướng bằng cảm giác. Ông bảo: "Cứ thả nó ngay lúc này, tại đây, sáng mai người ta sẽ gặp nó ở rừng U Minh rồi."

Người vui nhất là tôi. Theo quyết định của cả nhà, tôi chạy lại mở chốt cửa chiếc lồng, thả tự do cho An. An nhìn tôi hồi lâu ra chiều không hiểu. Tôi khích lệ: "Hãy bay đi! Bay về đất rừng phương Nam của mày, ở đó các bạn của mày đang chờ mày đấy!". Lát sau An cũng hiểu ra. Nó nhìn mọi người với ánh mắt biết ơn rồi nhún chân, sải cánh bay lên. Và thật kì diệu, khi "đóm lửa phương Nam" lẫn vào sao trời, lần đầu tiên tôi nghe tiếng hót của nó, cả một chuỗi âm thanh trong veo, ngân vang vọng xuống từ không trung như hàng ngàn ngôi sao đang bay chạm vào nhau...

Bây giờ, ngồi viết những dòng này, tôi vẫn còn nghe tiếng hót của An văng vẳng bên tai.

(Bài của Nguyễn Thị Thanh Thanh)

Hướng dẫn đọc

Thú thực, bài viết này đã làm tôi rất xúc động. Tôi cứ tưởng mình vừa đọc xong một truyện ngắn trên báo, không chỉ nói về việc bảo vệ môi trường. Câu chuyện ấy còn đặt ra một vấn đề rất lớn: tình yêu tự do.

Con chim kì diệu quý hiếm kia sao lại biết khóc? Mới đầu tưởng là chuyện bịa, quá bịa! Thế nhưng đọc rồi mới thấy, nó khóc thật đấy, các bạn ạ. Vì nó bị "mất tự do" mà!

Đọc đến đoạn kết, tôi rợn cả chân tóc vì sung sướng: "Khi "đóm lửa phương Nam" lẫn vào sao trời, lần đầu tiên tôi nghe tiếng hót của nó, cả một chuỗi âm thanh trong veo, ngân vang, vọng xuống từ không trung như hàng ngàn ngôi sao đang bay chạm vào nhau..."

Tôi nghĩ tác giả bài này sớm muộn gì cũng trở thành nhà văn cho mà xem!

Tuy nhiên, với tư cách một bài văn miêu tả thì bạn ấy lại gần như lạc đề mất rồi!

Bài làm

"Chíp... chíp..."... Tôi là sẻ nhỏ. Tôi đang uể oải đứng cụp buồn bã nhìn ra ngoài trời, bạn bè tôi đang ríu rít chao liệng chào đón một mùa xuân tràn đầy sức sống. Tôi không thể thoát khỏi những thanh tre vững chắc này để bay ra ngoài được nữa. Tôi đang bị nhốt trong lồng.

Tôi còn nhớ, nhà tôi được bố mẹ xây trên một ngọn cau; ngôi nhà được bố mẹ cất công bện bằng cỏ và rác, vững chắc và ấm áp. Lứa đó bố mẹ tôi sinh được bốn đứa, tôi là con út.

Ngày ngày bố mẹ để chúng tôi ở nhà, đi kiếm mồi. Những con sâu, con cào cào béo ngậy được tha về mớm cho chúng tôi. Khi bốn anh em tôi đón nhận ánh bình minh đầu tiên trong đời, vui sướng líp chíp rộn cả ngôi nhà. Phía trên đầu tôi là khoảng trời xanh biếc, các anh tôi sung sướng vẫy nhẹ đôi cánh ngắn ngủi, khao khát một ngày được chao nghiêng giữa bầu trời rộng lớn. Ước mơ ấy chưa kịp thực hiện, thì một buổi sáng cậu chủ đã trèo lên, kéo tuột ngôi nhà tôi ra khỏi ngọn cau, lôi chúng tôi bỏ vào ngôi nhà khác, toàn là thanh tre ngang dọc. Bốn anh em tôi sợ hãi, kêu lên thất thanh, cũng chỉ thấy bố mẹ hoảng loạn bất lực bay trên lưng trời. Từ hôm đấy tôi không còn được gặp bố mẹ nữa.

Ở với cậu chủ, bốn anh em tôi được chăm sóc nhiều hơn, được ăn ngon hơn. Nhưng tôi chẳng vui chút nào. Tôi muốn ra ngoài, được cùng bố mẹ và các anh rải cánh tự do bay trên bầu trời mênh mông, vô tận. Ở đây tôi chỉ đứng nhìn bạn bè ríu rít tự do bay qua, chạnh lòng thêm khát. Ngay ngày hôm đó, các anh tôi được đem chia cho bạn bè của cậu chủ. Tôi ở lại đây, còn các anh tôi phải theo chủ mới; những cậu chủ hiếu động luôn bắt chúng tôi phải ăn thật nhiều để làm vật so sánh; để xem ai có biệt tài nuôi dưỡng chúng tôi. Tôi lúc nào cũng được cậu chủ vuốt ve, được chăm chút từng chỗ ăn, chỗ đứng. Đi học về là cậu chủ bỏ cặp vào nhà rồi chạy ra với tôi. Cậu để lồng ngoài hè, để tôi được nhìn thấy ánh mặt trời, thấy nắng, thấy đồng loại reo ca. Nhưng càng làm vậy chỉ càng làm tôi buồn thêm. Tôi là chim, cuộc sống của tôi là ở ngoài kia, là những vườn cây, những cánh đồng, chứ đâu phải là con vật vô tri. Tôi cũng có thế giới riêng của mình, cũng thích được tự do bay nhảy, thích được vui chơi. Cuộc sống của tôi không phải ở nơi này. Nhìn nắng, nhìn mưa, nhìn cây, nhìn mây... chỉ thấy buồn. Giá như tôi được tự do, được tung cánh ra ngoài đó, thì vui biết bao nhiêu. Giá như cậu chủ hiểu được, tôi cần tự do, cần được sống với đồng loại của mình, chứ không phải bị cầm tù, bị tách biệt. Tôi sinh ra là để dang đôi cánh bay vào trời xanh, tôi sinh ra là để dâng cho đời bao tiếng hát vui...

Sống ở đây, tôi luôn cảm thấy buồn chán, mệt mỏi. Căn nhà không đủ rộng cho tôi bay, nhiều hôm thêm khát, tôi dang cánh ngỡ mình sẽ được thoát ra ngoài, nhưng tôi bị dội ngược lại, ngã lăn xuống sàn, đau điếng. Tôi bị thương một bên cánh, cậu chủ phải chăm tôi nhiều hơn. Nhìn ánh mắt thương cảm cậu dành cho tôi, tôi chỉ muốn xin cậu trả tự do cho tôi. Nhưng dường như cậu không hiểu tôi. Cậu chăm cho tôi khỏi nhưng vẫn nhốt tôi vào lồng. Tôi thêm được bay được thấy trời xanh, được đi đến nhiều nơi, được ríu rít cùng bạn bè.

Tôi nhớ bố mẹ tôi. Nhớ các anh, nhớ ngôi nhà trên cao ngất đầu chỉ thấy trời xanh. Tôi là con vật đáng thương, con vật bị cầm tù, con vật bị tách khỏi đồng loại. Tôi khao khát được bay, khao khát được đập cánh tập kiếm mồi, khao khát được bố mẹ dẫn dò... khao khát được bước vào đời. Bao mùa mưa, nắng trôi qua, tôi chỉ biết ngơ ngác hoặc bình thản đứng nhìn. Có hôm tôi nhìn thấy một người bạn ướt lướt thướt, run rẩy nép mình trên một chạng cây, tôi đã mỉm cười, cất tiếng gọi, chỉ muốn làm quen, chỉ muốn trò chuyện. Nhưng bạn ấy vẫn đứng đó bình thản nhìn tôi, rung rinh đôi cánh ướt như an ủi, như thương xót cho tôi. Những ngày xuân bạn bè về tụ họp như hôm nay, chẳng ai quen tôi cả, họ cũng không dám liệng tới gần tôi, họ sợ bị ai đó giăng bẫy sợ phải sống một cuộc đời tù túng như tôi.

Tôi không biết rồi sẽ ra sao? Cuộc đời tôi sẽ như thế nào. Nhiều hôm tôi thấy con mèo độc ác cứ rình rập để chờ cơ hội là vồ lấy tôi. Cậu chủ đã đề phòng, treo chiếc lồng lên ngang sợi dây. Nhưng tôi vẫn lo sợ, vẫn nơm nớp một ngày nào đó cậu chủ không bảo vệ được tôi. Lo sợ một ngày mình sẽ kết thúc cuộc đời tù túng bằng một miếng mồi ngon.

Tôi không biết cậu chủ sẽ giữ tôi lại bao nhiêu lâu? Nhưng tôi vẫn hi vọng một ngày nào đó cậu sẽ hiểu và trả tôi về với trời xanh với đồng loại. Tôi sẽ chờ.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

- Chị hoa mi, chị hát cùng bọn em nhé! Chim sẽ nói.
- Buồn lắm em ơi, chị chẳng còn tâm trí nào để hát nữa ! - Tôi trả lời.

Cũng có nhiều lúc tôi muốn được bay nhảy, muốn được ca hát thoải mái giữa bầu trời cao rộng kia. Được cùng bạn bè ngắm những bông hoa mới nở. Được cùng chị gió trò chuyện, ngày qua ngày sống cuộc sống tự do. Nhưng giờ đây tôi đang phải sống trong không gian nhỏ hẹp. Đã từ

lâu tôi không được giang rộng đôi cánh để bay lượn, không được ngắm cảnh mặt trời mọc, tất cả chỉ là quá khứ, giờ đây thấy chim sẽ bay lượn mà tôi chạnh lòng.

Cuộc sống của tôi chỉ là cuộc sống vô vị, buồn chán, tôi tự hỏi, có hay không những ngày được tự do?

Cô chủ nhỏ của tôi rất ân cần chăm sóc, hàng ngày cô vẫn đem thức ăn, nước uống cho tôi. Có lúc, cô đứng ngắm tôi hàng giờ. Tôi hiểu rằng cô chủ nhỏ của tôi rất yêu quý tôi, nhưng cô lại không hiểu tôi. Cô không thể biết rằng tôi rất cô đơn vì tôi chỉ có một mình, cô có gia đình, có người thân, cô có cả những hoài bão, ước mơ, mong muốn được thực hiện. Nhưng tôi chẳng có gì. Tôi thấy ganh tị quá. Tại sao, tại sao tôi có giọng hát hay để rồi phải sống trong cảnh một mình thế này ? Làm sao mà con người hiểu được, họ tàn nhẫn chặt phá rừng để chúng tôi không có nơi cư ngụ, rồi họ bắn mẹ tôi, họ bắt anh hổ, bắt anh cá sấu. Tất cả con người đều như vậy sao?

Không, cô chủ nhỏ của tôi đang còn rất mơ mộng, cô không hề độc ác, chỉ có điều cô chưa hiểu hết, chưa thấy hết cuộc sống tàn nhẫn xung quanh, hay ít nhất, cô chưa bao giờ tự hỏi liệu tôi có buồn! Tôi biết rằng ngoài tôi, còn rất nhiều những anh vẹt, hoạ mi, sáo... đang phải sống cuộc sống cầm tù, liệu có bao giờ chúng tôi được tự do. Cuộc sống sao quá khát khe với tôi, tôi nghĩ vậy và nước mắt tràn ra.

Bỗng nhiên cô chủ về, cô lại đứng nhìn tôi, mắt cô hoe đỏ. Tôi muốn hỏi cô sao lại khóc, nhưng cô đâu có hiểu được. Càng lúc trông cô chủ càng buồn, cô nhìn tôi lạ lẫm. Liệu có phải cô đang bắt đầu va chạm với cuộc sống, cô đã bắt đầu cảm nhận được cuộc sống khắc nghiệt như tôi vậy. Rồi bỗng nhiên cô đưa tay mở cửa "chiếc hộp" đã nhốt tôi lâu nay. Sao vậy? Tôi chẳng hiểu gì, cô đang làm cái việc mà lâu nay tôi mong muốn. Cô trả tự do cho tôi ư?

Ngay lập tức tôi hiểu ra, tôi lao ra khỏi cửa lồng. Ôi, hạnh phúc, tôi trải rộng đôi cánh, bay lượn trên không, tôi hát, tôi hát to lên để cho mọi người biết tôi đã được tự do. Tôi hít thở không khí trong lành như chưa bao giờ được thở vậy. Từng cơn gió len lỏi vào những chiếc lông của tôi. Sao mà mát vậy, thoải mái đến vậy. Tôi như từ trong chiếc lò lửa nóng ran được thả ra nơi mát rượi. Bay lượn một lúc, tôi nhìn xuống dưới, tôi thấy cô chủ nhỏ đang ôm mặt khóc, cô khóc trông tội quá. Tôi phải làm sao đây, tôi bỏ cô chủ trong lúc cô đang buồn nhất sao, như vậy thì tôi cũng đâu có khác gì những con người độc ác kia. Phải rồi, tôi nên ở lại. Nhưng trái tim tôi lại không cho phép. Tôi đã mong ngóng cuộc sống tự do từ rất lâu rồi, tôi thêm khát được sống cuộc sống tự do kia mà...

Tôi bay xuống, đậu trên cánh tay cô chủ, cô chủ nhìn tôi mắt ngấn lệ. Ánh mắt cô chủ da diết quá, nhưng rồi cô lắc đầu, đưa bàn tay lên cao trả tôi về với bầu trời xanh của mình, với chị gió, với chú chim sẻ...!

Cô chủ ơi, giờ tôi đã hiểu, loài người không phải ai cũng xấu. Tôi dù ở đâu cũng luôn chúc cô chủ sống hạnh phúc, vui vẻ và đạt được những ước mơ của mình

(Bài của Vũ Hồng Nhung)

Hướng dẫn đọc

Hai bài viết vừa rồi đều là kể chuyện- nhớ là kể chứ không phải tả. Mà là kể chuyện sáng tạo, phải thay đổi điểm nhìn, phải nhập vai con chim trong lồng mà kể, thế mới khó chứ !

Tuy nhiên, cả hai bài đều đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu của đề. Các bạn ấy đều biết nhập vai, biết xây dựng cốt truyện, và, mỗi người một vẻ, tính cách và sở trường của mỗi bạn đều đã bộc lộ qua lời kể của các nhân vật chim sẻ và chim họa mi.

Tuy nhiên, bài viết đầu (chuyện của sẻ) có phần tốt hơn vì có bố cục rõ hơn và có nhiều chi tiết phong phú hơn.

PHẦN III- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 3 (BIỂU CẢM)

Đề 28- Cảm nghĩ của anh chị về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số bài ca dao than thân trách phận.

Bài làm

Kho tàng văn học dân gian Việt Nam luôn là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Cùng với các thể loại khác, ra đời trong xã hội cũ, ca dao diễn tả tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các mối quan hệ lứa đôi gia đình, quê hương, đất nước... Không chỉ là lời ca yêu thương tình nghĩa, ca dao còn là tiếng hát than thân cất lên từ cuộc đời xót xa, cay đắng của người Việt Nam, đặc biệt là của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ luôn bị coi nhẹ, rẻ rúng, họ không được quyền quyết định mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tư tưởng "trọng nam khinh nữ" đã chà đạp lên quyền sống của họ; đàn ông được coi trọng, được "nắm thê bảy thiếp", được nắm quyền hành trong xã hội, trong khi đó phụ nữ chỉ là những cái bóng mờ nhạt, không được coi trọng. Họ phải làm lưng, vất vả cung phụng chồng con, một nắng hai sương mà cuộc đời thì tăm tối. Họ phải cất lên tiếng nói của lòng mình:

"Thân em như tấm lụa đào"

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai"

Tiếng nói đầy mặc cảm, cay đắng. Người phụ nữ ví mình như một tấm lụa được người ta bày bán giữa chợ. Thân phận họ cũng chỉ là vậy giữa chợ đời bao kẻ bán người mua. Thân phận họ bé nhỏ và đáng thương quá đỗi. Hai từ "thân em" cất lên sao xót xa, tội nghiệp. Xã hội lúc bấy giờ đâu cho họ được tự do lựa chọn, ngay từ lúc sinh ra, được làm người họ đã bị xã hội định đoạt, bị cha mẹ gả bán; họ không có sự lựa chọn nào khác:

"Thân em như con cá rô thia"

Ra sông mắc lưới vào đìa mắc câu"

Không một lối thoát nào mở ra trước mắt, họ cảm thấy cuộc đời chỉ là kiếp nô lệ, bốn phía lưới giăng. Hình ảnh "tấm lụa đào", hay "con cá rô thia" trong hai câu ca dao trên là hình ảnh so sánh nghệ thuật. Hình ảnh này cho ta liên tưởng tới sự tầm thường, bé nhỏ của thân phận người phụ nữ; tấm lụa thì đem ra đổi bán, con cá rô thia được vung vẩy đầy nhưng chỉ được trong chiếc ao tù. Hình ảnh con cá rô thia cho ta nghĩ đến người phụ nữ trong sự bủa vây của truyền thống, tập tục, quan niệm phong kiến

bao đời hà khắc. Đến hạnh phúc của mình cũng không được quyền quyết định:

*"Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy
Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa
Em với anh cũng muốn kết nghĩa giao hoà
Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời,
Em với anh cũng muốn kết tóc ở đời,
Sợ rằng mây bạc giữa trời mau tan"...*

Bao khát khao bị kìm hãm, hạnh phúc lứa đôi bị rào cản phong tục đè nén, họ ngấm mình và cất lên tiếng than cay đắng:

*"Thân em như miếng cau khô
Người thanh chuộng mỏng, người thô tham dày"*

Câu ca nào cũng đầy ai oán, số phận nào cũng được ví bằng những thứ bé nhỏ, tầm thường, đó là sự ý thức, sự phản kháng của những con người triền miên bất hạnh. Họ có quyền được sống, được tự do yêu đương, nhưng xã hội đã chà đạp lên quyền của họ, chỉ cho họ một cuộc đời lắm lũi, chua cay:

*"Năm nay em đi làm dâu
Thân khác gì trâu mang theo ách
Năm nay em đi làm vợ
Thân mang cây, dây khiến không biết ai?
Em đi làm dâu không có mùa nghỉ, chỉ có mùa làm"*

Người con gái trong bài ca dao H'Mông này đang than thân trách phận mình khi "xuất giá tòng phu". Họ lấy chồng, không phải vì hạnh phúc mà để làm một con vật lao động trong nhà chồng, một con vật suốt đời "theo ách" như trâu mang. Cuộc sống như khép lại trước mắt họ, chỉ thấy một sự trói buộc đến phũ phàng:

*"Cá cắn câu biết đâu mà gỡ
Chim vào lồng biết thuở nào ra"*

Có khi họ bị chồng đánh đập:

*"Cái cò là cái cò quăm
Mày hay đánh vợ mày nằm với ai"*

Có khi bị chồng phụ bạc:

*"Nhớ xưa anh búng anh beo
Tay bưng chén thuốc lại dào mùi chanh,
Bây giờ anh mạnh anh lành
Anh tham duyên mới anh tình phụ tôi."*

Ở lĩnh vực nào người phụ nữ xưa cũng không được quyền hạnh phúc. Cuộc sống không có tự do, tình yêu không được công nhận, hôn nhân không được định đoạt, quan hệ vợ chồng không được coi trọng... Ở mặt nào họ cũng bị vùi dập xô đẩy, cũng không được quyền lên tiếng lựa chọn. Đến cả sự tỏ bày tình yêu cũng vô cùng tội nghiệp:

*"Thân em như củ ấu gai
Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen;
Không tin bóc vỏ mà xem
Ăn rồi mới biết rằng em ngọt bùi"*

Ở câu than thân nào họ cũng ví mình thật tội nghiệp, nào là tấm lụa, nào là hạt mưa, nào là miếng cau khô, rồi củ ấu gai... thứ nào cũng nhỏ nhoi, tội nghiệp. Hạt mưa thì chẳng biết rơi vào đâu, miếng cau thì tùy người chọn...; còn củ ấu thì có vẻ đẹp bên trong mà không ai biết. Bài ca dao này là một sự giải bày của người phụ nữ. Người phụ nữ muốn xã hội công nhận giá trị của mình, nhưng vẫn đầy tự ti: "Không tin bóc vỏ mà xem, ăn rồi mới biết là em ngọt bùi". Một sự mời mọc ngập ngừng!

Có thể nói, những bài ca dao than thân trách phận không chỉ là lời than thở vì cuộc đời, cảnh ngộ khổ cực, đắng cay, mà còn là tiếng nói phản kháng tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

Ca dao than thân là một bộ phận của thể loại ca dao, dân ca. Chủ thể của những lời ca ấy là những con người có vị trí thấp hèn trong xã hội cũ - đặc biệt và đáng thương nhất là những người phụ nữ.

Trong xã hội phong kiến xưa, chịu sự chi phối nặng nề của hệ tư tưởng phong kiến, người phụ nữ thường không có vai trò gì đáng kể không chỉ ngoài xã hội mà ngay cả trong gia đình, thân phận họ cũng chỉ như con sâu, cái kiến. Vì thế họ là những người phải chịu nhiều thiệt thòi nhất. Tất cả những tâm sự sâu kín, họ đều gửi cả vào ca dao để họ hát lên những khi ru con, khi lao động, khi làm công việc trong nhà... Hát

lên cho vơi bớt những nỗi u uất, phiền muộn, để mong tìm được sự thông cảm, sẻ chia dù là vô vọng giữa cuộc đời đen bạc.

Nhân vật trữ tình trong các bài ca dao là những người con gái chưa chồng, những người mẹ, người vợ. Thân phận thấp hèn, phụ thuộc, không cho họ bất cứ một quyền tự quyết nào. Hạnh phúc tình yêu, cuộc đời và ngay cả thân xác mình cũng thuộc quyền sở hữu của người khác. Họ lo lắng cho tương lai cuộc đời mình nhưng đành phó mặc cho sự may rủi của số phận:

- Thân em như dải lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai...

- Thân em như giếng giữa đường

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân...

Hàng loạt những bài ca dao mở đầu hai từ "Thân em" như vậy đều là lời than của người phụ nữ, những người con gái chưa chồng. Họ bị ngăn cản cấm đoán trong tình yêu bằng đủ thứ luật lệ hà khắc. Họ "sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời", và nỗi sợ lớn nhất là sự bội bạc của lòng người. Tất cả nỗi sợ ấy đều bắt đầu từ xuất phát điểm là thân phận phụ thuộc. Chế độ xã hội với những khuôn phép của "tam tòng tứ đức" đã tước đi các quyền tối cao của một con người: quyền làm chủ cuộc đời mình. Gia đình phụ quyền chất lên vai người phụ nữ hàng đồng trách nhiệm với bốn phận. Khi người con gái đi lấy chồng là đồng nghĩa với việc khoác vào mình hàng trăm nỗi lo toan khổ nhọc của cuộc đời. Bài ca dao "Mười tay" của dân tộc Mường đã diễn tả chính xác nỗi khổ nhọc ấy. Người mẹ không có ước muốn nào cao sang to tát mà chỉ ước muốn giản đơn là có đủ tay để làm tất cả các công việc mà mình phải đảm nhận. Nào bắt cá, bắt chim, nào làm ruộng, hái rau, ôm con,... và cả việc "van lạy, bầm thưa, đỡ đòn" nữa. Thật là muôn bề khổ! Vậy nhưng họ vẫn thương chồng, tha thiết với con, với gia đình. Sức chịu đựng của người phụ nữ chỉ đến thế là cùng, nghị lực của người phụ nữ cũng phi thường đến vậy:

"Bướm vàng đậu trái mùa u

Lấy chồng càng sớm lời ru càng buồn"

Lời ru buồn như bầm nín, ám ảnh bao lớp thế hệ người nghe về thân phận của những người phụ nữ trong xã hội cũ. Những lời ca khổ đau ấy, như những bằng chứng chứng minh cho sự bất công của xã hội Việt Nam, trong hàng nghìn thế kỉ.

Hướng dẫn đọc

Đề văn này yêu cầu HS trình bày cách hiểu đối với những nét chính của vấn đề thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

Cả hai bài viết trên đây đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của một bài văn có tính nghị luận. Các bạn cũng đã phân tích đúng về nội dung của các bài ca dao.

Tuy nhiên, giá như các bạn ấy "sâu" hơn và "tinh" hơn một chút nữa! Chẳng hạn, các bạn viết rằng: người phụ nữ trong xã hội cũ bị áp bức và phải chịu nhiều bất công. Đúng vậy. Nhưng nguyên nhân của bất công, biểu hiện của những bất công ấy quả là phong phú và phức tạp hơn nhiều.

Và những câu ca dao đã trích dẫn trên đây không phải lúc nào cũng là "than thân, trách phận"!

Nhưng không sao! Rồi dần dần, tôi tin là các bạn ấy sẽ hiểu sâu sắc vấn đề.

Đề 29- Cảm nghĩ về một bài ca dao mà anh (chị) thích.

Bài làm

Đọc ca dao Việt Nam, tôi cứ bị ám ảnh mãi bởi hình ảnh "con cò đi ăn đêm":

"Cái cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con..."

Họ nhà cò thường kiếm ăn ban ngày chứ không "đi ăn đêm" như họ nhà vạc. Con cò chậm chạp, chăm chỉ kiếm ăn trên những cánh đồng vào lúc ban ngày... Vậy mà ở đây con cò lại đi kiếm ăn vào ban đêm. Sự khốn khó và cuộc sống ngày càng khó khăn khiến con cò phải lặn sừng sải lãnh địa của kẻ khác là kiếm ăn "ban đêm".

Có một sự bất cẩn nên xảy ra tai nạn: cò "lộn cổ xuống ao". Đây cũng là hậu quả của việc kiếm ăn vào thời gian khác thường. Và cò kêu cứu:

"Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng"...

Lời kêu cứu thống thiết cất lên giữa đêm tối mịt mùng, và hoàn toàn xa lạ với cuộc sống của cò. Nhưng lời kêu cứu ấy mới lạ làm sao! Vì sao cò lại phải đem đánh đổi, phải trả giá về việc cứu vớt chưa xảy ra ấy:

"Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng"

Hoá ra giữa một không gian xa lạ, thời gian đặc biệt như trên nên dù rất sợ hãi, cò vẫn phải kèm theo lời kêu cứu là một lời thanh minh. Cò thanh minh cho sự không may của mình, thanh minh cho hành động kiếm ăn, thanh minh cho thời gian bất thường của mình. Và cò con phải cam đoan, thề thốt:

"Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng"

"Tôi có lòng nào" nghĩa là "nếu tôi có ý đồ nào khác", "nếu tôi có ý gian xảo, phản trắc"... Và để đảm bảo cho sự thực ấy, cò đã lấy tính mạng mình ra mà thề: "... ông hãy xáo măng".

Có người hiểu lòng cò xáo măng là một món ăn ngon và phổ biến của người bình dân thời xưa, nghĩa là chỉ "xáo măng" với "lòng cò" chứ không phải "xáo măng" cả con cò. Như vậy thì bài ca dao đến đây chỉ là lời đùa.

Tuy nhiên, ta vẫn thấy ở đây có sự kêu cứu nghiêm trọng hơn.

Đã kêu cứu, đã thanh minh, đã thề nguyện. Nhưng cò hiểu rằng khó có ai tin lời của một kẻ thấp cổ bé họng như mình. Đã thấp cổ bé họng lại không có một điểm tựa nào khi sự sống của mình đang nằm trong tay người khác nên cò dự cảm về kết cục cuối cùng. Cò van xin:

"Có xáo thì xáo nước trong"

"Đừng xáo nước đục đau lòng cò con"...

Điều bất ngờ là sự van xin này không phải là sự nài nỉ để người ta tha mạng cho mình, mà sự cầu xin cuối cùng chỉ vì ý nghĩa của cái chết. Và ở đây, ta bỗng thấy một triết lí sống của người nông dân thời xưa đã được bộc lộ một cách hồn nhiên, tự phát: "Thác trong hơn sống đục".

Kết thúc bài ca dao là dư âm chua xót. Chua xót cho thân cò, chua xót cho cuộc đời của những kiếp người lầm than đau khổ. Hình ảnh cuối cùng của con cò trong bài ca dao như một dấu ấn đậm nét, một bài ca về vẻ đẹp trong sáng, thanh khiết của những con người Việt Nam: trong tâm tối, đau thương vẫn hướng tới sự trong sáng, cao đẹp của đạo đức và tâm hồn.

Hướng dẫn đọc

Bài ca dao quen thuộc và rất nổi tiếng này đã từng gây ra rất nhiều cách hiểu.

Bài viết trên đây cố nhiên chưa thể đưa ra một cách hiểu mới, và cũng chưa thể phân tích đầy đủ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài ca.

Tuy người viết có sử dụng nhiều ý của các bài viết bậc thầy, nhưng tôi thấy rằng, cảm thụ được như trên cũng thật hiếm và quý lắm!

Chỉ mong sao bạn ấy phát huy hơn nữa chính kiến của mình.

Đề 30- Cảm nhận về truyền thuyết *My Châu – Trọng Thủy*.

Bài làm

My Châu – Trọng Thủy là một truyền thuyết bi tráng nhất. ý nghĩa lịch sử của nó luôn luôn mới mẻ đối với dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam chúng ta trong bất cứ thời đại lịch sử nào. Bài học về cảnh giác với kẻ thù trong sự nghiệp giữ nước càng suy ngẫm, càng thấy đau xót và thấm thía.

Xây thành ốc, chế nỏ thần là kì công của An Dương Vương. Tướng Cao Lỗ với kì công "làm nỏ, lấy vuốt rùa thần làm lẫy" không bao giờ phai mờ trong tâm hồn nhân dân và lịch sử của dân tộc. Thần Kim Quy là nhân vật huyền thoại xuất hiện đầu – cuối truyền thuyết *My Châu – Trọng Thủy* đã tô đậm yếu tố thần kì, huyền diệu trong kì tích yểm trừ yêu quái để xây dựng Loa Thành, để chế nỏ thần Kim Quy, và việc vạch mặt chỉ tên: "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó!"

Nỏ thần Kim Quy thật vô cùng lợi hại. Khi Triệu Đà từ phương Bắc đem quân sang cướp phá nước Âu Lạc, An Dương Vương đã lấy nỏ thần ra bắn chết hàng vạn tên giặc, quân Triệu Đà thua to, chạy về Trâu Sơn, không dám đối chiến, xin giảng hoà.

Có thành cao, hào sâu, lại có nỏ thần linh nghiệm, nhà vua còn lo gì nữa? Việc An Dương Vương nhận lời cầu hôn của họ Triệu phương Bắc – kẻ thù mới năm nào từng mang quân sang xâm lược nước mình, tàn sát nhân dân mình, việc An Dương Vương còn cho Trọng Thủy – con trai Triệu Đà ở rể, hành động ấy cho thấy nhà vua Âu Lạc đã mất cảnh giác cao độ, đúng là "nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà".

Nỏ thần là bí mật quốc gia, nhưng làm sao mà An Dương Vương và Triều đình nước Âu Lạc lại để cho My Châu biết đến, để người con gái lá ngọc cành vàng đem cho Trọng Thủy "xem trộm". Thậm chí đến lúc kẻ gian tế "ngâm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt Rùa Vàng" mà nhà vua cũng chẳng hay biết gì! Và khi Trọng Thủy ăn cắp được lẫy nỏ thần đem về nước, Triệu Đà lại đem quân sang xâm lược Âu Lạc; cảnh đất nước lâm nguy, nhưng An Dương Vương "vẫn điềm nhiên đánh cờ", tự đắc cười lên giọng: "Đà không sợ nỏ thần sao?". Còn gì đáng trách hơn là khi cha con Triệu Đà mang quân sang, tiến sát kinh thành Cổ Loa thì vua Âu Lạc mới cầm lấy nỏ thần bắn; và khi thấy nỏ thần không linh nghiệm nữa

"bèn bỏ chạy" Bị giặc là chàng rể truy kích đến "đường cùng", An Dương Vương mới kêu to: "Trời hại ta, thần Kim Quy ở đâu, mau lại cứu" Đâu phải "Trời hại"! Cảnh thành vỡ nước tan, núi xương sông máu dối vó ngựa xâm lăng của cha con Triệu Đà, thảm kịch ấy là do An Dương Vương mất cảnh giác và chủ quan khinh địch.

Sau khi nghe Rùa Vàng hiện lên thét lớn: "Kẻ ngồi sau lưng là giặc đó!" thì nhà vua mới tỉnh ngộ, hiểu ra cơ sự và chỉ còn biết "tuốt kiếm chém My Châu". Cái chết của nhà vua đâm đầu xuống biển, ôm theo mối thù hận, đau buồn thân thu đã được người kể chuyện bao phủ một lớp sương mờ huyền thoại: "Vua cầm sừng tê bảy tấc. Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển". Nhà vua phải là người chịu trách nhiệm nặng nề trước lịch sử. Nhưng qua truyền thuyết, nhân dân ta đã dành cho An Dương Vương một tình thương, vừa đánh giá công lao dựng nước như xây Loa Thanh, chế nỏ thần, vừa cảm thông cho "tấm lòng thành thực" của người đứng đầu nước Âu Lạc trong việc bang giao với phương Bắc, không muốn chi đến tranh. Ý định chân thành ấy đã bị quân thù tham lam, nham hiểm lợi dụng gây nên thảm họa cho đất nước, bị kích cho gia đình. Cái chết của An Dương Vương là một hình phạt. "Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển" là tình thương.

Với Rùa Vàng thì My Châu là giặc một thứ giặc đang "ngồi sau lưng" nhà vua ! Với An Dương Vương thì My Châu là kẻ trọng tội, gây nên nỗi "cơ đồ đắm biển sâu" nên phải chém. Vì ngây thơ và quá tin yêu chồng, mà nàng đã cho Trọng Thủy "xem trộm" nỏ thần, và để hắn ăn cắp lấy nỏ thần. Vì ngây thơ và quá tin yêu Trọng Thủy mà My Châu đã rắc lông ngỗng trên đường chạy giặc, để cha con Triệu Đà thúc quân truy kích An Dương Vương đến tận bờ biển phương nam đất Dạ Sơn, tổng Cao Xá, phủ Diên Châu. Lời khấn của My Châu trước khi bị vua cha chém chết cho thấy nàng đã "bị lừa dối". Đó cũng là mối hận nghìn đời: "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch mối nhục thù". My Châu chết đi đã hoá thành ngọc. Máu nàng được các loài trai dưới biển hút, nên mới có ngọc trai. Sự thần hoá kiếp ấy là một minh chứng nàng là cô gái "một lòng trung hiếu mà bị lừa dối"... Dù ngây thơ, dù vô tình, My Châu là kẻ có tội đối với đất nước Âu Lạc và đối với vương phụ. Dù có tội, nhưng nàng thật đáng thương My Châu biến thành ngọc trai ngàn năm sáng mãi là cách nhìn nhận đầy nhân tình, nhân hậu đối với nàng. Sự phán xét của lịch sử và của nhân dân thật nghiêm khắc và công bằng.

Hơn hai nghìn năm đã trôi qua, người đọc truyền thuyết vẫn cảm thấy sợ hãi và ghê tởm đối với Trọng Thủy. Vị phò mã của An Dương

Vương, người chồng "yêu quý" của My Châu là một tên gián điệp, một tên lừa đảo, một tên ăn cắp. Hắn còn là một kẻ đầy tham vọng, muốn biến Âu Lạc thành quận huyện của phương Bắc. Việc Trọng Thủy lao đầu xuống giếng là một hành động ân hận, sám hối, hay đó là sự trừng phạt nghiêm khắc, một sự báo oán nhõn tiền!

Tình tiết ngọc trai đem rửa nước giếng Trọng Thủy nơi Cổ Loa sẽ "sáng thêm" đã làm sáng tỏ tấm lòng trung hiếu của người con gái Âu Lạc đã "bị lừa dối".

Nhiều nhà thơ đã viết về truyền thuyết *My Châu – Trọng Thủy*. Thi sĩ Tản Đà đã để lại vần thơ ngậm ngùi:

*"Hạt châu giếng nước
Ngàn năm khói nhang"*

Truyền thuyết *My Châu – Trọng Thủy* nhắc nhở chúng ta đừng có mơ hồ.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, tr. 24).

Đề 31- Ca dao có một số câu bắt đầu bằng "*Thân em...*". Anh (chị) hãy tìm hiểu khoảng ba, bốn câu như thế và làm rõ nét đặc sắc của chúng.

Bài làm

Trong ca dao Việt Nam có một điều rất lạ: nhiều câu ca dao hoàn toàn không khác nhau về nội dung, ý nghĩa, nhưng lại cùng tồn tại và mỗi câu đều đem lại niềm hứng thú riêng cho người thưởng thức. Chẳng hạn có rất nhiều câu bắt đầu bằng "*Thân em*" cùng nói lên số phận đắng cay của người phụ nữ ngày xưa:

- *Thân em như tấm lụa đào,
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.*
- *Thân em như hạt mưa sa,
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.*
- *Thân em như giếng giữa làng,
Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.*
- *Thân em như con hạc đầu đình,
Muốn bay không cất nổi mình mà bay.*

Cái chung của những câu ca dao này là gì? Tất cả đều nói lên tình cảnh cay đắng của người phụ nữ, bị tước đoạt quyền tự do, quyền quyết định hạnh

phúc của mình, hoàn toàn phó mặc cho ngẫu nhiên của số phận. Cho dầu phẩm chất đẹp đẽ, cao quý như tấm lụa đào, phẩm chất ấy cũng không đảm bảo được hạnh phúc. Cho dầu hoàn toàn giống nhau về giá trị, như những hạt mưa từ trời cao sa xuống, số phận của những người con gái cũng chưa chắc giống nhau; sự may rủi của đời có thể đưa đến những khác biệt, thậm chí những số phận tương phản. Sự may rủi có thể đưa đến những cảnh ngộ, hoặc được trân trọng hoặc bị bạc đãi, như cùng là nước giếng, mà cũng có thể được dùng cho người rửa mặt, hoặc bị đưa cho người rửa chân. Như con hạc đầu đình, người phụ nữ bị trói chặt vào số phận, dầu có ao ước đổi thay, họ không sao có thể quyết định được. Cả bốn câu ca dao, với những sự so sánh khác nhau, cùng cho ta biết một thực trạng của chế độ phong kiến: quyền sống của người phụ nữ, mà trước hết là quyền tự do quyết định đời mình, hoàn toàn bị phủ nhận. Đó chính là nguồn gốc của mọi đau khổ, mọi cảnh ngang trái mà người phụ nữ phải chịu đựng trong cả đời người dằng dặc.

Cả bốn câu ca dao là bốn tiếng than dài, làm nên một chuỗi tiếng than buồn bã, đau đớn. Mở đầu bằng "Thân em", những người phụ nữ ngày xưa đã hiểu được nỗi khổ của mình, nỗi khổ riêng và nỗi khổ chung của mọi người phụ nữ. Bởi xét cho cùng, dầu cho có tấm lụa đào nào được rơi vào tay khách quý, có hạt mưa sa nào được vào nơi đài các, có nước giếng nào được đem rửa mặt, thì cũng nhờ vào may mắn mà có, nên thực ra nó cũng bấp bênh. Huống chi trong bao nhiêu tấm lụa đào, bao nhiêu hạt mưa sa, bao nhiêu nước giếng, mới có được một số phận sáng tươi. Cho nên đau khổ vẫn là cái chung. Những câu ca dao trên chính là tiếng than đã cất lên từ hàng triệu cuộc đời trong nghìn năm của chế độ phong kiến. Than vãn mà không oán trách, bởi vì không biết oán trách ai, người phụ nữ ngày xưa chỉ biết đó là thân em, cái số phận đã dành cho mình, không thể nào cắt nghĩa được.

Cả bốn câu ca dao hầu như được đúc ra từ một khuôn: ngoài cái giống nhau về nội dung, cả bốn câu đều giống nhau về kết cấu. Mỗi câu là một so sánh nghệ thuật. Bắt đầu bằng "Thân em" rồi tiếp theo là một sự vật so sánh ở nửa câu trên, để chỉ thân phận của người phụ nữ.

Tuy nhiên, những câu ca dao ấy không hoàn toàn giống nhau. Nếu hoàn toàn giống nhau, chúng đã không tồn tại. Trên cơ sở giống nhau về ý nghĩa, mỗi câu ca dao lại khác nhau về hình ảnh so sánh. Và đó chính là điều tạo nên sắc thái riêng, hứng thú riêng.

Hình ảnh "tấm lụa đào" gợi nên một ý niệm đẹp, đẹp từ chất liệu, dáng vẻ đến màu sắc. "Người đẹp nhờ lụa", bởi đó là thứ vải mặc được dệt từ loại tơ tằm tốt nhất, bóng, sáng, mềm mịn, mặc vào thì mát mẻ, làm đẹp con người lên. Đã lụa lại lụa màu hoa đào nữa thì đẹp quá. Quý thế nhưng khi đem bán thì phải bày lụa ra giữa chợ, để nó "phát phơ giữa chợ", giữa chốn "trăm người bán, vạn người mua", có đủ thứ người sang kẻ

hèn, người thanh kẻ tục. Lựa đẹp nhưng đã chắc gì có người biết đúng giá trị của nó, thật là tội nghiệp cho tấm lựa!

Hình ảnh "hạt mưa sa" lại gợi lên một sắc thái khác. Đố ai đếm được có bao nhiêu hạt mưa từ trời rơi xuống trong một cơn mưa! Mọi hạt đều trong trẻo như nhau, ngọt mát như nhau, nhỏ bé như nhau, không có hạt mưa nào hơn hạt mưa nào. Thế nhưng giữa cơn mưa đầy trời ấy, chỗ "rơi xuống", số phận cuối cùng của các hạt mưa, đã không giống nhau. Giữa triệu triệu hạt mưa rơi xuống đất, một số ít hạt mưa may mắn hơn, không rơi xuống bùn lầy, không rơi mất hút vào luống đất vừa cày xới, lại rơi ngay vào chốn lầu son gác tía. Thật là một bức tranh sinh động.

Câu thứ ba lấy hình ảnh so sánh là "giếng nước giữa làng", một hình ảnh vốn quen thuộc với làng xóm ngày xưa. Vì là giữa làng nên có bao nhiêu người qua lại. Giữa những người qua lại tất nhiên có người khôn (người có lòng, có con mắt tinh đời...), kẻ phàm (kẻ tầm thường, bần tiện...). Thái độ của người sử dụng nước giếng giữa làng không phải do nước giếng mà do phẩm chất của người dùng nước. Hai hình ảnh "rửa mặt" với "rửa chân" thật là sinh động và thú vị.

Câu ca dao thứ tư dùng hình ảnh so sánh mới thật sắc sảo. "Con hạc đầu đình" vốn không phải là một sinh vật mà là một vật dụng để thờ, bằng gỗ hay bằng đồng. Con hạc ấy không thể bay được. Như nhìn vào thân phận của mình, người phụ nữ xưa đã gán cho nó cái ý "muốn bay" để rồi từ đó nhận ra "không cất nổi mình mà bay". Sự tương phản giữa ý muốn chủ quan với thực tế khách quan đến là mạnh mẽ. Từ câu ca dao như bật lên niềm khát khao và một nỗi bất bình, bức bối đến nghẹt thở.

Ta cắt nghĩa như thế nào về sự cùng tồn tại của những câu ca dao vừa giống nhau vừa khác nhau đó?

Trước hết, ca dao là những tác phẩm đã được sáng tạo ra bởi nhiều người khác nhau, ở những thời kì khác nhau, trên những vùng đất khác nhau. Gặp cảnh ngộ đắng cay, với cách nói cụ thể có hình ảnh, người nông dân xưa liên kết số phận mình với một hình ảnh trùng hợp có trước mắt, thế là câu ca dao ra đời. Câu ca dao ấy vừa mang tâm tư của người sáng tác vừa mang luôn dấu ấn của thực tế mà người sáng tác đang đối diện.

Không hện mà nên, cái chung của số phận đã làm cho những câu ca dao vốn không hề biết nhau lại gặp nhau ở một nội dung chung.

Mặt khác, cả khi trong tâm trí đã có sẵn một câu ca dao cũ của người khác, thì gặp cảnh ngộ của mình, dấu giống mà vẫn có nét khác với nhiều người đi trước đã nói. Đó không phải là sự lặp lại mà chỉ là việc bổ sung cho cái đã có thêm đa dạng.

Chỉ xét riêng bốn câu ca dao "Thân em", ta cũng thấy được ca dao thật là thú vị, đúng là sản phẩm của tài năng và tâm hồn phong phú của quần chúng nhân dân. Những câu ca dao ấy giúp ta hiểu được những nỗi cay đắng dày đặc mà người phụ nữ Việt Nam ngày xưa đã phải trải qua và đồng tình với khát vọng "cất nổi mình mà bay" của họ.

(Theo *Dàn bài tập làm văn 10*.

NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 93)

Đề 32- Cảm nghĩ của anh (chị) về bài thơ "Tỏ lòng" của Phạm Ngũ Lão.

Bài làm

Quy luật của sự tồn tại và phát triển văn học là sự gắn bó chặt chẽ với vận mệnh dân tộc và số phận con người. Trong bất cứ một giai đoạn văn học nào cũng có thể nhìn thấy hình ảnh lịch sử xã hội giai đoạn ấy. Văn học đời Trần cũng không là ngoại lệ. Đó là tấm gương phản chiếu một thời đại lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam, của tinh thần yêu nước Việt Nam. Điều thú vị hơn nữa là những tác phẩm văn học tiêu biểu lại gắn liền với tên tuổi những danh tướng, những nhà quân sự tài ba như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Đặng Dung... Có lẽ chính bởi điều đó mà hình tượng con người trong văn học đời Trần luôn nổi bật bởi tinh thần trách nhiệm đối với giang sơn xã tắc.

Tỏ lòng – bài thơ nổi tiếng của danh tướng Phạm Ngũ Lão- là một bức tranh đẹp về con người thời đại nhà Trần. Qua đó người đọc không chỉ cảm nhận được không khí hào hùng một thời đại mà còn có thể cảm nhận được vẻ đẹp con người thời đại ấy trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam:

"Hoành sóc giang san kháp kỉ thu

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu

Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu"

Dịch nghĩa:

Cầm ngang ngọn giáo đứng giữa non sông trải đã mấy thu

Ba quân như hổ có thể nuốt trôi trâu

Nam nhi chưa trả xong món nợ công danh

Thẹn khi nghe nhân gian nói chuyện Vũ Hầu.

Bài thơ đã khái quát trọn vẹn bức chân dung người anh hùng đời Trần. Đó là một tư thế hiên ngang hào sảng, một khí phách mạnh mẽ, một hoài bão cao đẹp. Những đường nét ấy chỉ có thể được làm nên bởi một thời đại mà niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm đối với giang sơn xã tắc là một ngọn lửa hừng hực cháy trong trái tim mỗi người dân.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh người anh hùng trong tư thế hiên ngang:

"Cầm ngang ngọn giáo đứng giữa non sông trải đã mấy thu"

Tính chất hiên ngang thể hiện trong hình ảnh chiếm lĩnh không gian (Cầm ngang ngọn giáo, đứng giữa non sông"), và chiếm lĩnh thời gian ("đã mấy thu" rồi). Không gian đo bằng chiều dài đất nước, thời gian đo bằng thág năm... Tất cả làm nên một tượng đài về người anh hùng mà linh hồn của tượng đài ấy là ý thức lớn lao về trách nhiệm bảo vệ tổ quốc. Điều ấy đã trở thành tinh thần của không chỉ những người anh hùng nhà Trần, mà còn tiêu biểu cho tinh thần dân tộc, làm nên truyền thống bất khuất, kiên trung của biết bao thế hệ yêu nước trong những năm tháng đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Cùng với một tư thế hiên ngang, hình ảnh người anh hùng trong bài thơ còn được khắc hoạ bởi một sức mạnh phi thường. Nếu câu thơ đầu tiên là biểu tượng về tinh thần dân tộc thì câu thơ thứ hai là biểu tượng của khí thế dũng mãnh của một đội quân, một khối đoàn kết, một khối sức mạnh không gì địch nổi:

"Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu"

Nhưng có lẽ đẹp hơn cả, hào hùng hơn cả là hoài bão cao đẹp của người anh hùng:

"Nam nhi chưa trả xong nợ công danh"

Thẹn khi nghe nhân gian nói chuyện Vũ Hầu"

Vũ Hầu Gia Cát Lượng là tấm gương của tinh thần cống hiến, là hình ảnh lí tưởng của kẻ nam nhi lập công danh và được lưu truyền trong sử sách. Người nam nhi trong bài thơ, trước tấm gương Gia Cát Lượng đã "thẹn" với chính mình vì món nợ công danh chưa trả xong. Đó là cái "thẹn" cao cả, cái "thẹn" chỉ có thể có được ở những con người ý thức sâu sắc hơn ai hết về nghĩa vụ làm người, về trách nhiệm của kẻ làm trai trong trời đất. Chính cái thẹn ấy đã làm nên vẻ đẹp, làm nên chiều sâu bên trong của bức chân dung người anh hùng thời nhà Trần, làm nên một thời đại rạng danh sử sách bởi ý chí quật cường và tinh thần "Sát Thát".

Đọc bài thơ, người đọc không chỉ cảm động trước lời tỏ bày về trách nhiệm đối với non sông của một con người mà còn được chứng kiến và

ngưỡng mộ một thời đại đã làm nên những dấu ấn rực rỡ trong lịch sử dân tộc ta.

Bài thơ được viết cách chúng ta hơn mười thế kỉ nhưng những trăn trở, hoài bão của nhà thơ vẫn mang ý nghĩa tích cực. Quyết chí lập công, sao cho "lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ" (*Hịch tướng sĩ* - Trần Quốc Tuấn) vẫn là một quan niệm còn nguyên giá trị trong cuộc sống hôm nay.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Hướng dẫn đọc

"Tỏ lòng" là bài thơ thể hiện khát vọng lập công danh, đền nợ nước của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Đó là bài thơ mang vẻ đẹp của một tâm hồn có lí tưởng, phản ánh hào khí của cả một dân tộc trong thời kì chống giặc Nguyên Mông xâm lược.

Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ này chắc không thể thoát khỏi việc ca ngợi vẻ đẹp trong tâm hồn người anh hùng thời đại nhà Trần: vẻ đẹp của lòng yêu nước và sự cao cả của một trái tim mang hoài bão lớn...

Bài viết trên đây cũng đã đảm bảo được yêu cầu nêu trên. Tuy nhiên, các ý ấy cần được toát ra từ sự phân tích các câu thơ cụ thể và hấp dẫn hơn, trình bày mạch lạc hơn.

Đề 33- Cảm nghĩ của em về bài Tựa "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương.

Bài làm

Hoàng Đức Lương đỗ Tiến sĩ năm Mậu Tuất 1478, soạn giả cuốn "Trích diễm thi tập", gồm có sáu quyển. Có thể xem đây là một tuyển tập thơ nước ta ra đời sớm nhất đã được khắc ván in dưới thời Hồng Đức vua Lê Thánh Tông.

Bài Tựa "Trích diễm thi tập" được Hoàng Đức Lương viết vào mùa xuân năm thứ 28, niên hiệu Hồng Đức (1497). Qua bài Tựa, ông nói lên quá trình tuyển chọn thơ, biểu lộ niềm tự hào, lòng trân trọng và ý thức bảo tồn di sản văn học của dân tộc.

Phần đầu bài tựa, Hoàng Đức Lương nói lên tình trạng và lí do thơ ca của các thời Lí, Trần, Lê "không truyền lại đầy đủ ở đời". Ông nêu lên bốn lí do:

Lí do thứ nhất là sắc đẹp của thơ ca "ở ngoài mọi sắc đẹp, mắt thường không thấy được"; vị ngon của thơ ca "ở ngoài mọi vị ngon, miệng thường không nếm thấy". Ông khẳng định thơ ca là sản phẩm tinh thần rất đặc biệt, "chỉ có thi nhân mới có thể thấy được sắc đẹp đó, nếm được vị ngon đó". Vì thế "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ được ở đời".

Lí do thứ hai là thơ ca của các bậc giai nhân, tài tử thời Lí, Trần đã góp phần tô đẹp nền văn hiến Đại Việt, nhưng vì các bậc danh nho làm quan to vì bận rộn công việc triều đình mà "không có thì giờ để biên tập", còn các quan viên cấp thấp, vì "lật đật lo thi cử, hoặc lo công việc hằng ngày" nên "không để ý", vì thế "thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời".

Lí do thứ ba là có thể cũng có người đã từng sưu tập thơ ca, nhưng vì thấy "trách nhiệm nặng nề, rồi lượng sức mình yếu kém rồi bỏ dở", nên khiến "thơ ca không lưu truyền đầy đủ được ở đời".

Lí do thứ bốn là ở nước ta, chỉ nhà chùa mới được tự do khắc ván in sách, còn các nhà Nho, "nếu như chưa được nhà vua cho phép, thì không được in ra để lưu hành nên đã "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời"

Qua đó, ta thấy Hoàng Đức Lương đã sử dụng thao tác liệt kê và phép quy nạp để thuyết minh và giải thích bốn lí do "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời".

Sau hơn năm thế kỉ, chúng ta có ít nhiều phân vân về lí do thứ nhất mà Hoàng Đức Lương đã nêu. Ngoài bốn lí do mà ông đã nêu ra, chúng ta cảm thấy còn thiếu một số lí do quan trọng nhất mà thơ ca nước nhà "không lưu truyền đầy đủ ở đời". Đó là chính sách đồng hoá vô cùng thâm hiểm của Thiên Triều, nhất là của giặc Minh đã thi hành một chính sách cướp, phá, đốt vô cùng dã man:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"

(Bình Ngô đại cáo)

Triều Minh đã nhiều lần ra lệnh cho bọn Trương Phụ, Hoàng Phúc ra tịch thu, tiêu huỷ thứ sách vở và phá huỷ bia đá của ta. Chúng còn bắt nhân dân ta phải thay đổi cả phong tục tập quán cho đến cả cách ăn mặc cũng phải theo lối phương Bắc. Phan Huy Chú trong cuốn *Lịch triều hiến chương vấn tịch chí* cho biết giặc Minh không những đã đốt của nhân dân ta hàng núi sách mà còn cướp "mất trên một trăm bộ sách quý giá thời Lí, Trần".

Giặc Minh chiếm nước ta năm 1407. Hoàng Đức Lương viết bài *Tựa "Trích diễm thi tập"* năm 1497, nghĩa là 90 năm sau, không biết vì sao nhà soạn giả không nói đến lí do này?

Phần thứ hai của bài tựa, Hoàng Đức Lương nói lên tâm trạng của mình "phải than thở" khi học làm thơ "chỉ dựa vào các nhà thơ đời Đường mà thôi, còn thơ văn ta thời Lí – Trần thì không khảo cứu vào đâu được". Ông vô cùng đau xót trước hiện trạng "một nước văn hiến, trải mấy nghìn năm xây dựng, lẽ nào không có một quyển sách để làm chứng tích, mà phải tìm đọc xa xôi qua thơ ca thời Đường...". Có thể nói đó là tâm trạng của một con người, một kẻ sĩ giàu tinh thần dân tộc, tự tôn và tự cường cao độ.

Phần thứ ba, Hoàng Đức Lương khiêm tốn nói lên quá trình sưu tập, chọn lọc sắp xếp... để làm nên *Trích diễm thi tập* được sáu quyển, vốn biết "công việc thì nặng nề, mà khả năng còn hạn chế"...

Bài Tựa "*Trích diễm thi tập*" được Hoàng Đức Lương trình bày một cách sáng sủa, khúc chiết về lí do ông biên soạn nên công trình thơ ca này. Cái tài và cái tâm của ông đã góp phần to lớn vào công việc bảo tồn di sản thơ ca của dân tộc. *Trích diễm thi tập* là một công trình văn học vĩ đại góp phần tô đẹp nền văn hiến Đại Việt với tất cả lòng yêu nước, tự hào.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđá, tr. 97).

Đề 34- Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật nàng Xi-ta trong đoạn trích "Ra-ma buộc tội" (SGK Ngữ văn 10, tập 1)

Bài làm

Ra-ma-ya-na là bộ sử thi, niềm tự hào của người Ấn Độ. Người dân Ấn Độ tin rằng "chừng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn thì *Ra-ma-ya-na* còn mãi làm say lòng người và cứu họ ra khỏi vòng tội lỗi". Một nhà nghiên cứu phương Tây từng miêu tả về *Ra-ma-ya-na*: "Đó là tác phẩm chan chứa những âm điệu du dương, toát ra một bầu không khí yên lành và một tình yêu thương vô bờ bến trong hoàn cảnh xã hội đầy sự mâu thuẫn và xung đột" (Michelet).

Một trong những hiện thân của vẻ đẹp làm say lòng người ấy là nhân vật Xi-ta. Nàng không chỉ là hình ảnh bổ sung cho sự kì vĩ của người anh hùng Ra-ma mà còn là minh chứng cho vẻ đẹp chân thực, toàn mĩ của người phụ nữ Ấn, từ hình dáng bên ngoài đến những phẩm chất tâm hồn bên trong.

Vẻ đẹp của nàng luôn được miêu tả gắn liền với cụm từ "gương mặt bông sen"-đó là chi tiết ngoại hình luôn được lấy đi lấy lại trong tác phẩm. Hoa sen hay bông sen là biểu tượng của vẻ đẹp chuẩn mực, vẻ đẹp của cả hình dáng bề ngoài và chiều sâu nội tâm trong quan niệm thẩm mĩ của người Ấn Độ. Khuôn mặt bông sen, đôi mắt hình hoa sen...là

những hình ảnh miêu tả quen thuộc về người phụ nữ trong văn học Ấn Độ. Miêu tả nàng bằng chi tiết ấy, dường như ngay từ đầu, người kể đã khẳng định vẻ đẹp toàn mĩ ở nàng.

Và vẻ đẹp toàn mĩ ấy cũng đã được thử thách trong suốt chiều dài các sự kiện của câu chuyện. Song lần thử thách cuối cùng nghiệt ngã nhất nhưng đồng thời cũng vinh quang nhất là sự kiện Ra-ma buộc tội nàng và nàng bước lên giàn lửa. Chương 78 kể lại những diễn biến đầy kịch tính của sự kiện này.

Đọc chương truyện cùng với những cảm thương trước nỗi oan uổng của nàng, ta còn có thể sẻ chia cùng nàng cái cảm giác bị ruồng bỏ, dù rằng đằng sau sự ruồng bỏ ấy là tình yêu. Và có lẽ, đó chính là dấu ấn bi kịch trong bộ sử thi tràn ngập cảm xúc ngợi ca này.

Ta có thể hiểu tâm trạng của Ra-ma trong những lời buộc tội Xi-ta: ban đầu vì sợ tai tiếng, về sau là cảm giác nghi ngờ, ghen tuông. Trong lời nói có đầy đủ sự giận dữ, sự ghẻ lạnh, sự xúc phạm và lăng nhục của chàng vẫn có tình yêu. Nhưng chính tình yêu lại càng làm cho những lời nói của chàng trở nên độc ác. Chàng đã không chỉ buộc tội nàng, chàng đã xúc phạm và hơn thế, lăng nhục nàng bằng những lời lẽ nặng nề nhất. Và Xi-ta đã nghe, đã cảm nhận được tất cả những trạng thái tình cảm ấy ở chồng mình. Còn gì đau đớn hơn khi người thân yêu nhất lại xúc phạm mình nặng nề đến thế?

Trước lời buộc tội của chồng, nàng Xi-ta trái tim tan nát, đau đớn đến nghẹt thở, xấu hổ cho số kiếp..., nghĩa là nàng phải trải qua một loạt những cảm xúc của nỗi đau, nỗi tủi nhục, nàng phải tự minh oan cho mình. Và nàng đã thật thông minh khi lần lượt chứng minh những ngờ vực của Ra-ma là không căn cứ. Nàng lấy danh dự, rồi nguồn gốc xuất thân, lòng trung thành, tình yêu của mình để làm minh chứng. Nhưng, tất cả dường như đều không đủ, đều vô nghĩa trước cơn giận dữ của Ra-ma. Chàng ngồi đó, "trông khủng khiếp như thần chết vậy". Tình huống sử thi, tính cách nhân vật sử thi hay tâm lí con người bình thường đã chi phối diễn biến của chuyện, chi phối tâm trạng của Ra-ma? Chàng Ra-ma cao quý khi ấy có khác gì những con người bình thường, tầm thường nhất?

Thái độ của Ra-ma đã tạo nên hoàn cảnh bi thảm của Xi-ta, buộc nàng phải chứng minh bằng hành động thuyết phục cuối cùng: bước lên giàn lửa. Thần lửa A-nhi sẽ là minh chứng cuối cùng, đủ sức thuyết phục nỗi nghi ngờ khổng lồ trong tâm hồn của chồng nàng. Lúc này, cho dù lâm vào hoàn cảnh nghiệt ngã ấy, ở nàng vẫn ngời lên một tình yêu thủy chung, trong sáng.

Có lẽ, chính tình yêu ấy làm nên lòng dũng cảm của nàng. Nàng bước vào ngọn lửa trong sự kêu khóc văng trời của muôn loài, trong nỗi thương xót cực độ của những người chứng kiến.

Thần lửa A-nhi đã khẳng định sự trong trắng của nàng: "Hỡi Ra-ma, Gia-na-ki của người đây. Nàng trong trắng. Nàng không phạm bất cứ tội lỗi nào, bằng lời nói, việc làm, hay ý nghĩ" (Dẫn theo SGK Ngữ Văn 10, tập 1).

Sự trong trắng của nàng là sự trong trắng tuyệt đích. Cho dù bị xúc phạm, bị lăng nhục nhưng tình cảm của nàng, sự thủy chung của nàng vẫn không hề thay đổi. Vẻ đẹp của nàng là vẻ đẹp của một tấm gương mà bất cứ một người phụ nữ nào trên trái đất này đều có thể soi và tự hoàn thiện mình. Nàng trở về trong vòng tay của Ra-ma sau sự chứng minh khốc liệt nhất. Đó là sự khẳng định cao nhất phẩm chất của nàng.

Sức hấp dẫn của sử thi Ấn Độ một phần là bởi trong vẻ đẹp của huyền thoại vẫn lấp lánh những tính cách rất con người. Nhưng với Xi-ta, vẻ đẹp huyền thoại và vẻ đẹp con người dường như hoàn toàn thống nhất. Đó phải chăng là lời ngợi ca đẹp nhất về nàng.

Tuy thế, cảnh tượng bi tráng về nàng, nỗi đau của nàng vẫn còn để lại những dấu ấn không phai trong lòng người đọc. Nàng là biểu tượng của vẻ đẹp nhưng cũng là nỗi đau xót mà một người phụ nữ có thể gặp trong cuộc đời mình. Nhưng hơn hết, tình yêu vẫn luôn là phép màu kì diệu làm cho thế giới mãi mãi tốt đẹp hơn. Xi-ta là biểu tượng của sự hoàn thiện, hoàn mĩ về cả hình thức, tâm hồn và tình yêu cao cả. Nhưng bi kịch của nàng cũng tiêu biểu cho những gì mà người phụ nữ có thể gặp phải trong thế giới này.

Không khí trong lành và tình yêu thương vô bờ bến toát ra từ những trang sử thi *Ra-ma-ya-na* chính bởi vẻ đẹp thẩm sâu của nữ nhân vật: nàng Xi-ta.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Trong khi học đoạn trích "Ra-ma buộc tội", ta đã biết nhân vật Xi-ta với vẻ đẹp trong sáng, thủy chung nhưng phải chịu oan khuất, phải bước lên dàn hoả thiêu mới có thể minh oan được cho mình trước "lời buộc tội" của Ra-ma, chồng nàng.

Ở đây có những điều tế nhị, khó diễn đạt bằng lời, vì tình yêu, sự trong sáng và chung thủy của nàng Xi-ta, cũng như những lời xúc phạm nặng nề của Ra-ma đối với nàng, tất cả đều có các góc cạnh và có nhiều mâu thuẫn.

Bài viết trên đây đã đạt được những yêu cầu chính của một bài tập làm văn dành cho HS lớp 10. Có đoạn đạt tới sự tế nhị rất đáng khích lệ: "Đọc chương truyện cùng với những cảm thương trước nỗi oan uổng của nàng, ta có thể sẻ chia cùng nàng cái cảm giác bị ruồng bỏ, dù rằng đằng sau sự ruồng bỏ ấy là tình yêu"...

Đề 35- Cảm nghĩ của anh (chị) khi học bài thơ Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du.

Bài làm

Độc Tiểu Thanh kí là bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du rút trong tập *Bắc hành tạp lục* được viết trong thời gian tác giả đi sứ sang Trung Quốc.

Tiểu Thanh là một người con gái tài sắc, nhưng phải làm lẽ mọn, bị hành hạ vì ghen tuông và đã chết khi còn trẻ. Tập thơ của Tiểu Thanh bị vợ cả đốt hết, chỉ còn lại một số bài gọi là "Phần dư". Nguyễn Du đã đọc những bài thơ này, viếng nàng và khóc thương cho số phận của nàng.

Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* thể hiện tình thương cảm, xót xa trước số phận người phụ nữ tài hoa bị vùi dập và chết trong oan ức. Nguyễn Du cũng tự cảm nhận về thân phận bị thương của chính mình:

"Tây hồ hoa uyển tẫn thành khu
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư
Chi phần hữu thân liên tử hậu
Văn chương vô mệnh luy phần dư
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"

Dịch nghĩa:

"Vườn hoa bên Hồ Tây đã thành bãi hoang rồi
Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ
Son phấn có thân chắc phải xót xa vì những việc sau
khi chết
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.
Những mối hận kim cổ khó mà hỏi trời được

Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan
lạ lòng vì nét phong nhã

Không biết hơn ba trăm năm sau

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?"

Dịch thơ:

"Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang

Thổn thức bên sông mảnh giấy tàn

Son phấn có thần chôn vẫn hận

Văn chương không mệnh đốt còn vương

Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?

(Vũ Tam Tập dịch)

Nhan sắc xưa chỉ còn là nấm mộ. Tài hoa xưa chỉ còn lại một "phần dư". Nhưng cuộc đời ấy, những câu thơ ấy đã khiến Nguyễn Du xúc động.

Tác giả viết về địa danh Tây Hồ (ở Trung Quốc), nơi phần hoa xưa kia, nhưng cảnh đẹp cũ không còn, tất cả đã là quá khứ lụi tàn. Tây Hồ là nơi khởi hứng. Cảm xúc của nhà thơ mang tâm trạng u hoài. Cái "dâu bể" của trời đất đã khiến cho Tây Hồ là nơi "hoa uyển" xưa kia, giờ trở nên hoang tàn ("thành khu"). Và giữa cái cảnh tượng gợi ra tâm trạng hoài cổ ấy, nhà thơ đã khóc Tiểu Thanh, viếng nàng qua một cuốn sách cũ để lại:

"Tây hồ hoa uyển tẫn thành khu

Độc điệu song tiền nhất chỉ thư"

(Vườn hoa Hồ Tây đã thành gò hoang rồi

Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ).

Trong hai câu thực, Nguyễn Du đã ca ngợi tài sắc của Tiểu Thanh:

"Chi phấn hữu thần liên tử hậu

Văn chương vô mệnh luy phần dư"

(Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết

Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở)

Nguyễn Du đánh giá rất cao Tiểu Thanh. Ông quá xúc động trước những số phận tài sắc bị vùi dập. Vẻ đẹp diệu kì, nét anh hoa đến mức

"có thân" trở nên bất tử còn tiếp nối đến ngày sau ("liên tử hậu"). Và văn chương không có số mệnh nhưng vẫn còn làm liên luy đến muôn đời. Tác giả suy nghĩ về sự ra đi của sắc đẹp, của tài hoa, làm cho người đời nuối tiếc. Giai nhân sẽ sống mãi với thời gian cũng như văn chương sẽ mang mãi vẻ đẹp vĩnh hằng.

Trong hai câu luận, tác giả nâng cảm xúc lên thành một vấn đề lớn, có ý nghĩa sâu xa, vượt những giới hạn của không gian và thời gian:

"Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kì oan ngã tự cư"

(Mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được

Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lòng này)

Nỗi oan trái trong số phận Tiểu Thanh được nâng lên thành nỗi đau kim cổ. Với con mắt của Nguyễn Du, đó là một quy luật nghiệt ngã mà con người thật sự bất lực. Nhưng Nguyễn Du đã đồng cảm sâu sắc với những số phận tài hoa bạc mệnh như Tiểu Thanh.

"Tài mệnh tương đố" là quan niệm đã có từ xưa. Cái "sắc", cái "tài" thường đi với tai ương, đó vừa là nghịch lí, vừa là hiện thực trớ trêu ở đời. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã từng viết:

"Thương thay cũng một kiếp người

Hại thay mang lấy sắc tài làm chi"

hay:

"Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần"

Ở đây, Nguyễn Du đã kí thác tâm sự của cuộc đời thi sĩ, nghĩ về người và cũng nghĩ về mình. Một nàng Tiểu Thanh có tài, có sắc vướng vào vòng oan nghiệt. Tiểu Thanh bị đẩy đoạ, chết khi còn trẻ và những sáng tác của nàng cũng cùng chung số phận, bị lưu lạc, đốt bỏ. Tố Như đã khóc cho nàng và cũng khóc cho mình:

"Phong vận kì oan ngã tự cư"

(Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lòng này)

"Phong vận kì oan" là nỗi oan lạ lòng của những người hào hoa phong nhã. Những nét đẹp lẽ ra được cuộc đời tôn vinh, nhưng rốt cục lại phải chịu hậu quả nghiệt ngã. Một nàng Tiểu Thanh phải lìa đời lúc còn xuân sắc, một thi nhân có tài văn chương mà không có mệnh thành đạt như Nguyễn Du thì khác gì nhau? Đó là bất công ở đời. Một gia đình

phong kiến hà khắc không dung nạp nổi con người tài sắc như Tiểu Thanh. Xã hội phong kiến hẹp hòi không dung nạp nổi Nguyễn Du.

Khi xã hội quay lưng với trí thức, với tài hoa, đoạn tuyệt với lòng nhân ái..., thì cũng là lúc những người như Nguyễn Du tự than thân trách phận cho mình và cho người. Tiểu Thanh bị đẩy đoạ, bị ruồng bỏ cả về thân xác lẫn tâm hồn. Những trang thơ đa sầu và giàu mỹ cảm của nàng đã không được trân trọng. Cái đẹp trong văn chương cũng như cái đẹp ở đời đã không có đất sống. Cho nên Nguyễn Du khóc cho nàng, xót xa khi nghĩ đến hậu thế:

"Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"

(Không biết hơn ba trăm năm sau

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?)

"Ba trăm năm" chắc chỉ là con số ước lệ, ý nói nhiều năm về sau. Nàng Tiểu Thanh phải mang nỗi "kì can" và đã tìm thấy kẻ tri âm đồng cảm là Nguyễn Du. Còn Nguyễn Du, ba trăm năm nữa có ai nhỏ giọt nước mắt như thi nhân bây giờ khóc người "hồng nhan bạc mệnh" hay không? Tiếng thơ là tiếng lòng, đi tìm người tri âm nơi hậu thế. Nhưng sự cô đơn vô hạn vẫn là một cảm xúc bao trùm.

Những tâm hồn đồng cảm đồng điệu đã tìm gặp nhau. Giữa sự sụp đổ, băng hoại, lụi tàn, còn những giọt nước mắt đồng cảm. Thật đáng trân trọng biết bao!

Nguyễn Du từng mơ ước một xã hội biết trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp, những tài hoa. Nhưng sinh thời, cụ Nguyễn đã không tìm được, cũng không hình dung được một xã hội như vậy. Cho nên nỗi đau của Nguyễn Du thật là sâu xa và tuyệt vọng.

Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau, những thế hệ khác bắt đầu có những cảm nhận mới mẻ và lạc quan hơn. Đó là con người của thời đại chúng ta.

Cảm ơn nhà thơ Tố Hữu đã nói hộ nỗi lòng của tất cả chúng ta, những con người của thời đại Hồ Chí Minh đã không những đồng cảm sâu sắc với Nguyễn Du mà còn tìm ra được lời giải đáp cho những bất công, oan trái mà nhà thơ đã luôn canh cánh trong lòng. Tố Hữu viết:

"Hỡi người xưa của ta nay

Khúc vui xin lại so dây cùng Người".

(Kính gửi cụ Nguyễn Du)

(Bài do thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà giới thiệu)

Hướng dẫn đọc

Bài văn trên đây đã được sửa chữa rất kĩ lưỡng. Các em nên học lấy lời văn trong sáng, cách dùng từ ngữ rất chọn lọc của bài viết này.

Cũng nhân đây xin được giới thiệu một bản dịch thơ khác của thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà, cho thấy muốn viết văn hay cần có sự say mê đặc biệt. Các em cũng có thể bắt chước thầy Hoà, tập dịch những bài thơ mà mình thích (Từ các bản dịch nghĩa hay từ nguyên văn thì càng tốt).

"Tây hồ cảnh cũ không còn
Viếng nàng đọc mảnh thơ buồn bên song.
Anh linh hương phấn vẫn nồng,
Văn chương còn luy giữa vòng trần ai.
Giận hờn không thể hỏi trời,
Tài hoa oan trái ta người dân thân.
Ba trăm năm nữa thế gian
Tố Như! Ai sẽ khóc than, hỡi người!"

(Nguyễn Xuân Hoà dịch)

Bài làm số 2

Tôi đã được đọc rất nhiều sáng tác của Nguyễn Du và thật sự xúc động trước tấm lòng nhân ái bao la mà ông dành cho những số phận những con người bất hạnh trong xã hội. Đặc biệt là người phụ nữ! Người phụ nữ xưa đi vào văn thơ của ông với một niềm trân trọng, đồng cảm, xót thương như Thuý Kiều trong *Truyện Kiều*, người mẹ nghèo trong *Những điều trông thấy*... đã làm rung động bao trái tim người đọc. *Độc Tiểu Thanh kí* cũng là một bài thơ như vậy.

Đây là một trong những bài thơ chữ Hán hay nhất của Nguyễn Du, ra đời trong thời gian nhà thơ được triều đình cử đi sứ sang Trung Quốc. Tiểu Thanh là một cô gái tài sắc, sống khoảng đầu đời Minh. Từ nhỏ cô đã là một cô bé thông minh, thông hiểu nhiều môn nghệ thuật. Số phận đẩy đưa, 16 tuổi cô phải làm lẽ một nhà quyền quý họ Phùng. Bị vợ cả ghen, bắt cô phải sống riêng trong một ngôi nhà trên núi Cô Sơn, cạnh Tây Hồ. Vì đau buồn nàng làm thơ ghi tâm trạng của mình, cô sinh bệnh, rồi chết ở tuổi mười tám. Thơ văn của Tiểu Thanh, bị vợ cả ghen đem đốt gần hết, may còn sót lại ít bài, được người đời chép lại đặt tên là "Phần dư" (Bị đốt còn sót lại), và thuật luôn câu chuyện bạc phận của nàng. Thương xót cho số phận tài hoa bạc mệnh của người phụ nữ, Nguyễn Du

đã sáng tác bài thơ *Độc Tiểu Thanh kị* để khóc nàng, đồng thời tỏ bày nỗi băn khoăn, day dứt trước số phận bất hạnh của bao con người tài hoa khác trong xã hội, trong đó có cả bản thân ông – một cuộc đời gió bụi.

Bài thơ mở đầu bằng nỗi xót xa trước cảnh đời "dâu bể":

"Hồ Tây cảnh đẹp hoá gò hoang"

Hồ Tây xưa là cảnh đẹp, nay thành "gò hoang". Tâm trạng "hoài cổ" vẫn thường thấy trong thơ xưa. Nhưng ở đây, điều quan trọng là tác giả đang bắt đầu khóc cho một số phận trong quá khứ:

"Thôn thức bên song mảnh giấy tàn"

Nguyễn Du rung lệ trước những gì còn lại của một kiếp người. Tiểu Thanh tài sắc nhưng chỉ để lại cho đời "mảnh giấy tàn". Sự ghen ghét đố kỵ của người vợ cả đã khiến nàng mất đi tuổi xuân, mất đi niềm vui, niềm hạnh phúc, và mất đi cả cái phận hồng nhan để lại cho đời. Ngẫm ra, đó cũng là sự đố kỵ của cả xã hội đương thời, cái xã hội luôn kìm hãm, đè bẹp con người, nhất là những người phụ nữ tài hoa. Nhà thơ đã bày tỏ nỗi xót xa cho duyên kiếp dở dang của nàng. Và cao hơn cả là nỗi đau nhân tình thế thái. Nguyễn Du đồng cảm với nỗi buồn đau của Tiểu Thanh, nên nhà thơ mới xúc động đến như vậy. Ông khóc thương cho nàng và dường như cũng khóc cho cả bản thân mình, kẻ từng bị đời xô dạt, đẩy đưa.

Ba trăm năm đã qua đi, nhà thơ còn có cảm giác như linh hồn người con gái xưa vẫn còn đâu đây. Mười tám tuổi đời – nàng chết trong đau khổ, oan ức. Vì oan khuất nên linh hồn nàng làm sao tiêu tan được?

"Son phấn có thân chôn vãn hận"

"Văn chương vô mệnh đót còn vương"

Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng với Nguyễn Du tất cả những gì gắn bó với nàng vẫn như còn đó. "Son phấn" là đồ trang điểm, làm đẹp của người phụ nữ, nhưng ở câu thơ này nó còn tượng trưng cho sắc đẹp, và sắc đẹp "có thân", sống mãi với thời gian. Những mỹ nhân đời xưa nay vẫn còn tên tuổi như: Chiêu Quân, Tây Thi, Dương Quý Phi... Người có thể chết đi, có thể bị chôn vùi, nhưng tiếng tăm vẫn còn lại muôn đời. Tiểu Thanh chết rồi, và những gì còn lại vẫn làm cho người đời thương tiếc khôn nguôi. Nỗi hận "son phấn" không chỉ riêng gì của một bậc tài danh nào, đó cũng là nỗi hận của Tiểu Thanh, của tài sắc bị hãm hại, bị vùi dập.

Không chỉ nói đến cái đẹp, Nguyễn Du còn nói đến cái tài của Tiểu Thanh. "Văn chương" là cái tài, là tâm tư, đồng thời cũng là vẻ đẹp tinh thần của nàng. Nhà thơ dường như đã làm cho "son phấn", "văn chương"

có linh hồn, khiến cho chúng có thể thay nàng nói lên nỗi oan khuất. Và nhà thơ tự nhận mình là người đồng cảnh:

"Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang"

Tiếp tục niềm cảm thương vô hạn đối với người con gái bất hạnh kia, từ nỗi hận riêng cho số phận Tiểu Thanh, Nguyễn Du nâng lên thành nỗi hận muôn đời.

"Tài hoa bạc mệnh", phải chăng đó là quy luật của tạo hoá, là định mệnh khắt khe của số phận?

Trong "Truyện Kiều" Nguyễn Du đã từng viết:

"Chữ tài liền với chữ tai một vần"

Với Nguyễn Du, "phong lưu" là cái "nỗi oan lạ lùng" đã ràng buộc mỗi con người, kẻ tài hoa phải đeo đẳng suốt đời. Nguyễn Du là một trong số đó. Ông đã tự nhận mình là kẻ đồng cảnh với Tiểu Thanh. Thật rõ là ông đã bênh vực nàng một cách công khai và mạnh mẽ.

Bài thơ là dòng suy ngẫm của Nguyễn Du về cảnh, về người, về đời. Càng ngẫm, nhà thơ càng thương tiếc Tiểu Thanh, và cũng lại càng thương cho bản thân mình. Từ thương người, ông chuyển sang thương thân:

"Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?"

Nhà thơ nhận thấy sự đồng điệu giữa mình và Tiểu Thanh. Nàng mất đi, ba trăm năm sau có ông khóc thương cho nàng, nhưng liệu rồi cũng sau ba trăm năm nữa ai sẽ là người nhỏ lệ khóc thương cho ông? Nhà thơ xót xa cho thân phận, khóc cho sự cô đơn, không người tri kỉ, một mình ôm mối hận của kẻ tài hoa mệnh bạc giữa đời. Tâm trạng lúc này của nhà thơ, khiến cho ta nghĩ đến tâm trạng của Thuý Kiều sau bao sóng gió cuộc đời:

"Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh

Giật mình, mình lại thương mình xót xa"

(Truyện Kiều)

Bởi vì:

"Rằng: hồng nhan tự thuở xưa

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu"

(Truyện Kiều)

Bài thơ có tám câu, sáu câu đầu là thương người, hai câu cuối là thương thân. Nhưng hai câu cuối mới là cái thần của cả bài thơ, từ thương người, Nguyễn Du đã hoà làm một với người, để đồng cảm cho kiếp tài hoa mà đau thương trong muôn vàn số kiếp tài hoa mệnh bạc khác. Tám lòng bao dung của nhà thơ mệnh mông quá! Nó không bị bó hẹp bởi thời gian và không gian. Nó vượt qua mọi giới hạn để đến với bao kiếp người, cất lên tiếng nói phản uất đối với những bất công trong xã hội đương thời.

Thương người, thương mình đó là cái gốc của chủ nghĩa nhân đạo. Nguyễn Du không chỉ thương cho người đang sống, mà thương cho cả người đã khuất mấy trăm năm.

Phải có trái tim đa cảm lắm nhà thơ mới nói được nỗi đau ấy.

Cùng với *Truyện Kiều*, *Độc Tiểu Thanh kí* đã góp thêm tiếng nói đồng cảm, xót thương cho những kiếp người tài hoa, mệnh bạc trong xã hội xưa. Đồng thời, bài thơ cũng là lời tri âm mà Nguyễn Du muốn gửi lại cho đời.

Chẳng cần đến ba trăm năm sau, trong thời đại Hồ Chí Minh, nhà thơ Nguyễn Du đã bắt gặp được một sự đồng cảm lớn lao, sâu sắc và chân thành:

"Đau đớn thay phận đàn bà!

Hỡi ơi, thân ấy biết là mấy thân"

(Kính gửi cụ Nguyễn Du – Tố Hữu)

Độc Tiểu Thanh kí mãi mãi là một đỉnh cao của chủ nghĩa nhân đạo thời kì phong kiến, xứng đáng được lưu truyền cho bao thế hệ.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)

Đề 36- Cảm nhận của em sau khi đọc bài "Thái sư Trần Thủ Độ" trích Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên.

Bài làm

Bài *Thái sư Trần Thủ Độ* là một bài bình phẩm nhân vật lịch sử rất đặc sắc của Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử kí toàn thư*. Nhân cách cao đẹp của Trần Thủ Độ để lại bao ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn của con người Việt Nam hơn 700 năm qua.

Mấy dòng đầu ghi rõ ngày, tháng, năm xảy ra sự kiện: Giáp Tí, năm thứ 1264, năm thứ 7 niên hiệu Thiên Long đời vua Trần Thánh Tông, mùa xuân, tháng giêng. Trần Thủ Độ mất thọ 71 tuổi. Ông được vua truy

tặng "Thượng phụng Thái sư Trung Vũ đại vương". Thượng phụ: cha vua; Thái sư là thầy của vua; Thượng phụ Thái sư là danh hiệu, tước hiệu cao quý tột bậc của thời phong kiến.

Hoạn văn thứ hai đánh giá phẩm chất, công lao, uy quyền của Trần Thủ Độ:

- Không có học vấn nhưng tài lược hơn người.

- Từng làm quan dưới thời Lí và được mọi người suy tôn.

- Nhờ mưu trí của Trần Thủ Độ mà họ Trần giành được ngôi báu từ tay nhà Lí: "Thái Tông lấy được thiên hạ".

- Uy quyền của ông "hơn cả vua" cho nên nhà nước phải nhờ cậy.

Đoạn văn thể hiện một lối viết tinh chắc, vừa nêu bật sự kiện vừa biểu lộ khen, chê, đánh giá.

Phần thứ hai nêu bốn sự việc rất điển hình để khẳng định và ca ngợi nhân cách trung thực, cương trực và lòng chí công của Trần Thủ Độ. Sự kiện nào cũng đầy kịch tính.

Vị quan đàn hặc về việc "Trần Thủ Độ quyền hơn cả vua"..., ta cứ ngỡ người ấy sẽ bị Trần Thủ Độ báo thù và chém đầu. Nhưng ông ta đã rõ: "Đúng như lời người ấy nói", rồi ông còn thưởng tiền lụa cho anh ta. Vì anh ta là người trung thực, dám nói lên một sự thực, dám dũng cảm đàn hặc trước mặt vua về sự "lộng quyền" của vị Thái sư. Câu nói và hành động của vị Thái sư thể hiện một nhân cách lớn: trung thực coi trọng sự thực, đánh giá cao công của người đàn hặc.

- Sự việc thứ hai là người quân hiệu không có Linh Từ Quốc Mẫu (vợ Trần Thủ Độ) ngồi kiệu đi qua chỗ thêm cấm. Khi vợ khóc và nói là bị bọn quân kiệu "khinh nhờn", Trần Thủ Độ giận, sai đi bắt. Anh ta chắc là mình phải chết. Nhưng sau khi nghe anh ta đem sự thực trả lời điều "vấn hỏi" của mình, Thái sư đã hết lời khen: "Người ở chức thấp mà biết giữ phép như thế, ta còn trách gì nữa?". Rồi ông lấy tiền vàng lụa thưởng cho người quân hiệu. Sự việc đó cho thấy Trần Thủ Độ là một người trung thực, cương trực, giữ gìn và tôn trọng các luật lệ chung của phép nước. Cách hành xử ấy rất đáng làm gương cho những người quyền quý trong xã hội, cho các quan trong triều.

- Sự việc thứ ba thật bất ngờ và thú vị. Một người xin được làm câu đương được vợ quan thái sư xin cho anh ta chắc mẫm sự chạy chọt của mình chắc ăn trăm phần trăm. Nhưng khi nghe Trần Thủ Độ nói là "chỉ chặt một ngón chân" thì anh ta "kêu van xin thôi", hồi lâu mới được tha. Tưởng xin làm câu đương để có một chút danh phận giữa chốn đình trung mà kiếm chút lộc, ai ngờ chuốc lấy tai họa! Câu chuyện diễn ra như một

màn bi hài kịch. Cách chúng ta hơn bảy thế kỉ, Trần Thủ Độ là người kiên quyết nhất chống tiêu cực: chống chạy chức, chạy quyền. Sau vụ xin làm câu đương của người nọ, "từ đây không ai dám đến nhà (Quốc Mẫu) thăm riêng nữa".

Có lẽ nhân chuyện này mà dân gian mới có lời vè:

*"Câu đương ăn nhận gì đâu,
Ngón chân bị chặt thì đau vô cùng!"*

Hay:

*"Câu đương ăn nhận gì đâu,
Ngón chân bị chặt từ sau xin chữa!"*

Câu đương mà giải nghĩa là: chức quan nhỏ, lo liệu công việc trong thôn xã, là không đúng. Câu đương: người chức dịch trong làng, giữ việc bắt bớ giải tống (Chú thích của *"Đại Việt sử kí toàn thư"* – in lần thứ hai).

- Sự việc thứ tư cho thấy Trần Thủ Độ rất chí công, đặt quyền lợi triều đình, quốc gia lên trên hết. Vua Thái Tông muốn cho An Quốc làm tướng (Tể tướng), nhưng Thái sư đã nói:

- "An Quốc là anh thần, nếu là người hiền thì thần xin nghỉ việc, còn như cho thần là hiền như An Quốc thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em cùng là tướng (Tể tướng) thì việc trong triều đình sẽ ra sao?"

Tình anh em là trọng, nhưng chuyện đại sự quốc gia còn trọng hơn. Người hiền (có đức độ tài năng hơn người) là tiêu chuẩn được giao phó trọng trách của nhà nước. Câu nói của Trần thủ Độ đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Phần thứ ba là lời bình tổng quát về nhân vật lịch sử Trần Thủ Độ. ý nào cũng đúng đắn và sâu sắc.

Thái sư là một con người tận trung với nước, tận hiếu với dân, với sự nghiệp đế vương của họ Trần "phàm công việc không việc gì là không để ý".

Công lao của ông vô cùng to lớn "giúp nên nghiệp vương, giữ được tiếng tốt cho đến chết". Ông đã có tài mưu lược tìm ra mọi cách để giành ngôi báu từ tay nhà Lí qua tay nhà Trần. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên – Mông lần thứ nhất, ông là trụ cột của Triều đình và quốc gia Đại Việt. Câu nói nổi tiếng của ông mãi mãi là khí phách của người anh hùng, biểu tượng cho hào khí Đông A: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin Bệ hạ đừng lo!". Lòng yêu nước, tính trung thực, cương trực, và đức chí công của ông vằng vặc như ánh sao băng, được hậu thế ngưỡng mộ.

Khi ông còn sống đã lập sinh từ. Vua Trần Thái Tông có làm bài văn vương triều nhà Trần. Ngô Sĩ Liên đã dành những lời tốt đẹp nhất, nêu những sự kiện lịch sử hùng hồn nhất làm sống dậy công đức vô cùng to lớn của vị Thái sư. Bài bình luận này có giá trị và ý nghĩa như một tượng đài kì vĩ.

(Theo Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10.Sdd, tr. 105).

Đề 37- Cảm nghĩ khi đọc bài "Cảm xúc mùa thu" của Đỗ Phủ.

Bài làm

Cảm xúc mùa thu là sáng tác tiêu biểu trong chùm thơ mùa thu của Đỗ Phủ- thi sĩ nổi tiếng của Trung Quốc đời nhà Đường.

Mùa thu vốn là đề tài quen thuộc trong thơ ca. Dù vậy, với Đỗ Phủ, mùa thu vẫn mang nét riêng độc đáo bởi xúc cảm và tài năng.

Bốn câu thơ đầu, tác giả miêu tả mùa thu trong bối cảnh không bình thường:

"Ngọc lộ điều thương phong thụ lâm

Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.

Giang gian ba lãng kiêu thiên dũng,

Tái thượng phong vân tiếp địa âm".

Dịch thơ:

"Lác đác rừng phong hạt móc sa,

Ngàn non hiu hắt khí thu lòà,

Lưng trời sóng dợn lòng sông thẳm,

Mặt đất mây đùn cửa ải xa".

Với thi ca cổ, rừng phong lá đỏ từng là biểu tượng đẹp đẽ, hoành tráng của mùa thu. Ở đây thì không có gam màu ấy, chỉ có rừng phong ngập chìm trong sương thu. Hai chữ "điều thương" đối nghịch với mùa thu lãng mạn. "Ngọc lộ" (sương móc) không phải tạo nên cái đẹp mà là nỗi "điều thương" (tiêu điều) bao trùm lên rừng cây phong. Những câu thơ sau đó đã củng cố thêm cái dự cảm không yên ổn. Những địa danh như núi Vu, kềm Vu từng nổi tiếng vì sự hiểm trở được miêu tả rất sinh động. Hơi thu hiu hắt, có khí mù mịt, có sóng nhẩy tận trời, có mây gió tựa cõi âm. Không gian đầy bất trắc ấy là hiện thực nơi cửa ải, vốn đã sẵn nỗi buồn cho người xa xứ.

Nửa sau của bài thơ đã mang theo những tâm sự của thi sĩ:

*"Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
Hàn y xứ xứ thôi đao xích,
Bạch Đế thành cao cấp mộ châm".*

Dịch thơ:

*"Khóm cúc tuôn đôi dòng lệ cũ
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà
Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà"*

(Nguyễn Công Trứ dịch)

Nỗi buồn li biệt đã khiến hoa cúc hơn một lần rơi lệ. Những khóm cúc qua mùa thu những tưởng thêm hương thêm sắc, hoá ra chỉ thêm những giọt lệ. Lệ của hoa và nước mắt của người. Và tác lòng hướng về nơi quê cũ vườn xưa thanh bình như một mối dây giàng buộc, như neo lại con thuyền cô quạnh, con thuyền định mệnh từng lênh dênh theo nhà thơ, kể cả lúc trở về với cõi vĩnh hằng. Chủ đề của bài thơ, tâm sự của tác giả được gửi gắm nhiều trong hai câu thơ vào hàng tuyệt tác của bài này nói riêng cũng như của thơ Đường nói chung:

*"Khóm cúc tuôn đôi dòng lệ cũ
Con thuyền buộc chặt mối tình nhà"...*

Hai câu thơ là một tiểu đối hoàn chỉnh về âm, về ý, lại như những giọt nước mắt cô đọng sâu thẳm cảm xúc.

Đến hai câu thơ cuối, tác giả trở về với hiện thực mắt thấy tai nghe nhưng cũng rất gợi cảm:

*"Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước
Thành Bạch, chày vang bóng ác tà".*

Ở đây, câu chuyện chuẩn bị áo rét cho mùa đông sắp đến cũng rất xúc động. Cái lạnh lùng của thời tiết khiến nơi nơi lo may cắt, gặt giũ, chuẩn bị áo ấm. Trong thơ cổ Trung Quốc, tiếng chày đập lụa giặt áo có sức gợi rất lớn. Nó là tập quán, là biểu tượng. Bạch Cư Dị từng có bài thơ "Nghe tiếng chày đêm". Tiếng chày có âm khuông về nỗi nhớ ấm lạnh, về sự từ giã lúc chuyển mùa, về tình cảm lứa đôi... Ở hai câu thơ này, những từ như "xứ xứ", "cấp" cùng các từ "thôi xích", "Bạch đế thành" còn gợi về khung cảnh binh đao, về thời buổi loạn lạc, nội chiến mà nơi nơi đang phải gánh chịu.

Thơ Đỗ Phủ rất có linh hồn nên không gò theo luật lệ Đường thi với bố cục: đề- thực- luận- kết. Hai phần rõ rệt của bài: bốn câu đầu có nhiều yếu tố ngoại cảnh, bốn câu sau nhiều tâm sự. Bài *Cảm xúc mùa thu* gắn liền với thăm mi thơ ca cổ, nhưng cũng rất mới mẻ. Do gắn liền với cảnh đời thực nên sức tả, sức gợi cũng rất lớn. Chính chất hiện thực đã làm nên sức sống mạnh mẽ cho bài thơ này.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 38- *Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" trích trong "Truyện kì mạn lục" của Nguyễn Dữ.*

Bài làm

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên ca ngợi khí tiết và khí phách của kẻ sĩ dũng cảm đương đầu với mọi thế lực đen tối, độc ác thâm hiểm trong cuộc đời, dám chấp nhận mọi nguy hiểm, ngay cả chết cũng không lùi bước.

Đây là một trong số 20 truyện rất đặc sắc và độc đáo trích trong *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Tác phẩm văn xuôi chữ Hán trong thế kỉ XVI, từng được ngợi ca là "thiên cổ kì bút".

Nhân vật Ngô Tử Văn chiếm bao cảm tình tốt đẹp trong lòng ta. Quê ở Yên Dũng, Lạng Giang. Tính tình khảng khái, nóng nảy, ghét tà gian, được khen là một người cương phượng.

Hành động đốt đền của Tử Văn đã làm cho mọi người "lắc đầu lè lưỡi" tỏ vẻ lo sợ cho kẻ hàn sĩ dám chọc tức quỷ thần. Trước khi phóng hoả, Tử Văn đã "tắm gội chay sạch, khấn trời". Điều đó cho thấy, chàng tự cho việc làm của mình là chính đáng, sẽ được trời biết cho, phù hộ cho; đồng thời dám chấp nhận mọi nguy hiểm. Với Tử Văn thì tên bách hộ họ Thôi kia là một tên giặc trong đám quân Mộc Thạnh đi xâm lược nước ta. Hắn đã bị giết, bị trừng phạt. Lúc sống là tên giặc cướp, lúc chết "làm yêu quái trong dân gian" thì có gì đáng thờ. Phải đốt đền đi. Tử Văn "tứ giận" là vì thế! Thử hỏi: trong vùng Lạng Giang thuở ấy đã có người nào dám làm như Tử Văn?

Có lẽ bị quỷ ám, ma báo thù nên Ngô Tử Văn sau khi đốt đền về đến nhà thì bị ốm, bị "nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét" chăng? Trong khi sốt, chàng thấy một người đi đến "đầu đội mũ trụ", quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là "cư sĩ" nặng lời trách móc chàng, đòi làm trả lại toà đền, hăm dọa: "Phong đô không xa xôi gì... rồi sẽ biết!" Vốn đã coi khinh, đã căm ghét, nên Tử Văn "mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưỡng tự

nhiên", càng làm cho con ma họ Thôi cũng tức giận, phất áo ra đi. "Kẻ sĩ không sợ chết mà chỉ sợ không biết" – Tử Văn, cũng vậy thôi. Khen, chê là chuyện thường tình. Vì thế, đến chiều tối, Tử Văn lại gặp một ông già "áo vải mũ màu đen, phong độ nhàn nhã" cho biết, ông vốn là Ngự sử đại phu thời Lí Nam Đế chết vì việc cần vương, đã được phong nhưng đã bị "tên hoạt tặc" kia, tên tướng bại trận của Bắc triều, hèn bợ vợ Nam quốc tranh chiếm mất miếu đền". Cụ già còn cho biết "hắn đã kiện thầy ở Minh ti, thầy phải liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng". Trước Minh ti, thầy nhớ kêu "xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ".

Kiện tụng ở cõi trần đã khó, kiện tụng ở Minh ti chốn âm phủ thì chắc là khó khăn và rùng rợn biết bao! Chết truyền kì của truyện được tô đậm qua nhiều chi tiết vô cùng khủng khiếp. Ngô Tử Văn bị hại tên quỷ sứ đến bắt giải đi trong mấy chục trượng. Bị gai con quỷ dùng gông dài thừng lớn trói giải đi. Bước qua một cáo cầu dài ước hơn nghìn thước bắc qua một con sông lớn "gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương". Có thể mấy vạn quỷ Dạ Xoa "mắt xanh mỏ đỏ, hình dáng nhanh ác" đứng chật hai đầu cầu canh giữ. Tử Văn bị dẫn vào cửa điện.

Cuộc đối chất diễn ra ở Minh ti thật gay go giữa Tử Văn và tên họ Thôi tướng Tàu. Tử Văn "rất cương chính, không chịu nhụt chút nào" tên "hoạt tặc" cho Tử Văn là kẻ "mồm năm miệng mười, đơm đặt bịa tạc". Hai bên "cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái". Diêm Vương bụng cũng sinh nghi. Khi Tử Văn xin Diêm Vương "đem giấy đến đền Tản Viên để hỏi thực hư", thì tên bách hộ họ Thôi lên giọng đạo đức giả, xin Diêm Vương "tỏ cái đức rộng rãi" và "khoan tha" cho kẻ học trò "ngu bướng".

Diêm vương rất công minh và nghiêm khắc. Khi sai nhân đến đền Tản Viên về tâu, ngài trách mắng các phái quan để lọt "sự đối trá can bậy". Đại Vương ra lệnh trừng phạt tên tướng Tàu: "lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ vào ngục Cửu U". Ngài khen tử Văn "có công trừ hại", sai lính đưa chàng về.

Cuộc đối tụng ở Minh ti, Tử Văn đã chiến thắng. Chính nghĩa và lẽ phải đã chiến thắng. Kẻ gian xảo, độc ác đã bị trừng phạt đích đáng.

Sau hai ngày chết đi, Tử Văn được sống lại. Cái đền cũ được dựng lại. Ngôi mộ của tên tướng Tàu bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám. Tử Văn đã được tiên cử chức phá sứ đền Tản Viên. Lão phu được trở về đền miếu cũ. Rồi Tử Văn không ốm đau gì mà mất. Đó là chuyện kì lạ. Kì lạ mà như thật: sáng sớm năm Giáp Ngọ (1444), một người làng đã nhìn thấy Ngô Tử Văn ngồi trên chiếc xe ngựa chạy âm âm ở ngoài cửa tây thành Đông Quan, nghe tiếng người quát: "Người đi đường tránh xa, xe quan phán sự! Và ở quê cũ "nhà quan phán sự" vẫn còn đó.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên có bao yếu tố thần kì hoang đường bao phủ các nhân vật, cốt truyện, các tình tiết. Trong 4 cảnh: Ngô Tử Văn đốt đền rồi gặp hai hồn ma, cảnh Ngô Tử Văn bị bọn quỷ sứ công và trời giải đưa xuống toà Minh ti, cảnh Diêm Vương xử kiện, trừng phạt tên tướng Tào, cảnh người làng gặp quan phán sự ngồi trên cỗ xe chạy âm âm ngoài thành Đông Quan, cảnh nào cũng có tình huống giàu kịch tính, để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc với niềm tin là chuyện lạ mà như thật, có thật.

Qua nhân vật Ngô Tử Văn, tác giả ca ngợi nhân cách cao đẹp của một hào sĩ dũng cảm, khẳng khái đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân, thể hiện niềm tin vào công lí, chính nghĩa; còn bọn bạc ác tà ma nhất định bị trừng phạt đích đáng!

Cuộc đời cần có nhiều Ngô Tử Văn.

Xã hội cần có nhiều phán quan như Ngô Tử Văn.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*, Sđd, tr. 113).

Đề 39- Quan sát và nêu cảm xúc của anh (chị) trước quang cảnh một cánh đồng lúa chín.

Bài làm

Mới chỉ vài hôm chưa trở lại với cánh đồng làng mà hôm nay em đã rộn ngợp trước màu vàng trải dài tưởng như vô tận của lúa chín. Trong lòng em bỗng ngân lên những nốt nhạc vui: "Lúa chín vàng- đồng lúa bát ngát trời"... Thật đúng lời một câu hát về ngày mùa. Ôi bức tranh tuyệt diệu của bàn tay lao động con người.

Chỉ có một gam màu duy nhất- màu vàng. Từ tầm tay với cho đến tận nơi ngút mắt xa xăm, tất cả đều là lúa. Sóng lúa hôm nay cuộn cuộn trước mắt mọi người, hứa hẹn mùa màng no ấm. Ba tháng trước, ở đây tập nập cảnh "chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa". Ba tháng trước đây, mẹ em còn lội bì bõm trên mặt ruộng giá lạnh, cấy xuống những thửa mạ non run rẩy. Nhà thơ Trần Đăng Khoa thuở nhỏ cũng từng miêu tả hạt gạo trong sự vật lộn, vất vả của thiên nhiên và của con người:

*"Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa*

Những trưa tháng sáu

Nước như ai nấu

Chết cả cá cờ

Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy".

Người nông dân bao đời nay luôn ước mơ được no ấm:

"Bao giờ cho đến tháng mười

Nấu nồi cơm nếp vừa cười vừa ăn"

Năm nay có phần mưa thuận gió hoà, chắc là những bông lúa sẽ được đưa về làng trồn vẹn. Đã từng có những vụ lúa bị mưa lụt nhấn chìm khi sắp đến kì thu hoạch. Mưa nắng cũng rất bất chợt như nhà thơ Hoàng Trung Thông đã từng miêu tả:

"Có mùa hạ cháy đồng khô cạn

Mười bậc nước leo lên ruộng hạn

Có mùa lúa chín lụt tràn qua

Lại phải nghiêng đồng hắt đổ ra"

Làng tôi cũng là một vùng quê của xứ sở cây lúa nước. Những mùa vàng đến với con người mong sẽ ít dần đi những giọt mồ hôi. Vất vả lo toan của người nông dân mong sẽ được đáp đền xứng đáng hơn.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 40- Quan sát ngôi nhà cao tầng đang xây và nêu cảm xúc của anh (chị).

Bài làm

Những ngày này đến trường, em đi trên một con đường mới. Những hàng cây non trồng chưa lâu mới nhú vài chồi nhỏ trên những cành khẳng khiu. Thế nhưng, những ngôi nhà lớn cạnh đó đang đua nhau mọc lên, đổi khác từng ngày. Gương mặt quê hương thay da đổi thịt có lẽ dễ thấy nhất là ở những công trình đang xây.

Những chiếc cần cẩu dài như những cánh tay khổng lồ đưa lên cao bao nhiêu sắt thép, gạch ngói. Chỉ có một bác lái máy cẩu loay hoay trong buồng máy nhưng đã làm công việc của cả trăm người. Máy móc cho con người sức mạnh nối dài thêm đôi cánh tay vươn tới tầm cao. Bên cạnh đó còn có những máy trộn bê- tông, những chiếc búa máy khổng lồ... thành

thích, chuyển rung mặt đất. Kia là những con người cần mẫn và thông minh. Những bay vữa miết vào từng viên gạch, những đường nét hoa văn được đắp vẽ lên tường, những đường chổi quét vôi màu rạng rỡ... Tất cả cần đến bàn tay khéo léo của người thợ yêu nghề

Những mái nhà đầu tiên của loài người được dựng lên có thể chỉ là những cành cây được bẻ xuống, được buộc kết để che chắn cho con người trong mưa nắng. Thoát khỏi những hang động tự nhiên, bằng bàn tay của mình, con người tự tạo nên chỗ ở. Những ngôi nhà cũng lớn lên và đẹp hơn từ đấy. Gió mưa, thời gian ! Những ngôi nhà phải vượt qua nó. Phải có nền móng vững vàng bắt đầu từ những viên gạch bé nhỏ. Muốn có được chiều cao tuyệt diệu của ngôi nhà, lại phải có được chiều sâu dưới nền móng, như bộ rễ của cây đủ sức nâng đỡ vòm lá rộng.

Nhìn từ xa, những người thợ xây như những con kiến leo trên tầng cao. Em bất giác nghĩ đến sự kì diệu của lao động. Ước mơ nhà cao cửa rộng đã có từ ngàn xưa. Những ngôi nhà cần có gió trời, cần có gió điện. Những ngôi nhà tường trắng màu mây, cửa sổ xanh lá cây, những ngôi nhà nhiều dáng nhiều vẻ. Khi những ngôi nhà cao tầng mọc lên sẽ xóa dần đi bao mái nhà tranh tre nứa lá.

Ôi, những ngôi nhà cao tầng! Mới ngày nào hình ảnh mái ngói đỏ son, tường vôi trắng xoá còn là biểu tượng của cuộc sống. Giờ đây, những ngôi nhà cao tầng, phải, năm, bảy tầng, rồi hàng chục tầng cao..., sẽ là biểu tượng của một đời sống hiện đại hơn nhiều.

Em ước mơ ngày mai lớn lên xây tiếp những ngôi nhà.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 41- Cảm xúc của anh (chị) khi nhìn một đứa bé mồ côi không nơi nương tựa.

Bài làm

Tôi gặp em, một đứa trẻ hành khất, khi rẽ vào chợ huyện mua vài thứ lặt vặt. Em gái chỉ chừng độ 3-4 tuổi, tôi có cảm giác như em vừa mới biết đi hôm nào!

Em chìa tay nhỏ xạm đen, gầy gò trước mặt tôi, đôi mắt non nớt, nhưng đã sớm nhuốm vẻ buồn và lạnh lùng của em làm cho tôi trần trở... Đặt vào tay em đồng tiền lẻ, tôi muốn níu em lại hỏi han đôi câu, nhưng em đã cảm ơn rồi lặng lẽ bước đi.

Nhìn em len lỏi giữa dòng người đông đúc, chìa bàn tay gầy trước bao người đi chợ, tôi cảm thấy mình như thiếu một điều gì đó lớn lắm. Có

người xua đuổi em, có người thờ ơ không đoái hoài gì đến em, có người ái ngại bỏ vội vào tay em đồng tiền lẻ..., nhưng tôi thấy tuyệt nhiên không một biểu hiện gì khác trên gương mặt em: không buồn, không vui, không căm giận, thậm chí cũng không mừng rỡ như những kẻ ăn mày khác mỗi khi có người cho em nhiều tiền hơn...

Em vẫn bước đi, chìa bàn tay khô gầy với giọng nói yếu ớt:

- Cháu xin các cô, các bác...

Tôi nhận ra giọng nói của một người miền khác. Lòng tôi bỗng nhói đau. Tôi tự hỏi: "Em ở đâu? Sao lại đến nơi này? Cha mẹ em đâu? Những người thân của em ở đâu?". Chỉ mới vài bốn tuổi, em phải chịu cảnh ăn mày ở đầu đường xó chợ. Đứng ở đây, tôi nghe các cô trong chợ nói với nhau: em là trẻ mồ côi, lưu lạc từ phương xa, mới tới đây được ít ngày. Em theo đám người buôn trâu bò, rồi họ bỏ rơi em ở lại. Ai cũng ái ngại thương em vì em còn nhỏ quá. Họ bảo: đem em ngủ trên các sạp hàng, ngày đi xin ăn. Các bà các chị thương tình đem cho quần áo. Tôi rùng mình khi tự đặt trong cảnh ngộ của em. Đêm một mình ngủ giữa cái chợ mênh mông không một bóng người! Bằng tuổi em, tôi đã suốt ngày được mẹ cưng chiều, đi học còn phải đón đưa, ngủ còn phải dỗ. Vậy mà em... Nửa đêm nghe tiếng con mèo hoang gào khóc, tiếng chuột chạy rình rịch làm rơi mấy viên ngói vỡ... Giữa màn đêm đen đặc và im ắng có thể có những bóng ma nào?... Nếu là tôi, chắc tôi sẽ phải sợ chết ngất đi mất.

Trong đêm dài gió lạnh, chẳng có ai kể cho em nghe thật nhiều chuyện về công chúa và hoàng tử? Thậm chí cũng chẳng có ai dạy em cách tự mình sưởi ấm đêm đông. Tôi giật mình chợt dạ khi nghĩ đến em là cô bé bán diêm? Không, cuộc đời này không đến nỗi độc ác, ích kỉ, để cho em phải chết còng một mình trong giấc mơ gặp lại bố mẹ.

Mái tóc em vàng hoe, và làn da non nớt đã có vẻ rám nắng làm cho tôi chạnh lòng.

Tôi nghĩ đến quyền của trẻ em. Không, em ạ, em có quyền được chơi, được đùa, được tới trường, được chăm sóc...! Bây giờ thì tôi nghĩ ra rằng, bất luận bố mẹ em là ai, em từ đâu tới, và vì sao em lại phải ra đường, em vẫn có quyền được hưởng cuộc sống bình thường như bao nhiêu đứa trẻ khác.

Tôi lại chợt nghĩ đến khu nhà SOS của thành phố vừa xây xong.

Sớm muộn gì em cũng sẽ được đưa về ngôi nhà ấy. Nơi ấy có các chị, các mẹ, những người luôn dang rộng cánh tay để nhận những đứa trẻ lang thang cơ nhỡ như em về làm con mình. Họ sẽ thay mẹ em chăm sóc em tận tình. Em sẽ được tới trường, sẽ là một cô học trò tinh nghịch, học giỏi và siêng năng.

Rồi một ngày kia, khi nghĩ về bố mẹ, em có thể sẽ cảm thấy mình bất hạnh. Nhưng nhìn con mắt đầy nghị lực của đứa trẻ bốn tuổi, tôi tin rằng em sẽ vượt qua. Và chắc chắn lúc ấy, em mới càng biết ơn những người đã chăm sóc, nuôi dưỡng em, biết ơn chế độ này, đất nước này, và cả cuộc đời này lắm lắm!

Tôi tin và cầu chúc những điều may mắn sẽ đến với em, một đứa trẻ mồ côi lưu lạc...

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp).

Đề 42-

Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh.

Bài làm

Hôm nào cũng vậy, học bài xong tôi thường có thói quen mở toang cửa sổ và ngồi nhìn ra ngoài. Không gian yên tĩnh làm cho tôi có cảm giác bình yên, để mông lung suy nghĩ.

Đã bao năm nay rồi, bàn học của tôi được kê ngay cửa sổ căn buồng nhỏ. Nơi đây thường mở ra trước mắt tôi những điều kì diệu.

Cánh cửa sổ vẫn vậy mà dường như mỗi ngày mang một dáng vẻ riêng. Đêm nay, trời khuya sao yên tĩnh quá! Phía bên ngoài không còn những cơn mưa rào rậm rịch gõ vào đêm, buồn như những tiếng thở dài.

Đêm nay trăng thu sáng cả bầu trời, sao lấp lánh cười, và gió như những bàn tay ai vẫy vẫy hất lên bờ tường phía trước. Tôi thầm nghĩ đó là vũ điệu của đêm!

Hoà cùng gió là tiếng côn trùng rên rĩ, có lúc rộn rã như một dàn đồng ca ru đêm dài lặng lẽ.

Tôi hình dung những đêm mưa. Bóng trời đen và sâu thăm thẳm, bí ẩn và hoang đường. Đêm cũng có linh hồn! Mỗi khi nhìn mưa đêm, tôi thấy cô đơn và trầm mặc quá!

Còn hôm nay, sự im lặng lại khiến lòng tôi thích thú. Trăng làm cho tôi vui, trăng toả thứ ánh sáng dịu dàng, tinh khiết. Phải! Trăng tinh khiết và chưa bao giờ tinh khiết đến vậy! Sau một ngày học bài căng thẳng, tôi muốn tĩnh tâm để ngấm lại mình; thích quan sát mọi thứ xung quanh, để phân xét, để bình luận...

Sáng nay, lá rơi nhiều quá, vàng cả sân trường. Mùa thu như dồn lại cả nơi này khiến tôi có cảm giác đang đứng trên một chiếc thảm màu nắng. Từng chiếc lá chao nghiêng theo gió, rồi nhẹ nhàng đáp xuống sân khiến tôi say sưa quên cả tiếng trống trường tan học. Tôi mãi mê đứng nhìn, quên cả cô chủ nhiệm đang đứng sau mình, để thẳng thốt, ngỡ ngàng

khi cô cầm tay tôi kéo đi. Tiếng cô nhẹ nhàng như gió: "Về, về thôi!". Tôi mơ màng như đang đi trên mây, bông bênh và hư ảo. Bây giờ nghĩ lại, lòng tôi bỗng rung rung. Tình thầy cô bao giờ cũng là bài ca bất tận.

Bông mua tím tôi treo ngoài cửa sổ đựng đưa, hình như gió đến làm quen với bông hoa trơ trọi tôi hái lúc chiều.

Chiều nay lần đầu tiên tôi theo bạn ra đồng chăn bò, lần đầu tiên tôi được nhìn lòng mình từ phía xa. Những mái nhà thấp thoáng sau những lùm cây, những rặng dừa, rặng tre quen thuộc lần đầu tiên được nhìn dưới góc độ khác, thấy như một nơi xa lạ.

Những cánh cò thông thả bay, chập chờn trên cánh đồng vắng; những đàn chim ri, chim sẻ ríu rít đùa nhau trên hàng dây điện cao áp. Cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, dài và rộng mênh mông!

Chiều cuối thu, cái se lạnh làm lòng người xao động. Và đêm nay, cái cảm giác ấy dường như vẫn nguyên vẹn trong tôi, thật lạ mà cũng thật quen. Tôi vẫn còn hình dung rõ rệt, hình ảnh cánh cò trắng thoát bay, thoát đậu trên bờ ruộng. Quê hương tôi thật đẹp, chắc đêm nay dưới ánh trăng này, quê sẽ đẹp hơn, bình yên hơn.

Đêm nay, những cây ổi như sà vào gần hơn khung cửa tôi ngồi. Mùi hoa sữa thoảng hương nồng nàn vào căn phòng nhỏ. Hoa sữa làm cho mùa thu trở nên đặc biệt. Tôi cứ tưởng mùi hương của nó giống như lời tỏ tình của một anh chàng vụng về mà mãnh liệt, đến nỗi những cô gái yếu đuối phải rung mình...

Mùa thu sắp qua rồi, trăng thu cũng bớt vàng hơn, đêm hình như cũng sâu hơn. Mùi của gió cũng bớt nồng nàn...

Tiếng bố tôi cựa mình ở gian nhà ngoài làm tôi chợt dừng luồng suy nghĩ miên man. Suốt một đời khó nhọc, bố tôi luôn ngủ không yên giấc...

Chị em tôi như những cây tầm gửi bám vào bố mẹ, rút kiệt dần sức lực của bố mẹ đến cạn cỗi, già nua. Ý nghĩ ấy làm lòng tôi nhói đau vì thương bố mẹ.

Bố thường cấm tôi ngồi một mình trong đêm và thức khuya. Vì bố không muốn tôi phải suy nghĩ.

Nhưng đêm yên tĩnh làm cho lòng tôi không thể không suy tư. Tôi suy ngẫm về một ngày đã trôi qua, rút ra cho mình nhiều bài học, nhưng quan trọng hơn, tôi muốn nuôi dưỡng cảm xúc và quyết tâm của mình. Cảm xúc của cô bé mười lăm tuổi đẹp đẽ lấp lánh, nhưng cũng đôi khi chất chứa ưu phiền.

Bố mẹ ơi! Đêm nay yên tĩnh, con tự hứa với lòng mình sẽ học và bước vào đời thật kiêu hãnh, để bố và mẹ không còn phải thao thức. Cảm ơn màn đêm yên tĩnh đã cho tôi biết lắng nghe tiếng nói của lòng mình.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 43-

Cảm nghĩ đêm trăng sáng đẹp.

Bài làm

Chiều buông xuống chưa lâu. Vậy mà bây giờ tất cả đều ngập chìm trong ánh sáng của trăng. Ánh trăng kì diệu huyền ảo làm ta băng khuâng. Bất giác, em nhớ về một câu hát:

*"Sân nhà em sáng quá
Nhờ ánh trăng sáng ngời
Trăng tròn như cái đĩa
Lơ lửng mà không rơi" !*

Ồ! Cái đĩa vàng, gương mặt đẹp của tự nhiên bao lần chứng kiến tuổi thơ yêu trăng của em. Bầu không gian kia trở nên cao rộng biết bao khi trăng toả sáng.

Hôm nay cả nhà em đã kết thúc bữa cơm chiều trong ánh trăng đầu mùa thu. Trí tưởng tượng của em bây giờ được dịp thả sức bay bổng. Trăng bây giờ trở thành món ăn tinh thần sau bữa cơm gia đình thân mật. Những gương mặt người dịu đi bao lo toan vất vả thường ngày trở nên tươi sáng hơn dưới vầng trăng thơ mộng. Đứa em còn nhỏ tuổi là vui nhất nhà. Nó đã tung tăng phía ngõ, nhắc lại bài đồng dao hôm trước mới học được:

*"Ông trăng ơi
Xuống đây mà chơi với tôi
Có nôi cơm nếp
Có tệp bánh chưng
Có lưng hũ rượu..."*

Chà! Có thật nhiều thứ, nó đem khoe với trăng. Trăng là gương mặt của người ông đáng kính hứa hẹn cho nhiều trò chơi, nhiều câu chuyện cổ tích. Mặt trăng là chị Hằng, là thằng Cuội, là con thỏ nhà trời: "Trải bao thỏ lặn ác tà" (thơ Nguyễn Du).

Bác Hồ cũng thường nhắc đến trăng khi gửi thư cho thiếu nhi nhân ngày khai trường:

"Trung thu trăng sáng như gương

Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng".

Mùa thu trăng đẹp cũng là mùa em tựu trường. Đã nhiều mùa thu đi qua tuổi thơ và mái trường. Trăng gần gũi với trang sách học trò. Em muốn ánh trăng được chứng kiến nhiều hơn những niềm vui trái đất, niềm vui của làng xóm, phố phường. Trăng là ánh sáng tự nhiên không gì thay thế được. Trăng đi đâu cũng thấy, chỗ nào cũng có, đủ soi sáng cho muôn vàn cảnh vật khi đêm về. Ngày nay, nhiều nơi đã có điện. Ánh trăng do con người tạo ra thay đổi cuộc sống. Dưới tay bác thợ điện cái bóng đèn bật sáng. Thế nhưng mặt trăng như bóng đèn khổng lồ trong vũ trụ chẳng may bị tắt đi thì chẳng bác thợ điện nào thay thế được.

Em nghe bố nói con người đã bay lên mặt trăng bằng phi thuyền. Mai này có thể em sẽ theo chân người trước lên tới mặt trăng, sẽ gặp gỡ những nhân vật huyền thoại trên cung trăng.

Em mong mặt trăng sẽ còn là xứ sở thân thiết, gắn bó hơn với con người trong tương lai.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Đề 44-

Cảm nghĩ khi xa nhà.

Bài làm

Mưa ! Lại mùa mưa. Tôi lặng lẽ đứng ngoài lan can phòng học buồn bã nhìn những cơn mưa ồn ào đổ xuống... Vậy là tôi đã xa quê thật rồi!

Trường mới, bạn bè mới, cuộc sống mới... càng làm cho những hình ảnh tuổi thơ lại hiện về trong tôi da diết. Sân trường kia đâu có những hàng keo nở hoa vàng rực rỡ, đâu có những trò chơi dân dã của quê tôi. Chỉ có hàng phượng già và những cây bằng lăng hết mùa hoa nở, xanh nhẵn nài trong chiều. Tất cả lạ lẫm trước tôi, làm cho tôi lẻ loi, lạc lõng. Thầy cô cũng khác, giọng giảng bài nghe lạ quá! Tiếng thầy vẫn ấm, nhưng không xua tan được những bờ ngổ ban đầu trong tôi. Tôi chỉ thấy nhớ nhà, nhớ lớp, nhớ quê... Tất cả cứ hiện về trong tôi ập ào và da diết!

Tôi nhớ lớp nhớ lũ bạn cùng rủ nhau hái hoa đại ép, màu tím thủy chung của loài hoa trinh nữ khô giòn trong trang sách, có hôm tranh nhau làm từng bông vớ vụn, tiếc ngẩn ngơ rồi lại cười giòn tan! Nhớ những ngày rong ruổi đạp xe, con đường tới trường thơm mùi cỏ ứt, tôi

thường hít hà và thích thú trước ánh mắt tròn xoe của bọn bạn. Hình như chỉ mình tôi cảm nhận được cái mùi của ban mai ấy. Giờ con đường tôi đi, chỉ toàn bê tông vững chắc đâu còn chỗ cho cỏ nữa. Bạn bè tôi chắc giờ đang nhớ tôi nhiều lắm, có khi còn khóc nữa; chúng có ép hộ hoa cho tôi không? Có chờ tôi trở về để đi tiếp con đường tuổi nhỏ, để dệt những buổi chiều chăn trâu, cắt cỏ, cỏ may cửa vào chân ran rát. Tan chiều, thường ngồi lại gỡ cỏ cho nhau, rồi chọc nhau cười vang cả đồng quê. Tôi nhớ dòng sông nhỏ cạnh nhà tôi, nơi tôi và em gái thường thả thuyền tre, và tin thuyền sẽ trôi ra biển. Xa tôi rồi, em tôi có còn thả nữa, hay sẽ viết thư vào lá, thả xuống dòng nước trong: Lá thư cầu nguyện! Em cầu nguyện cho tôi bình yên nơi phố phường xa lạ, sớm trở về thăm em và chơi cùng để kể cho em nghe về vùng đất mới; về bạn mới, trường mới...

Những bờ hoa dại trắng nơi tôi và em thường dắt nhau ra hái bây giờ có nở nữa không? Bây giờ chỉ mình em ngồi bên bàn học, chẳng có ai la rầy em nữa, chẳng có ai giúp em giải những bài tập khó, em có buồn không! Ôi, những buổi chiều, được cùng em mang điều chạy trên bờ đê lộng gió. Sao vui đến thế? Bây giờ ai giúp em thả vầng trăng xanh ấy mỗi chiều? Em có tự làm không?

Bạn bè tôi giờ ra sao? Tôi nhớ tiếng cười, nhớ giọng nói, ánh mắt của từng đứa. Nhớ cả những giờ phút chia tay, bạn bè chúc nhau thi đậu. Vậy mà nay không còn đi chung trên con đường tới lớp, không được học chung dưới một mái trường. Mười lăm tuổi đầu, tôi khăn gói lên đường, xa tất cả để đến một Thành Phố lạ. Đã bắt đầu một cuộc sống phải lo toan. Chiều tan học, tôi một mình lang thang đạp xe trên phố. Mưa tầm tã suốt những ngày qua, tiếng ồn ào không đủ làm cho thành phố bớt ưu tư, lòng tôi trĩu nặng. Mưa hắt vào mặt ran rát, buồn đến phát khóc. Nhớ bố mẹ, nhớ bà, và nhớ em quá đỗi! Chiều nay, không có Mai, có Hồng đạp xe bên tôi nữa, không được bỏ áo mưa ra để tắm trọn một đường mưa. Bây giờ, lỡ xe tôi hư hỏng, ai sẽ vác giùm tôi như Hồng? Lỡ tôi khóc, ai dỗ tôi như Mai? Không ai cả, chỉ mình tôi đi trong chiều giá lạnh. Tôi cũng không được sà vào bếp với bà, để được bà xoa đầu âu yếm, không được mẹ vồn vã, lo lắng đưa cho chiếc khăn lau những giọt mưa đọng trên mặt không được tắm nồi nước là thơm bà nấu nữa. Bữa cơm chiều cũng vắng tôi, cả nhà sẽ nhắc tôi thật nhiều hay mẹ lại khóc? Em chẳng còn ai tranh ti vi nữa, mẹ cũng không phải làm trọng tài phân xử. Tôi đi rồi, mọi thứ cũng đổi thay...

Chiều nay tôi không được trốn mẹ ra bờ sông đứng nhìn cánh đồng quê lênh láng nước; nhưng tôi vẫn biết, lúa quê mình đã chìm dưới biển nước mất rồi. Thương những bác nông dân cần cù, chăm chỉ để đến ngày này lũ lụt ủa về mất trắng một mùa vui. Chiều nay, nước lên đến ngõ nhà

tôi chưa? Mẹ có ngồi bên thân bên cửa nữa? Mất mùa rồi... lại tháng ba âm ảnh. Mất bố đây âu lo.

Mưa ơi! chiều nay không được trùm chăn chờ bố đi giăng lưới về nữa. Những con cá vẫn quấy một vùng ký ức của tôi, ký ức có tiếng cười của bố lẫn vào mưa! có dáng bà lưng còng bên bếp lửa, khói chiều nghiêng trên mái bếp bình yên. Không được hái cho bà những lá trầu vàng rộm nữa, vườn trầu mưa này có run rẩy tàn đi? Thành phố ơi, sao lạ nhiều đến vậy, mưa thật nhiều và chỉ có mình tôi.

Con đường tôi đi, xe cộ tấp nập qua, hối hả quá, và cũng vô tình quá! Tôi chạnh lòng thấy bác xe ôm, lặng lẽ đứng chờ khách dưới mưa. giờ này ai cũng được trở về sum họp với gia đình, mà bác như cây cột đèn nhẵn nại bám trụ các ngã đường dù nắng, dù mưa, dù ngày, hay tối. Tôi lại nhớ bố, nhớ những đêm bố đi gác, căn nhà như trống trải hơn, tôi thường nằm thấp thỏm, chỉ chờ tiếng bước chân nặng nề quen thuộc bước vào nhà, tôi mới bình yên chìm vào giấc ngủ. Giờ này, các cô, các bác bán hàng rong cũng vội vã đi về trên những vỉa hè. Nhìn đế dép mòn vẹt tôi tự hỏi những bàn chân này đã đi không biết bao nhiêu nẻo đường, qua bao nhiêu con phố, qua bao nhiêu ngày đòn gánh trên vai? Tôi lại nhớ bờ vai của mẹ, của bà, cái bờ vai suốt một đời gồng gánh, giờ đã thành chai. Bờ vai ấy đã cho tôi những giấc ngủ bình yên, cho tôi sự chờ che lúc vui, buồn trẻ dại. Tôi thấy lòng nhẹ hơn, khi bên mình không có người thân bè bạn, nhưng vẫn có những con người tôi rất đổi tin yêu. Tôi thấy được hình ảnh bố mẹ tôi trong hình dáng những con người lao động nơi này; thấy như được đồng cảm, sẻ chia. Xa nhà rồi, không còn được bà, bố mẹ cưng chiều chăm bẵm mới hiểu được tình yêu thương vô hạn mà mình được đón nhận; mới thấm thía nỗi vất vả, khó khăn của gia đình. Mới thấy mình còn bé nhỏ biết bao nhiêu.

Mãi miên man trong suy nghĩ, chợt thấy tiếng cười quen quen của ai đó cất lên. Tôi giật mình ngoái lại, các bạn trường tôi đang cười nói vui vẻ, hồn nhiên, tiếng cười sao thân thương quá! Tôi bỗng thêm khát sự vô tư kia, thêm được nô đùa, thêm được cùng nhau đi dạo dưới sân trường, chia sẻ cho nhau nỗi nhớ quê nhà. Tôi nhớ lại lớp mới của tôi, chỉ vắn vện ba mươi đứa con gái, nhiều khi nhìn nhau còn lúng túng. Nhưng có những nhóm bạn đã hoà nhập thân quen, trò chuyện rôm rã làm rộn lớp học mỗi chiều. Sao tôi lại chưa làm điều đó, tất cả cũng đều như tôi mới từ già mái trường cấp hai quê nhà đây kỉ niệm, sao không cười với nhau và hỏi thăm nhau tâm sự cùng nhau? Tôi muốn ulla nhanh vào lớp, để hỏi thăm từng bạn, kết thân và góp một tiếng cười vào không khí lớp. Nhưng chiều sắp tàn rồi, tôi phải về, chú dì đang chờ tôi, phố núi đang chờ tôi. Nhất định ngày mai tôi sẽ trò chuyện cùng các bạn, không đứng ngoài

lan can một mình nữa! Tôi thấy bà, bố mẹ hình như đang cười với tôi;... xa nhà nhưng tôi vẫn thấy như lúc nào mọi người cũng ở bên tôi; ai cũng muốn tôi vui, tôi hoà nhập nhanh vào cuộc sống mới.

Ừa nhanh ra sân, những giọt mưa vẫn còn nặng, bong bóng vỡ đều trên nền xi măng trắng xoá. Bà ơi, bố mẹ ơi con sẽ tập trưởng thành.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 45-	<i>Cảm nghĩ khi xa mái trường trung học cơ sở.</i>
---------------	---

Bài làm

"Từ trong tim tôi nói lời tha thiết yêu trường...". Câu hát ngân mãi trong lòng tôi từ ngày rời xa mái trường quê hương tuổi thơ.

Những ngày ấy đã một đi không trở lại. Ở trường trung học cơ sở, nơi mình học tập, với cái tuổi mười hai, mười ba, đã mở ra nhiều điều mới mẻ cùng trang sách. Năm tháng ấy mình có nhiều thầy hơn, nhiều bạn hơn. Chỉ nói tới việc đến trường với cặp sách đầy và nhiều môn học, mình đã thấy lòng phấn chấn vì từng ngày khôn lớn. Mái trường tuổi thơ, nơi ươm mầm những kiến thức đầu đời. Đây là ngôi nhà chung của trang lứa thiếu nhi. Tấm khăn quàng đỏ là dấu hiệu chung nhất của mái trường này. Những con người sẽ lớn lên... Bắt đầu từ đây, tiếng nói của thầy cô vun đắp cho những suy nghĩ ước mơ. Cái tuổi nhớ lâu nhớ mãi, cái tuổi nhiều nụ cười trên mỗi gương mặt.

Nắng và hoa phượng. Khăn quàng đỏ và những trang sách xôn xao với gió. Tuổi mới nhay cảm với tất cả và tràn trề hi vọng. Mái trường, những bộ đồng phục, thầy cô, bạn bè và những trang sách... đã mở ra đây ấp ước mơ. Rồi đây, chúng tôi sẽ như những cánh chim bay về nhiều phía bầu trời. Vốn liếng đầu tiên từ sách vở nhà trường đã chấp cánh để chúng tôi bay, và chúng tôi luôn vững tin vào tri thức của mình.

Mùa hè nghỉ ngơi vui chơi bổ ích đang đến. Bên tai mình còn đồng vọng tiếng thầy cô giảng bài, những lời chia sẻ động viên từ bè bạn. Trước mắt là những bãi biển lộng gió, những miền quê xa ngày pic-nic.

Nhớ lắm những ngày đầu tiên mới rời khỏi ghế trường tiểu học. Lúc ấy, tôi còn nhỏ lắm, chỉ mới ngang tầm bụng người lớn. Thằng "Hải lùn" nghịch như quỷ sứ, suốt cả bốn năm chẳng một lần được điểm khá, cái thằng ấy lúc mới vào trường chỉ nhỏ bằng hạt mít. Thế mà bây giờ cũng ra dáng một chàng trai. Còn cái Lan Anh, con bà hàng thịt thì lúc mới vào xinh xắn là thế mà bây giờ lại béo i... Ôi, tất cả chúng bạn, rồi đây sẽ mỗi đứa một nơi, thật là xao xuyến quá!

Tôi nhớ nhất là cô giáo chủ nhiệm lớp hồi đầu cấp. Cô Nga yêu kính của tất cả chúng em. Cô đã để lại ấn tượng sâu nặng nhất đối với cả lớp. Hồi ấy, chúng tôi mới vào lớp 6, còn rất bỡ ngỡ, và rất trẻ con. Cô giáo mới ra trường, nhiệt tình và sôi nổi. Cô dạy bảo và chăm chút chúng tôi từng li từng tí. Có lần, thấy chúng tôi đọc truyện tranh trong lớp, cô Nga xuống cầm lấy cuốn truyện. Tôi cứ tưởng cô sẽ tịch thu và quát mắng như những bà mẹ thường la hét khi thấy chúng tôi dí mũi vào Đô-rê-mon. Chẳng ngờ, cô giáo dành thời gian nói về Đô-rê-mon, về các loại truyện tranh khác, ca ngợi chúng rất nhiều, nhưng vẫn khuyến cáo chúng tôi đọc những loại sách văn học đích thực, không hoặc ít cần có tranh minh họa, để phát triển khả năng suy đoán, tưởng tượng... Cô còn tự tay mượn sách trong thư viện trường đưa cho chúng tôi mượn. Tôi vì thế mới được đọc những tác phẩm tuyệt vời như *Ruồi trâu*, *Những người khốn khổ*, *Thép đã tôi thế đấy*... Đến bây giờ tôi còn không dám chắc rằng, mình đã thay đổi và trưởng thành hẳn lên nhờ những cuốn sách ấy.

Rồi cô phải chia tay. Cô Nga chuyển trường về quê, nghe nói quê cô cách chúng tôi xa lắm! Hôm chia tay, bọn con gái ngồi quây quần xung quanh cô thút thít khóc. Còn chúng tôi, tất cả đều cảm thấy mất đi một điều gì lớn lắm! Tôi chắc trong lòng rằng, sau này lớn lên sẽ có dịp tìm lại cô.

Ôi, biết bao kỉ niệm! Và thời gian như dòng nước, chảy mãi, không bao giờ ngừng.

Chúng em sẽ lớn lên. Một số bạn bây giờ đã học ở trung học phổ thông. Một số khác vào các lớp dân lập. Còn số ít thì đã bỏ học, đi kiếm việc làm. Mười, mười lăm năm sau, gặp lại nhau, chắc sẽ nhắc nhiều đến trường trung học cơ sở.

Ôi, mái trường thân yêu. Tình cảm và lòng biết ơn của mỗi chúng tôi thật không thể nào diễn tả cho hết được. Và với mỗi người, chỉ cần nhắc tới ngôi trường cũ, đã xốn xang biết bao kỉ niệm không thể nào quên.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Bài làm số 2

Chiều nay, đứng ở lan can tầng hai nhìn các bạn chơi đùa, những cơn gió cuối thu lành lạnh và về, lòng tôi lại nao nao nhớ về trường cũ.

Mới đó mà đã bốn tháng trôi qua, tôi không còn được học ở ngôi trường cấp hai yêu dấu. Ngôi trường xưa của tôi có hai tầng, sơn xanh nằm trên đường quốc lộ, nên ngày ngày tôi vẫn đi học qua. Mỗi lần qua,

tôi đạp xe chậm chậm, lòng băng khuâng khi mình không còn được ngồi trong đó nữa. Không còn được nô đùa dưới gốc cây phượng già, không còn được đuổi nhau trên con đường tới lớp đầy hoa dại trắng. Tôi như vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây tiếng cười của lũ bạn, giòn tan và náo động cả một vùng kỷ ức của tôi. Tôi nhớ sân trường, nhớ hàng cây keo mùa này hoa nở vàng, thơm thoang thoang. Nhớ những cây hoa sữa như những tháp đèn màu xanh, mùa thu đưa một thứ hương nồng nồng vào lớp học, để khi xa trường rồi mùi hoa ấy vẫn thoang theo tôi, để tôi ngỡ rằng đó là mùi của mùa thu sân trường cũ. Nhớ cây xà cừ do tổ tôi trồng, nhớ những ngày lao động. Đứa nào cũng tranh nhau được chăm sóc cây. Không biết bây giờ cây đã lớn chưa? Chúng tôi ra trường rồi, các em tôi sẽ lo tưới cây, chăm cây, và có vui không khi thấy cây mỗi ngày mỗi lớn, như ngày xưa chúng tôi đã reo lên khi thấy mầm lá non đầu tiên mơn mớn bung ra dưới nắng trời. Bờ hoa dại nơi góc sân trường có còn không? Bông hoa trinh nữ ngày xưa tôi để khô trong vở, nhớ những lúc băng khuâng thấy ngẩn bần mình những lá thư làm quen ngộ nghĩnh. Đến bây giờ vẫn chẳng biết họ là ai.

Thầy cô của tôi, chiều nay vẫn đến lớp, vẫn say sưa với những bài giảng của mình. Tôi nhớ giờ văn, thầy giảng bài như ru làm tôi say mê những trang truyện, bài thơ như say mê khám phá những chân trời bí ẩn. Tôi biết làm thơ từ đây, biết xúc động và yêu thương nhiều hơn. Tôi nhớ thầy với mái tóc hoa râm, cái dáng cao gầy bước chậm trên hành lang trường học. Nhớ thầy Khải dạy Lí thường xoa đầu tôi, rồi cười hiền lạ! Lũ bạn tôi trêu: thầy đã "nhắm" tôi cho con trai thầy rồi! Lúc đó tôi đỏ bừng mặt, ngúng nguẩy giữa tiếng cười khúc khích của lũ bạn. Nhớ thầy Sơn dạy Địa, không bao giờ bắt phạt con gái vì tội nghịch ngợm. Nhớ cô Viên dạy Văn hiền từ, nhân hậu... Tôi nhớ tất cả những giờ học đã qua, có lúc say mê, có lúc chán nản. Nhưng điều làm tôi ân hận nhất là chúng tôi đã bỏ qua rất nhiều cơ hội học tập. để bây giờ kiến thức có nhiều khoảng trống.

Giá như được trở về học lại dưới mái trường xưa, tôi sẽ chăm chỉ và siêng năng hơn, không lơ đãng và ham chơi nữa.

Bạn bè tôi nay cũng chia thành mấy ngả, đứa học phổ thông, đứa học dân lập, đứa học bổ túc, đứa phải bỏ học ở nhà. Chẳng ai còn chuyển cho ai những trái bóng chín mọng? Ai bút cho tôi những bông phượng đỏ trên cành cao? Tất cả tên tuổi, gương mặt của bạn bè đều trở về trong lòng tôi da diết! Tôi điểm tên từng đứa... Có ai còn nhớ tôi không?

Tôi nhớ mấy cậu con trai tinh nghịch, hay lấy bút của tôi chuyển cho nhau, làm tôi suýt khóc. Các "nhóc" ấy giờ đã học khác trường, chúng tôi không còn gặp nhau nữa.

Tôi nhớ từng nét chữ của chúng bạn tôi. Mấy thằng "quì" còn khắc tên chúng tôi để gán ghép trên mặt bàn?

Ô cửa sổ nơi tôi ngồi, nhìn ra cả vòm trời xanh. Đó là thế giới của tôi, thế giới ấy cho tôi bao điều mơ mộng.

Cạnh tôi là Hạnh, rồi đến Nam và Hà. Nam con trai, hay bắt nạt Hạnh con gái. Rồi thằng Hà bệnh...

Ôi! Tôi nhớ những kỉ niệm xưa! Tất cả xa rồi!

Sẽ chẳng bao giờ tôi được một lần nữa ngồi học trên mái trường xưa. Nhưng tôi sẽ không bao giờ quên những kí ức tuổi thơ đã in đậm nơi này, để ngày ngày đạp xe qua tôi vẫn còn nghe tiếng nói cười của chúng tôi hôm nào. Cảm ơn trường, ơn thầy cô, bè bạn đã chấp cho chúng tôi đôi cánh.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 46- Cảm xúc của em trước cảnh con chim bị nhốt trong lồng.

Bài làm

Thằng Ba là bạn cùng thôn của em mới bắt được một con chim chào mào nhỏ. Nó nhốt chim vào cái lồng tre. Con chim bị nhốt, đập cánh phành phạch đòi ra. Nó mổ lia lia vào những cái nan tre giam hãm nó.

Thằng Ba luôn miệng hát:

"Chào mào đỏ dít, đỏ đơn

Đánh trống, đánh phách đi chôn chào mào"

Ừ nhỉ ! Con chim chào mào có những cái lông ở hậu môn màu đỏ. Nhưng mà ai sẽ chôn chào mào chứ? Chắc lại là cái thằng chuyên đi phá tổ chim như thằng Ba mà thôi. Nhốt vào lồng như vậy thì chim dễ chết lắm. Mới có hai ngày mà con chim chào mào đã gầy tọp và xù lông. Nó muốn thoát khỏi cái lồng kia lắm! Nửa quả chuối tiêu mà thằng Ba bỏ vào lồng cho chim chỉ thấy có vài vết mổ. Đó là thứ thức ăn ưa thích của chim nhưng phải là lúc nó chưa bị bắt.

Giờ đây nó là tên tù binh của một kẻ tinh khôn to lớn hơn nó nhiều lần. Chỉ có kẻ không có cánh chẳng biết bay mới ghen tức và hành hạ chim như vậy. Kẻ kia muốn nhốt con chim để làm cảnh, nhảy múa và hát cho nó nghe. Một khi chim đã bị giam trong một cái lồng chật hẹp như vậy thì nó còn tâm trí, hồn vía đâu để mà làm đẹp cho thế gian nữa. Con chim giờ đây không còn là dấu hiệu của thanh bình, yên vui. Nó đang bị

cưỡng bức. Nó đang bị tước đoạt. Bầu trời kia vẫn xanh, vòm cây kia gió lộng. Quê hương của nó là ở đó. Vậy mà...

Chiều qua, tôi đã khuyên thằng Ba nên thả chim ra. Nó cự lại tôi, vì cho rằng bắt giữ được con chào mào ấy phải tốn rất nhiều công sức. Nó phải đi rình, phải tinh mắt lắm mới phát hiện được tổ chim. Rồi phải hồi hộp chờ đợi cho chim mẹ đẻ, ấp trứng, rồi tính toán sao cho đúng ngày chim con khôn lớn, trèo lên cây cao, rất nguy hiểm, mới bắt được lũ chim non đấy!

Mặc dù thằng Ba đã thôi ý định đặt bẫy bắt chim mẹ nhưng thả con chim nhỏ ra thì nó không chịu.

Hôm nay, tôi đọc lại bài Tập đọc cũ cho thằng Ba nghe với rất nhiều hi vọng:

"Con chim có tổ.

Như ta có nhà

Tối về chim ở

Ban ngày chim ca.

Con chim yêu tổ

Như ta yêu nhà

Chim mà mất tổ

Chim buồn không ca".

Tôi vẫn hi vọng thằng Ba sẽ thấm thía nỗi buồn của con chim nhỏ, và vào một ngày nào đó, nó sẽ tự tay tung con chim nhỏ về phía bầu trời.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Đề 47- Kể lại một câu chuyện cười mà anh (chị) cho là có ý nghĩa phê phán sâu sắc.

Bài làm

Lớp em có bạn Lan là người học giỏi môn văn. Lần nào thi hay kiểm tra, bạn ấy đều đạt điểm cao nhất. Cả lớp ai cũng trầm trồ khen bạn ấy giỏi. Ngay cả các thầy cô giáo cũng rất thích giọng văn của bạn ấy. Chỉ có điều trong các giờ học bình thường, không hiểu sao, Lan lại luôn tỏ ra là người không được nhanh nhẹn, thông minh bằng các bạn.

Thế rồi một hôm, trường em tổ chức Hội nghị học sinh giỏi, cô giáo phân công bạn Lan viết một bài báo cáo kinh nghiệm. Lan sợ hãi đến mức phải cáo ốm, trốn học suốt cả tuần.

Sau đó, cô giáo cho chúng em điều tra, mới biết: thì ra, Lan không phải là học sinh giỏi, bạn ấy chỉ tình cờ có được cuốn sách *Những bài văn mẫu lớp 10* mà cô giáo và các bạn đều không có. Thế là bạn ấy chép lại, gian lận ngay cả trong bài thi và bài kiểm tra.

(Theo thầy giáo Phạm Minh Diệu)

Đề 48- Kể lại một chuyện xảy ra trong lớp học hoặc trong đời sống khiến anh chị băn khoăn về đạo đức, lối sống.

Bài làm

Tôi và Thành chơi với nhau từ nhỏ. Nhà chúng tôi ở cùng một xóm. Chúng tôi cùng lớn lên ở vùng quê nghèo, hoàn cảnh gia đình cũng khó khăn nên dễ đồng cảm với nhau.

Bố Thành mất từ khi Thành còn rất nhỏ. Thương con sớm mồ côi cha nên bác Thoa- mẹ Thành- rất chiều cậu. Mỗi bận đi chợ về thế nào bác cũng bớt mấy đồng mua cho cậu cái bánh xèo, cây mía hay những thứ hoa quả mà cậu thích. Dù khó khăn nhưng hễ Thành xin tiền nộp học là mẹ cho liền, không có cũng đi vay cho bằng được. Đáp lại, Thành cũng chăm học và đỡ dần công việc nhà giúp mẹ. Thành không thông minh nhưng cần cù, cẩn thận, nên cuối năm học nào Thành cũng có giấy khen mang về. Bác Thoa mừng lắm. Bà con lối xóm cũng mừng lây. Có người còn bảo:

- Đấy, "con mất cha như nhà mất nóc", nhưng thằng Thành còn giúp mẹ nó làm được cái nóc vững hơn lúc cha nó còn ấy chứ !

Nghe vậy má Thành đỏ ửng, còn mẹ thì cười rạng rỡ nhưng mắt vẫn ngấn nước.

Thế rồi một lần, Thành và tôi trên đường đi học về, gặp một người bán ló-tô. Bà ta tên thật là gì không rõ, nhưng cả phố gọi là bà Mập. Vì người bà ta to béo, đúng là "mập" thật! Nhưng gọi thế mà bà ta cũng chẳng tự ái.

Bà gọi chúng tôi đến, dỗ ngon dỗ ngọt mua cho bà mấy cái vé số. Tôi can Thành đừng có dính vào đấy. Cậu ta từ lâu vẫn ngấm ngấm chơi đề, giờ nghe bà Mập nói liền tỏ ra say mê lắm:

- Sao? Bác nói nó về hai à? Ôi, tiếc quá!

Tôi can bạn không được, liền nghĩ: từ nay, mình sẽ không chơi với nó nữa!

Thế là chúng tôi xa nhau dần.

Bỗng một ngày kia, khi tôi đi học về, thấy trong nhà Thành rất đông người. Có cả mấy chú công an. Hỏi ra mới biết Thành bị bắt vì tội trộm cắp. Hắn cùng mấy đứa thất học trong phố lừa ăn trộm xe gắn máy, bán đi để lấy tiền chơi đề.

Ôi, khốn nạn! Thật là khốn nạn! Sao Thành lại đến nông nỗi ấy cơ chứ? Tôi xấu hổ vì đã từng chơi thân với một đứa như thế!

Nhưng không! Tự nhiên tôi thấy ân hận. Đáng lẽ tôi không nên xa lánh bạn dễ dàng như thế! Nhưng tôi biết làm thế nào? Tôi sợ chính mình cũng dính vào cái trò chơi đỏ đen, cái mà ngày nào bố mẹ tôi cũng dạy dỗ, răn đe trong từng bữa ăn, giấc ngủ.

Nhưng Thành à! Tất cả hãy còn chưa muộn! Tôi vẫn nhớ bạn là một đứa trẻ ngày nào chăm học, chăm làm, "lấy cần cù bù khả năng", và biết thương yêu mẹ.

Giờ này, chắc mẹ Thành đang đau lòng lắm!

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Đề 49- Kể lại một câu chuyện trong sinh hoạt hàng ngày mà em được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.

Bài làm

Nhà tôi ở xa trường nên những buổi trưa, tôi thường phải ở lại, vào quán ăn cơm. Và ở cái quán cơm quen thuộc này, tôi đã được chứng kiến một câu chuyện thật xúc động.

Lần đầu tiên bước chân vào quán, tôi còn đang bỡ ngỡ... thì một người phụ nữ khoảng chừng bốn mươi tuổi đi đến hỏi han, và phục vụ tận

tình. Nhìn cô tôi không khỏi chạnh lòng, gương mặt cô xanh xao, gầy gò, đặc biệt là đôi mắt, đôi mắt ngơ ngác như vừa trải qua một việc gì đó kinh hoàng. Nhìn nhanh sang phía bên kia, tôi thấy một người phụ nữ khác trông nhanh nhẹn và tháo vát đang lúi húi làm việc trong bếp lò, vừa làm vừa nhìn lại cô, tôi hiểu vai trò của cô ở nơi này. Vâng, họ là bà chủ và cô giúp việc! Nhưng một điều lạ là họ nói chuyện với nhau, gọi nhau rất nhẹ nhàng, thân mật giống như người trong một nhà vậy.

Một bé gái chừng độ 9 tuổi chạy ra níu áo cô. Tôi mỉm cười hỏi:

- Con gái cô đây ạ?

Người đàn bà ngơ ngác gật đầu, rồi mang bát dũa ra cho khách. Quán vắng người. Cái thị trấn nhỏ này chỉ có mấy cô chú làm ở cây xăng, hoặc vài người chuyển hàng từ miền ngoài vào là khách của quán cơm trưa duy nhất. Mẹ con người làm thuê thường phải mang cơm ra tận nơi làm của họ. Hôm đó, tôi mới có dịp hỏi chuyện về mẹ con người đi ở. Bác chủ quán mới thông thả kể:

Người đàn bà ấy vốn là một đứa trẻ mồ côi, rồi lớn lên, lấy chồng, lại bị nhà chồng hắt hủi, đến nỗi phải bỏ nhà ra đi. Chị có con, nhưng người chồng tệ bạc cũng không nhận. Cuối cùng, chị phải bế con đi ăn xin.

Cuộc đời khổ ải khiến chị trở thành một người ngơ ngác. Đôi mắt lúc nào cũng ngây ngây. Và chị sợ, luôn sợ một cái gì đó, có lúc ánh mắt trông hoang dại, thật đáng thương.

Đến thị trấn này, hai mẹ con người đàn bà tội nghiệp đã gặp bác chủ quán. Công việc chẳng nhiều, nhưng bác trai vốn là một thầy giáo, cả hai bác giàu lòng thương người cứ nhận họ về ở, vừa để giúp việc cho gia đình, vừa để tạo điều kiện cho mẹ con họ có chỗ ăn chỗ ở. Rồi mấy năm sau, hai bác còn cho đứa con gái nhỏ được đi học.

Chỉ vì cuộc đời xô đẩy mà mẹ con họ ra nông nổi này! Biết bao giờ mẹ con chị mới có một mái nhà để sống như những người bình thường khác? Tôi thầm cảm ơn bác chủ quán và thầy giáo đã cho hai mẹ con tội nghiệp ấy một chỗ ở, một nơi làm, dù chỉ tạm bợ, để những đêm đông giá lạnh hay những ngày mưa bão, mẹ con họ có chỗ nương nhờ.

Tấm lòng của gia đình bác thật đáng trân trọng. Tôi mong sao mẹ con họ sẽ còn gặp được nhiều tấm lòng hảo tâm như vậy để có một ngày mai tươi sáng hơn.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp).

PHẦN V- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 5

(THUYẾT MINH VỀ THỂ LOẠI, VẤN ĐỀ VĂN HỌC)

Đề 50- Giới thiệu ca dao Việt Nam.

Bài làm

Ca dao là thể loại trữ tình của văn học dân gian, là phần lời của các làn điệu dân ca. Đó là cả một kho tàng phong phú mà người bình dân tạo ra để đáp ứng những nhu cầu trong đời sống tâm hồn.

Sự phong phú của ca dao thể hiện trên nhiều phương diện mà trước hết là ở nội dung đề tài, chủ đề. Ca dao Việt Nam đề cập đến nhiều đề tài: đề tài về thiên nhiên, đất nước, con người Việt Nam, về tình yêu đôi lứa, về tình bạn, tình làng xóm láng giềng, quan hệ dòng tộc, quan hệ xã hội.... Các đề tài này lại được thể hiện trong các chủ đề như chủ đề yêu thương tình nghĩa, chủ đề than thân, chủ đề đấu tranh phản kháng, chủ đề châm biếm, hài hước... Trong đó các chủ đề như yêu thương tình nghĩa hay chủ đề than thân chiếm số lượng lớn.

Trong mỗi chủ đề lại có nhiều nội dung khác nhau mà nội dung lớn nhất là diễn tả đời sống nội tâm của con người Việt Nam. Nội dung chủ yếu trong chủ đề yêu thương tình nghĩa là phản ánh các sắc thái tình cảm, những cảm xúc đẹp đẽ, trong sáng của tình cảm gia đình, của tình yêu đôi lứa, tình yêu quê hương đất nước, tình cảm bè bạn, láng giềng... Đó là những nét đẹp truyền thống trong đời sống tình cảm của người Việt. Nội dung chủ đề ca dao than thân lại là những vấn đề khác. Ở chủ đề này, ca dao là những bài ca đau khổ, ai oán được cất lên từ những kiếp người nhỏ bé trong xã hội. Đó là những người con gái, người phụ nữ trong gia đình phụ quyền, là những người con ở, người làm thuê, người nông dân, người vợ lính.... Họ mượn ca dao để giải bày những tâm sự sâu kín, những uất ức, khổ đau của mình. Vì vậy, bộ phận ca dao này có một ý nghĩa xã hội sâu sắc.

Qua những chủ đề trên, nhân dân thể hiện những tư tưởng tình cảm của mình về các vấn đề trong cuộc sống. Đặc biệt, nhân dân ta luôn đề cao những tình cảm trong sáng, đẹp đẽ của con người, những cách ứng xử mang tính văn hoá truyền thống của người Việt Nam. Nhiều bài ca dao là những câu triết lý sâu sắc, ở đó thể hiện những quan niệm cao đẹp của nhân dân về cuộc sống, về cách sống, cách ứng xử, về cái chết... Và

đáng quý là những bài ca về niềm tin mãnh liệt vào cuộc sống dù hiện thực còn nhiều khó khăn, đau khổ:

"Đừng lo phận khó ai ơi

Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây"

Về nghệ thuật, ca dao có nhiều đặc điểm nổi bật. Điểm nổi bật đầu tiên mà ai cũng có thể nhận ra là thể thơ truyền thống lục bát và biến thể lục bát được ca dao sử dụng phổ biến. Ưu thế của thể thơ này là diễn đạt một cách mềm mại, uyển chuyển nội dung chủ đề và cách gieo vần đều đặn, nhịp nhàng làm cho người nghe dễ nhớ, dễ thuộc. Bên cạnh đó các thể thơ khác như song thất lục bát, vãn bốn (câu thơ bốn tiếng) vãn năm (câu thơ 5 tiếng) cũng được sử dụng để phù hợp với nội dung, chủ đề của từng bài.

Đặc điểm thứ hai trong nghệ thuật ca dao là việc sử dụng thường xuyên các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ.... Đó là cách nói ví von, bóng gió, là lối nói bằng hình tượng rất đặc trưng của người xưa. Điểm nổi bật trong cách nói này là mượn sự vật này để nói tới sự vật, sự việc khác, lấy hình ảnh này để nói tới những điều khác. Nhờ cách nói này mà ca dao có thể diễn tả đời sống tâm hồn con người một cách tế nhị, kín đáo và vô cùng sâu sắc.

- Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

- Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai...

Những hình ảnh so sánh, ẩn dụ... đều gắn gũi với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của con người Việt Nam. Một số hình ảnh như hạt mưa, tấm lụa đào, cây đa bến nước, con thuyền, con đò, con cò, con ong, con kiến... đã trở thành những biểu tượng truyền thống trong ca dao. Nhắc đến những biểu tượng ấy là người ta có thể liên tưởng ngay đến nội dung phản ánh của các bài ca dao. Đây chính là giá trị mà các biện pháp nghệ thuật này mang lại.

Ngoài ẩn dụ, so sánh, nhân hoá... ca dao còn thường sử dụng những cấu trúc, những hình ảnh lặp. Sự lặp đi lặp lại một cấu trúc, một hình ảnh nào đó trong nhiều bài ca dao tạo nên một "công thức" để thể hiện một số nội dung tiêu biểu. Chẳng hạn: Những bài ca dao bắt đầu bằng hai từ "Thân em" thì thường là những bài ca dao than thân mà nhân vật trữ tình là những cô gái đáng thương trong gia đình phụ quyền. Những bài ca dao mở đầu bằng hình ảnh "Con cò" đều thường là những bài ca dao nói về thân phận những con người thấp hèn trong xã hội phong kiến. Những

bài ca dao có hình ảnh "Cây đa - bến đò" thì thường là những bài ca dao yêu thương tình nghĩa....

Với những đặc điểm về nội dung và nghệ thuật như trên, ca dao thực sự đã trở thành một nguồn nước dồi dào tắm mát cho đời sống tâm hồn của con người Việt Nam.

Bài làm số 2

Nếu có dịp đi về một vùng quê Việt Nam, bạn hãy lắng nghe văng vẳng trong gió lời ca dao dịu dàng. Lời ca dao đi ra từ lồng ngực thồn thức tình người của ông bà, cha mẹ,... Những lời ca dao ấy thật mượt mà, đầm thắm biết bao, lối ca gieo vào lòng người cái trữ tình mộc mạc ngàn đời của hồn người Việt.

Người Việt cổ chúng ta hàng ngàn năm trước rất ưa ca hát. Họ hát khi lao động, hát ru con, ru em trong những ngày thường, hát trao duyên nam nữ trong những dịp lễ hội... và từ đó, ca dao ra đời đã diễn đạt sâu sắc tình cảm, tâm trạng, suy nghĩ và cảm xúc của người bình dân trong lao động, trong xã hội, trong gia đình và những người xung quanh.

Ca dao không chỉ diễn tả tình yêu mà còn là lời than trách cho thân phận. Người bình dân xưa chịu nhiều tầng áp bức bóc lột đè nén, cái nghèo, cái khổ đeo bám, người phụ nữ bị luật "tam tòng" trói buộc... Họ mang tất cả những điều đó gửi gắm vào lời ca dao và từ đó hình thành nên "*những câu hát than thân*" mà tiêu biểu trong những câu hát ấy là lời người phụ nữ bé mọn trong xã hội cũ.

Biết trách ai khi tình duyên lỡ dở. Trách cha, trách mẹ, trách cáo xanh sao khéo sắp bày:

- *Cha mẹ đòi ăn cá thu,*

Gả con xuống biển mù mù tăm tăm.

- *Đường đi những lách cùng lau,*

Cha mẹ ham giàu ép uống duyên con.

Có khi là lời than khóc nghẹn ngào khi duyên vỡ, sắc phai bị chồng ruồng bỏ:

Còn duyên anh cưới ba heo

Hết duyên anh đánh ba heo đuổi đi

Nhưng họ đâu cam chịu mãi! Trong những lời hát than thân, một thái độ phản kháng được bộc lộ rõ ràng:

Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê!

Tôi ở chẳng được, tôi về nhà tôi!

Và từ trong sâu thẳm của sự phản kháng ấy là niềm khao khát sống có tình có nghĩa của người bình dân xưa. Điều đó được thể hiện trực tiếp qua *Những câu hát tình nghĩa*. Tình nghĩa đối với quê hương đất nước, với bè bạn, gia đình, tình yêu nam nữ,...

Chúng ta có thể kể ra đây rất nhiều những câu hát như vậy.

Về tình yêu quê hương đất nước:

- Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương.

Mịt mù khói toả ngàn sương,

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.

- Đồng Nai gạo trắng nước trong,

Ai đi đến đó thời không muốn về.

Về tình nghĩa anh em họ hàng:

Anh em chín họ mười đời,

Hai người cũng có, chẳng rời nhau ra.

Chị em cùng khúc ruột già,

Kẻ giàu người khó, họ xa tám đời.

Về tình yêu nam nữ:

- Mấy lời em nói

Anh hong khói để bên,

Dẫu trăm năm nữa, không quên lời nào!

- Lòng em thương nhớ ước ao

Mười đêm em thấy chiêm bao cả mười

Bóng cây thấp thoáng trên đồi,

Mà em cứ tưởng bóng người em thương.

Về tình cảm gia đình:

- Trông lên nuốt lạt mái nhà,

Bao nhiêu nuốt lạt, nhớ ông bà bấy nhiêu.

- Gió đưa cây cửu lý hương,

Xa cha xa mẹ thất thường bữa ăn.

- Mỗi đêm mỗi thấp đèn trời,

Câu cho cha mẹ sống đời với con.

Người bình dân sống giàu tình nặng nghĩa. Tình và nghĩa thường đi đôi với nhau, nhiều khi còn được thay đổi cho nhau. Với họ, nghĩa là nền tảng của tình:

Tình chi rồi lại ý chi

Em nói rồi lại ngoảnh đi em cười.

Tình còn đó, nghĩa còn đây,

Vắng đêm, đêm nhớ; vắng ngày, ngày trông.

Người sống không có nghĩa cũng là người không có tình:

Ai mà phụ nghĩa quên công,

Thì đeo trăm cánh hoa hồng chẳng thơm.

Những câu hát tình nghĩa nêu cao một quan niệm sống đẹp của người bình dân. Theo quan niệm đó thì quan hệ tình cảm phải đi đôi với quan hệ đạo lý như: đạo lý vợ chồng, đạo lý thầy trò...

Không chỉ có nội dung sâu sắc, ca dao còn là những kết tinh về nghệ thuật. Nói đến nghệ thuật ca dao, chúng ta phải nói đến ba khía cạnh chính:

Một là về thể thơ. Ca dao thường được sáng tác theo hai thể truyền thống: lục bát và song thất lục bát. Ngoài ra, còn có thể nói lối. Mỗi thể có những quy định khác nhau về tiếng, gieo vần và thanh điệu. Nếu một bài ca dao tuân theo những quy định ấy thì ta có dạng nguyên thể, nhưng ca dao thường hay sử dụng loại biến thể với lối sử dụng từ ngữ và số tiếng rất linh hoạt:

"Có thương thì thương,

Không thương thì nói,

Làm chi lặn lội lửa lửa như hến nợ thêm buồn

Trên chùa đã động tiếng chuông,

Gà Thọ Xương đã gáy, chim trên nguồn đã kêu."

Hai là cách diễn ý lập ý. Ca dao thường diễn ý bằng so sánh và ẩn dụ. Như:

- Bên thắng thì bên phải chùng

Hai bên cùng thắng thì cùng đứt dây.

- Anh như con nhận lơ thơ,

Sớm ăn tối đậu canh tơ một mình.

- Em như con hạc đầu đình,

Muốn bay không cất nổi mình mà bay.

Những hình ảnh được đem ra so sánh, ẩn dụ đều rất gần gũi với người bình dân như con hạc, con nhạn, sợi dây, hạt mưa, mặt trời, sông biển, núi non,... Đó là những hình ảnh bền vững như tự nhiên, vũ trụ, gần gũi thân thuộc như hạt lúa, củ khoai.

Hiện tượng lặp ý trong ca dao như hình thức đối đáp, hình thức mở đầu, hình thức điệp,... cũng thường được sử dụng:

- *Chiều chiều chim vịt kêu chiều,*

Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.

- *Chiều chiều ra đứng ngõ sau,*

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Thậm chí có khi còn điệp cả câu:

Buồn tình cha chả buồn tình,

Không ai lẻ bạn cho mình kiếm đôi

Buồn ơi cha chả buồn ơi,

Không ai nói chuyện cho tôi đỡ buồn.

Ba là về ngôn ngữ ca dao. Mỗi miền trên đất nước ta có một chất giọng khác nhau đậm đà bản sắc địa phương và ca dao của mỗi miền lại mang theo cái đậm đà riêng biệt ấy:

- *Ru em em thóc cho muối,*

Để mẹ đi chợ mua vôi tằm trầu.

(Bình - Trị - Thiên)

- *Ru em em ngủ cho lâu,*

Mẹ còn đi cấy đồng sâu chưa về

(Bắc Bộ)

Ngôn ngữ trong ca dao là ngôn ngữ sinh hoạt hàng ngày nhưng đã được tui rèn, gọt giũa qua bao thế hệ người Việt Nam, góp phần rèn giũa tiếng Việt và bảo vệ tinh hoa của tiếng Việt trong suốt trường kì lịch sử của dân tộc.

... Làng quê Việt Nam qua bao đời vẫn yên bình, êm ả, những làn điệu ca dao- dân ca vẫn mượt mà, đầm thắm. Ca dao là đời sống tâm hồn người Việt, cùng với người Việt, ca dao sẽ bất tử trước thời gian.

Đề 51- Cô giáo giao cho anh (chị) thuyết trình trước Câu lạc bộ Văn học của lớp về đề tài: ca dao xưa đã thể hiện một cách sâu sắc và thấm thía thân phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến bất công.

Anh (chị) hãy viết bài thuyết trình ấy chuẩn bị trình bày trước Câu lạc bộ.

Bài làm

Xã hội phong kiến xưa là một xã hội tràn ngập bất công. Không chỉ có sự bất công trong lao động sản xuất và sự hưởng thụ thành quả lao động, như chúng ta từng thấy trong những câu nói, câu hát dân gian:

- "Ngồi mát ăn bát vàng"

- "Thằng còng làm cho thằng ngay ăn"

- "Trời ơi, trời ở không cân"

- "Kẻ ăn chẳng hết, người lần không ra"

Nổi bật trong những câu, những bài ca dao xưa còn là sự bất công đối với người phụ nữ. Trong xã hội phong kiến với quan điểm trọng nam khinh nữ (nam tôn, nữ ti), người phụ nữ bị phong tục tập quán phong kiến rất coi thường: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô" (trong nhà có một con trai được xem là có con, có mười con gái vẫn là không có con). Phụ nữ không được đi học, không được hoạt động xã hội, mà phải theo tam tòng: "Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử" (ở nhà theo cha, lấy chồng thì theo chồng, chồng chết thì theo con trai) Trong khi người đàn ông có quyền năm thê bảy thiếp: "Vua thì nhiều vợ nhất đời", thì người phụ nữ chỉ được quyền lấy một chồng: "Gái chính chuyên chỉ lấy một chồng", gọi là "tòng nhất nhi chung" (theo một người đến cùng). Thậm chí họ còn bị dập vào khuôn khổ quan niệm phép tắc "Thất tiết là việc lớn, chết đói là việc nhỏ".

Lễ giáo phong tục tập quán phong kiến bất công đối với người phụ nữ đã gây ra biết bao bi kịch trong gia đình và ngoài xã hội về vật chất cũng như tinh thần. Văn học vốn là tấm gương phản chiếu xã hội nên văn học dân gian Việt Nam thời phong kiến cũng đã phản ánh khá đầy đủ và sâu sắc thực trạng xã hội trên.

Do là con số không (viết "vô") trong đời sống nên người phụ nữ khó được chủ động trong cuộc đời của mình. Khi lập gia đình thì: "Cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy", và sự sắp đặt này trong rất nhiều trường hợp đã khiến cho người con gái phải xót xa than thở cho thân phận của mình:

"Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai"

" Thân em như quả xoài trên cây

Gió đông, gió tây, gió nam, gió bắc

Nó đánh lúc la lúc lắc trên cành"

"Thân em như thể cánh bèo

Ngược xuôi, xuôi ngược theo chiều nước trôi"

"Thân em như trái bòng trôi

Gió đánh dôi nường tựa vào đâu"

"Thân em như đóa hoa rơi

Phải chăng chàng thật là người yêu hoa?"

Người phụ nữ thường bị gia đình cưỡng ép hôn nhân. Trong nhiều vụ tảo hôn, bị hài kịch cũng đã xảy ra:

"Chồng lớn, vợ bé thì xinh

Chồng bé vợ lớn ra tình chị em"

Đó là do:

"Mẹ em tham thúng xôi rền

Tham con lợn béo, tham tiền Cảnh Hưng

Em đã bảo mẹ rằng đừng

Mẹ hấm, mẹ hứ, mẹ bưng ngay vào

Bây giờ chồng thấp vợ cao

Như đôi dưa lệch so sao cho bằng"

Để rồi:

"Chồng lên tám, vợ mười ba

Ngồi rồi nu nống nu na đỡ buồn

Mười tám vợ đã lớn khôn

Nu na nu nống chồng còn mười ba

Mẹ ơi, con phải gỡ ra !

Chồng con nu nống nu na suốt ngày

Đêm nằm khắc khoải canh chày"

Tình hình cưỡng ép hôn nhân bất công có khi làm nảy sinh không phải chỉ tình huống bi kịch mà thuần túy là bi kịch:

- "Bác mẹ em vội tham vàng

Hang hùm lại ngỗ hang vàng của con

Trước thời thẹn với nước non

Sau thời cay đắng lòng con đêm ngày

Thấy chẳng hời các mẹ thấy

Ngỡ rằng gả bán hoá đày thân con"

- "Thân em mười sáu tuổi đầu

Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người

Nói ra sợ chị em cười

Năm ba chuyện thảm, chín mười chuyện cay,

Tôi về đã mấy năm nay

Buông riêng thì có vui rày thì không,

Ngày thời vất vả ngoài đồng

Tối về thì lại nằm không một mình

Có đêm thức suốt năm canh

Rau heo, cháo chó, loanh quanh đủ trò"

Bi kịch đau đớn, chua xót trên thường xảy ra do tình trạng mâu thuẫn phổ biến: mẹ chồng - nàng dâu:

"Ai ơi nghĩ phải trước sau

Đừng tham lắm của nhà giàu làm chi

Làm thì xem chẳng ra gì

Làm tất làm tả, nói thì diếc tai

Đi ngủ thì hết canh hai

Thức khuya dậy sớm, mình ai dãi dầu

Sớm ngày đi cắt cỏ trâu

Trưa về lại bảo: "Ngồi đâu không đây!"

Hết mẹ rồi lại đến thầy

Gánh cỏ có đầy vẫn nói là vơi

Nói thời nói thật là dai

Lắm câu chua - cạnh đắng cay trăm chiều"

Bi kịch nảy sinh có khi do mâu thuẫn trong một tình cảm phổ biến khác: cả - lẽ, gây ra tình trạng "đi ở không công" của người vợ lẽ:

"Tối tối chị giữ mát buồng

Chị cho manh chiếu nằm suông nhà ngoài

Sáng sáng chị gọi: - Ở Hai

Mau mau trở dậy thái khoai, đâm bèo!"

Để rồi người làm lẽ ấy phải đi đến một kết luận cay đắng:

"Thân em đi lấy chồng chung

Khác nào như cái bung xung chịu đòn"

Ở ngoài xã hội, nước mắt người phụ nữ còn thường xuyên phải tuôn rơi, vì những cảnh sinh li:

"Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non

- Nàng về nuôi cái cùng con

Để anh đi trẩy nước non Cao Bằng"

Nếu con cò là một hình tượng bi kịch thì con châu chấu là một hình tượng bi hài kịch trong cảnh tử biệt này:

"Cóc chết bỏ nhái mồ côi

Châu ngồi châu khóc: chàng ơi là chàng

Ênh ương đánh lệnh đã vang

Tiền đâu mà trả nợ làng ngoé ơi"

Nếu người phụ nữ có ý né tránh, chống cự những phong tục tập quán sắt đá thì cũng vẫn khó thoát khỏi sự trừng phạt nghiệt ngã về nhiều phương diện:

"Phênh phênh lớn giữa lớn ra

Mẹ ơi con chẳng ở nhà được đâu,

Ở nhà làng bắt mất trâu

Cho nên con phải đâm đầu ra đi".

Ca dao - dân ca đã phản ánh thân phận người phụ nữ thế đấy Đã xa rồi cái thời kì đen tối của người phụ nữ, cái thời kì mà họ bị đẩy xuống tận cùng xã hội, bị chà đạp, bị đối xử bất công. Giờ đây, trước mắt họ là một tương lai tươi sáng, tràn ngập niềm tin, với những ước mơ, kì vọng. Nhưng dù có bận bịu với những hoạt động xã hội, với công việc thì người phụ nữ nói chung và người phụ nữ Việt Nam nói riêng cũng không ánh mắt đi vẻ đẹp tự nhiên duyên dáng và sự đắm đuối vốn có trong nỗi

người. Những vẻ đẹp ấy đã, đang và sẽ mãi trường tồn theo thời gian, để cho các nhà mĩ học còn phải bàn bạc tranh luận về nó đến mãi mãi.

Nguyễn Tuấn Đức

(Dẫn theo *Những bài làm văn chọn lọc 10*, Sdd, tr.46)

Hướng dẫn đọc

Trong bài này, người viết đã thể hiện một bề rộng kiến thức rất đáng khen đối với học sinh mới bước vào nhà trường phổ thông trung học. Vốn hiểu biết ấy đã giúp nội dung của bài làm phong phú. Bố cục bài khá rõ ràng, mạch lạc, lời văn cũng sáng sủa, rõ ý.

Tuy nhiên, khả năng phân tích và bình văn của người viết còn hạn chế; dẫn chứng phong phú nhưng cần có thêm phân tích, lời bình. bài làm sẽ có chất lượng hơn nhiều nếu mở và kết bài tự nhiên, hấp dẫn hơn, có sự phân tích, cảm thụ sâu sắc hơn.

Đề 52- Giới thiệu chùm ca dao than thân.

Bài làm

Than thân là một trong những chủ đề quan trọng trong ca dao Việt Nam. Chùm ca dao này có số lượng bài khá lớn. Đó là những câu ca dao được cất lên từ những kiếp người đau khổ lắm than trong xã hội cũ. Những con người ấy phải chịu trăm đắng ngàn cay, những đè nén, áp bức, những uất ức, tủi nhục, hờn giận. Họ gửi tất cả những nỗi niềm ấy vào ca dao, mượn ca dao để thổ lộ giải bày những nỗi niềm đau khổ, cực nhọc của quần chúng lao khổ xưa.

Nhân vật ca dao than thân đa dạng và chủ yếu là những người thuộc tầng lớp dưới của xã hội. Họ là những người làm thuê, người con ở, người vợ lính, người tá điền, người nông dân, người con gái bị ép duyên, người vợ bị chồng đánh đập, phụ bạc... Mỗi người một tình cảnh, một tâm trạng, một nỗi niềm những điểm chung lớn nhất của họ là thân phận thấp hèn phụ thuộc. Đáng thương nhất trong số đó là những người phụ nữ. Những con người yếu mềm ấy đáng lẽ được nâng niu, che chở lại là những người chịu nhiều đắng cay thiệt thòi nhất trong xã hội. Họ là nạn nhân của những tư tưởng, quan niệm trong gia đình phụ quyền. Người con gái khi ở nhà với bố mẹ thì bị cấm đoán, bị ép duyên, gả bán, khi đi lấy chồng thì gánh nặng gia đình, con cái lại trút cả lên đôi vai bé nhỏ. Hơn thế, họ còn bị chồng đánh đập, chửi bới, phụ bạc.... Dường như tất cả những bất hạnh trong gia đình phụ quyền, cũng như những nỗi éo le ngoài xã hội, người phụ nữ đều phải hứng chịu.

"Có bát sứ phụ bát đàn

Nâng niu bát sứ vỡ tan có ngày"

Để thể hiện những tình ấy, cảnh ấy! Ca dao than thân thường sử dụng các biện pháp nghệ thuật như ẩn dụ, so sánh, nhân hoá... Những hình ảnh tượng trưng như con ong, cái kiến, con tằm, con nhện... là những hình ảnh rất đời thường thuộc trong ca dao than thân. Thường xuyên nhất, ám ảnh nhất là hình ảnh con cò. Con cò tượng trưng cho nhiều số phận, nhiều cảnh ngộ khác nhau. Đó là những "thân cò" chăm chỉ, hiền lành, thật thà những vất vả, lặn lội và gặp nhiều rủi ro trong cuộc sống.

"Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non"

Cùng với những hình ảnh đầy ám ảnh ấy, các từ ngữ, các cấu trúc lặp cũng tạo nên ấn tượng mạnh mẽ về số kiếp con người. Những câu ca dao mà mở đầu bằng "thân em", "em như", "thương thay"... đều là những lời ca nức nở về thân phận thấp hèn phụ thuộc của những con người bé nhỏ trong xã hội.

"- Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai".

"- Thương thay thân phận con rùa

Dưới đình đội hạc, lên chùa đội bia".

Những lời ca ai oán ấy như xoáy sâu vào tâm can bao thế hệ Việt Nam, day dứt, ám ảnh mãi không thôi về những kiếp người đau khổ thuở nào.

Vì thế, ca dao Việt Nam, bên cạnh những câu ca dao đậm thắm ngọt ngào tình nghĩa còn những lời than thở đắng cay. Đây chính là sự phong phú của ca dao Việt Nam.

Hướng dẫn đọc

Kể ra viết được bài văn giới thiệu (thuyết minh) cũng khó đấy chứ! Đã có nhiều bài nhầm với văn nghị luận. Như bài trên đây chẳng hạn.

Em hãy viết lại bài này theo gợi ý:

a- Những bài ca dao than thân là thế nào? (Thường mở bài thế nào? Ví dụ?).

b- Vị trí của những bài ca dao than thân trong kho tàng ca dao dân ca Việt Nam.

c- Nội dung chủ yếu mà các bài ca dao than thân đề cập đến vấn đề gì? Nội dung ấy phản ánh điều gì trong xã hội xưa và phản ánh tâm hồn người Việt Nam như thế nào?

d- Giá trị nghệ thuật chủ yếu của ca dao than thân?

Đề 53- Giới thiệu một số biện pháp nghệ thuật thường gặp trong ca dao yêu thương, tình nghĩa.

Bài làm

Yêu thương tình nghĩa là một trong những chủ đề chính của ca dao Việt Nam. Nội dung chủ yếu các bài ca dao này phản ánh là đời sống tình cảm, tình nghĩa trong quan hệ gia đình, quê hương, đất nước, tình yêu đôi lứa, tình bạn, láng giềng.... Góp phần tích cực vào việc thể hiện nội dung ấy là một số biện pháp nghệ thuật quen thuộc như so sánh ví von, nhân hoá, ẩn dụ và các mô thức ngôn ngữ....

Biện pháp nghệ thuật mà ca dao yêu thương tình nghĩa thường xuyên sử dụng là so sánh (còn gọi là tỉ dụ). So sánh là việc đối chiếu sự vật này với sự vật khác dựa trên những đặc điểm giống nhau nào đó giữa hai sự vật nhằm tạo nên những hình ảnh nghệ thuật mới mẻ tạo những cảm xúc thẩm mỹ cho người nghe, người đọc. Ca dao yêu thương tình nghĩa sử dụng biện pháp so sánh để bộc lộ những tình cảm trong sáng, cao đẹp hay những trạng thái cảm xúc cụ thể nào đó của nhân vật trữ tình:

"Tình anh như nước dâng cao

Tình em như dải lụa đào tẩm hương".

Biện pháp so sánh trong ca dao yêu thương tình nghĩa là cách so sánh trực tiếp. Các từ so sánh thường gặp là: "như", "như thể". Nhờ có so sánh, cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình được bộc lộ cụ thể, dễ hiểu hơn:

"Đôi ta như thể con ong

Con quần con quýt con trong con ngoài".

Bên cạnh so sánh, nhân hoá cũng là một biện pháp nghệ thuật thường gặp trong ca dao yêu thương tình nghĩa.

"Khăn thương nhớ ai

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai".

Nhờ biện pháp nhân hoá, những sự vật vô tri vô giác trở nên có tình có nghĩa. Tình nghĩa ấy cũng chính là tình nghĩa của con người được giải bày bộc lộ trong ca dao.

Cùng với so sánh nhân hoá, ẩn dụ cũng được sử dụng thường xuyên. Ẩn dụ là phép so sánh ngầm, so sánh gián tiếp. Biện pháp này làm cho bài ca dao được rút ngắn và do đó trở nên hàm súc, cô đọng hơn.

"Cô kia đứng ở bên sông

Muốn sang anh ngả cành hồng cho sang".

Nhiều hình ảnh ẩn dụ được dùng nhiều lần trở thành quen thuộc và dần dần trở thành hình tượng mang tính ước lệ, tượng trưng cao như thuyền - bến, cây đa - bến nước, mạn - đào, trúc - mai...

Ngoài những biện pháp tu từ trên, ca dao yêu thương tình nghĩa còn sử dụng biện pháp lặp, lặp từ ngữ và lặp cấu trúc. Việc lặp lại một số từ ngữ hay cấu trúc nào đó trong nhiều bài ca dao đã tô đậm thêm chủ đề và làm tăng thêm sức biểu hiện. Chẳng hạn, trong bài ca dao sau đây, cấu trúc và các từ ngữ "Ước gì... để" được lặp lại nhiều lần:

"Ước gì anh hoá ra gương

Để cho em cứ ngày thường em soi;

Ước gì anh hoá ra cơi

Để cho em đựng cau tươi trâu vàng".

Việc lặp lại như vậy đã đem lại giá trị biểu hiện đáng kể. Nó đã thể hiện được khát vọng cháy bỏng của chàng trai luôn muốn được gần gũi bên cạnh người yêu, thoả nỗi nhớ niềm thương mà chàng dành cho người yêu.

Trên đây chính là những biện pháp nghệ thuật truyền thống quen thuộc trong ca dao yêu thương, tình nghĩa nói riêng và ca dao Việt Nam nói chung.

PHẦN VI- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 6

(THUYẾT MINH VỀ TÁC GIA, TÁC PHẨM)

Đề 54- Giới thiệu Bài Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu.

Bài làm

Bài *Phú Sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu không chỉ là một tác phẩm nổi tiếng thời Trần mà còn là một trong những bài phú viết bằng chữ Hán hay vào loại bậc nhất nước ta thời Trung đại. Bài Phú vừa chứa chan lòng tự hào dân tộc vừa kết đọng nỗi đau, vừa có tư tưởng triết lí sâu sắc.

Bạch Đằng giang là một con sông sử thi hào hùng, nơi đây từng ghi lại những chiến công hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc. Bài Phú được viết từ cảm hứng hào hùng và bi tráng khi tác giả là một trọng thần của Vương triều nhà Trần đang có biểu hiện suy thoái, có nguy cơ sụp đổ (Thời Trần Hiến Tông, Trần Dụ Tông). Vì thế, cảm hứng Bạch Đằng giang vừa là cảm hứng lịch sử, vừa là cảm hứng thời thế, lại vừa có những suy ngẫm triết lí được rút ra thành bài học.

Bạch Đằng giang phú được viết theo thể loại *Phú (cổ thể)*. Hệ thống câu tứ của bài theo lối kể chuyện: một vị "khách" giông thuyền chơi sông, qua nhiều cảnh đẹp. Đến sông Bạch Đằng, vị "khách" được nghe chuyện các bô lão địa phương kể về chiến công ngày trước. Hết lời kể đến lời ca, "khách" nghe và nối lời ca tiếp. Như vậy, bài Phú có hai nhân vật: khách và các bô lão. Khách có thể là một ai đó hoặc là chính tác giả. Bài Phú có lời kể về "Khách" về "Bô lão", có lời các Bô lão kể và ca. Cuối cùng là lời ca của "Khách" được kể lại.

Bài Phú mở ra trong cảnh dạo thuyền chơi sông của "Khách". Cảnh nên thơ, người rộng mở tâm hồn:

"Giương buồm giông gió chơi vơi,

Lướt bể chơi trăng mải miết".

Khách không chỉ là một người ham du ngoạn mà còn là một tráng sĩ phóng khoáng, mạnh mẽ, một con dân Đại Việt đang ngược dòng thời gian tìm hiểu lịch sử dân tộc. Tâm trạng của "Khách" vì thế mà chứa chất bao suy tư: "đứng lặng giờ lâu", "thương nỗi anh hùng đâu vắng tá?", "tiếc thay dấu vết huy hoàng còn lưu"...

Sau này, Nguyễn Trãi đến cửa biển Bạch Đằng cũng có một phút cảm hoài tương tự:

"Việc cũ ngoảnh đầu ôi đã vắng!

Tới dòng ngắm cảnh dọ băng khuâng"

Những con người nặng nợ với non sông tất sẽ có những phút giây cảm hoài như thế.

Nhân vật "Khách" tuy có tính chất công thức ở thể Phú nhưng đã được Trương Hán Siêu thổi hồn thành một con người sinh động. "Khách" chính là "Cái tôi" của tác giả - một con người có tính cách tráng sĩ, một hồn thơ nhạy cảm, một kẻ sĩ nặng lòng ưu ái với đất nước và lịch sử dân tộc.

Nếu ở đoạn một, nhân vật "Khách" là sự phân thân của tác giả thì ở đoạn hai nhân vật "Bô lão" là hình ảnh tập thể xuất hiện như một sự ủng hộ. Các "Bô lão" là chứng nhân của lịch sử, là một hình ảnh có tính lịch đại. Sự xuất hiện của các bô lão nhằm tạo không khí đối đáp tự nhiên từ đó giúp "Khách" sống lại với những trận thủy chiến ở nơi đây.

Với lời lẽ trang trọng, những kỉ tích được gợi lên qua cách liệt kê sự kiện trùng trùng điệp điệp:

"Đây là chiến địa buổi Trưng Hưng Nhị thánh bắt Ô Mã.

Còn là bãi đất xưa Ngô Chúa Phú Hoàng Thao".

Các hình ảnh đối nhau liên tiếp, chát chúa, gợi lên không khí bừng bừng chiến trận:

"Thuyền bè muôn đội

Tinh kì pháp phối,

Hùng hổ sáu quân,

Giáo gươm sáng chói"...

Miêu tả thế trận giằng co quyết liệt: "Chiến lũy Bắc Nam chống đối"...

Tác giả chọn lọc những hình ảnh, điển tích tạo nên khả năng diễn tả sự thất bại thảm hại của quân giặc (Xích Bích, Hợp Phì, Bồ Kiên...). Đây cũng là thủ pháp ẩn dụ, đặt những trận thủy chiến Bạch Đằng ngang tầm những trận oanh liệt nhất trong lịch sử Trung Quốc.

Chiến thắng Bạch Đằng giang được diễn tả như một bài thơ tự sự đậm chất anh hùng ca. Tiếng trống trận, tiếng gươm khua như hoà vào cảm hứng tự hào, kiêu hãnh để rồi lắng lại trong suy ngẫm: "Trời đất cho nơi hiểm trở" "Nhân tài giữ cuộc điện an"

"Đến sông đây chừ hổ mặt

Nhớ người xưa, chừ lệ chan"

Lời ca của các bô lão là lời khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của dòng sông lịch sử và những chiến công hiển hách ở đây đồng thời cũng khẳng định sự tồn tại vĩnh hằng của chân lí: bất nghĩa tất yếu sẽ tiêu vong, chỉ có anh hùng là lưu danh thiên cổ.

Lời ca của "Khách" (theo lối liên ngâm) cũng tiếp nối niềm tự hào ấy đồng thời thể hiện quan niệm vững chắc vào vai trò của con người trong việc "giữ cuộc điện an". Đây là quan niệm tiến bộ và hết sức nhân văn.

Giá trị của bài Phú là ở chỗ không chỉ làm sống dậy hào khí chiến thắng của những trận Bạch Đằng mà còn làm sáng lên chân lí muôn đời bất diệt của một dân tộc. Nội dung của bài Phú được biểu hiện thông qua một cấu tứ đơn giản mà hấp dẫn, một bố cục chặt chẽ, một năng lực chọn lọc chi tiết đích đáng để đảm bảo độ súc tích, một hơi văn liền mạch cuốn cuộn cảm hứng đặc biệt là sự kết hợp tự sự và trữ tình một cách nhuần nhuyễn. "Bạch Đằng giang phú" có yếu tố "bi" nhưng với tất cả những gì mà thiên tài Trương Hán Siêu thể hiện, tác phẩm xứng đáng là một bản tráng ca bất hủ của muôn đời.

Nền văn học dân tộc đã rất tự nhiên mà hình thành dòng thơ văn Bạch Đằng. Với "Bài phú sông Bạch Đằng", Trương Hán Siêu đã đóng một "trụ đồng" sáng chói trên dòng thi ca bất tận ấy để con cháu muôn đời còn ngưỡng vọng.

Hướng dẫn đọc

Để giới thiệu Bài phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu, cần nêu được:

- + Hoàn cảnh ra đời
- + Nêu giá trị nội dung
- + Nêu nét nổi bật về nghệ thuật (lối cấu tứ, bố cục, lựa chọn chi tiết, kết hợp tự sự - trữ tình, ...).
- + Lời đánh giá chung (Đây là một bản hùng ca ca ngợi lịch sử với lòng tự hào sâu lắng...).

Cần có lời văn giới thiệu (thuyết minh) phù hợp.

Bạn hãy thử tự đánh giá và viết lại bài viết dựa vào các yêu cầu trên.

Đề 55-

Giới thiệu về tác gia Nguyễn Trãi.

Bài làm

Nguyễn Trãi là một vị anh hùng dân tộc, một nhà văn hoá kiệt xuất, nhân vật toàn tài số một của lịch sử Việt Nam thời phong kiến.

Nguyễn Trãi tên hiệu Úc Trai, sinh năm 1380, quê gốc ở xã Chi Ngại (Nay là xã Cộng Hoà, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương) sau rời đến làng Nhị Khê (Thường Tín, Hà Tây). Cha là Nguyễn Phi Khanh đỗ Thái học sinh. Mẹ là Trần Thị Thái, con quan Tư đồ Trần Nguyên Đán.

Nguyễn Trãi sống trong một thời đại đầy biến động: nhà Trần suy vi, Hồ Quý Li lập nghiệp chưa được bao lâu thì giặc Minh xâm lược. Cha bị bắt, Nguyễn Trãi muốn làm tròn đạo hiếu nhưng nghe lời cha dặn đã quay về báo thù cho nước, rửa nhục cho cha. Bị giam lỏng ở thành Đông Quan, Nguyễn Trãi bỏ trốn, tìm đến cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi dâng Bình Ngô sách. Từ đó, Nguyễn Trãi trở thành quân sư đắc lực của Lê Lợi, đưa cuộc kháng chiến mười năm chống quân Minh giành thắng lợi. Mùa xuân năm 1428, Nguyễn Trãi thay Lê Lợi viết *Bình Ngô đại cáo* - một áng Thiên cổ hùng văn tuyên cáo độc lập dân tộc.

Chưa kịp thực hiện hoài bão, Nguyễn Trãi bị nghi ngờ rồi bị bắt, bị vô hiệu hoá khiến năm 1439 ông phải xin cáo quan về ẩn dật ở Côn Sơn. Vua Lê Thái Tông lên ngôi lại vời ông ra giúp nước. Nguyễn Trãi lại khắp khởi hi vọng nhưng ba năm sau đó, một thảm hoạ có một không hai trong lịch sử đã xảy ra: Vụ án Lệ Chi Viên (1442) đã khiến Nguyễn Trãi bị tru di tam tộc. Năm 1464, Vua Lê Thánh Tông lên ngôi đã minh oan cho Nguyễn Trãi và tặng ông bảy chữ: "Ức Trai tâm thượng quang khuê tảo" (Tấm lòng Ức Trai sáng tựa sao khuê).

Nguyễn Trãi là người thanh khiết bậc nhất trong những người thanh khiết. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi là một bài ca yêu nước, tự hào dân tộc.

Nguyễn Trãi là một tài năng lỗi lạc, văn võ song toàn. Ông đã để lại cho đời sau một di sản to lớn về quân sự, văn hoá, lịch sử, địa lí, ngoại giao... đặc biệt là sự nghiệp văn học.

Quân trung từ mệnh tập của Nguyễn Trãi là quyển sách có giá trị quân sự, chính trị, ngoại giao. Với chiến lược "công tâm" (đánh vào lòng người) những trang văn Nguyễn Trãi quả là "có giá trị hơn mười vạn binh".

Lam Sơn thực lục, *Văn bia Vĩnh Lăng* của Nguyễn Trãi có giá trị lớn về lịch sử; *Dư địa chí* là tác phẩm địa lí xưa nhất không chỉ có giá trị địa lí mà còn có giá trị lịch sử, dân tộc học.

Sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi mới thật phong phú. *Bình Ngô đại cáo* là một tác phẩm có nhiều giá trị, một áng Thiên cổ hùng văn, một bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc ta. Cùng với bài *Phú núi Chí Linh* và *Chuyện cũ về cụ Bểng Hồ*, Nguyễn Trãi có tập thơ chữ Hán *Ức Trai thi tập* mà mỗi bài thơ trong đó là một mảnh hồn Ức Trai. Thơ quốc âm của Nguyễn Trãi là một dòng thơ tràn đầy tinh thần tự tôn dân tộc. *Quốc âm thi tập* xứng đáng được coi là tập thơ Nôm tiêu biểu nhất của văn chương Việt Nam suốt hơn 500 năm.

Tư tưởng bao trùm thơ văn Nguyễn Trãi là tư tưởng yêu nước, thương dân. Với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân. "Việc nhân nghĩa

cốt ở yên dân"; nhân nghĩa lớn nhất với Nguyễn Trãi là làm sao cho dân yên ổn, "khắp nơi không còn tiếng hờn giận, oán sầu". Có lẽ Nguyễn Trãi là người đầu tiên trong lịch sử tư tưởng phong kiến chú ý tới tầng lớp "lê dân" (dân đen). Ông nhìn thấy sức mạnh "như nước" của dân và mong muốn cho dân có được cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Nguyễn Trãi đã gửi gắm trong thơ văn của mình những tư tưởng triết lí sâu sắc mà giản dị. Đó là kết quả của một đời trải nghiệm, một nhân cách cứng cỏi, thanh khiết: "Công danh đeo khổ nhục", "dại dột có phong lưu"; "Có học" mới "nên thợ, nên thầy"; "hay làm" mới "no ăn no mặc"...

Thiên nhiên trong thơ văn Nguyễn Trãi, đặc biệt là trong *Quốc âm thi tập* có một vị trí đặc biệt. Tình yêu thiên nhiên khiến tâm hồn người nghệ sĩ Nguyễn Trãi hoà làm một với cỏ cây tạo vật:

*"Cò nằm hạc đậu nên bầu bạn,
Ủ ấp cùng ta làm cái con".*

Một con người biết hé cửa "chờ hương quế lọt", toan "quét hiên lại sợ bóng hoa tan", đó quả là một người vô cùng tinh tế. Và không chỉ tinh tế, hồn thơ Ức Trai cũng thật lãng mạn, tình tứ. Xuân qua hè đến, người thơ bâng khuâng nghĩ đến bàn tay người đẹp: "Tay ngọc dùng dằng chỉ biếng thêu", để "thức xuân một điểm nao lòng nhau". Bài thơ *Cây chuối* của Ức Trai tiên sinh cho đến nay vẫn còn như "Tình thư một bức phong còn kín", khiến cho thi sĩ bao đời mê say.

Nghệ thuật thơ văn Nguyễn Trãi đạt đến trình độ tinh luyện. Văn chính luận giàu nhân nghĩa, tính chiến đấu sắc bén, lập luận khúc chiết, tình và lí tưởng thông kì diệu đạt đến độ chuyên nghiệp mẫu mực. Thơ Nguyễn Trãi là cả một thế giới thẩm mĩ phong phú, đa dạng: vừa cảm hoá vừa trí tuệ, vừa hào hùng vừa lãng mạn bay bổng, vừa sâu sắc, thấm đẫm trải nghiệm lại được viết bằng ngôn ngữ tinh luyện trong sáng. Với Nguyễn Trãi, lần đầu tiên tục ngữ, thành ngữ cùng với nhiều hình ảnh dân dã quê hương được đưa vào thơ (bè rêu muống, lạnh mùng tơi, vị núc nác,...). Thể lục ngôn xen vào bài thất ngôn là một sáng tạo độc đáo của ngòi bút Nguyễn Trãi.

Nguyễn Trãi là một nhà quân sự, nhà chính trị, nhà ngoại giao thiên tài. Nguyễn Trãi là một nhà văn hoá, tư tưởng, một nhà văn thơ kiệt xuất. Con người lỗi lạc bậc nhất và cũng là con người có số phận oan khiên bậc nhất trong lịch sử ấy đã trở thành "một ông tiên ở trong toà ngọc" (Nguyễn Mộng Tuân).

Hướng dẫn đọc

Yêu cầu đối với bài giới thiệu tác gia văn học này cần phải:

- Giới thiệu được những nét cơ bản về tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Trãi.

- Giới thiệu được những nét lớn trong giá trị nội dung tư tưởng và giá trị nghệ thuật của những sáng tác thơ văn của ông.

Bài viết đã đạt được các yêu cầu trên hay chưa? Các bạn thử tìm hiểu và viết lại bài này cho đúng yêu cầu của một bài văn thuyết minh.

Đề 56- Giới thiệu bài thơ "Cảnh ngày hè" của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Cảnh ngày hè là một bài thơ vừa thể hiện tâm hồn nghệ sĩ, vừa thể hiện tình yêu cuộc sống và tấm lòng thương dân của Nguyễn Trãi.

Cảnh ngày hè thuộc chùm thơ *Bảo kính cảnh giới* (Gương báu răn mình) trong *Quốc âm thi tập* - một tập thơ Nôm nổi tiếng của Nguyễn Trãi. Trong tập thơ này, những bài nói về tâm sự trong cuộc sống nhân dân chiếm số lượng nhiều nhất và cũng là phần hay nhất. Có thể ước đoán Nguyễn Trãi sáng tác bài thơ này vào khoảng 1438 - 1439 lúc ông xin về trông coi chùa Tư Phúc ở Côn Sơn.

Bài thơ được viết theo thể thất ngôn xen lục ngôn. Tuy về cơ bản vẫn là dạng thất ngôn bát cú nhưng có hai điểm khác: thứ nhất, câu một và câu tám chỉ có sáu chữ; thứ hai, câu ba và câu bốn ngắt nhịp 3/4. Chính hai điểm khác biệt này đã khiến cho cấu trúc bài thơ thay đổi, câu một và câu tám trở thành câu độc lập (không gắn với những câu khác để thành một "liên"); tiết tấu cũng đa dạng hơn.

Bài thơ được mở đầu bằng câu thơ sáu tiếng với tiết tấu 1/2/3 (Rồi hóng mát thuở ngày trường) diễn tả cái thở phào nhẹ nhõm khi trút được gánh nặng công danh để thư thái, thanh thản trước thiên nhiên.

Tiếp theo cảm giác thư thái ấy là tâm trạng phấn chấn khi nhà thơ đưa những nét bút miêu tả *Cảnh ngày hè*. Bức tranh thơ của người nghệ sĩ thật đẹp, một vẻ đẹp ngồn ngộn sức sống với đầy đủ đường nét, màu sắc, hương thơm, âm thanh và ánh sáng, có cái hữu hình và có cả những cái vô hình. Bắt đầu từ cây hoa hòe màu xanh lục với tán lá "đùn đùn" căng đầy "trương" lên như một chiếc ô lớn làm dịu mát cả một góc trời. Tiếp đến là màu đỏ chói gắt của hoa thạch lựu (Thạch lưu hiên còn phun thức đỏ). Hoa không nở mà "phun" một cách nở thật dữ dội, mãnh liệt. Trong cái căng đầy của sắc màu, nhà thơ nhận ra cái nồng nàn toả ngát của mùi hương. Đó là hương hồng liên (Hồng liên trì đã tiễn mùi hương).

Như vậy, ba câu thơ đã hoàn chỉnh một bức tranh thiên nhiên mùa hè với ba loại cây đặc trưng: hòe, lựu, sen. Cây nào, hoa nào cũng đang ở độ viên mãn nhất, sức sống căng đầy nhất. Tác giả thật tài tình khi sử dụng các động từ: "đùn đùn", "trương", "phun", "tiền" để diễn tả trọn vẹn điều đó.

Hai câu năm và sáu, với các từ tượng thanh: "lao xao", "dăng dỏi" được đưa lên đầu câu, tác giả đã biến một bức tranh tĩnh vật thành một bức hoạ có âm nhạc. Đó là âm nhạc của cuộc sống có tiếng lao xao người mua kẻ bán từ một phiên chợ cá làng ngư phủ hoà vào tiếng dâng dỏi râm ran của bản nhạc ve. Không khí buổi chiều hè nơi làng quê thật rộn rã, náo nức.

Tuy nhiên, *Cảnh ngày hè* không đơn thuần là bức tranh phong cảnh. Cách dùng từ, đặt câu, cách tạo dựng hình ảnh cho thấy Nguyễn Trãi không hề ngắm cảnh một cách thụ động, cảnh không miêu tả thuần túy khách quan mà theo sức tưởng tượng mạnh mẽ của con người, cảnh đã hoà quyện với tình. Nhà thơ như quên đi nỗi buồn chán vì phải ngồi không, phải cô độc. Tình con người bỗng trở lại, muốn hoạt động sôi nổi, muốn gắn bó với đời, với người, với cỏ cây hoa lá. Và từ đây cái chí "tiên ưu" (lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ) bừng thức dậy trong lòngỨc Trãi. Ông thấy, lẽ ra lúc này phải có cây đàn của vua Thuấn để tấu lên niềm mong mỏi lớn nhất, tha thiết nhất là dân chúng khắp nơi đều được giàu có, no đủ:

Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng

Dân giàu đủ khắp đôi phương.

Câu thơ sáu tiếng khép lại bài thơ thật bất ngờ. Một tiếng đàn gảy lên mà như phép màu nhiệm của tiếng đàn Thạch Sanh trong cổ tích đã biến hoá tất cả. Giấc mơ của Nguyễn Trãi bỗng như đang biến thành hiện thực vậy.

Bài thơ *Cảnh ngày hè*, như tên gọi của nó, trước hết là một bài thơ tức cảnh, một cảnh tượng đầy sức sống: cây cối sinh sôi, sắc màu tung bừng sôi động, hương thơm toả ngát, âm thanh rộn rã... Người nghệ sĩ đã vẽ bức tranh ấy bằng niềm vui sống, bằng sức sống của một tâm hồn tươi trẻ và trên hết là niềm ao ước không phải cho mình mà cho dân mình có cuộc sống hạnh phúc, ấm no. Người nghệ sĩ ấy đã vận dụng một cách sáng tạo và tài hoa một thể thơ vốn nghiêm ngặt về cấu trúc hình thức, tạo nên một bài thơ hay, giàu ý nghĩa nhân văn.

Hướng dẫn đọc

Lại một bài văn nữa bị "lạc đề". Cần phân biệt văn giới thiệu (thuyết minh) với phân tích, bình giảng (nghị luận). Tuy nhiên, không nên cấm việc phân tích, bình giảng khi cần thiết.

Nên sửa lại để bài viết này tốt hơn theo gợi ý sau:

+ Xuất xứ bài thơ Cảnh ngày hè.

+ Nội dung chính của bài thơ.

+ Nét đẹp nghệ thuật chủ yếu của bài thơ.

+ Cảm xúc của riêng mình và lời kích thích bạn đọc đến với bài thơ, cũng như đến với tập thơ quốc âm của Nguyễn Trãi...

Đề 57- Giới thiệu văn bia "Hiển tài là nguyên khí quốc gia" của Thân Nhân Trung.

Bài làm

Văn bia *Hiển tài là nguyên khí quốc gia* của tiến sĩ Thân Nhân Trung nguyên có tên là *Bài kí đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất, niên hiệu Đại Bảo thứ ba*. Đây là bài văn bia giữ vai trò quan trọng như lời tựa chung cho cả 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu.

Văn bia ở Văn Miếu- Quốc Tử Giám là một di sản văn hoá thế giới. Qua những bài văn bia, người đời sau không chỉ biết tên tuổi, công trạng của các bậc tiến sĩ mà còn biết được nền học vấn, sự thịnh suy của một triều đại. Người viết văn bia không chỉ là người tài cao mà còn là người đức lớn. Mỗi lần đến Văn Miếu, chạm tay vào những con chữ khắc trên đá, chúng ta dường như bắt gặp hồn thiêng của sông núi, cha ông.

Bài văn bia của tiến sĩ Thân Nhân Trung có vị trí quan trọng. Tác phẩm được hoàn thành năm 1484, dưới thời Hồng Đức.

Điều đáng quý trong văn bia là tư tưởng coi "*hiển tài là nguyên khí quốc gia*". Quốc gia đã "quý chuộng kẻ hiền sĩ", làm cho kẻ sĩ "tự trọng tấm thân mà ra sức báo đáp". Phần cuối của bài văn bia là danh sách 33 vị tiến sĩ Khoa Nhâm Tuất.

Bài văn bia trước hết có giá trị đề cao hiền tài, những người tài cao, học rộng, có đạo đức, nêu cao lòng tự hào về một đất nước văn hiến có chiều sâu văn hoá và học vấn.

Trong phần trình bày mục đích dựng bia *Đề danh tiến sĩ*, tác giả có ý nhắc nhở mọi người xem bia mà tự sửa mình. Như vậy bia không chỉ có giá trị ca tụng tên người được lưu danh trong bia mà sâu xa hơn, ai ai cũng có thể xem rồi tự đặt cho mình mục tiêu phấn đấu, răn mình. Có như vậy "mệnh mạch" nhà nước mới được củng cố, phát triển.

Bài văn bia có lối kết cấu chặt chẽ, lô-gíc, có hệ thống lập luận khúc chiết, vừa có lí, vừa có tình. Kiểu văn đậm chất nghị luận kết hợp với yếu tố trữ tình này có sức thuyết phục và cảm hoá mạnh mẽ.

Một tấm bia nhỏ với những lời văn ngắn gọn mà ý nghĩa, giá trị vô cùng to lớn và truyền tới muôn đời.

Bạn hãy đọc và nghiên cứu bài văn bia để thấy rõ hơn tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc của người Việt Nam trong quá khứ.

Hướng dẫn đọc

Ngoài việc giới thiệu đầy đủ thời gian, nguyên nhân, mục đích và ý nghĩa của bài văn bia, người viết cần khích lệ lòng yêu nước, tự hào dân tộc đối với các thế hệ người Việt Nam khi đặt chân đến Văn Miếu Quốc Tử Giám.

Bài viết trên đây đã có những "tiến bộ" hơn so với các bài trước rồi đây.

Đề 59- Giới thiệu bài tựa sách "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương.

Bài làm

Trích diễm thi tập là tập thơ gồm sáu quyển do Hoàng Đức Lương sưu tầm, tuyển chọn từ thời Trần đến thời Tiền Lê. Bộ sách được hoàn thành vào năm 1497 với bài tựa của chính người soạn sách.

Bài tựa sách *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương là một tác phẩm nghị luận, hệ thống lập luận rất đặc sắc.

Bài tựa gồm ba phần: phần thứ nhất, tác giả trình bày lí do vì sao làm sách *Trích diễm thi tập*; phần thứ hai, tác giả thuật lại quá trình hoàn thành, nội dung và kết cấu tác phẩm; phần thứ ba được gọi là phần "lạc khoản" cho biết những thông tin về người viết, năm viết, nơi viết...

Trong phần thứ nhất, Hoàng Đức Lương trình bày lí do khiến cho văn thơ không lưu hành hết ở đời. Tất cả có sáu nguyên nhân: bốn nguyên nhân thuộc về chủ quan và hai nguyên nhân thuộc về khách quan.

Về chủ quan, thứ nhất, chỉ có thi nhân mới thấy được cái hay, cái đẹp của thi ca; thứ hai, người có học bận việc hoặc ít để ý đến thi ca; thứ ba, người quan tâm đến thi ca thì không đủ năng lực và kiên trì; thứ tư, chính sách in ấn của nhà nước làm hạn chế.

Về khách quan: thứ nhất là thời gian làm huỷ hoại sách vở; thứ hai là do binh hoả (chiến tranh và hoả hoạn).

Điều đáng quý trong đoạn này là, tác giả đã nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức trách nhiệm của kẻ sĩ đối với nền văn học nước nhà.

Phần thứ hai, với cách nói khiêm tốn của người phương Đông, Hoàng Đức Lương đã thuật lại quá trình hoàn thành *Trích diễm thi tập*, nội dung và kết cấu tác phẩm. Quá trình khó khăn, vất vả sưu tầm biên soạn bộ sách. Tác phẩm gồm sáu quyển, chia làm hai phần: phần chính gồm thơ ca của các tác giả từ thời Trần đến thời Hậu Lê; *Phụ lục* là thơ ca của chính tác giả.

Phần cuối bài tựa là *Lạc khoản*.

Bài tựa *Trích diễm thi tập* không ghi nơi viết bài tựa, chỉ ghi thời gian (Niên hiệu Hồng Đức năm thứ 28, mùa xuân) và người viết (Hoàng Đức Lương, người Gia Lâm, đỗ Tiến sĩ Hoa Lang, chức tham nghị viết bài tựa này).

Bài tựa sách *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương không giản đơn chỉ là lời giới thiệu cho một bộ sách. Bài tựa đã thể hiện lòng yêu nước, ý thức trân trọng di sản văn hoá cha ông, nỗi đau xót trước thực trạng "một nước văn hiến, xây dựng đã mấy trăm năm, chẳng lẽ không có quyển sách nào để làm căn bản, mà phải tìm xa xôi để học thơ văn đời nhà Đường". Việc làm của chính tác giả đã chứng minh cho tình yêu đất nước và tinh thần độc lập dân tộc của ông.

Bài tựa hết sức cô đọng và có sức thuyết phục sâu sắc. Lập luận chặt chẽ, xen lẫn chất trữ tình nhẹ nhàng mà sâu sắc. Qua bài tựa, người đọc không chỉ thấy được ý nghĩ, tâm huyết của tác giả mà còn thấy được cả tình hình văn hoá, học thuật của thời đại mà tác giả đang sống. Đây là một trong những bài tựa hay của văn học Việt Nam thời trung đại.

Đề 59- Giới thiệu tác gia Nguyễn Bình Khiêm và bài thơ "Thú hàn".

Bài làm

Nguyễn Bình Khiêm là cây đại thụ rợp bóng của văn học Việt Nam thế kỉ XVI, sinh năm 1491, mất năm 1585. Ông sống gần trọn thế kỉ XVI.

Nguyễn Bình Khiêm tên húy là Văn Đạt, tên tự là Hành Phủ, người làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại, tỉnh Hải Dương (nay thuộc Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Ông học giỏi nhưng mãi ngoài bốn mươi mới thi Hương rồi thi tiếp đỗ Trạng nguyên. Ông tính tình khảng khái. Làm quan được tám năm, ông dâng sớ xin chém 18 kẻ lộng thần. Không được chấp nhận, ông cáo quan về sống ẩn dật ở quê nhà; dựng am Bạch Vân; lập quán Trung

Tân, mở trường dạy học và lấy hiệu là Bạch Vân cư sĩ (người cư sĩ ẩn mình chốn mây trắng).

Nguyễn Bình Khiêm có lối sống thanh cao, trí tuệ uyên thâm, thường được nhân dân gọi là Trạng Trình, cái tên gắn với rất nhiều giai thoại về sự tài trí, uyên bác.

Thơ Trạng Trình tự nhiên, giản dị mà hết sức linh hoạt, đặc biệt là cách nói ý nhị mang nội dung triết lí, tính giáo huấn sâu sắc. Thơ ông cũng là bằng chứng về sự trưởng thành của ngôn ngữ thơ Nôm.

Nguyễn Bình Khiêm có hai tập thơ nổi tiếng: *Bạch Vân am thi tập* (Thơ chữ Hán- khoảng 700 bài) và *Bạch Vân quốc ngữ thi* (Thơ chữ Nôm- khoảng 170 bài). Bài thơ *Thú nhàn* (Nhàn) là bài thơ rút từ tập thơ Nôm nổi tiếng của Nguyễn Bình Khiêm.

Bài thơ được làm theo thể thơ thất ngôn bát cú. Chỉ với tám câu, 56 âm tiết, bài thơ đã đem đến cho người đọc cảm nhận về đẹp cuộc sống của thú "nhàn"; về đẹp nhân cách của người "nhàn" và đặc biệt là vẻ đẹp trí tuệ của bậc ẩn sĩ.

Bài thơ thể hiện triết lí sống của bậc nho sĩ thời loạn, cốt lui về nơi hẻo lánh, giữ cho cốt cách được trong sạch. Và cái đáng quý là ta thấy ở đây tâm hồn, nhân cách của một bậc đại ẩn sĩ, cũng thấy được cả vẻ đẹp của cuộc sống nơi thôn dã Việt Nam.

"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá

Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao".

Nền văn học Việt Nam thời trung đại, như một lẽ tự nhiên, đã hình thành cả một dòng thơ "ẩn dật", từ Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm đến Chu Văn An, Nguyễn Công Trứ.... Trong dòng thơ "nhàn thân" mà tâm không nhàn ấy, Nguyễn Bình Khiêm xứng đáng là một đại biểu xuất sắc của dòng thơ "ẩn dật" ; và bài thơ *Thú nhàn* của ông xứng đáng là một trong những thi phẩm hay nhất.

Hơn ba trăm năm đã trôi qua nhưng những gì nhà thơ đã gửi gắm lại cho hậu thế vẫn rất có ý nghĩa.

Hướng dẫn đọc

Bài yêu cầu giới thiệu những nét cơ bản về tác giả Nguyễn Bình Khiêm (tiểu sử tóm lược, con người, nhân cách, sự nghiệp, vị trí trong nền văn học dân tộc...) ; giới thiệu những nét cơ bản về bài thơ "Thú nhàn" (giá trị nội dung, nghệ thuật; vị trí bài thơ trong sự nghiệp sáng tác của tác giả và trong nền văn học, trong cuộc sống...).

Cái khó của văn giới thiệu (thuyết minh) là phải biết khái quát, phải có cái nhìn tổng quát trước khi đi sâu vào việc phân tích các chi tiết, bộ phận; và phải luôn chú ý đến người nghe, người đọc.

Bài viết trên đây thiếu chút nữa sẽ rơi vào nghị luận đơn thuần.

Hãy điều chỉnh chút ít để bài viết tốt hơn.

Đề 60- Giới thiệu "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên là một trong 20 truyện đặc sắc của *Truyền kì mạn lục*, một tập truyện được coi là "thiên cổ kì bút" của Nguyễn Dữ.

Nhân vật chính của truyện là Tử Văn, một con người "khảng khái, nóng nảy" và "cương trực". Trong làng có một ngôi đền vốn thờ thần Thổ Công một Ngự sử đại phu đời Lí Nam Đế nhưng đã bị hồn ma viên Bách hộ họ Thôi, một tên tướng giặc Ngô tử trận, làm mưa làm gió đến nỗi Thổ Công phải lánh đến ở nhờ đền Tản Viên. "Thấy sự tà gian thì không thể chịu được", Tử Văn bèn châm lửa đốt đền. Chàng bị hồn ma Bách hộ họ Thôi dọa bắt đem xuống Minh ti hỏi tội nhưng hồn Thổ Công đã giúp sức, bày cách cho Tử Văn. Chàng bị quỷ sứ bắt đi. Trước mặt Diêm Vương, Tử Văn đã vạch trần tội danh của kẻ tà ma bịp bợm. Hồn ma Bách hộ bị bỏ ngục Cửu U, Tử Văn được sống trở về. Cảm người có công với mình lại cương trực, ngay thẳng, thần Thổ Công đã tiến cử Tử Văn giữ chức Phán sự đền Tản Viên. Tử Văn vui vẻ nhận lời rồi "không bệnh mà mất". Từ khi giữ chức Phán sự đền Tản Viên, hồn Tử Văn đi mây về gió, làm phận sự giúp đời.

Tư tưởng chủ đề của truyện được bộc lộ thông qua nhân vật Tử Văn. Nhân vật này được giới thiệu theo phương pháp truyền thống trong văn học trung đại (bao gồm tên tuổi, quê quán, tính tình...). Tính cách và phẩm chất của Tử Văn được bộc lộ rõ nét và đầy đủ qua hành động đốt đền. Hành động này của Tử Văn xuất phát từ một ý thức rõ ràng về chính – tà nên hợp lòng dân và được thần linh phù hộ. Việc tà ma Bách hộ họ Thôi làm mưa làm gió, thậm chí định lung lạc cả Diêm Vương cho thấy ở thời đại Nguyễn Dữ, cái ác, cái xấu hoành hành khắp nơi và có nguy cơ làm đảo lộn cả giường cột xã hội. Tuy nhiên, bằng niềm tin vào chính nghĩa, tin vào những con người cương trực như Tử Văn. Nguyễn Dữ đã để cho câu chuyện kết thúc một cách có hậu. Tử Văn chết nhưng là để phong thần thăng chức. Người tốt được tôn vinh, kẻ xấu bị trừng trị.

Truyện có ý nghĩa hiện thực rõ ràng và ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. Nguyễn Dữ đã gửi gắm tư tưởng của mình qua lời bình ở cuối truyện: "Kẻ sĩ chỉ lo không cứng cỏi được, còn gãy hay không là việc của trời. Sao lại đoán trước là sẽ gãy mà chịu đối cứng ra mềm?". Và "kẻ sĩ không nên kiêu kị sự cứng cỏi". Lời bình nói về "kẻ sĩ" mà hiểu rộng ra chính là nói về con người. Con người có lòng từ thiện, có bản lĩnh dù phải chết cũng không sợ tất sẽ chiến thắng.

Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ là loại truyện truyền kì được viết bằng văn xuôi chữ Hán. Thời trung đại, đây là loại truyện rất được ưa chuộng. Sức hấp dẫn của loại truyện này trước hết là ở tính chất "kì" (yếu tố kì ảo). "*Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên*" ngay từ nhan đề đã đưa người đọc bước vào thế giới kì ảo. Truyện toàn viết về thần linh (Thổ Công, đức Thánh Tản Viên), ma quỷ (Diêm Vương, hồn ma tướng giặc), chết đi sống lại (Tử Văn chết hai ngày rồi trở về...). Điều đáng nói ở đây là cốt lõi hiện thực đã được lồng vào một cốt truyện kì ảo. Người đọc bị mê hoặc bởi bức màn kì ảo để rồi khi đọc hết truyện, suy ngẫm về các nhân vật, tình tiết... sẽ nhận ra giá trị hiện thực mà tác giả muốn phản ánh.

Bên cạnh tính chất kì ảo, truyện còn được kể một cách hấp dẫn nhờ sự thể hiện tổng hoà các phương diện nghệ thuật từ tính cách, cốt truyện đến bố cục, tình tiết. Cốt truyện được kết cấu như một xung đột giàu kịch tính. Màn kịch được kể có lớp lang để tính cách nhân vật càng ngày càng bộc lộ rõ rệt. Các tình tiết trong truyện được biểu hiện một cách công phu, giàu tính biểu tượng, đồng thời nhiều chi tiết quan trọng được đan cài tự nhiên, hàm súc.

Tóm lại, *Chuyện chức Phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ là một truyện hấp dẫn và giàu ý nghĩa. Nguyễn Dữ xứng đáng là người học trò xuất sắc của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm và tác phẩm của ông (*Truyện kì mạn lục*) xứng đáng là "*Thiên cổ kì bút*".

Hướng dẫn đọc

Bài viết trên đây ngắn gọn, sáng sủa và đủ ý. Nó cũng gần giống với một bài văn phân tích, bình giảng. Tuy nhiên, sở dĩ bài này thành công hơn một số bài trước vì sự khái quát của người viết:

- + Đầu tiên, người viết biết tóm tắt tác phẩm. Rất tóm tắt.
- + Sau đó, bài này lại biết nêu ra những đặc điểm khái quát nhất về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm, xen vào đó đôi lời bình luận nổi bật của các nhà nghiên cứu.

Cho nên, viết văn giới thiệu là rất khó. Cần phải có kiến thức sâu và rộng nữa mới có thể viết hay được đấy !

Chúc các bạn thành công !

Đề 62- Giới thiệu đoạn trích: 'Nỗi sầu oán của người cung nữ' (Trích Cung oán ngâm của Nguyễn Gia Thiều).

Bài làm

Trong cung quế, lầu tần của các vua chúa phong kiến, biết bao cô gái trẻ trung, xinh đẹp đã phải chôn vùi tuổi xuân và nhan sắc. Họ đã sầu, đã oán. Nỗi sầu oán của người cung nữ đã động lòng nhiều thi nhân. Trong số những tác phẩm viết về cuộc đời thê thảm của người cung nữ, *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều đã cất lên tiếng nói đồng cảm, mãnh liệt nhất và sâu sắc nhất.

Cung oán ngâm là khúc ngâm ai oán của người cung nữ tài sắc, trước được vua yêu nhưng chẳng bao lâu bị ruồng bỏ. Nàng xót xa cho thân mình và oán trách nhà vua phụ bạc.

"*Nỗi sầu oán của người cung nữ*" là trích đoạn từ câu 209 đến câu 244 của cả khúc ngâm dài 356 câu thơ Nôm viết theo thể song thất lục bát. Đoạn trích gồm 9 khổ thơ (36 câu) diễn tả nỗi sầu muộn bi thiết, oán hờn cùng cực của người cung nữ.

Bốn khổ thơ đầu là cuộc sống tồi tàn của người cung nữ bên cạnh cảnh xa hoa, tráng lệ nơi cung cấm. "Trông người lại nghĩ đến ta" mà buồn, mà sầu, mà bi thảm.

Năm khổ sau diễn tả cuộc đầy ải kéo dài đối với người cung nữ khiến trong lòng nàng chồng chất những thất vọng nặng nề. Ngày đêm ngóng trông, chờ đợi khiến người cung nữ thốt ra những lời chua xót, oán hờn.

Qua đoạn trích, thân phận người cung nữ hiện lên hết sức bi thảm. Bị bỏ rơi nhưng đâu được buông tha, người cung nữ hết ngày lại đêm cứ phải đứng tuổi ngồi sầu, khắc khoải ngóng chờ vô vọng. Một mình một bóng âm thầm đơn chiếc suốt năm canh, chờ trăng lên mà chỉ thấy mưa đêm náo nùng, phòng tiêu vốn thơm và ấm nhưng người cung nữ chỉ thấy "lạnh ngắt như đồng". Đó là nỗi băng giá rét buốt toả ra từ lòng người. Hương đốt lên để cản phòng ẩm áp, thơm tho vậy mà chỉ càng gây cho người cung nữ cảm giác vắng lặng, tịch mịch. Đèn khêu lên cốt đem lại ánh sáng vậy mà chỉ càng âm u tối tăm:

Lạnh lòng thay giấc cô miên!

Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.

Cái "tịch mịch, thâm u" kia đâu phải là cảm giác trực tiếp trước ngoại cảnh mà chính là nỗi "thâm u, tịch mịch" của cõi lòng người cung nữ.

Càng buồn, càng sầu, người cung nữ càng khao khát hạnh phúc gởi chần đôi lứa, một nỗi khát khao bẽ bàng mà đầy nhân bản. Người cung nữ soi gương loan thấy gương loan phượng có đôi có lứa, đau đớn ngắm hai dải lụa buộc thắt lòng chung thủy ("gương loan bẻ nửa dải đồng xé đôi"). Con người đã hơn một lần được vua yêu ấy nhìn "ngấn Phượng liễn" (dấu hiệu của nhà vua), thấy "dấu dương xa" (xe của nhà vua do dê kéo) với nỗi cồn cào rất đời, rất người nhưng:

Ngấn Phượng liễn chôn sâu lỗ chỗ

Dấu dương xa đám cá quanh co.

Càng sầu, càng buồn, càng khát khao bỏng rát mà thất vọng ê chề người cung nữ trở nên quẩn quại, tức tối:

Hoa này bướm nở thờ ơ

Để gầy bông thắm, để xơ nhụy vàng.

Và hơn một lần nàng có ý định nổi loạn "muốn dứt tơ hồng" muốn "đập tiêu phòng mà ra" bởi nàng ý thức được cách giết người âm thầm mà tàn nhẫn, không bằng gươm sắc (lưu cầu) mà bằng cách kéo dài cuộc đầy ải trong cảnh đơn chiếu mòn mỏi (Giết nhau bằng cái u sầu, độc chưa).

Qua lời thở than, oán trách, day nghiêng của người cung nữ, người đọc cảm nhận được bộ mặt của bọn vua chúa độc ác, tráo trở:

Khoảnh làm chi bấy chúa xuân

Chơi hoa cho rữa nhụy dần lại thôi.

Chúng là nguyên nhân, là kẻ gây tội ác, kẻ gieo vào cõi lòng người cung nữ nỗi sầu, nỗi hận, nỗi căm hờn uất ức.

Với niềm đồng cảm sâu sắc, nhà thơ không chỉ cất lên những tiếng xót thương tê tái mà còn cảm thông và trân trọng những thèm khát ước vọng rất nhân bản của người cung nữ. Tất nhiên, yêu thương con người cũng có nghĩa là căm ghét những thế lực đầy đoạ con người, đoạn trích còn cất lên tiếng nói phê phán gay gắt, quyết liệt đối với bọn vua chúa phong kiến tàn bạo, bất nhân. Đoạn trích vì thế mang giá trị nhân đạo cao cả, sâu sắc.

Nguyễn Gia Thiều không phải là người đầu tiên dùng thể song thất lục bát để viết khúc ngâm nhưng với *Cung oán ngâm* ông đã có công trong việc đưa thể thơ này đến chỗ có cách luật ổn định. Thể thơ này khiến cho tác phẩm nói chung và đoạn trích nói riêng diễn tả thành công một cách tài tình tâm trạng sầu oán rêu rắt nhiều cung bậc của người cung nữ.

Nhạc điệu thơ chính là nhạc điệu của tâm hồn. Bên cạnh việc sử dụng thể thơ song thất lục bát, đoạn trích đã đặt các từ ngữ quan trọng vào vị trí hiệp vần (*Một mình đứng tủi, ngồi sầu / Đã than* với nguyệt lại *sầu* với hoa) hoặc đặt trong vị trí đối xứng (*Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng / Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền*),... từ đó tạo nên thứ nhạc điệu bi thiết của cõi lòng cung nữ.

Không gian, thời gian, cảm giác được miêu tả rất tài tình. Thời gian đằng đẵng trôi trong không gian vắng lặng, cô quạnh. Cảm giác của người cung nữ trong bối cảnh ấy được miêu tả ở nhiều góc độ: Thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác... Tất cả cùng hướng tới khắc họa tâm trạng sầu oán, vì sầu oán mà màu sắc trở nên ảm đạm, ánh sáng trở nên âm u, hương thơm thì trầm uất...

Ngôn ngữ của đoạn trích được sử dụng rất điêu luyện, giàu hình ảnh, có sức gợi tả, gợi cảm lớn. Những từ Hán-Việt thường đặt cạnh những từ nôm na với dụng ý làm nổi bật sự tương phản đối lập giữa cuộc sống tồi tàn, lạnh lẽo với cảnh xa hoa, tráng lệ nơi cung cấm, đối lập thân phận thấp hèn cô độc với địa vị những kẻ cao sang, xa vời... (Trong cung quế âm thầm chiếc bóng/ Phòng tiêu lạnh ngắt như đông...). Chính vì thế mà tuy sử dụng nhiều từ Hán - Việt, nhiều điển tích điển cố,... đoạn thơ vẫn tạo được sự thấu hiểu, tiếng nói đồng vọng cảm thông của người đọc.

"*Nỗi sầu oán của người cung nữ*" là một đoạn trích đặc sắc trong một khúc ngâm đặc sắc. Giá trị của đoạn trích cũng như tác phẩm không chỉ ở tài năng nghệ thuật mà sâu xa hơn là ở tư tưởng nhân đạo, ở lòng yêu thương con người, ở chữ "tâm" của người cầm bút.

(Bài do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

Đề 62-

Giới thiệu tác giả Nguyễn Du.

Bài làm

Nguyễn Du là một đại thi hào dân tộc, một danh nhân văn hoá thế giới, một nhà nhân đạo lỗi lạc có "con mắt trông khắp sáu cõi" và "tấm lòng nghĩ suốt nghìn đời" (Mộng Liên Đường chủ nhân).

Nguyễn Du, tên chữ là Tố Như, tên hiệu là Thanh Hiên, quê ở làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông sinh năm 1765 (Ất Dậu) trong một gia đình có nhiều đời và nhiều người làm quan to dưới triều Lê - Trịnh. Cha là Nguyễn Nghiễm từng giữ chức Tế tướng 15 năm. Mẹ là Trần Thị Tần, một người phụ nữ Kinh Bắc có tài xướng ca.

Quê hương Nguyễn Du là vùng đất địa linh, nhân kiệt, hiếu học và trọng tài. Gia đình Nguyễn Du có truyền thống học vấn uyên bác, có nhiều tài năng văn học. Gia đình và quê hương chính là "mảnh đất phì nhiêu" nuôi dưỡng thiên tài Nguyễn Du.

Thời thơ ấu, Nguyễn Du sống trong nhung lụa. Lên 10 tuổi lần lượt mồ côi cả cha lẫn mẹ, cuộc đời Nguyễn Du bắt đầu gặp những sóng gió trong cơn quốc biến ba đào: sống nhờ Nguyễn Khản (anh cùng cha khác mẹ làm Thừa tướng phủ chúa Trịnh) thì Nguyễn Khản bị giam, bị Kiều binh phá nhà phải chạy trốn. Năm 19 tuổi, Nguyễn Du thi đỗ tam trường rồi làm một chức quan võ tận Thái Nguyên. Chẳng bao lâu nhà Lê sụp đổ (1789) Nguyễn Du lánh về quê vợ ở Thái Bình rồi vợ mất, ông lại về quê cha, có lúc giạt lên Bắc Ninh quê mẹ, nhiều nhất là thời gian ông sống không nhà ở kinh thành Thăng Long.

Hơn mười năm chìm nổi long đong ngoài đất Bắc, Nguyễn Du sống gần gũi nhân dân và thấm thía biết bao nỗi ấm lạnh kiếp người, đặc biệt là người dân lao động, phụ nữ, trẻ em, cầm ca, ăn mày... những con người "dưới đáy". Chính nỗi bất hạnh lớn trong cuộc đời đã hun đúc nên thiên tài Nguyễn Du- nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

Miền cương trước lời mời của nhà Nguyễn, Nguyễn Du ra làm quan. Năm 1813 được thăng chức Học sĩ điện Cần Chánh và được cử làm Chánh sứ đi Trung Quốc. Năm 1820, ông lại được cử đi lần thứ hai nhưng chưa kịp đi thì mất đột ngột ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (18.9.1820). Suốt thời gian làm quan cho nhà Nguyễn, Nguyễn Du sống trầm lặng, ít nói, có nhiều tâm sự không biết tỏ cùng ai.

Tư tưởng Nguyễn Du khá phức tạp và có những mâu thuẫn: trung thành với nhà Lê, không hợp tác với nhà Tây Sơn, bất đắc dĩ làm quan cho nhà Nguyễn. Ông là một người có lí tưởng, có hoài bão nhưng trước cuộc đời gió bụi lại buồn chán, Nguyễn Du coi mọi chuyện (tu Phật, tu tiên, đi cầu, đi săn, hành lạc...) đều là chuyện hão nhưng lại rơi lệ đoạn trường trước những cuộc bể dâu. Nguyễn Du đã đứng giữa giông tố cuộc đời trong một giai đoạn lịch sử đầy bi kịch. Đó là bi kịch của đời ông nhưng chính điều đó lại khiến tác phẩm của ông chứa đựng chiều sâu chưa từng có trong thơ văn Việt Nam.

Nguyễn Du có ba tập thơ chữ Hán là: *Thanh Hiên thi tập*, *Nam trung tạp ngâm* và *Bắc hành tạp lục*, tổng cộng 250 bài. Thơ Nôm, Nguyễn Du có kiệt tác *Đoạn trường tân thanh* (*Truyện Kiều*), *Văn tế thập loại chúng sinh* (*Văn chiêu hồn*) và một số sáng tác đậm chất dân gian như *Văn tế sống hai cô gái Trường Lưu*; về *Thác lời trai phường nón*.

Mở đầu *Truyện Kiều*, Nguyễn Du tâm sự:

Chính "những điều trông thấy" khiến tác phẩm của Nguyễn Du có khuynh hướng hiện thực sâu sắc. Còn nỗi "đau đớn lòng" đã khiến Nguyễn Du trở thành một nhà thơ nhân đạo lỗi lạc.

Nguyễn Du là nhà thơ "đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời" (Nam Cao). Thơ chữ Hán của Thanh Hiên giống những trang nhật kí đời sống, nhật kí tâm hồn vậy. Nào là cảnh sống lay lắt, nào là ốm đau, bệnh tật cho đến cảnh thực tại của lịch sử,... đều được Nguyễn Du ghi lại một cách chân thực (*Đêm thu; Tình cờ làm thơ; Ngồi đêm,...*). Nguyễn Du vạch ra sự đối lập giữa giàu - nghèo trong Sở kiến hành hay *Thái Bình mai giả ca*,... Nguyễn Du chống lại việc gọi hồn Khuất Nguyên về nước Sở của Tống Ngọc là bởi nước Sở "cát bụi lấm cả áo người" toàn bọn "vuốt nanh", "nọc độc" "xé thịt người nhai ngọt xót"... Nước Sở của Khuất Nguyên hay nước Việt của Tố Như cũng chỉ là một hiện thực: cái ác hoành hành khắp nơi, người tốt không chốn dung thân. Truyện Kiều mượn bối cảnh đời Minh (Trung Quốc) nhưng trước hết là bản cáo trạng danh thép ghi lại "những điều trông thấy" của Nguyễn Du về thời đại nhà thơ đang sống. Phản ánh với thái độ phê phán quyết liệt, đó là khuynh hướng hiện thực sâu sắc trong sáng tác của Nguyễn Du.

Sáng tác của Nguyễn Du bao trùm tư tưởng nhân đạo, trước hết và trên hết là niềm quan tâm sâu sắc tới thân phận con người. Truyện Kiều không chỉ là bản cáo trạng mà còn là khúc ca tình yêu tự do trong sáng, là giấc mơ tự do công lí "tháo cũi sổ lồng". Nhưng toàn bộ *Truyện Kiều* chủ yếu là tiếng khóc xé ruột cho thân phận và nhân phẩm con người bị chà đạp, đặc biệt là người phụ nữ.

Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

Không chỉ *Truyện Kiều* mà hầu hết các sáng tác của Nguyễn Du đều bao trùm cảm hứng xót thương, đau đớn: từ *Độc Tiểu Thanh kí* đến *Người ca nữ đất Long Thành*, từ *Sở kiến hành* đến *Văn tế thập loại chúng sinh*,... thậm chí Nguyễn Du còn vượt cả cột mốc biên giới, vượt cả gianh giới ta - địch và vượt cả sự cách trở âm dương để xót thương cho những kẻ chết trận, phơi "xương trắng" nơi "quỉ môn quan".

Không chỉ xót thương, Nguyễn Du còn trân trọng, ca ngợi vẻ đẹp, cùng những khát vọng sống, khát vọng tình yêu hạnh phúc. Tư tưởng nhân đạo của Nguyễn Du lấy sự khẳng định cuộc sống hạnh phúc trần gian làm nền tảng. Nguyễn Du đã vượt qua một số ràng buộc của ý thức hệ phong kiến và tôn giáo để vươn tới khẳng định giá trị tự thân của con

người. Đó là tư tưởng sâu sắc nhất mà ông đem lại cho văn học Việt Nam trong thời đại ông.

Nguyễn Du đã đóng góp lớn về mặt tư tưởng, đồng thời có những đóng góp quan trọng về mặt nghệ thuật.

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du giản dị mà tinh luyện, tài hoa. Thơ Nôm Nguyễn Du thực sự là đỉnh cao rực rỡ. Nguyễn Du sử dụng một cách tài tình hai thể thơ dân tộc: lục bát (*Truyện Kiều*) và song thất lục bát (*Văn tế thập loại chúng sinh*). Đến Nguyễn Du, thơ lục bát và song thất lục bát đã đạt đến trình độ hoàn hảo, mẫu mực, cổ điển.

Nguyễn Du đóng góp rất lớn, rất quan trọng cho sự phát triển giàu đẹp của ngôn ngữ văn học tiếng Việt: tỉ lệ từ Hán - Việt giảm hẳn, câu thơ tiếng Việt vừa thông tục, vừa trang nhã, diễm lệ nhờ vần luật chỉnh tề, ngắt nhịp đa dạng, tiểu đối phong phú, biến hoá. Thơ Nguyễn Du xứng đáng là đỉnh cao của tiếng Việt văn học Trung đại. Đặc biệt *Truyện Kiều* của Nguyễn Du là "tập đại thành" về ngôn ngữ văn học dân tộc.

Xin được mượn những câu thơ của nhà thơ Tố Hữu tri âm cùng Tố Như để thay cho lời kết:

*Tiếng thơ ai động đất trời
Nghe như non nước vọng lời ngàn thu
Nghìn năm sau nhớ Nguyễn Du
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày.*

(Bài do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

Đề 63- Giới thiệu bài thơ "Độc Tiểu Thanh Kí" của Nguyễn Du.

Bài làm

Thơ chữ Hán của Nguyễn Du có một loạt bài viết về các nhân vật lịch sử mà ở đó nhà thơ gửi gắm rất nhiều tâm sự. *Độc Tiểu Thanh kí* (*Độc Tiểu Thanh kí*) là một bài thơ như thế. Bằng tiếng nói tri âm sâu sắc với một người con gái sống cách mình hơn 300 năm, Nguyễn Du muốn bày tỏ nhiều tâm sự về con người và cuộc đời trong bối cảnh hiện tại và vượt thời gian, mang dự cảm của mình tới 300 năm sau để tìm tri âm.

Tiểu Thanh là người phụ nữ thông minh, tài hoa, nhan sắc nhưng phận bạc. Nàng sống một cuộc đời ngắn ngủi đầy trái ngang. Di cảo còn sót lại của Tiểu Thanh với những vần thơ bị đốt dở là bằng chứng cho số phận oan nghiệt ấy, mà người đa cảm như Nguyễn Du khi đọc nó đã

không thể cầm lòng. Nỗi "thốn thức" đã khiến thi nhân viết nên những dòng tuyệt tác trong *Độc Tiểu Thanh kí*.

Trước hết *Độc Tiểu Thanh kí* là tiếng lòng nhân đạo cao cả, sâu sắc của Nguyễn Du. Bài thơ đã mở ra bằng hai hình ảnh biểu tượng cho sự biến thiên dâu bể của cuộc đời:

Tây Hồ cảnh đẹp hoá gò hoang.

Cảnh đẹp trước đây (hoa uyển) đã biến thành gò hoang (thành khu). Câu thơ xuất phát từ một thành ngữ Trung Quốc: "Thương hải biến vi tang điền" (Biển xanh biến thành nương dâu). Dẫu biết rằng: sinh - hoá, trụ - diệt,... vốn là lẽ thường, vốn là quy luật sao vẫn thấy có gì xót xa? Nhất là nơi ấy lại gắn với cuộc đời và số phận của Tiểu Thanh, một cuộc đời gợi bao nỗi cảm thương qua những vần thơ cháy dở.

Độc Tiểu Thanh kí có thể coi như một bài thơ viếng Tiểu Thanh. Câu thơ thứ hai đã hé mở: trong nỗi ngậm ngùi luyến tiếc, một mình viếng người đã khuất (*độc điếu*) qua một tập giấy mỏng (*nhất chỉ thư*). Tập giấy mỏng ấy là mảnh hồn Tiểu Thanh còn vương lại. Người chết cô đơn mà người viếng cũng cô đơn, một lòng đau tìm đến một hồn đau. Câu thơ với cách nói hàm súc đã vượt qua thời gian và sinh tử để tri âm.

Hai câu thơ tiếp vươn rộng tới nhiều lớp nghĩa:

Son phấn có thần chôn vẫn hận

Văn chương không mệnh đất còn vương.

"*Son phấn*" là biểu tượng của sắc đẹp, còn "*văn chương*" là bằng chứng của tài năng. Cái đẹp, cái tài ở đời là bất tử, là không có số mệnh, vậy mà vẫn bị "*liên tử hậu*", "*lụy phần dư*", vẫn luôn bị chà đạp phũ phàng, nghiệt ngã. Cuộc đời này quả là nhiều bất công, ngang trái.

Hận cho số kiếp Tiểu Thanh, hận cho muôn đời, muôn người. Trong cái hận của Tiểu Thanh có cái hận của muôn người và của bản thân nhà thơ. Thương người và thương mình. Nỗi hận, nỗi đau thương ấy thật khó mà hỏi trời (*Cổ kim hận sự thiên nan vấn*) đành ôm trọn vào lòng thành nỗi cô đơn. Câu thơ là một kết luận mang tính chất triết lí thấm đẫm nước mắt. Câu thơ tiếp theo giúp người đọc hiểu rõ hơn, sâu hơn tại sao Nguyễn Du viết về Tiểu Thanh mà lại da diết đến thế? Nguyễn Du khóc cho người cũng là khóc cho mình đó thôi.

Bài thơ khép lại bằng câu hỏi tu từ bộc lộ nỗi niềm trăn trở, dự cảm nhói buốt, cứ day cửa mãi vào tâm trạng người đọc các thế hệ:

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng ?

(Bất tri tam bách dư niên hậu)

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?)

"Ba trăm năm lẻ" là một con số ước lệ chỉ mai sau khi nhà thơ đã chết cũng như hơn ba trăm năm sau cái chết của Tiểu Thanh vậy. Mai sau liệu có ai khóc cho Tố Như, cùng Tố Như khóc cho mỗi kiếp người dẫu bề? Bài thơ với hai lần tự xưng ("*ng*:" [tôi] và "*Tố Như*") đã hé mở một cái "tôi" đang cô đơn đến tột độ, một cái "tôi" tự thương, tự đau. Nguyễn Du thương cho người xưa (quá khứ), thương cho mình và nhiều con người bất hạnh cùng thời với mình (hiện tại), thương cả cho người sau phải khóc mình nữa (tương lai). Đây chính là nỗi buồn sâu lắng về cuộc đời và cũng là một triết lí sâu sắc về kiếp người.

Hãy cứ đọc trực tiếp bài thơ từ phiên âm chữ Hán rồi lắng nghe âm điệu réo rắt đau thương cổ kim, cổ nén của nó ta sẽ chạm được phần nào tới tiếng lòng của thi nhân. Bài thơ vượt lên cả những bản ai điệu thông thường bởi Nguyễn Du dẫu chỉ viếng một cô hồn thuộc về quá khứ, Nguyễn Du khóc cho cả "*thập loại chúng sinh*" trong hiện tại và dòng lệ nhân văn thấm đẫm tình đời, tình người ấy đã tràn cả đến hậu thế. Phải thật tinh, thật sâu mới hiểu và cảm được tình thơ, ý thơ, câu chữ trong bài thơ bởi với thiên tài của mình, Nguyễn Du đã viết một cách hàm súc cao độ, mỗi từ đều có độ nén, sức nặng và sức bật để tạo nên những cộng hưởng trong lòng người.

Bụi thời gian có thể phủ mờ nhiều thứ nhưng những bài thơ được chắt ra từ máu và nước mắt như *Độc Tiểu Thanh kí*, được luyện bởi một thiên tài văn học như Nguyễn Du chắc chắn thời gian càng giúp thi phẩm đứng vững trong lòng người.

PHẦN VII- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 7

(NGHỊ LUẬN TỔNG HỢP)

Đề 65- *Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại.*

Bài làm

Sách có từ bao giờ? Có lẽ sách chỉ ra đời khi con người có nhu cầu ghi lại những gì mà người ta nhận thức về thế giới xung quanh, nhằm lưu giữ và truyền lại cho hậu thế.

Ta được biết, ban đầu sách có nguồn gốc là những chiếc mai rùa, xương thú có ghi chữ viết, sau đó là thẻ tre, da động vật. Chỉ đến khi nền công nghiệp giấy ra đời, công nghệ in phát triển, ta mới có những quyển sách được in giấy như bây giờ. Sự có mặt của sách trên thế gian này là như thế.

Trước khi có sách, tri thức của nhân loại được tích lũy bằng con đường truyền khẩu. Những kinh nghiệm gieo trồng, cách đoán biết về thời tiết, những phát hiện về đời sống, về vũ trụ, về giới tự nhiên..., tất cả đều đã được lưu giữ trong ca dao, tục ngữ, thậm chí cả trong những truyện ngụ ngôn, cổ tích..., và được truyền miệng từ đời này sang đời khác.

Cùng với chữ viết, sách là phương tiện để con người ghi lại những nhận thức của mình về thế giới. Sự ghi lại ấy lại được chia thành những lĩnh vực khác nhau: khoa học, triết học, thơ ca... Mỗi lĩnh vực lại là một cuộc hành trình dài của con đường chiếm lĩnh và khám phá thế giới tự nhiên và tâm hồn con người. Các thế hệ nối tiếp nhau đã ghi lại những thành quả lao động, học thuật của mình. Vì thế, Chu Quang Tiềm cho rằng: sách là "kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hoá học thuật của nhân loại" (*Bàn về đọc sách*).

Cũng với ý nghĩa này, sách đã trở thành chiếc cầu nối vững chắc giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Con người các thế hệ tiếp nối nhau, trong hành trình tìm hiểu, chiếm lĩnh thế giới, vừa tiếp thu những thành quả nhận thức của các thế hệ cha anh, vừa không ngừng làm dày thêm kho tàng tri thức nhân loại bằng những phát hiện của mình, làm cho sách ngày càng trở thành toà lâu đài nguy nga, tráng lệ. Chúng ta, những người đọc thế hệ sau, có thể nhìn thấy qua sách hình ảnh con đường mà xã hội loài người đi đến tương lai.

Bên cạnh vai trò là phương tiện lưu giữ tri thức nhân loại, sách còn là phương tiện để con người tìm hiểu về thế giới quanh mình. Đối với mỗi cá nhân, sách luôn mở ra những chân trời mới (chữ dùng của Lê-nin). Những tư tưởng khoa học, những phát hiện, những dự đoán, những đánh giá... của thế hệ trước là những gợi ý quý giá để con người tiếp tục khát vọng chinh phục vũ trụ của mình.

Tuy nhiên, cũng có khi, sách với tất cả những kết tinh quý giá của tinh thần nhân loại, lại chỉ là đối tượng thưởng lãm của con người. Cũng giống như một bức tranh, một tia nắng hay một bài thơ, sách mang lại cho con người cảm giác thư thái, bình yên. Trong những thú vui tao nhã của nhà Nho, không thể không kể đến thú vui đọc sách. Nguyễn Trãi - nhà Nho, nhà tư tưởng thế kỉ XV đã từng có câu thơ rằng: "Suốt ngày nhàn nhã khép phòng văn/ Khách tục không ai bén mảng gần". Đây là một cách để tạo ra một không gian riêng đầy thú vị cho thú đọc sách, ngâm thơ của mình.

Ngày nay, cùng với sách, các phương tiện thông tin ngày càng trở nên đa dạng. Văn hoá đọc hình thành từ khi có sách, đến nay không còn giữ nguyên ý nghĩa là đọc trong sách mà mở rộng thêm: đọc trong báo, đọc trên mạng... Sách tồn tại trong cuộc sống không chỉ là sách được bán ở hiệu sách mà sách được đưa lên mạng... Dù dưới hình thức nào, đối với con người, nhu cầu tìm hiểu thế giới tự nhiên và thế giới con người không bao giờ vơi cạn. Vì thế, sách mãi mãi vẫn giữ vai trò quan trọng của mình trong đời sống nhân loại, là phương tiện giúp con người nhận thức về thế giới và khám phá thế giới.

Chứng nào con người vẫn còn nhu cầu nhận thức về thế giới và thưởng thức vẻ đẹp của trí tuệ, chứng nào loài người còn biết đề cao văn hoá, và các giá trị tinh thần, thì chứng ấy sách vẫn còn là một công cụ hữu hiệu và vô giá trong công cuộc khai hoá nền văn minh.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Đề 65- Suy nghĩ về lòng dũng cảm.

Bài làm

Ai từng cắp sách đến trường đều thuộc lòng 5 điều Bác Hồ dạy:

"Yêu tổ quốc, yêu đồng bào.

Học tập tốt lao động tốt.

Đoàn kết tốt, kỉ luật tốt.

Giữ gìn vệ sinh thật tốt.

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm".

Năm điều Bác dạy đã trở thành chuẩn mực đạo đức mà mỗi học sinh luôn phấn đấu và rèn luyện, trong đó, *dũng cảm* là một phẩm chất đạo đức quan trọng mà mỗi người cần có để chung sống với cộng đồng.

Dũng nghĩa là "không sợ nguy hiểm, khó khăn"; *cảm* nghĩa là "dám", là sự can đảm. *Dũng cảm* là dám làm một việc nào đó mà không sợ nguy hiểm, khó khăn.

Lịch sử dân tộc ta đã ghi công bao anh hùng liệt sĩ đã cống hiến tuổi trẻ và tính mạng của mình cho nền độc lập tự do của tổ quốc, cho chúng ta có được cuộc sống như hôm nay. Đối với họ, *dũng cảm* không chỉ là không sợ hiểm nguy, mà là sẵn sàng hi sinh tính mạng cá nhân vì mục đích cao cả nhất: độc lập dân tộc. Đó là hành động anh hùng.

Trong cuộc sống hàng ngày, chúng ta từng chứng kiến rất nhiều hành động dũng cảm: một người đi đường sẵn sàng đuổi theo bọn cướp, giành lại tư trang cho người bị mất; một em thiếu niên dám lao ra giữa dòng nước xoáy cứu người chết đuối mà không sợ sức vóc mình nhỏ bé; một chiến sĩ công an truy bắt kẻ buôn lậu ma túy mà không sợ nguy cơ lây nhiễm HIV, một thầy giáo dám chỉ rõ những sai sót, gian lận trong thi cử với mong muốn lập lại kỉ cương trong nhà trường... Có rất nhiều hành động "dũng cảm" khác nhau được cả xã hội ca ngợi, tôn vinh. Họ đã vượt lên hiểm nguy để hành động theo lẽ phải, hành động đúng với nguyên tắc đạo đức mà họ nhận thức trong cuộc sống.

Xã hội ngày càng phát triển, nhưng mặt trái của nó cũng không thể tránh khỏi. Những mối hiểm nguy đối với con người ngày một nhiều hơn. Những thử thách đối với lòng dũng cảm cũng ngày càng đa dạng hơn. Các thế lực đen tối không chỉ đe dọa tính mạng cá nhân của mỗi người, chúng cần dùng sự an nguy của người thân, những tổn thất về kinh tế, sự xúc phạm đến uy tín, đến danh dự cá nhân... để mặc cả đối với lòng dũng cảm. Nghĩa là sự nguy hiểm không chỉ đối với bản thân một người mà ảnh hưởng tới nhiều người, buộc người hành động phải cân nhắc, phải đắn đo. Lòng dũng cảm đã bị buộc phải lựa chọn.

Thế nhưng, dù phải lựa chọn, vẫn có không ít người đã hành động vì lẽ phải. Những tấm gương chống tham nhũng, chống tệ nạn xã hội, chống chặt phá rừng trái phép..., mà các phương tiện thông tin đại chúng vẫn hàng ngày đưa tin là những minh họa đẹp đẽ cho sự chiến thắng của lương tri. Đó là lòng dũng cảm, cao hơn thế, đó là hành động anh hùng đáng được ngợi ca.

Để trở thành người dũng cảm, mỗi người phải có đầy đủ bản lĩnh, có niềm tin mãnh liệt vào chính nghĩa, vào chân lí, vào những giá trị tốt đẹp của cuộc sống; phải biết nhận thức, đánh giá chính xác về cái tốt, cái xấu, cái đúng, cái sai... Đó sẽ là căn cứ để mỗi người vững tin vào hành động bảo vệ chân lí, bảo vệ lẽ phải của mình, dám làm và dám chịu trách nhiệm về việc làm của mình.

Như vậy, một con người dũng cảm không đơn thuần là người có hành động xả thân mà phải là con người biết xả thân vì lẽ phải, vì chính nghĩa, vì một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Một điều tôi tin chắc chắn rằng, người dũng cảm, bằng cách này hay cách khác, bao giờ cũng có những tác động tích cực tới sự phát triển của đời sống xã hội.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Đề 66- Bình luận câu nói "Cái khó bó cái khôn".

Bài làm

Thông thường, khi cố gắng mà không đạt được một ý định nào đó, chúng ta thường tự động viên mình: "*Cái khó bó cái khôn*".

Vậy, "*cái khó bó cái khôn*" có nghĩa là gì? "*Cái khó*" được hiểu là hoàn cảnh, điều kiện khó khăn không cho thực hiện một việc nào đó. "*Cái khôn*" là những dự kiến, kế hoạch, ý định tốt, sáng suốt. "*Bó*" nghĩa là trói buộc, hạn chế, không cho thực hiện. Cả câu có nghĩa chung là: hoàn cảnh khó khăn cản trở việc thực hiện một dự định, một kế hoạch tốt đẹp.

Rất nhiều lần trong cuộc sống, chúng ta nghe những câu, đại ý như: "Vẫn biết là như thế, nhưng "*cái khó bó cái khôn*", chưa thể làm được..."

Có lẽ, thành ngữ này ra đời là để giúp cho những người có hoàn cảnh khó khăn tìm được lời giải thích về sự bất lực của mình, cũng như động viên, an ủi họ.

Dân gian còn có câu: "Lực bất tòng tâm", nghĩa là: trong lòng rất mong muốn nhưng khả năng không thể đạt được. Đây cũng là một cách để giúp người ta nhìn vào thất bại mà không hoàn toàn mất tinh thần trước thất bại ấy.

Vẫn là câu thành ngữ: "*Cái khó bó cái khôn*", nhưng có người lại đọc chệch ra thành: "*Cái khó ló cái khôn*". Lúc này, ý nghĩa của nó đã hoàn toàn thay đổi. "*Cái khó*", "*cái khôn*" vẫn được hiểu với ý nghĩa trên.

"Ló" nghĩa là chợt nảy ra, tìm ra. Nghĩa chung của cả câu là: hoàn cảnh khó khăn sẽ làm nảy sinh những ý định, những lối thoát khôn ngoan nhất. Đây phải chăng là một sự phản bác đối với "phép thắng lợi tinh thần" trên kia? Tiếng nói của dân gian bao giờ cũng có những dị bản. Và mỗi dị bản tồn tại đều có những lí do riêng.

Dù trong đời sống có sẵn những câu động viên thần tình như thế, nhưng mỗi người chúng ta vẫn phải đặt ra những mục tiêu và phấn đấu hết mình để đạt được mục tiêu ấy. Đừng vì một lần không thực hiện được mà đổ lỗi cho hoàn cảnh rằng: "Cái khó bó cái khôn".

(Bài do cô Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Đề 67- Bình luận câu tục ngữ: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".

Bài làm

Tục ngữ là kho tàng vô giá về kinh nghiệm trong sản xuất, trong học tập và trong đấu tranh. Nó cho ta nhiều bài học hay, nhiều nhận xét sâu sắc trong ứng xử, giao tiếp. Trải qua bao đổi thay của thế sự, nhân tình, lớp bụi thời gian có thể phủ mờ lên nhiều thứ, nhiều điều có thể bị lãng quên... nhưng kho tàng vô giá này vẫn có một sức sống lâu bền và có nhiều ý nghĩa đối với nhân sinh. Câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" là một ví dụ tiêu biểu. Chúng ta cần quan niệm như thế nào cho đúng khi học câu tục ngữ này?

Câu tục ngữ có hai vế lập "Gần mực thì đen" và "Gần đèn thì sáng"; hai biểu tượng tương phản nhau: "mực" và "đèn". Do đó, tác dụng cũng trái nhau: "đen" và "sáng".

Màu đen của mực (mực tàu), nguồn ánh sáng của đèn là hai biểu tượng về cái xấu và cái tốt, về dở và hay, cái lạc hậu, tiêu cực và cái tiến bộ, tích cực. "Gần" là ở bên cạnh, đặt bên cạnh, sống gần gũi. Đối lập với gần là xa, là tách biệt, cách li. "Mực thì đen" nhưng có ở "gần" thì mới "đen". "Đèn thì sáng" nhưng có đặt gần, ở gần thì mới "sáng". Chữ "gần" trong tục ngữ nói lên một mối quan hệ, sự tương quan gần gũi của hai sự vật. Nhân dân ta mượn hai biểu tượng đối lập (mực, đèn) để nói lên tầm quan trọng to lớn của mối quan hệ xã hội, của môi trường tác động đến con người.

Tóm lại, câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" nêu lên một bài học một kinh nghiệm về cách sống, thái độ sống, khuyên bảo

chúng ta biết gần gũi người tốt, xa lánh kẻ xấu, đặc biệt là biết chọn bạn mà chơi.

Câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" chứa đựng một kinh nghiệm sống, một cách sống đúng đắn và hay. Con người ta sinh ra tính vốn thiện và lành nhờ sự dạy dỗ, giáo dục, học tập mà trở thành người hữu ích. Nếu sống trong một môi trường xấu thì dễ trở nên xấu như "gần mực thì đen" vậy. Nhưng nếu sống trong một môi trường tốt, có quan hệ xã hội tốt, thì có thể trở thành người tốt chẳng khác nào "gần đèn thì sáng". Sự nhiễm bẩn lây lan rất đáng sợ, khi sống "gần mực". Điều tốt đẹp, trong sáng, cái hay cái tốt của người, của đời sẽ toả sáng tâm hồn ta, cảm hoá lòng ta nếu ở "gần đèn".

Mối quan hệ xã hội, môi trường sống... đã tác động vào tâm hồn, làm thay đổi tâm tính mỗi người. Gần người hiền, xa kẻ dữ, chọn bạn mà chơi, học cách làm người, cách làm ăn của những gương cần cù, tài giỏi... là bài học quý báu hàm chứa trong câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng"

Đáng ngại biết bao khi phải sống gần những kẻ bất lương, trộm cắp rượu chè cờ bạc? Hạnh phúc biết bao khi chúng ta được ở gần, có quan hệ với những người bạn tốt, láng giềng tốt. Ta sẽ học được bao điều hay lẽ phải ở đời. Phương ngôn có câu: "Bạn tốt quý hơn vàng" là thế! Truyện cổ tình hoa nhắc lại chuyện bà mẹ Mạnh Tử dời nhà nhiều lần; lần sau cùng bà chuyển đến gần trường học, bà mới yên tâm. Có bà mẹ vĩ đại như thế mới có Mạnh Tử ở đời.

Trong nhân gian có nhiều câu tục ngữ nói về mối quan hệ xã hội. Mỗi câu một khía cạnh sắc bén nói lên cách sống và mối quan hệ ở đời:

- Ở bầu thì tròn, ở ống thì dài
- Ở gần nhà giàu mỗi răng ăn cốm,
- Sống gần kẻ trộm ốm lưng chịu đòn.
- Ở dữ, giữ mình.
- Thói thường gần mực thì đen,

Anh em bạn hữu phải nên chọn người.

Cũng cần phải quan niệm câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" một cách toàn diện hơn; đầy đủ hơn. Sự tác động của con người đối với hoàn cảnh, với quan hệ xã hội rất lớn. Con người giàu bản lĩnh, tài năng có thể góp phần cải tạo hoàn cảnh, làm thay đổi mối quan hệ xã hội. Họ lấy tài năng đạo đức, tình thương của mình mà cảm hoá đồng loại, giáo dục kẻ bất lương. Câu ca dao "Gần mực mà chẳng đen"! "Gần đèn thì sáng", chân lí ấy hiển nhiên rồi. Nhưng nếu thiếu chí tiến thủ,

không có ý thức tốt trong học tập vươn lên, không khiêm tốn..., thì "gần đèn" nhưng khó mà "sáng" lên được! Học lớp chọn, trường chuyên ai mà chẳng thích nhưng nếu lười học, thiếu cố gắng... thì không thể nào "sáng" hơn chúng bạn. Môi trường, quan hệ xã hội – gia đình, nhà trường, xã hội – rất quan trọng, nhưng sự vận động tự thân của người học sinh còn quan trọng hơn. Bởi vậy, mỗi người phải luôn luôn có ý thức tốt trong học tập rèn luyện, biết nỗ lực phấn đấu vươn lên, tiến bộ không ngừng.

Tuổi trẻ có bạn bè. Chọn bạn mà chơi. Không đua đòi kẻ xấu. Câu tục ngữ "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng" giúp ta định hướng con đường đi tới tương lai tốt đẹp: con đường học tập và lao động để phục vụ gia đình và đất nước.

(Theo Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10. Sdd, tr. 49).

Đề số 68-

Quan niệm về một bài thơ hay

Bài làm

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh từng nêu quan niệm về thơ của mình trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*: thơ- đó là những mảnh hồn đang sống trong ngôn ngữ.

Đúng vậy, chúng ta đọc thơ là chúng ta đang cảm nhận những tâm hồn. Đọc *Truyện Kiều*, người đọc không chỉ thấy những biến động của số phận người phụ nữ tài hoa, bạc mệnh Thuý Kiều, những hình ảnh thiên nhiên quen thuộc, những lời ăn tiếng nói gần gũi đã được nhà thơ đưa vào ngôn ngữ thơ một cách tài tình..., mà còn cảm nhận được những cảm xúc, những nỗi niềm tâm sự của Nguyễn Du gửi trong từng câu chữ *Truyện Kiều*. Và hơn thế, mỗi thế hệ người đọc lại tìm thấy trong những câu Kiều sự đồng cảm, sự sẻ chia hay những chiêm nghiệm sâu xa về cuộc đời và số phận con người. Phải chăng, chính tâm hồn và cảm xúc của nhà thơ hoà quyện trong từng câu chữ đã làm lay động đến tận đáy sâu cảm xúc của tâm hồn người đọc. Đi đến tận cùng của tâm hồn mình, nhà thơ đã gặp tâm hồn nhân loại. Đó chính là sức sống lớn, lâu bền của tác phẩm *Truyện Kiều*.

Như vậy, một tác phẩm nghệ thuật hay phải là một sức lay động lớn đối với con người, đối với thế giới cảm xúc tâm hồn người đọc. Nhà thơ Nguyễn Đình Thi trong một lần nói chuyện về thơ cũng đã từng khẳng định: "*Một câu thơ hay phải làm lay động những chiếc cốc kia trên bàn, làm lay động ánh trăng kia trên bờ đê*" cũng là với ý ấy. Bài thơ hay không thể không lay động hồn người.

Biểu hiện cụ thể về sức lay động của thơ có thể là sự đồng cảm với thế giới cảm xúc của nhà thơ gửi gắm trong tác phẩm. Những câu thơ về một thời cấp sách sẽ là hành trang không thể thiếu của tuổi hoa, những bài thơ tình yêu sẽ mãi là tiếng lòng của biết bao đôi lứa..., và hiện tượng có những bài thơ sống mãi trong trái tim nhiều thế hệ người đọc không gì có thể lí giải chính xác hơn là sự gặp gỡ của những trái tim. Và hơn thế, đó còn là sự gặp gỡ của lí tưởng, của hoài bão, ước mơ.

Bên cạnh đó, sức lay động của thơ còn là những ấn tượng không bao giờ quên về một hình ảnh, một câu thơ, một cách dùng từ.

Đọc những câu như:

"Đường trong làng hoa đại với mùi thơm

Người cùng tôi đi giữa đường thơm"

(Đi giữa đường thơm- Huy Cận)

Người đọc không chỉ thú vị bởi cách cách dùng từ chuyển đổi cảm giác, mà bắt đầu từ đây, những hình dung và liên tưởng về bức tranh thôn dã, những cảm xúc và cảm giác của người đọc về những miền quê trong kí ức chợt lúc hiện về.

Có những câu thơ chỉ đọc một lần rồi nhớ mãi, như:

"Lá vàng với lộc non tơ

Tôi nâng niu cả hai bờ thời gian"

(Thời gian- Lữ Huy Nguyên)

Chỉ là miêu tả thời gian trôi mà hình ảnh cuộc đời, những nuối tiếc của tâm trạng của nhà thơ cứ đồng vọng cùng người đọc.

Những câu thơ như thế chính là những giọt âm thanh trong trẻo làm nên vẻ đẹp của thế giới cảm xúc của con người. Sức lay động của thơ nhiều khi chỉ đơn giản như thế.

Nhưng để có được sự lay động ấy, nhà thơ cùng với tài năng thiên phú phải trải qua một công cuộc lao động miệt mài, gian khổ và hơn hết, phải có một tình yêu cuộc sống, yêu con người không giới hạn. Đó chính là yếu tố làm nên sức lay động của thơ.

Và, đối với tôi, một bài thơ hay không thể là một bài thơ chỉ có những hình ảnh, những câu chữ không hồn, mà còn phải gợi lên trong tâm hồn người đọc sự đồng cảm lớn cho dù người đó thuộc thế hệ nào, sống ở thời đại nào.

Bài làm số 2

Nhà văn Đê-gôcx đã từng khẳng định: "Chừng nào tâm hồn một con người còn cần đến một tâm hồn khác thì chừng đó tác phẩm nghệ thuật còn cần đến con người".

Có lẽ là như vậy. Từ khi nhân loại sinh ra đã xuất hiện những loại hình nghệ thuật phong phú như thơ ca, hội hoạ, điêu khắc, âm nhạc... Chính những tác phẩm nghệ thuật đã đưa con người đi từ "chân trời một người đến chân trời của tất cả" bằng con đường dẫn đến xứ sở của cái đẹp. Vậy như thế nào thì được coi là bài thơ hay?

Từ trước đến nay, đối với thơ ca cũng như những loại hình nghệ thuật khác, luôn có những quan điểm, đánh giá và cách nhìn nhận khác nhau ở nhiều khía cạnh. Cho nên, vấn đề còn tùy thuộc cách hiểu của mỗi người. Bài thơ hay là vấn đề liên quan đến cảm thụ của mỗi cá nhân. Tuy nhiên, quan niệm đó cũng không thể thoát khỏi những ràng buộc của cái chung.

Trước hết, ta có thể hiểu thơ là một hình thức nghệ thuật dùng ngôn ngữ giàu hình ảnh và có nhịp điệu để thể hiện nội dung một cách hàm súc. Mối giao hoà giữa con người với con người là rất lớn nên thơ sinh ra như một lẽ tất yếu thật tự nhiên để những tâm hồn tìm đến những tâm hồn. Xét một bài thơ cũng như bất kì một tác phẩm nghệ thuật nào, ta phải xét đến hai mặt: nội dung và hình thức. Nội dung được biểu hiện qua hình thức và hình thức cũng quyết định đến nội dung. Cái tài của nhà thơ thể hiện ở chỗ biết kết hợp nội dung và hình thức sao cho nhuần nhuyễn, khéo léo, tạo nên những cảm xúc thẩm mĩ trong lòng người đọc.

Véc-len cho rằng: "Thơ hay là thơ phải nhắm tới cái phần mờ nửa sáng nửa tối, cái phần xa khuất, cái phần bất định của tâm hồn". Điều đó hoàn toàn có lí. Tôi cũng từng đọc được những bài thơ như thế:

"Chiều rung chuông...

Chiều rung chuông

Có con chim nhỏ bị thương cuối trời

Tôi nhón nhác đi tìm người

Bước chân thì gần, đường đời thì xa"

(Hữu Thỉnh - *Tìm người*)

Bài thơ súc tích khiến người đọc cứ bị lưu luyến, ám ảnh bởi cái gì đó, là tiếng chuông rung? Tiếng con chim nhỏ? Hay là bóng dáng "nhón

nhắc đi tìm người" của nhân vật "tôi"? Đây chính là nỗi đau nhân thế, nỗi đau của sự bất lực mà con người không thể làm gì được cho đồng loại đồng thời cũng là tiếng thức tỉnh lương tri cho những ai còn có tấm lòng, những ai còn muốn nghe, muốn giúp làm một điều tốt đẹp trước những nỗi đau khi họ có thể. Mà cuộc đời này bên cạnh hạnh phúc còn bao nhiêu nỗi đau như những tiếng rung chuông đây đó.

Thơ Hàn Mặc Tử, những bài thơ như là ẩn số với bao đời nay, càng đọc càng thấy mình chưa hiểu mà vẫn có sức lôi cuốn kì lạ, một thứ thơ ám ảnh:

*"Ta muốn hôn trào ra dầu ngọn bút;
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Như mê man chết điếng cả làn da."*

Hay:

*"Một chiều xanh - một chiều xanh huyền hoặc,
Sáng bao la vẫy lút cõi thiên không;
Xuất thế gian chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi Bất giác."*

Thơ chính là tâm hồn con người. Mỗi bài thơ là một cung bậc cảm xúc khác nhau tạo nên những âm thanh riêng trong bản nhạc thi ca. Mỗi nốt nhạc lại có một cái hay riêng, độ ngân riêng và cảm xúc cũng thật phong phú. Cảm xúc trải lên trang thơ không phải bao giờ cũng luẩn quẩn trong chữ "tôi" cô đơn, đau đớn mà đó là xúc cảm chung. Tiếng nói của trái tim thi sĩ trở thành tiếng lòng của mọi người. Hãy lắng nghe Xuân Quỳnh nhập hồn yêu của người phụ nữ vào sóng để cất lời tâm sự:

*"Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau
.....
Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ."*

Nhà thơ Xuân Diệu trước đó đã mượn "Biển" để nói về tình yêu. Xuân Quỳnh mượn sóng để diễn tả những cảm xúc, tâm trạng, những sắc thái tình cảm vừa phong phú phức tạp vừa thiết tha sôi nổi của một trái tim phụ nữ đang rạo rực, khao khát yêu thương. Những vần thơ vừa mãnh liệt, sôi nổi, vừa đắm thắm, dịu dàng như thế ai không quý, không yêu?

Không cầu kì, bóng bẩy, những bài thơ trên vẫn tạo lập chỗ đứng trong lòng người đọc. Nhưng nói như thế không có nghĩa là phủ nhận tầm quan trọng của yếu tố nghệ thuật trong thơ. Quay trở lại với tứ thơ của Hàn Mặc Tử:

*"Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút;
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,
Như mê man chết đuối cả làn da."*

Điều gì khiến những câu thơ khó hiểu ấy hấp dẫn chúng ta? Dù cho không thể cắt nghĩa được hết cái ý tứ sâu xa nhưng qua câu chữ cũng có thể hiểu được phần nào điều nhà thơ muốn bộc lộ. Tiếng thơ đau đớn thể hiện qua những động từ mạnh, những từ ngữ lạ lùng, khó hiểu, nhịp thơ gấp gáp và cái ước nguyện cũng thật điên cuồng đớn đau dị thường cho thấy một tâm hồn cô đơn đến mức giao tiếp với hư vô, "khắc" hồn ra khỏi xác, đi tìm một cõi huyền sáng láng, thơm tho giải thoát được số phận. Cái gọi là "thơ điên", là quái đản, kì ảo, thực chất là nỗi đau trần thế khủng khiếp. Một giọng thơ hoảng loạn, rơi nước mắt.

*"Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mỏng manh;
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đương siết
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh"...*

Có người đã ví một bài thơ hay giống như một bức tranh đẹp, một bản nhạc thánh thót. Bởi "thơ là thơ đồng thời là hoạ, là nhạc, là chạm khắc theo một cách riêng" (Sóng Hồng). Chất liệu của hội hoạ là màu sắc, chất liệu của âm nhạc là âm thanh, giai điệu còn chất liệu của thơ ca là ngôn từ. Mà ngôn từ của thơ ca cũng mang cả giai điệu và màu sắc nữa nên thơ luôn giàu hình ảnh và nhạc điệu.

*"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,*

Là vàng trước gió khê đưa vào..."

(Nguyễn Khuyến - *Thu Điếu*)

Âng thơ thu của Nguyễn Khuyến quả xứng đáng là một trong những bài thơ viết về mùa thu hay nhất của nền thi ca Việt Nam. Câu thơ thể hiện bức tranh sống động với đầy đủ không gian, thời gian, đường nét, màu sắc, thần thái, linh hồn của mùa thu. Một ao thu trong veo, một chiều thuyền câu bé tẻo teo, một chiếc lá vàng khê đưa vèo và tiếng cá đớp động dưới chân bèo... Bức tranh không thể đẹp hơn thế. Một bức tranh vừa động vừa tĩnh, một cái giạt mình khéo léo ẩn trong câu thơ cuối, tất cả thật ý vị. Cảnh trong tình, tình trong cảnh...

Thơ thu của Xuân Diệu, một chàng thi sĩ thơ mới, lại mang vẻ đẹp khác:

"Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên,

Cây me riu rít cặp chim chuyền.

Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,

Thu đến - nơi nơi động tiếng huyền."

Một vẻ đẹp rất khó cất nghĩa, một cảnh tượng tuyệt vời có sự mơ mộng, duyên dáng mà huyền ảo, lung linh hoà quện vào nhau tạo nên thơ, nên nhạc. Đọc câu thơ lên, những hình ảnh cứ chậm chậm thấm vào hồn ta bằng tất cả nỗi xao xuyến dâng đầy.

Nhiều người vì cho rằng thơ là một phương tiện, là một khí giới đặc lực để phản ánh cuộc sống, diễn đạt tư tưởng nên đã quá lạm dụng. Một số khác thì lại quá chú trọng vào hình thức nên thơ họ trở nên trống rỗng, vô vị. Tôi cho rằng một bài thơ muốn hay thì trước hết nó phải thực sự là thơ đã. Mà "thơ chỉ trào ra khi trong tim ta cuộc sống đã thật đầy" (Tố Hữu), do vậy muốn có thơ thì người viết phải có cảm hứng trước cuộc sống. Nhà thơ phải có tài năng sử dụng ngôn từ, hình ảnh sao cho phù hợp với đối tượng, chúng phải được sử dụng với tất cả những phẩm chất thẩm mĩ, ngôn ngữ thơ bao hoà cảm xúc và bao giờ cũng giàu nhạc tính. Hình tượng nghệ thuật trong thơ phải là sự thống nhất cao độ giữa khách quan và chủ quan, giữa lí trí và tình cảm, giữa tài năng và tâm hồn, giữa cái cá biệt và cái khái quát, hiện thực và hiện thực mang tính lí tưởng, giữa tính tạo hình và tính biểu biện, giữa cái hữu hình và cái vô hình mới tạo nên một thế giới nghệ thuật có sức hấp dẫn.

Tóm lại, bài thơ hay giống như một bông hoa đẹp. Vẻ đẹp của bông hoa do nhiều yếu tố tạo thành: từ màu sắc, cánh hoa, hình dáng, kiểu cách..., cho đến cành lá, mùi hương. Làm được một bài thơ hay cũng không hề đơn giản. Đó là kết quả của một quá trình lao động nghệ thuật

nghiêm túc, không ngừng sáng tạo, "khơi những nguồn chưa ai khơi và sáng tạo những gì chưa có" (Nam Cao).

Cảm ơn cuộc đời đã sinh ra các nhà thơ. Cảm ơn các thi sĩ đã cho nhân loại này thấy chất thơ của cuộc sống, và cũng xin cảm ơn những bài thơ hay của họ, những viên kim cương mãi lấp lánh trong tâm hồn chúng ta.

(Bài của Nguyễn Phương Anh do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

Đề số 70- Phân tích nhân vật Xúy Vân trong trích đoạn chèo "Xúy Vân giả dại".

Bài làm

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu dân gian lâu đời của dân tộc ta. Những vở chèo như *Quan Âm Thị Kính*, *Trương Viên*, *Chu Mãi Thân*, *Kim Nham*... rất nổi tiếng, được các thế hệ ông bà, cha mẹ chúng ta yêu thích. Sau mùa gặt bội thu hay đầu xuân, nhiều làng quê mở hội chèo, tiếng trống chèo rung lên sau lũy tre xanh, gọi bao xao xuyến trong lòng người:

"Bữa ấy mưa xuân phơi phơi bay

Hoa xoan lớp lớp rụng vơi đây

Hội chèo làng Đặng đi ngang ngõ

Mẹ bảo: "Thôn Đoài hát tối nay..."

(Nguyễn Bính)

Chèo là một loại hình sân khấu dân gian kết hợp nghệ thuật hát, múa, diễn rất hài hoà. Các làn điệu chèo rất phong phú, đa dạng; lời chèo thấm quện ca dao, dân ca một cách tài tình.

Những trích đoạn như "Thị Mầu lên chùa", "Xúy Vân giả dại", "Thị Phương mẹ chồng chạy giặc", "Tuần Ti gặp đào Huế"... được nhiều người yêu thích xem mãi vẫn muốn xem, không chán.

Trích đoạn "Xúy Vân giả dại" nằm trong phần hai vở chèo *Kim Nham*. Xa chồng lâu ngày, Xúy Vân dạn dĩ với Trần Phương, bị dụ dỗ, nàng giả điên giả dại, lập mưu để Kim Nham li dị. Với ánh mắt bốc lửa, tiếng hát đắm say, với bước đi điệu lượn, cánh tay múa... như điên cuồng, nhân vật Xúy Vân từng để lại nhiều ấn tượng về lửa tình, về bi kịch tình yêu trong lòng khán giả. Nhiều nghệ sĩ chèo đã thành danh qua vai chèo "Xúy Vân giả dại"

Mấy câu mở đầu, Xuý Vân xuất hiện (chưa xưng danh) từ nói lệch, đến hát xuôi, cô nàng quay cuồng với tâm trạng dở tỉnh dở điên, dở ngây dở dại. Cát tiếng than bà Nguyệt (trách duyên số) rồi réo cô đồng, rồi cất tiếng hát nói về con dò, con dò tình duyên của r... t cô gái chờ chồng, đợi chồng đi xa:

"Tôi là dò, dò nó có chưa

Tôi càng chờ, càng đợi, càng trưa chuyển dò"

Buồn và lo vì tuổi xuân sẽ trôi pha, như kẻ đứng trên bến vắng chờ dò "càng trưa chuyển dò".

Những câu hát tiếp theo là những câu thơ lục bát phá thể, biến thể, thể hiện tâm trạng đầy bi kịch của người con gái đã có chồng (như gông đeo cổ) nên phải "lụy dò" lúc muốn "qua sông", muốn dứt bỏ mối duyên tình cũ:

"Chẳng nên gia thất thì về

Ở làm chi nữa chúng chê bạn cười"

Chẳng cần chi úp mở, cô gái thổ lộ mối tình "gió giăng" của mình, với niềm tin sẽ cùng tình nhân "gió giăng" sống đến đầu bạc răng long, tron vẹn "đạo hằng" thủy chung:

"Gió giăng thì mặc gió giăng

Đôi ta chỉ quyết đạo hằng với nhau"

Tâm trạng "nổi loạn" ấy của Xuý Vân cho đến nay vẫn còn làm cho nhiều khán giả ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Phải chăng đó là sự "bứt phá" đạo tam tông tứ đức lễ giáo phong kiến của một người con gái đang "nổi loạn"?

Sau tiếng hỏi của vai diễn và tiếng đế hô ứng của khán giả, Xuý Vân mới xưng danh:

"- Chẳng giấu gì: tôi tên gọi Xuý Vân

Lấy Kim Nham nhà khó gian truân

Chồng học vắn chầy ngày mong mãi

Tôi ngồi từ tội

Đợi khách tha nhang

Gái phải nằm hàng

Nghề đại đột... nhưng tài cao vô giá".

"- Thiên hạ đồn tôi hát hay đã lạ

Ai cũng gọi là cô ả Xuý Vân

Phụ Kim Nham say đắm Trần Phương

Nên đến nỗi điên cuồng rô dại"...

Rồi Xuý Vân cất điệu "hát con gà rừng" thể hiện một duyên phận trở trêu, khác nào "Con gà rừng ăn lẫn với công", vô duyên lấy phải anh chồng vai u thịt bắp, sống cuộc đời lam lũ: "Để anh đi gặt lúa, để cô nàng mang cơm". Xuý Vân tự cho mình là con quan, cao môn lệnh tộc, còn Kim Nham con nhà nghèo hèn, cục mịch tầm thường.

Rồi nàng lại chuyển sang "hát xe chỉ" diễn tả tâm trạng mong nhớ "đợi chờ tình nhân", ước ao khát khao muốn được cùng Trần Phương sống trong tình yêu hạnh phúc: "o giải làm chiếu, chăn quây làm mừng". Hát rồi nói, bộc lộ một tâm trạng cô đơn của cô gái đa tình:

"Tôi thương nhân ngãi

Tôi nhớ nhân tình

Đêm năm canh trăn trọc hòa năm ư

Than rằng nhân ngãi cự tình đi đâu"...

Đoạn "hát ngược" đã thể hiện tâm trạng trăm mối tơ vò của một cô gái giả dại mà ngọn lửa tình ngùn ngụt, mà nỗi khao khát dục tình cháy bỏng khôn nguôi. Giả dại, giả điên hay hoá cuồng? Ngược đời trong tự nhiên cũng là nghịch lí trong tâm trạng người con gái đa tình mà thất tình: "Muỗi ấp cánh gơi... cái trứng gà mày tha con quạ lên ngồi trên cây"...

Rồi Xuý Vân như chợt bừng tỉnh, giải thích rõ cái dại, cái rô, cái điên của mình:

"Rô này ai bán thì mua

Dại này ai thấy không mơ mẩn tình

Lúc thì giả cách làm thính

Lúc thì giả dại ra hình làm điên

Lúc thì tưởng đến nhân duyên

Cho nên đến nỗi phát điên, phát rô".

Trần Phương đã qua mục quán xúi Xuý Vân giả dại để thoả tình giăng gió, gió giăng.

Phải xem chèo và nghe chèo mới cảm thấy cái hay màn chèo Xuý Vân giả dại. Trích đoạn này đã làm nổi bật tâm trạng đau khổ của một cô gái đa tình mà thất tình, muốn dứt bỏ, đập phá mối quan hệ vợ chồng

với Kim Nham để chạy theo mối tình mới Trần Phương – một Sở Khanh mà nàng đâu biết.

Nỗi khát khao về tình yêu hạnh phúc lứa đôi, nỗi buồn cô đơn của người vợ trẻ trong cảnh ngộ "thiếp trong cánh cửa, chàng ngoài chân mây" của Xúy Vân là điều có thể cảm thông và thương cảm.

Xúy Vân giả dại là khởi đầu của một sự trượt dốc để không bao lâu "thân tàn ma dại" rồi trở thành hành khất, rồi bị điên, rồi tự tử. Cái kết cục bi thảm đó đã làm cho cảm hứng nhân đạo thấm sâu vào vai chèo, màn chèo.

Cái bánh vẽ tình yêu Trần Phương trao cho Xúy Vân, nàng tưởng là ngọt ngào nhưng vô cùng cay đắng.

Màn chèo *Xúy Vân giả dại* đã thể hiện sâu sắc quan niệm của nhân dân về tình yêu lứa đôi, về sự đau khổ đại khờ trong tình yêu lứa đôi. Câu hỏi được đặt ra: "Thế nào là tình yêu hạnh phúc gia đình chân chính?" cứ xoáy sâu mãi vào những người yêu thích chèo *Kim Nham*.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 57).

Đề số 70- Phân tích truyện cổ tích Tấm Cám.

Bài làm

Truyện *Tấm Cám* là một truyện cổ tích thần kì quen thuộc trong nhân dân ta, Nhiều nước Tây, bên Đông Nam Á cũng có những truyện kể tương tự như truyện *Tấm Cám*.

Tấm hiền lành. Mụ dì ghẻ và cô em gái hành hạ đủ điều mà không hề oán trách. Đi bắt cua, Tấm bắt được nhiều, Cám bắt được ít. Cám lừa cho Tấm hụp xuống sông để trộm tôm tép. Bà dì ghẻ bảo Tấm đi chăn trâu ở đồng xa. Tấm cũng vâng lời. Người ta đi hội vui vẻ, Tấm phải ở nhà nhặt thóc, Tấm cũng không dám oán trách... Tấm không có mưu mô thủ đoạn, không cãi cọ gây chuyện với ai, yên lòng với số phận hẩm hiu tội nghiệp của mình. Tấm hiền lành như thế. Tấm luôn luôn bị khinh thường, hành hạ, nhưng lại được Bụt, được Tiên giúp đỡ. Bụt bày cho Tấm nuôi con Bống để cho đời Tấm đỡ cô quạnh. Bống chết, Bụt bày cho Tấm chôn xương nó vào hũ, để sau này xương biến thành quần áo, giày dép để cho Tấm mặc đi hội. Tấm bị chết, Bụt lại hoá phép cho Tấm thành chim, thành cây. Tấm còn được hoá thành quả quý, người đẹp. Dù ở hoàn cảnh nào, dù mang lột người hay lột chim, lột cây, Tấm cũng vẫn có đức tính là hiền lành, tốt nết. Tại sao Phạt, Bụt lại cho Tấm biến hoá

thành nhiều kiếp như vậy? Cách biến hoá ấy chỉ cốt nói lên một điều: cái tốt không bao giờ mất đi cả. Bị ngăn trở, bị hãm hại đến đâu, cái tốt vẫn tồn tại. Cô Tấm bị giết nhưng cô có chết đâu! Tam thời cô chỉ phải đổi lột mà thôi. Chim vẫn nói được tiếng nói của Tấm. Cây xoan đào thành khung cửi, vẫn phát ra lời của Tấm, Tấm vẫn sống, cô ấy tồn tại mãi mãi. Dù mẹ con Cám có tốn bao nhiêu công sức, có tìm hết cách để tiêu diệt sức sống ấy thì cũng không thể diệt được. Sự sống luôn luôn biến hoá: lúc là người, lúc là chim, lúc là cây, lúc là quả, lúc là đồ vật. Dù mang hình thức gì đi nữa thì vẫn là nàng Tấm xinh đẹp, nét na trường tồn bất diệt.

Người ác trong truyện này là hai mẹ con cô Cám. Cái xấu của Cám là ở bản tính lừa gạt. Cô lừa chị Tấm để trút hết tôm tép, chạy về nhà trước. Cô chỉ cốt được lợi cho mình, mặc dù cho cô chị khốn khổ mang giỏ không về nhà, chịu sự đánh đập nhiếc móc của bà dì ghẻ. Sau hành động ấy, Cám trở thành cô bé nghe theo mẹ mà lao vào những tội ác. Không nghĩ ra được những mưu mẹo, nhưng đã thực hành, những mưu mẹo ấy thì cũng đáng giận, đáng ghét rồi. Bà mẹ Cám thì thật là gian ác và tai ngược. Bà ta cố tìm cách hại Tấm, hết cách này sang cách khác. Ta có cảm tưởng bà ta đứng sẵn đâu đó, hễ thấy Tấm lộ đầu ra là chém, là giết kì được, không cho Tấm được xuất hiện giây phút nào trong cuộc sống nữa. Lừa cho Tấm đi chăn trâu xa để mẹ con ở nhà ăn thịt Bống. Bắt Tấm nhặt thóc lẫn với gạo để giam Tấm lại trong nhà. Xui Tấm trèo cau để chặt cây cho Tấm ngã. Cho con gái mặc quần áo giả dạng Tấm để lừa hoàng tử. Rồi lại xui làm thịt chim Vàng Anh, xui chặt cây xoan đào, xui đốt khung cửi cốt làm cho Tấm phải hết đường tái sinh. Mẹ ta thực là hiện thân của cái ác, cái ác đội lốt người. Tại sao bà ta ác như vậy? Một phần vì bà ta là dì ghẻ. Ca dao có câu:

"Mấy đời bánh đúc có xương

Mấy đời dì ghẻ mà thương con chồng?"

Bà ta muốn cho con mình sung sướng để được sướng lây. Bà ta không biết rằng làm như thế chỉ đẩy cô Cám vào cảnh khổ. Cám tuy được hưởng nhiều thứ của Tấm, nhưng lúc nào cũng bị tiếng nguyên rủa dội vào tai. Đó là một hình phạt đối với Cám. Cuối cùng Cám chết và mẹ Cám cũng chết theo. Trời, Bụt phải trừng phạt mẹ con họ. Tấm chỉ chết tạm thời, chỉ là một sự hoá thân, chết mà vẫn sống. Còn mẹ con Cám thì chết vĩnh viễn, chết mãi mãi, chết trong sự khinh ghét của chúng ta, của mọi người.

Truyện cổ tích *Tấm Cám* còn hay ở chỗ: trong truyện, cuộc sống của đất nước Việt Nam ta được hiện lên rất sinh động. Trong truyện có cảnh mò cua, bắt ốc, cảnh chăn trâu, có quán nước bán hàng, có những hội hè

đình đám, có đám giỗ cha, có cơm trâu mời khách. Thật là một đất nước có nhiều phong tục đẹp. Không một truyện cổ nào có nhiều hiện tượng phong tục đẹp như truyện nay. Các loài vật, các cây cỏ, các dụng cụ đều được đưa vào trong truyện. Có con cá nhỏ bé hiền lành như con cá bống, có con chim nhảy nhót như chim vàng anh. Có con chim sẽ rất thóc, có khung cửi kéo cà kéo kệt, có ông hoàng tử khi ở trong cung sang trọng, khi ra ngôi quán nước với bà lão bình dân... Thật là rất Việt Nam. Cả một đất nước hiền lành, đủ cả con người, cả chốn cung đình, cả nơi thôn dã, cùng với bao nhiêu sắc màu, cảnh vật thiên nhiên. Học truyện *Tám Cám*, nên biết điều đó, cũng như phải nhớ ý nghĩa của truyện là: "Ở hiền gặp lành".

Truyện *Tám Cám* còn có một điều hay nữa mà rất nhiều truyện cổ tích không có hoặc có rất ít. Đó là khi kể chuyện, người ta dẫn thêm những câu ca, câu hát. Đây là một đặc điểm của truyện cổ tích Việt Nam. Nhưng lời văn vẽ gây một không khí sinh động cho câu chuyện thêm phần đầm thắm. Hãy đọc lại những câu rất vui như của gà: "Cục ta cục tác, cho ta nắm thóc, ta bới xương cho. Hoặc những câu rất cảm động như: "Vàng anh vàng anh. Có phải vợ anh chui vào tay áo". Cái hồn cổ tích, cái chất Việt Nam nằm trong những câu ca, điệu nói ấy.

(Theo GS. Vũ Ngọc Khánh- Dẫn lại *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sdd, tr. 30).

Đề 71- Nhấn mạnh một khía cạnh nội dung ca dao Việt Nam, có ý kiến cho rằng: "Ca dao là tiếng hát yêu thương, tình nghĩa".

Bằng những hiểu biết về ca dao dân tộc, anh (chị) hãy phân tích và chứng minh nhận định trên.

Bài làm

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, ca dao là thể loại được nhiều người biết đến. Nội dung của ca dao vô cùng phong phú. Nhấn mạnh một khía cạnh nội dung của ca dao, có ý kiến cho rằng: "Ca dao là tiếng hát yêu thương, tình nghĩa".

Trong suốt mấy nghìn năm qua, ca dao trở thành một người bạn gần gũi, gắn bó với người lao động. Ca dao là thức ăn tinh thần không thể thiếu được của nhân dân ta. Sau những giờ làm việc vất vả, người dân lại ngồi quây quần gốc đa, đầu đình cùng sáng tác những bài ca phản ánh đúng cuộc sống của mình. Được sinh ra và lớn lên giữa quần chúng nên có

thể coi ca dao là tấm gương trung thực, phản ánh "cuộc sống của người lao động. Còn có cảnh nào yên bình hơn cảnh Hồ Tây buổi sớm:

"Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói toả ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ"

Cảnh thơ mộng quá. Đọc bài ca, dù là kẻ vô tình nhất cũng thấy lòng mình như tĩnh lại. Trước khung cảnh ấy, ai lại nỡ phá đi vẻ yên bình, no đủ v.v... Mọi âm thanh, hình ảnh đều xa vời, huyền ảo. Hay câu:

"Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ

Xem cầu Thê Húc, xem đền Ngọc Sơn"

Câu thơ như có cùng tâm trạng với con người. Nhịp thơ vui vẻ, tất bật lôi kéo chúng ta. Điệp từ "xem", được lặp lại hai lần, vẽ lên cho người đọc cảnh những nông dân lần đầu tiên vào chốn phồn hoa đô thị. Lòng yêu quê hương đất nước không chỉ thể hiện qua những bài ca dao ca ngợi cảnh đẹp đất nước mà còn bộc lộ rõ qua bài ca được sáng tác trong những năm chống ngoại xâm như bài *Cây đa Bình Đông*. Bài ca thể hiện nỗi xót xa của nhân dân trước cảnh đất nước bị giày xéo, người dân phải sống cơ cực. Nước mất, con người cũng mất đi những tự do bình đẳng, "cấm quân tam tỵ ngũ" hay "cấm cả phu thê". Nước mất là đau khổ như vậy đấy! Bài ca dao là tiếng nói oan ức của người dân mất nước.

Trong ca dao, những bài ca ngợi tình cảm gia đình chiếm một phần không nhỏ. Ngày xưa có mấy nàng dâu về nhà chồng mà không buồn khi nghe câu ca:

"Chiều chiều ra đứng ngõ sau,

Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều"

Câu ca khiến người nghe cảm động đến muốn rơi nước mắt. Phải chăng tác giả đã đồng cảm với nỗi đau của người con gái khi về nhà chồng phải xa mẹ? Trong những bài nói về tình cảm gia đình nổi lên là nhưng bài ca ngợi công lao trời bể của cha mẹ với con cái, tình anh em đùm bọc, sum vầy:

"Công cha như núi Thái Sơn,

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra

Một lòng thờ mẹ, kính cha,

Cho tròn chữ hiếu, mới là đạo con"

Công cha, nghĩa mẹ hai khái niệm quá trừu tượng. Ai có thể đo được tấm lòng của cha mẹ đối với con cái? Nhưng bài ca dao này lại khắc hoạ khá rõ nét về hai khái niệm trên. Công cha cao như núi, tình mẹ dạt dào chảy mãi không thôi. Một bên thì to lớn, một bên thì ngọt ngào, trong sáng. Tình cảm anh chị em một nhà cũng đậm đà quá:

"Anh em như thể chân tay

Rách lành đùm bọc, dở hay đỡ đần"

Câu ca dao trên là một đạo lí của nhân dân ta từ trước đến nay. Cha ông ta đã nhắn nhủ cho thế hệ hậu sinh những lời vàng ngọc. Ông cha ta đã vạch ra một con đường, một chân lí về cách sống, cách làm người.

Có thể nói trong các gam màu tình cảm nói trên, nội dung nói về tình yêu trai gái tạo cho em nhiều cảm hứng nhất. Không ai biết tình yêu, có từ bao giờ, chỉ biết nhưng bài ca dao nói về tình yêu, ra đời rất sớm. Tình yêu là cái mà tạo hoá mang đến cho con người. Tình yêu của người lao động rất đẹp và trong sáng vô cùng. Chính vì vậy anh trai làng khi tỏ tình với một cô gái cũng rất ý nhị:

"Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen

Em được thì cho anh xin

Hay là em để làm tin trong nhà

Áo anh sút chỉ đường tà

Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu

Áo anh sút chỉ đã lâu

Mai mượn cô ấy về khâu cho cùng..."

Lời nói của chàng trai rất nhẹ nhàng kín đáo. Cũng có những bài ca tình yêu rất độc đáo:

"Hỡi cô cắt cỏ bên sông

Có muốn ăn nhãn thì lỏng sang đây

Sang đây anh nắm cổ tay

Anh hỏi câu này: "Có lấy anh không?"

Cách tỏ tình này thật sôi nổi nhưng dường như lại ít vẻ dịu dàng đậm thắm của tình yêu. Khác với bài ca trên, bài ca dao vẫn thường được gọi là "Bài ca xin áo" mang đúng vẻ dịu dàng đậm thắm đó. Ngay từ hai câu đầu trước mắt chúng ta là cảnh làng quê thơ mộng. Bức tranh có mái

đình, có hồ sen chàng trai đã viện cớ bỏ quên cái áo để nói đến tình yêu. Cái áo vắt trên cành hoa sen là một điều phi lí. Giống như câu:

"Yêu nhau cởi áo cho nhau

Về nhà đối mẹ qua cầu gió bay"

Cũng giống như hình ảnh cái áo, cành hoa sen trong câu ca trên là một điều phi lí. Tuy nhiên tình yêu đã biến cái phi lí thành có lí, biến cái không có thành một bức tranh thơ mộng. Chàng trai bỏ quên cái áo thật hay mượn cớ để làm quen và tỏ tình với cô gái. Chỉ hai câu thơ đầu chúng ta cũng đánh giá được đây là một chàng trai chăm chỉ. Cái áo của anh đâu có rách. Nó chỉ bị sút chỉ thôi. Từ cách ăn nói đến cái "sút chỉ" đều đáng yêu. Để thuyết phục cô, anh đã nói rõ cho cô biết gia cảnh của mình: "Vợ anh chưa có, mẹ già chưa khâu". Đến đây ai cũng nghĩ chàng trai sẽ nói thẳng vào vấn đề. Nhưng không, anh vẫn thăm dò ý kiến của cô gái. Anh trả công cho cô gái vì đã khâu giúp anh chiếc áo. Điệp từ "giúp cho" được lặp lại nhiều lần chứng tỏ chàng sẽ trả công cho nàng rất nhiều. Nhiều đến nỗi vượt qua cả sự trả ơn thông thường. Những đồ vật mà anh trả ơn cho nàng lại là những đồ dẫn cưới đầy đủ chu đáo với câu cuối: "Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau". Anh cố tình tránh câu "anh lấy nàng" vì sợ như thế có phần vội vã, thô thiển. "Bài ca là một nụ hồng chớm nở, cứ nở dần và để lộ ra cái nhụy thơm tho". Đó cũng chính là những khúc ca dạt dào tình nghĩa giản dị, chất phác, chân thành của những người lao động.

Trong tình yêu, những khát khao, đợi chờ là một nguồn thức ăn không thể thiếu. Nguồn thức ăn này nuôi sống và bồi bổ tình yêu:

"Khăn thương nhớ ai,

Khăn rơi xuống đất

Khăn thương nhớ ai

Khăn vắt lên vai?

Khăn thương nhớ ai

Khăn chùi nước mắt?

Đèn thương nhớ ai

Mà đèn chẳng tắt

Mắt thương nhớ ai

Mắt ngủ không yên"

Bài thơ là tâm trạng của một cô gái đang yêu, chờ mong, thương nhớ. Các hình ảnh khăn, đèn, mất được nhân hoá để miêu tả tâm trạng của cô. Khăn, đèn hay chính là cô gái đang mong đợi người yêu.

Trong tình yêu không phải lúc nào cũng suôn sẻ mà còn có nỗi đau khổ khi tình duyên tan vỡ:

*"Trèo lên cây bưởi hái hoa
Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân
Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc
Em đã có chồng anh tiếc lắm thay!"*

Nhân vật trữ tình trong bài thật đáng thương. Sau cơn sốc về tình cảm anh có vẻ thần thờ, tiếc nuối. Ba câu đầu là một chuỗi những điều vô lí nhưng những hình ảnh phi lí đó lại rất phù hợp với tâm trạng của chàng thanh niên. Không ai trèo bưởi trong vườn cà không thể có hoa tầm xuân và điều phi lí khác là "Nụ tầm xuân nở ra xanh biếc". Đau khổ đến "mất trí" nhưng anh không hề bi quan. Đến hết bài ca chàng trai đã trở về với hiện thực cho dù hiện thực đó có đau khổ đến đâu. Bài ca như một tiếng thở dài nuối tiếc, một lời than cho duyên phận hẩm hiu, song đây cũng là một khát vọng nồng cháy của tình yêu chung thủy.

Không có lời nào có thể diễn tả hết nội dung phong phú của ca dao. "Ca dao là bầu sữa tinh thần nuôi dưỡng chúng ta". Quả đúng như vậy, ca dao là thành quả văn hoá của cha ông ta để lại. Ca dao ca ngợi tình cảm con người, tình yêu thiên nhiên đất nước. Hay nói khác đi "Ca dao là cây đàn muôn điệu" - cây đàn đó bật lên những âm thanh ca ngợi tình nghĩa lòng yêu sâu nặng. Những âm thanh đó như nốt trầm lắng đọng xa đến muôn đời sau.

Vũ Hằng Thủy, Hà Nội

(Dẫn theo *Những bài làm văn chọn lọc 10*, Sđd, tr.52)

Hướng dẫn đọc

Bài kết cấu theo từng nội dung, đề tài: tình yêu quê hương, tình cảm gia đình, tình yêu nam nữ...

Bố cục rành mạch, dẫn chứng phong phú, phân tích được những khía cạnh tình cảm trong dẫn chứng.

Tuy nhiên, bài viết còn nhược điểm nổi bật là văn viết chưa thật sự có cảm xúc và một đôi chỗ chưa chính xác hoặc tản mạn.

Đề 72 - Khi Thúy Kiều buộc phải bán mình để chuộc cha và em, nàng nhờ Thúy Vân thay mình lấy Kim Trọng. Thúy Kiều đã nói với Thúy Vân:

Ngày xuân em hãy còn dài

Xót tình máu mủ, thay lời nước non.

Chị dù thịt nát xương mòn,

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Anh (chị) hãy phân tích để chứng minh rằng trong cảnh ngộ của Thúy Kiều lúc ấy thì nói như Thúy Kiều là thích hợp hơn cả.

Bài làm

Nhân dân ta ai cũng đều yêu mến *Truyện Kiều* và không ngớt lời ca ngợi, một phần vì *Truyện Kiều* có nhiều đoạn miêu tả tâm trạng hết sức tinh tế. Trong những bước ngoặt của cuộc đời Kiều, sự phân tích của nhà thơ càng đặc biệt sâu sắc. Nỗi lòng Kiều trong cơn gia biến và nói riêng là những lời Kiều nói với em gái trong khi trao lại mối duyên tình của chàng Kim, là một ví dụ tiêu biểu nói lên sự am hiểu tâm lí nhân vật của Nguyễn Du. Kiều đã nói:

... Ngày xuân em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ, thay lời nước non.

Chị dù thịt nát xương mòn,

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Quả là tâm hồn ấy, tính cách ấy, cảnh ngộ ấy, thì phải nói những lời như vậy, không thể khác!

Thử thách đến với Kiều trong cơn gia biến thật là khốc liệt. Với con người tài sắc vẹn toàn, có tâm hồn nhạy cảm như Kiều, thì viễn cảnh bán thân làm lẽ cho người thật khủng khiếp. Thêm vào đó là nỗi đau tan nát tình yêu. Nói vậy để thấy cái giá của sự hi sinh ấy lớn biết chừng nào. Vậy mà Kiều vẫn chấp nhận. Hơn thế nữa, điều vò xé tâm can Kiều lúc ấy là nỗi đau xót, thất vọng của chàng Kim. Là con người chu tất, trọng nghĩa chí tình, Kiều đau khổ vì:

Nợ tình chưa trả cho ai,

Khối tình mang xuống tuyền đài chưa tan!

Cho nên Kiều mới nghĩ ra việc nhờ em gái thay mình đáp đền tình cảm của chàng Kim. Nghĩ Kim Trọng, rồi nghĩ đến Thúy Vân, Kiều cho việc thay mình trả nghĩa Kim Trọng là một hành động hi sinh của em gái. Vì vậy mà:

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.

Một thái độ trân trọng, tri ân trước khi Kiều cậy nhờ em gái. Lời lẽ của Kiều chân tình, thuần hậu, mà nghe như ứa nước mắt đau tủi:

Ngày xuân em hãy còn dài,

Xót tình máu mủ, thay lời nước non.

Chị hiểu lắm, em tuổi còn trẻ, có lẽ chưa biết thế nào là yêu đương. Đáng lẽ, em còn có thể được hưởng bao nhiêu mật ngọt của tình yêu, nhưng xin em thương xót người chị ruột này mà đáp nghĩa chàng Kim. Mấy chữ "xót tình máu mủ" mới đau đớn làm sao! Nó cho thấy Kiều đã đặt mình vào chỗ Thúy Vân để thấu hiểu tất cả niềm thương nỗi xót, cả tấm lòng của em gái. Đây vừa là sự đồng cảm, vừa là sự kêu nài khẩn thiết của Kiều, đau xót đến đá cũng phải nát lòng. Nhắc đến duyên tình với Kim Trọng, Kiều chỉ dùng mấy tiếng chung chung: "thay lời nước non", như thể nói đến đây Kiều nghẹn cả lời. Mà cũng có thể vì đó là điều khiến nàng day dứt nhất ("Thề hoa chưa ráo chén vàng, Lỗi thề thôi đã phụ phàng với hoa"). Hai người đã có với nhau biết bao kỉ niệm. Vậy mà may nàng phải đành tâm bỏ tất cả! Lời nói với Thúy Vân song cũng bộc lộ tâm can bời bời của Kiều lúc ấy. Một lời nhờ cậy, kêu nài thống thiết như vậy, ai có thể chối từ?

Nhờ cậy rồi, Kiều tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Thúy Vân:

Chị dù thịt nát xương mòn

Ngậm cười chín suối hãy còn thơm lây.

Lời tạ ơn sao mà nghe đau đớn quá! Ơn ấy, đến chết chị vẫn còn ghi nhận. Hơn thế nữa, "hãy còn thơm lây" tức; là nói nghĩa cử của em vô cùng cao quý, có chết chị cũng vui lòng và vinh dự vì nghĩa cử ấy của em!

Tâm trạng của Kiều khi nói những lời trao duyên ấy thật hết sức nặng nề. Tâm hồn cao quý của Kiều thúc đẩy Kiều trao mối duyên tình ấy cho em đền đáp, nhưng tận trong đáy lòng Kiều đau đớn xiết bao. Là người, ai chẳng khao khát hạnh phúc gắn bó với người mình yêu. Ở người con gái đa cảm như Kiều, người con gái đã vượt tường sang nhà người yêu, tự mình đính ước, thì khát vọng ấy còn mãnh liệt gấp bội. Vậy mà

Kiều phải đành lòng dứt bỏ, nỗi đau như dao cắt ruột! Kiêu đã phải cố gắng hết sức mình để thốt lên lời trao duyên gửi nghĩa ấy, song nỗi đau vẫn dường như không thể chịu đựng nổi, nên sau khi nói ra những lời ấy, Kiêu không thể không chạnh lòng tủi phận:

Xót người mệnh bạc ắt lòng chẳng quên.

Và khi nói hết tâm sự đớn đau của mình, Kiêu đã hoàn toàn kiệt sức, rã rời, mê man:

Cạn lời hôn ngất máu say,

Một hơi lặng ngắt, đôi tay giá đồng.

Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế và sâu sắc như vậy, tài của Nguyễn Du quả đã đạt đến một đỉnh cao trước đó chưa từng có.

Những lời lẽ ấy đã phần nào bộc lộ tâm hồn cao đẹp của Kiêu. Kiêu sẵn sàng hi sinh cho người khác, kể cả khi giá của sự hi sinh ấy là sự hủy diệt bản thân:

Cầm như chẳng đau những ngày còn xanh.

Nhưng sự hi sinh ấy đâu chỉ hủy hoại đời Kiêu, mà còn làm tan nát nỗi lòng Kim Trọng. Biết thế nên Kiêu phải nhờ em "trả được nghĩa chàng cho xuôi". Bản thân mình phải hi sinh thì Kiêu không đắn đo thiệt hơn, nhưng cậy nhờ đến sự giúp đỡ của em gái, thì Kiêu nghĩ trước nghĩ sau, và coi đó là một cái ơn lớn. Cho nên lời nhờ cậy của Kiêu thật thiết tha, lời cảm tạ của Kiêu thật cảm động. Xét về ngôn từ thì lời nói của Kiêu khẩn thiết mà vẫn đúng mực, kêu nài mà vẫn chí nghĩa chí tình. Phần nào có thể thấy Kiêu thật là con người hiểu biết. Nhờ cậy thì viện đến tình máu mủ ruột thịt. Cảm tạ thì đề cao nghĩa cử của Thúy Vân và gọi đến sự bạc mệnh của mình. Con người có tâm hồn dào dạt yêu thương, giàu lòng hi sinh, dễ cảm xúc, trọng ân tình và hiểu biết khôn ngoan như Thúy Kiều, chỉ có thể nói những lời như vậy. Đặt những lời ấy trong cảnh ngộ của Kiêu, mới thấy hết tâm hồn cao đẹp của nàng.

Qua những lời trao duyên của Kiêu, ta còn hiểu thêm một khía cạnh khác trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tác giả. Nguyễn Du khắc họa tính cách nhân vật không phải chỉ bằng miêu tả ngoại hình và bằng lời dẫn chuyện của người kể, mà còn bằng phân tích tâm trạng và diễn biến tâm lí nhân vật. Nỗi đau đớn của Kiêu và những lời lẽ của nàng khi trao duyên là hoàn toàn thống nhất với lời giới thiệu của tác giả ("Kiêu

càng sắc sảo mặn mà", "Thông minh vốn sẵn tính trời", "Khúc nhà... một thiên bạc mệnh lại càng nảo nhân") và tô đậm thêm, làm nổi bật thêm tính cách của nhân vật. Không cần phải thuyết minh gì nhiều, chỉ qua bốn câu gửi gắm duyên tình, Kiều đã nói với Thúy Vân, cũng đủ hiện lên một nàng Kiều đa cảm, giàu lòng yêu thương, nghĩ đến người khác vô cùng chu tất, một nàng Kiều khổ đau và chu tất.

Với những lời gửi gắm ấy của Kiều, với nỗi đau ấy, diễn biến tâm trạng ấy, ta càng thấy rõ tầm cao của Nguyễn Du trong sự hiểu thấu từng khía cạnh tinh tế nhất của tâm can con người. Chính sự thấu hiểu sâu sắc ấy, cùng với một nghệ thuật thể hiện đạt đến trình độ điêu luyện, đã khiến tác phẩm của Nguyễn Du tồn tại như một giá trị vĩnh cửu vượt qua tất cả những thử thách khốc liệt nhất của thời gian.

(Theo *Dàn bài tập làm văn 10*. Sđd. tr. 107)

Đề 73 - Kết thúc đoạn tả tiếng đàn của người kĩ nữ bên Tâm Dương, Bạch Cư Dị viết:

*Cung đàn trợn khúc thanh tao
Tiếng buồn xé lụa, lụa vào bốn dây
Thuyền mây lá đông tây lặng ngắt,
Một vầng trăng trong vắt dòng sông...*

(Tì bà hành)

*Theo anh (chị), tác giả diễn tả điều gì trong đoạn thơ trên?
Dựa vào đoạn thơ tả tiếng đàn trước đó, anh (chị) hãy tìm ra mối
liên hệ giữa tiếng đàn ấy với đoạn thơ này.*

Bài làm

Một đêm nơi Giang Châu đất khách, Bạch Cư Dị xuống thuyền tiễn bạn đi xa. Đêm đã khuya, gió thu nơi bãi sông Tâm Dương như càng làm lạnh buồn thêm cuộc chia li vốn đã lạnh buồn. Giữa chừng tiệc rượu, chợt thoáng nghe mấy tiếng đàn tì bà. Người ở lại và kẻ ra đi cùng nấn ná, cho mời người chơi đàn lên thuyền. Từ chối mãi không được, người chơi đàn đành cầm lấy đàn, dạo lên mấy khúc. Đàn xong, tiếng đàn đã dứt mà ấn tượng do tiếng đàn để lại mới kì lạ làm sao:

Cung đàn trợn khúc thanh tao,

*Tiếng buông xé lụa, lựa vào bốn dây
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,
Một vầng trăng trong vắt dòng sông...*

Lạ thật, đoạn thơ không phải để tả tiếng đàn, chỉ để nói rằng tiếng đàn đã ngừng, thế mà hình như tiếng đàn đến đây mới đạt đến đỉnh cao kì diệu, tột cùng của sự hấp dẫn.

Cả một khúc thanh tao đã đàn trọn rồi, bản đàn đã dứt, nhưng chính trong sự kết thúc ấy, một âm vang đã vút lên: cả bốn dây đàn cùng hòa vào nhau, cộng hưởng với nhau để tạo nên một âm thanh mới: độc đáo, ai oán, đứt đoạn, giòn giã, như tiếng lục bị xé vút lên giữa trời.

Bản đàn đã dứt rồi, hết thật rồi, nhưng âm thanh của nó đã dứt đâu. Nó còn ngân lên đâu đó, nỉ non đâu đó trong lòng người. Con người cùng vạn vật vẫn chưa hết xúc động, kinh ngạc đến sửng sờ: sao lại có tiếng đàn hay đến thế, có sự kì diệu trong đời đến thế?

Riêng với kẻ gian lại bị lưu đày này, nhà thơ nơi bến Tầm Dương này, nghe xong khúc đàn, đất trời như trong sáng thêm ra, rộng rãi thêm ra, vầng trăng như càng thêm cô đơn, cuộc đời như càng lặng lẽ và buồn thêm.

Ấn tượng ấy thật là xác đáng.

Bởi đó là những tiếng đàn cất lên từ một thân phận buồn. Chưa hỏi lai lịch nàng, Bạch Cư Dị, với cái từng trải, cái nhạy cảm của nhà thơ, cái đồng điệu có tính chất dự cảm, đã đoán biết nàng là ai. Kĩ nữ mà "tay ôm đàn che nửa mặt hoa", nàng đúng là không phải kĩ nữ tầm thường. Cái dáng e ấp ấy, cái nhan sắc muốn giấu đi ấy đã nói lên nhiều lắm về nàng. Nàng chơi đàn để kiếm sống qua ngày chăng? Sao nàng không lơ là vô tình như kẻ khác mà lại "Mày chau tay gảy khúc sầu"?

Rồi tiếng đàn nàng cất lên. Đúng là tiếng đàn tuyệt vời của một bậc tài hoa. Nàng chơi những khúc tuyệt vời lừng danh trong thiên hạ:

Trước Nghê Thường sau thoát Lục Yêu

Những khúc nhạc ấy, nếu không phải là người thật sự của đất kinh kì, không được học hành cẩn thận, công phu, làm sao có thể chơi được? Thế mà người kĩ nữ này không những biết chơi, lại biết chơi ở mức độ tuyệt cao của tài nghệ.

Trong tiếng đàn có đủ muôn âm thanh của sự sống, từ tiếng rào của cơn mưa đổ mau, tiếng nỉ non của một tâm sự buồn, tiếng chim oanh riu rít trong hoa, tiếng suối chảy thầm thì, tiếng thác gầm dữ dội, cho đến cả những âm thanh ác liệt của chiến tranh.

Ngón đàn của nàng đã đạt đến kĩ xảo của những tay đàn bậc thầy. Tay nàng biến hóa khôn lường, nàng tạo nên những âm thanh kì diệu theo ý muốn, bốn sợi dây dưới tay nàng không còn chỉ là những sợi dây tơ mà chứa cả vũ trụ. Và kì lạ thay, cả khi cây đàn nàng im tiếng thì tình trạng vô thanh ấy còn có sức diễn tả hơn nữa.

Đúng người kĩ nữ này là một tay đàn tuyệt kĩ. Tiếng đàn của nàng như là hiện thân của chính nghệ thuật, của cái đẹp tuyệt vời, cái mà mỗi lòng người đều khát khao ước vọng. Nghe những tiếng đàn như thế thật là một hạnh phúc lớn trong đời, hạnh phúc được nhìn thấy cái tuyệt đối, cái đẹp hoàn hảo không tì vết.

Nhưng tiếng đàn đắm say kia cũng là tiếng đàn buồn đến xé lòng người. Tiếng đàn kia là sự gọi lại tất cả những gì mà một đời người đã phải đi qua: hi vọng, niềm mơ, hạnh phúc, khổ đau, chờ đợi và cả chán chường. Qua tiếng đàn, hẳn người kĩ nữ đã duyệt lại một quãng đời mình với bao nhiêu tươi xanh cùng bao nhiêu đông bão.

Những tiếng đàn như thế lại được tấu lên giữa một bến sông xacủa một miền Giang Châu u tịch, giữa những lau lách đìu hiu, bên một chiếu rượu để rồi người đi kẻ ở, dưới một ánh trăng thu đã xế. Ai trong tiệc ấy, nghe tiếng đàn mà chẳng bồi hồi cảm xúc.

Huống chi Bạch Cư Dị lại có một nỗi lòng riêng không ai chia sẻ. Cũng như người kĩ nữ tài hoa từ chốn kinh kì lưu lạc kia, ông là một tài hoa bị rẻ rúng, một phẩm giá bị lưu đày. Trong tiếng đàn ấy, hơn ai hết, nhà thơ cảm nhận được tâm sự của chính mình, thân phận của riêng mình.

Bạch Cư Dị đã tả được những tiếng đàn tuyệt vời. Nhưng tuyệt vời hơn chính là khi ông tả những tiếng đàn kia vừa dứt. Cảm thông được tiếng đàn đến thế, thật chỉ có tấm lòng của thi sĩ Bạch Lạc Thiên.

Nếu trong khúc đàn của người kĩ nữ có những chỗ ngừng lặng tuyệt vời thì bốn câu thơ trên, đặc biệt là hai câu sau, chính là chỗ ngừng lặng tuyệt vời giữa khúc Tì bà hành. Dừng lại, không nói gì cả về tiếng đàn, nhà thơ đã nói rất nhiều. Đọc tác phẩm, đến đây, người đọc phải ngừng lại, để ngẫm nghĩ, để cảm nhận cho hết cái dư vị của đời sống nghệ thuật, của điều kì diệu mà nhân loại vẫn gọi là thơ.

(Theo *Dàn bài tập làm văn 10*. Sdd. tr. 115)

Đề 75- Nhân vật văn học thường có tính cách và số phận. Thông qua tính cách và số phận nhân vật, nhà văn bày tỏ mối quan tâm sâu sắc của mình đối với con người và cuộc đời. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Ấn tượng của người đọc đối với một tác phẩm văn học bao giờ cũng bắt đầu từ nhân vật. Người đọc bao giờ cũng nhớ rõ nhất nhân vật ấy đi lại nói cười như thế nào trong tác phẩm và đặc biệt luôn nhớ rõ: cuộc đời nhân vật ấy ra sao, kết thúc câu truyện, nhân vật ấy có được như mình mong muốn hay không; thông qua nhân vật, nhà văn muốn gửi gắm điều gì...

Chính vì thế, đặc điểm của nhân vật văn học chính là:... Thường có tính cách và số phận. Thông qua tính cách và số phận nhân vật, nhà văn bày tỏ mối quan tâm sâu sắc của mình đối với con người và cuộc đời".

Tính cách là những đặc điểm riêng về cách hành động, cách nói năng, cách ứng xử của nhân vật đối với các nhân vật khác và đối với cuộc sống. Những tính cách tiêu biểu, đại diện cho một nhóm người nào đó, một tầng lớp nào đó được gọi là những tính cách điển hình. Đi cùng với tính cách là số phận. Số phận nhân vật là cuộc đời của chính nhân vật với những thăng trầm nhất định, những kết thúc nhất định.

Bất cứ nhân vật nào cũng có tính cách và số phận. Dù là nhân vật chính hay nhân vật phụ, nhân vật phản diện hay nhân vật chính diện, tất cả chúng đều để lại những dấu ấn nhất định trong lòng người đọc. Có nghĩa là, nó phải có tính cách và số phận riêng.

Đọc *Truyện Kiều*, người đọc không thể quên nhân vật tài hoa bạc mệnh Thuý Kiều, nhưng cũng không quên những Tú Bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh, Hồ Tôn Hiến bởi vì, chỉ bằng một vài câu thơ miêu tả tính cách như:

*"Nhác trông nhìn nhợt màu da
 Ăn chi cao lớn đầy đà làm sao"*

hay:

"Ghế trên ngòi tốt sở sàng"

rồi:

"Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình..."

Nguyễn Du đã đóng đinh các nhân vật ấy trong trí nhớ người đọc.

Tính cách nhân vật là hình thức nghệ thuật biểu hiện số phận nhân vật. Nhân vật có tính cách như thế nào sẽ tạo ra số phận nhân vật riêng biệt như thế ấy.

Lão Hạc và Chí Phèo là hai truyện ngắn của Nam Cao cùng viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng tháng Tám, nhưng tính cách và số phận Chí Phèo khác tính cách và số phận Lão Hạc. Lão Hạc là người nông dân hiền lành, lương thiện, sống có tình thương, có lòng tự trọng, lão Hạc chọn cái chết đầy thương tâm bởi vì không muốn mình trở thành kẻ tội tệ. Còn Chí Phèo, ban đầu cũng là một nông dân lương thiện nhưng chính hắn lại bán linh hồn mình cho bọn thống trị, trở thành tên tay sai đắc lực của Bá Kiến. Số phận của Chí Phèo là số phận của con người biến thành quỷ dữ, một số phận bị phụ thuộc. Chỉ khi thức tỉnh, Chí mới có quyền quyết định số phận của mình đầu cho đó là quyết định tự kết liễu đời mình.

Trong *Truyện Kiều*, tính cách đa cảm, tâm hồn nhạy cảm, vẻ đẹp và tài năng thiên phú hơn người của Kiều là một dự cảm về cuộc đời nhiều truân chuyên, sóng gió. Chính Nguyễn Du, trước số phận của nàng cũng phải thốt lên:

"Đau đớn thay phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung".

Tính cách quyết định số phận là như thế.

Nhưng nhà văn sáng tạo ra tính cách và số phận nhân vật không phải là để trưng bày. Mà "thông qua tính cách và số phận nhân vật, nhà văn bày tỏ mối quan tâm sâu sắc của mình đối với con người và cuộc đời".

Bởi lẽ: Tính cách nhân vật là kết quả của quá trình nhà văn quan sát, phân tích và khái quát hoá đời sống rồi đưa vào tác phẩm. Do đó, nhân vật, không gì khác hơn là hình ảnh của đời sống trong cách nhìn, cách đánh giá của nhà văn. Hay nói cách khác, "mối quan tâm sâu sắc của nhà văn" chỉ có thể thể hiện thông qua bản thân nhân vật. Qua tác phẩm văn học, qua nhân vật văn học, người đọc có thể nhận ra quan điểm, cách nhìn của người viết về con người và lĩnh vực đời sống mà họ phản ánh.

Nhà văn Ngô Tất Tố đã rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật văn học chị Dậu trong tiểu thuyết *Tất đén*. Chị là người phụ nữ đảm đang, tháo vát, yêu chồng, thương con nhưng cuộc sống lại vô cùng khắc nghiệt. Chị phải đấu tranh với xã hội để tìm kiếm nguồn sống cho gia đình. Tính cách và số phận của chị tiêu biểu cho hàng triệu triệu người phụ nữ Việt Nam lúc bấy giờ. Qua nhân vật chị Dậu, Ngô Tất Tố đã không chỉ thể hiện rõ thái độ tố cáo đối với xã hội áp bức, bóc lột con

người, tỏ lòng thương cảm sâu sắc trước những nỗi khổ của người nông dân mà còn, ngợi ca vẻ đẹp trong sáng, lương thiện, sức sống mạnh mẽ luôn hướng tới những điều tốt đẹp của người nông dân. Đó cũng chính là tư tưởng quy định việc miêu tả tính cách và số phận Chị Dậu- người phụ nữ trong chế độ thực dân nửa phong kiến- trong tác phẩm *Tắt đèn* của nhà văn. Như vậy, nhân vật văn học chính là tấm gương phản ánh sự quan tâm của nhà văn đối với đời sống. Đọc một tác phẩm người đọc vừa có thể nhận ra đề tài, chủ đề tác phẩm vừa có thể biết được những gì nhà văn yêu thương, căm ghét, biết được thái độ của nhà văn đối với những vấn đề của cuộc sống và hơn thế, biết được mình phải làm gì cho cuộc sống, con người. Đó chính là giá trị của tác phẩm văn học mà nhân vật văn học chính là hạt nhân, là cốt lõi là con đường để khám phá. Chúng ta sẽ mãi mãi đồng cảm với mâu thuẫn: "Chữ tài liền với chữ tai một vần" và "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" mà Nguyễn Du bày tỏ ở đầu và cuối *Truyện Kiều*. Tất cả cũng bởi vì tình yêu đối với nhân vật của mình và mong muốn nhân vật có được một số phận tốt đẹp hơn. Mong muốn ấy của thi hào cũng chính là mong muốn của con người mọi thời đại.

Nhân vật văn học, thông qua tính cách và số phận của mình là chiếc thuyền chở tất cả mọi nỗi niềm trên thế gian là vì thế.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Đề 75- Trong truyện kể dân gian Việt Nam, anh (chị) đã biết đến những tác phẩm nào có yếu tố kì ảo? Theo anh (chị) yếu tố kì ảo có vai trò như thế nào trong việc bộc lộ nội dung tác phẩm?

Bài làm

Trong văn học nói chung, yếu tố kì ảo chủ yếu có mặt ở các thể loại của văn học dân gian. Các thể loại văn học dân gian thường xuất hiện yếu tố kì ảo là thần thoại, truyền thuyết, sử thi và một bộ phận của truyện cổ tích. Đó là những tác phẩm như *Thần Trụ Trời*, *Sơn Tinh-Thủy Tinh*, *Truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thủy*, *Tám Cám*, *Đám San*... Trong mỗi thể loại, mỗi tác phẩm, yếu tố kì ảo có những vai trò khác nhau trong việc bộc lộ nội dung.

Ở thể loại thần thoại, yếu tố kì ảo là những nhân vật thần linh như thần Mưa, thần Sấm, thần Sét, thần Trụ Trời, Nữ thần Mặt Trăng, Nữ thần Mặt Trời... Nội dung chủ yếu của thần thoại là giải thích các hiện tượng tự nhiên, nên các vị thần đóng vai trò quan trọng và chủ yếu trong

quá trình hình thành các hiện tượng đó. Chẳng hạn trong chuyện *Thần Trụ Trời*, người Việt cổ cho rằng: ban đầu vũ trụ là một khối hỗn mang hỗn độn, tối tăm, lạnh lẽo. Từ cội hỗn mang ấy, thần Trụ Trời xuất hiện, Ông lấy đầu đội trời lên cao, dùng chân đạp đất thấp xuống. Sau đó ông lại đào đất, đá xây một cột trụ để nâng trời lên cao mãi. Khi trời đất đã cách xa hẳn nhau, trời lên thật cao, đất đã thật rộng thì ông phá cột chống trời đi. Những chỗ trên mặt đất mà Thần Trụ Trời đã đào đất lõm xuống thì biến thành ao, hồ, sông biển, những nơi đất đá văng ra khi phá cột trụ thì mặt đất nhô lên thành núi non, gò đồi. Chỗ giáp giới giữa trời và đất là chân trời.

Nếu trong thần thoại, yếu tố kì ảo đồng thời là nhân vật chính, thì trong các thể loại truyền thuyết, sử thi hay cổ tích yếu tố này chỉ đóng vai trò thứ yếu, hỗ trợ cho các nhân vật chính là con người trong nội dung cốt truyện. Trong những truyền thuyết như *An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy, Lạc Long Quân...*, yếu tố kì ảo chỉ như những "đường viền" xung quanh câu chuyện, giúp cho câu chuyện lịch sử được tiếp diễn và giúp nhân dân lí giải được các sự kiện, các chi tiết trong lịch sử. Đồng thời, yếu tố kì ảo thể hiện tình cảm ý chí, nguyện vọng của nhân dân đối với các nhân vật lịch sử. Chẳng hạn trong truyền thuyết "An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy" yếu tố kì ảo hiện hình trong vai trò của Rùa Vàng, giúp An Dương Vương xây thành, làm nỏ thần. Sau đó khi An Dương Vương thua chạy cùng đường, nhờ có Rùa Vàng, An Dương Vương lại được cứu thoát và rẽ nước đi xuống biển. Trong tâm thức của nhân dân, An Dương Vương trở thành bất tử. Đây chính là sự thể hiện lòng biết ơn của nhân dân đối với vị anh hùng dân tộc nhờ có yếu tố kì ảo.

Trong truyền thuyết *Thánh Gióng*, để lí giải chiến thắng kì diệu của dân tộc trước thế lực ngoại xâm, nhân dân đã tưởng tượng ra những chi tiết kì lạ như: bà mẹ mang thai sau khi uống nước ở một vết chân lạ; cậu bé đã ba tuổi mà không biết nói cười, bỗng nhiên trở thành một chàng trai cao lớn có sức khoẻ phi thường và diệt hết giặc ngoại xâm; đánh xong giặc, Thánh Gióng cùng ngựa sắt bay về trời... Tất cả những chi tiết ấy đều có sự có mặt, trợ giúp của yếu tố kì ảo.

Yếu tố kì ảo trong truyện cổ tích có vai trò khác với ở thần thoại và truyền thuyết. Truyện cổ tích chủ yếu nghiêng về lí giải các hiện tượng xã hội như những mâu thuẫn giữa giàu và nghèo, thiện và ác... Các yếu tố kì ảo xuất hiện trong truyện cổ tích chủ yếu là để khai thông cốt truyện giúp nhân dân lí giải các hiện tượng xã hội trên và thể hiện ước mơ công lí. Cụ thể là trong truyện *Tám Cám*, câu chuyện về cuộc đời Tám được diễn ra liên tục chính là nhờ có yếu tố kì ảo. Yếu tố kì ảo ban đầu xuất hiện dưới vai trò của ông Bụt. Khi nào Tám tủi thân ngồi khóc thì khi ấy

Bụt xuất hiện và giúp đỡ. Về sau, yếu tố kì ảo xuất hiện khó nhận biết hơn. Cứ một lần Tấm chết là một lần được tái sinh trong kiếp khác: hoá thành chim Vàng Anh, cây xoan đào, con ác trong khung cửi, trong quả thị và cuối cùng trở lại với hình hài con người xinh đẹp hơn xưa. Kết thúc có hậu ấy phù hợp với triết lí, với ước mơ, nguyện vọng của nhân dân: "ở hiền gặp lành".

Yếu tố kì ảo đã thực sự thể hiện được vai trò quan trọng của mình trong tác phẩm văn học dân gian. Nó không chỉ giúp cho nội dung tác phẩm thêm phong phú, hấp dẫn mà qua đó còn thể hiện ước mơ, khát vọng và trí tưởng tượng tuyệt vời của người xưa.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm sưu tầm)

Đề 76- Có người cho hình ảnh ngọc trai, nước giếng là biểu tượng của tình yêu chung thuỷ giữa My Châu và Trọng Thuỷ, người khác lại cho đó là sự hoá giải một nỗi oan tình. Anh (chị) hiểu thế nào về hình ảnh đó?

Bài làm

Đọc *An Dương Vương và My Châu, Trọng Thuỷ*, không ai có thể quên được hình ảnh đẹp đẽ, một kết thúc bi kịch nhưng hoàn mĩ cho câu chuyện là hình ảnh ngọc trai - nước giếng. Đó là chi tiết ngọt ngào cuối cùng đọng lại sau một bi kịch đau thương: bi kịch của âm mưu và tình yêu. Có người cho hình ảnh đẹp đẽ đó "là biểu tượng của tình yêu chung thuỷ", người khác lại cho đó là "sự hoá giải một nỗi oan tình". Những ý kiến khác nhau đó không phải là vô lí.

Câu chuyện tình My Châu, Trọng Thuỷ bắt đầu từ một âm mưu gián điệp. Trọng Thuỷ lấy My Châu ban đầu là do thực hiện âm mưu đen tối của người cha, đồng thời cũng là một vị vua đứng đầu một quốc gia. Lấy My Châu là để thực hiện nghĩa vụ của một người con với cha, một bề tôi đối với vua, một công dân với dân tộc. Mục đích cuối cùng của âm mưu ấy là lấy cắp được nỏ thần. Tình yêu của My Châu - Trọng Thuỷ có sau âm mưu ấy.

Vậy đó có phải là tình yêu chung thuỷ? Tình yêu của Trọng Thuỷ chỉ được nảy sinh trong quá trình chung sống với My Châu. Tình yêu ấy được nuôi dưỡng song song với ý đồ lấy cắp nỏ thần. Nhưng vì không phân định được đâu là chính, đâu là tà nên hấn quyết tâm thực hiện âm mưu của người cha. Âm mưu ấy đã mạnh hơn, ý thức về nghĩa vụ đã mạnh hơn và chiến thắng tình yêu. Có thể Trọng Thuỷ cũng hi vọng thực hiện được cả hai: hoàn thành nghĩa vụ và có được tình yêu nên trước khi chia tay hấn đã nói: "Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa mẹ cha

không thể dứt bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước bất hoà, Bắc Nam cách biệt, ta lại tìm nàng thì lấy gì làm dấu?". Song hần đã không hiểu một điều rằng không bao giờ có sự chung sống, sự dung hoà giữa chiến tranh phi nghĩa và hạnh phúc tình yêu. Trong hai điều ấy, hần buộc phải chọn một.

Và điều đó đã xảy ra. Khi hần thực hiện nghĩa vụ cũng có nghĩa là hần đã chọn chiến tranh phi nghĩa. Chỉ đến khi hần thực hiện xong nghĩa vụ, hần chiến thắng trên chiến trường và tình yêu không còn thì hần mới thấy được điều đó. Hần mới thấy rằng: không có tình yêu thì cuộc đời quá là vô nghĩa. Cái giá phải trả cho sự lựa chọn sai lầm là nỗi đau đớn tiếc thương, xót xa, ân hận khi mất đi người vợ mà hần rất mực yêu thương. Nỗi đau đớn, sự ân hận ấy luôn vò xé trong con người hần, hình ảnh My Châu luôn hiện hữu trong trái tim đau thương của hần, cuối cùng tất yếu hần phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Chỉ có như thế hần mới mong có được sự giải thoát.

Chính tình yêu có thực đã giúp Trọng Thuỷ không mất hần mà hoá hồn vào nước giếng. Khi đem ngọc trai - hình hài mới của My Châu - rửa nước giếng- nơi Trọng Thuỷ lao đầu tự vẫn, thì ngọc sẽ sáng hơn, đẹp hơn. Như vậy là cả hai đã đi trọn bên nhau cùng với tình yêu của họ. Trọng Thuỷ đã nhận được sự tha thứ của My Châu. Tình yêu đã tha thứ, đã hoá giải cho sự đau khổ, ân hận trong trái tim Trọng Thuỷ. Và ngược lại, My Châu đã có thể minh oan được cho mình, bởi chỉ có Trọng Thuỷ mới là người hiểu được nỗi oan khuất của nàng và hoá giải được bằng tình yêu. Đó là một hình ảnh hoàn bích cho một bi kịch tình yêu.

Hình ảnh ngọc trai - giếng nước sẽ mãi mãi là điểm sáng nghệ thuật của truyền thuyết An Dương Vương và My Châu, Trọng Thuỷ. Hình ảnh ấy sẽ còn mãi với thời gian, là bài học quý cho các thế hệ trẻ về cuộc sống và tình yêu về chiến tranh và khát vọng hạnh phúc.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm sưu tầm)

Bài làm số 2

Ai đã đọc *My Châu - Trọng Thuỷ*, hần sẽ biết đến biểu tượng "ngọc trai - nước giếng". Song, hiểu biểu tượng này như thế nào cho đúng? Đây là vấn đề đang còn nhiều tranh cãi. Có người cho rằng đó là biểu tượng của tình yêu chung thuỷ. Có người lại coi đó là sự hoá giải một nỗi oan tình.

Câu chuyện truyền thuyết này đã tồn tại bao đời nay. Đó là câu chuyện bắt đầu từ việc An Dương Vương xây thành. Nhờ được Rùa Vàng cho nỏ thần An Dương Vương đã đánh tan quân xâm lược Triệu Đà. Để dò la tin tức, Triệu Đà giả vờ cầu hoà, cho con trai Trọng Thuỷ sang cầu hôn

My Châu – con gái An Dương Vương, nhưng thực chất là để đánh cắp nỏ thần. Lợi dụng sự cả tin của My Châu, Trọng Thủy đã tráo được nỏ thần, và đem về cho cha.

Triệu Đà mang quân sang xâm lược. Cậy có nỏ thần An Dương Vương để cho quân giặc tới gần mới giao chiến. Khi phát hiện nỏ thần bị mất, An Dương Vương vội lên ngựa cùng với My Châu chạy ra khỏi thành. Nhớ lời hẹn, My Châu ngồi sau cha bứt áo lông ngỗng rải dọc đường. Trọng Thủy theo dấu lông ngỗng đuổi theo cha con An Dương Vương. An Dương Vương chạy ra phía biển, cầu xin Rùa Vàng giúp đỡ. Rùa Vàng hiện lên nói cho nhà vua biết: giặc ở sau lưng nhà vua. Vua liền vung gươm chém đầu My Châu. Trước khi chết My Châu nguyện: nếu tấm lòng nàng đối với Vua cha vẫn trong sáng thì sau khi chết xin biến thành ngọc trai. Máu My Châu chảy xuống nước, trai biển Đông ăn phải nên từ đó có hạt châu.

Còn Trọng Thủy, khi đuổi theo đến bờ biển, ôm xác My Châu về táng ở Loa Thành. Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, trầm mình xuống giếng tự tử.

Người xưa cho rằng lấy ngọc ở biển Đông rửa nước giếng, nơi Trọng Thủy tự tử, thì ngọc sẽ trong sáng thêm. Từ đó "ngọc trai – nước giếng" trở thành biểu tượng quen thuộc và gắn gũi với người dân Việt Nam.

Quan niệm thứ nhất cho đây là biểu tượng của tình yêu chung thủy. Bởi vì có yêu thương nhau, Trọng Thủy mới nhớ thương khôn cùng đến nỗi phải nhảy xuống giếng tự tử. Chỉ có điều, theo tôi, Trọng Thủy vẫn là kẻ đáng trách, đáng kết tội. Trọng Thủy đến cầu hôn My Châu trước hết vì ý đồ đen tối, chứ không phải vì một tình yêu trong sáng, lí do nền tảng của tình yêu đôi lứa; Trọng Thủy đã vì "việc nước" mà quên tình riêng, và chàng chỉ đóng vai trò một người "chồng hờ", một tên "gián điệp" đầy mưu mô. Có thể nói, Thủy là một kẻ nham hiểm.

Sau khi tráo được nỏ thần, Trọng Thủy nói dối My Châu về thăm cha, nhưng thực chất là để thực hiện mưu đồ thôn tính Âu Lạc. Âu Lạc mất thì My Châu đâu còn hạnh phúc? Cái chết của My Châu là tất yếu, và nguyên nhân cũng là do Trọng Thủy. Cho nên, nàng đã chết một cách oan ức.

Đoạn cuối, Trọng Thủy ôm xác My Châu về táng tại Loa Thành không phải là một hành động gì đặc biệt, mà là hành động rất bình thường. Nhưng dù sao đó cũng là một kết cục đau thương. Vì chiến tranh, vì tranh giành quyền lực mà đôi lứa ấy phải chia lìa. Cho nên, "ngọc trai – nước giếng" còn là biểu tượng của lòng nhân đạo.

Còn quan niệm cho rằng "ngọc trai- giếng nước" là sự hoá giải một nỗi oan tình? My Châu yêu và yêu hết mình, nàng quên mất cả cảnh giác;

tin hết mình, tin vào Trọng Thủy, tin vào sự hoà hợp kết thân giữa hai nước. Nàng lấy nỗ thần, báu vật của quốc gia cho Trọng Thủy xem mà không một chút nghi ngờ. Khi giặc đuổi, nàng lại rắc lông ngỗng dọc đường. Hành động này xét về phương diện nào đó rất đáng được thông cảm, đó là hành động của một người con gái yêu hết mình. Nhưng nàng lại yêu đến mù quáng, vì sự căm hận của nàng mà nước mất, đẩy cha đến chỗ cùng đường. Vì quá ngây thơ, nàng đã bị Trọng Thủy lợi dụng một cách triệt để. Rùa Vàng cho nàng là giặc, Vua cha chém đầu nàng không chút đắn đo. Nhưng cái chết của nàng là cả một nỗi oan. Nàng chết vì "tình yêu thành thật", nàng có tội gì đâu? Trước khi chết, nàng đã thề nguyện: "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch hại cha, chết sẽ biến thành cát bụi, nếu lòng trung hiếu thì chết sẽ biến thành châu ngọc". Lời nguyện đã linh nghiệm. Tấm lòng trong sáng của Mỵ Châu với Vua cha đã được trời đất chứng giám. Nàng chết vì oan tình, chết để chuộc tội, cũng là để thanh minh. Hành động tự vẫn của Trọng Thủy cũng là hành động góp phần hoá giải bớt nỗi oan ức cho Mỵ Châu. Việc "đem ngọc rửa nước giếng, ngọc càng sáng thêm" cũng mang ý nghĩa của sự hoá giải nỗi oan tình ấy, và mang cả ý nghĩa biểu trưng cho tình yêu đôi lứa.

Biểu tượng "ngọc trai – nước giếng" là một biểu tượng đẹp cho thơ ca bao đời. Tản Đà đã từng viết:

"Hạt châu nước giếng

Ngàn năm khói nhang".

Người đời sau luôn nhắc đến "ngọc trai – nước giếng" để tưởng nhớ, cảm thương người con gái "trái tim nằm chỗ để trên đầu", đồng thời cũng để thể hiện sự thành kính, trân trọng đối với câu chuyện lịch sử thiêng liêng này.

"Ngọc trai – nước giếng" vừa là biểu tượng của tình yêu chung thủy, vừa là sự hoá giải nỗi oan tình.

Có chung thủy với tình yêu, Mỵ Châu mới gặp nỗi oan mất mạng, có thấu hiểu nỗi oan của người yêu, Trọng Thủy mới trầm mình xuống giếng. Đây chính là bài học để đời mà người xưa muốn nhắc nhở con cháu đời sau.

Tóm lại, "ngọc trai – nước giếng" là biểu tượng của tình yêu chung thủy, đồng thời cũng là sự hoá giải nỗi oan tình. Nó thể hiện tấm lòng nhân hậu, độ lượng của người dân Việt Nam. Đó chính là sự gìn giữ của thế hệ trước truyền lại cho thế hệ hôm nay bài học lớn về tình yêu.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Xem cả hai bài viết trên đây mới thấy rằng: cách cảm thụ hình tượng "ngọc trai- giếng nước" không phải dễ dàng, và tất nhiên, không phải ai cũng giống ai.

Bài thứ hai, tuy còn nhiều chỗ diễn đạt chưa mạch lạc và lập luận cũng còn "ngây thơ", nhưng bạn ấy cũng đã cho ta thấy rằng cần phải có ý kiến riêng mới được.

Chúng ta cùng chúc cho bạn ấy ngày càng có những ý kiến xác đáng hơn, không phải chỉ về hình tượng "ngọc trai- giếng nước", mà còn về tất cả các hình tượng văn học khác nữa.

Đề 77- Học bài thơ "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão, suy nghĩ về lí tưởng của thanh niên hiện nay.

Bài làm

Trước chúng ta bảy thế kỉ, Phạm Ngũ Lão trong *Thuật hoài* đã bày tỏ lòng mình:

"Nam nhi vị liễu công danh trái

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu".

(Nam nhi chưa trả xong nợ công danh

Thẹn khi nghe dân gian bàn chuyện Vũ Hầu)

Đó là cái "thẹn" cao cả, cái "thẹn" của một con người ý thức hơn ai hết trách nhiệm của mình đối với giang sơn xã tắc.

Thế kỉ XVIII, Nguyễn Công Trứ cũng khẳng định thái độ sống ấy:

"Đã mang tiếng ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông".

Sau này, Phan Bội Châu cũng nhắc lại trong bài *Lưu biệt khi xuất dương*:

"Làm trai phải lạ ở trên đời

Há để càn khôn tự chuyển dời".

Vẫn là chí làm trai ấy, nhưng nội dung đã thấm đẫm hơi thở của thời đại: "Há để càn khôn tự chuyển dời". Như vậy, trong quan niệm của cha ông, chí làm trai không chỉ là lập công danh mà còn phải tham gia làm nên nghiệp lớn.

Ngày nay, con người của thế kỉ XXI quan tâm nhiều hơn tới tự do cá nhân, tới nhu cầu hưởng thụ và nhu cầu sáng tạo, nguyên tắc sống ấy có trở nên "lạc hậu"? Và lí tưởng, hoài bão của người thanh niên sau Phạm Ngũ Lão bảy thế kỉ, sau Nguyễn Công Trứ ba thế kỉ và Phan Bội Châu tròn một thế kỉ là gì?

Đất nước Việt Nam độc lập, dân tộc Việt Nam tự do. Nền tự do, độc lập mà thế hệ trẻ chúng ta đang được thừa hưởng hôm nay là kết quả của một quá trình đấu tranh để bảo vệ và dựng xây của cha ông suốt hơn bốn ngàn năm lịch sử và hơn một nửa thế kỉ đấu tranh oanh liệt vừa qua. Để những thành quả ấy mãi mãi vững bền, các thế hệ cháu con phải tiếp nối truyền thống ấy. Nói cách khác, mỗi thế hệ người Việt Nam hôm nay phải xác định trách nhiệm của mình. Và thế hệ có thể đóng góp nhiều nhất cho Tổ quốc, không ai khác, chính là thế hệ thanh niên.

Hơn nữa, đối với mỗi người, ai cũng mong muốn rằng sự tồn tại của mình trên thế gian này không phải là vô nghĩa, vì vậy, làm một điều gì đó có ý nghĩa đối với cuộc sống, đối với đất nước, quê hương là niềm vui, là một cách để khẳng định ý nghĩa và giá trị của mình. Đối với tuổi trẻ, điều ấy lại càng quan trọng. Con người càng khao khát tự do lại càng mong muốn được khẳng định mình. Đó phải chăng cũng là một quy luật? Và hành động khẳng định ý nghĩa của cuộc sống của mình cũng là một cách để lưu danh?

Thế hệ trẻ hôm nay đã có biết bao tấm gương làm rạng danh dân tộc trên trường quốc tế.... Và cũng có biết bao người lặng lẽ lao động để tạo dựng cuộc sống cho bản thân và cho mọi người xung quanh. Họ đã bằng cách riêng, cống hiến tài năng và sức lực để xây dựng đất nước ngày một đàng hoàng hơn, to đẹp hơn như mong ước của Bác Hồ kính yêu. Đó chính là lí tưởng, là hoài bão của thanh niên hiện nay.

Như thế, những gì mà Phạm Ngũ Lão bày tỏ trong *Thuật hoài* có gì khác hôm nay?

Theo tôi, lí tưởng ấy vẫn không thay đổi. Khác chăng chỉ là những định hướng, mục tiêu mà khát vọng hoài bão thời nay đang hướng tới: đó là khát vọng làm giàu chính đáng, là niềm say mê khoa học, ham muốn làm được nhiều việc tốt để cống hiến cho đất nước, cho dân tộc mình. Và đi liền với sự thay đổi mục tiêu ấy là những tấm gương, những mẫu người lí tưởng để thanh niên học tập và noi theo cũng đã thay đổi. Bây giờ, thanh niên không phải lập công danh theo gương Gia Cát Lượng mà quan trọng hơn, cần có những tấm gương mới để phấn đấu làm giàu cho Tổ quốc và cho gia đình mình.

Ngon lửa sống nhiệt thành trong trái tim mỗi thế hệ, trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định sẽ có những biểu hiện khác nhau, song tinh

thần cống hiến, khát vọng được khẳng định mình mãi mãi là khát vọng sống chân chính mà con người luôn hướng tới. Và tinh thần mà Phạm Ngũ Lão gửi gắm trong *Thuật hoài* không chỉ là tinh thần của con người một thời đại.

(Bài viết do cô giáo Hoàng Thị Tâm sưu tầm)

Đề 78- Phân tích bài thơ "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão.

Bài làm

Phạm Ngũ Lão sinh năm 1255 và mất năm 1320. Ông là một danh tướng đời Trần, có tài quân sự đánh đâu thắng đó, có công lớn trong việc chống quân giặc Nguyên - Mông.

Ông còn là một người yêu thích thơ văn, thơ của Phạm Ngũ Lão thể hiện nổi bật lòng yêu nước, ý thức đấu tranh để bảo vệ đất nước, chí khí của người trai thời loạn trong đời Trần, ba lần đánh tan giặc phương Bắc.

Có thể bài thơ *Thuật hoài* được Phạm Ngũ Lão viết sau cuộc kháng chiến chống quân Nguyên của Trần Quốc Tuấn thắng lợi với chiến thắng Bạch Đằng ?

Hai câu thơ đầu thể hiện khí phách đấng man nhi thời loạn:

"Hoành sóc giang san cáp kỉ thu,

Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu"

(Múa giáo non sông trải mấy thu,

Ba quân khí mạnh át sao Ngưu).

Hình ảnh "hoành sóc giang san" là một hình ảnh thật hùng tráng. Người chiến sĩ vung ngọn giáo để bảo vệ non sông đã trải qua mấy mùa thu rồi. Hình ảnh người chiến sĩ ở đây có tầm vóc của đất trời, khí thế hiên ngang, dũng mãnh lấn át cả sao Ngưu ("khí thôn Ngưu").

Tóm lại, hai câu thơ đầu đã thể hiện nổi bật hình ảnh hiên ngang bất khuất, có tầm vóc thật lớn lao được sánh cùng với trời đất của người trai thời Trần.

Hai câu cuối bài thơ nói lên nợ công danh:

"Nam nhi vị liễu công danh trái,

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu"

(Công danh nam tử còn vương nợ,

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu).

Nhà thơ cho rằng nam nhi chưa trả xong nợ công danh thì thẹn khi nghe người đời nói về chuyện Vũ Hầu. Cái "nợ công danh" ở đây chính là nợ nước, món nợ lớn đối với non sông, nhất là khi đất nước bị xâm lược, nhân dân sống trong đau đớn, tủi nhục. Cái "thẹn" của nhà thơ ở đây là biểu hiện cao độ ý thức, trách nhiệm của mình đối với non sông. Bởi vì Phạm Ngũ Lão là một danh tướng từng lập nên công nghiệp 'ớn, trả xong cái "nợ làm trai" nhưng vẫn chưa bằng lòng với chính mình mà còn muốn cống hiến nhiều hơn nữa vì Phạm Ngũ Lão tự so sánh mình với Khổng Minh Gia Cát Lượng thì ông thấy sự nghiệp của mình chưa đáng là bao, còn thua xa Khổng Minh nên ông hổ thẹn.

Như vậy hai câu thơ sau thể hiện tâm sự và hoài bão lớn lao, đồng thời thể hiện ý thức, trách nhiệm cao của nhà thơ đối với non sông, đất nước.

Với lời thơ thật hào hùng, hình ảnh đầy gợi tả, với một trái tim nồng nàn yêu nước, cùng với ý chí quyết tâm bảo vệ tổ quốc, Phạm Ngũ Lão trong bài thơ *Thuật hoài* đã thể hiện nổi bật cái khí thế hiên ngang, bất khuất, đầy sức mạnh của người trai thời Trần và bộc lộ niềm tâm sự hoài bão lớn lao của mình.

Bài thơ đã góp phần làm nổi bật chủ nghĩa yêu nước sáng ngời "hào khí Đông A" trong nền văn học cổ Việt Nam.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr.71).

Đề 79 - "Bạch Đằng giang phú" của Trương Hán Siêu đã gợi lên trong lòng người đọc Việt Nam bao đời nay một cảm hứng hào hùng và bi tráng về những chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta.

Anh (chị) hãy phân tích một số lời văn tiêu biểu trích chọn từ bài phú để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Bài làm

Trương Hán Siêu là một vị trọng thần của triều đại nhà Trần, vừa có tài về chính trị lại rất giỏi về văn chương. đương thời, ông là một nhân vật nổi tiếng, được nhà vua và nhân dân kính trọng. Lúc còn trẻ, đã từng là môn khách của Trần Hưng Đạo. Khi ông qua đời, vua Trần đã truy tặng tước Thiếu Bảo cho ông và ông được thờ ở Văn Miếu. Tác phẩm văn chương của ông lưu lại không nhiều. Nhưng với một *Bạch Đằng giang phú* cũng đủ để lại một dấu ấn muôn thuở trong lịch sử văn chương Việt Nam. Có nhà nghiên cứu nhận xét rằng: *Bạch Đằng giang phú* của

Trương Hán Siêu đã gọi lên trong lòng người đọc Việt Nam bao đời nay một cảm hứng hào hùng và bi tráng về những chiến công hiển hách trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta". ý kiến trên là hoàn toàn chính xác.

Ta hãy trở về với bài phú và chỉ cần dừng lại ở những đoạn, những câu tiêu biểu cũng đủ minh chứng cho nhận xét trên.

Bài phú được cấu trúc theo lối kể chuyện của hai giọng kể khác nhau: giọng của người "khách" đi viếng cảnh và giọng của các bô lão của vùng ven sông nhưng cả người khách ấy và các vị bô lão ấy, xét cho cùng, đều là sự phân thân của tác giả Trương Hán Siêu mà thôi.

Cảm hứng hào hùng và bi tráng trước hết được thể hiện qua cảm xúc của nhân vật "khách" khi đối diện với dòng sông Bạch Đằng lịch sử. Trước mắt người khách – và cũng chính là tác giả - hình ảnh một dòng sông mênh mông, vừa dài vừa rộng đang cuộn cuộn sóng. Màu nước, màu trời như hoà làm một, xanh biếc bao la, đẹp và thoáng đạt đến nao lòng:

"Bát ngát sóng kinh muôn dặm

Thuốt tha đuôi trĩ một màu

Nước trời: một sắc; phong cảnh: ba thu"

Nhưng khi nhìn vào hai bên bờ bãi chỉ thấy "lau lách" "san sát" chạy dài, tự nhiên một cảm giác hoang vắng bỗng dâng lên trong lòng tác giả:

"Bờ lau san sát, bến lách điều hiu"

Có ai biết rằng, chính nơi đây, cảnh chiến trường đã xảy ra thật quyết liệt: "Sông chìm, giáo gãy, gò đầy xương khô".

Nhà thơ đang hồi tưởng lại những chiến công hiển hách của dân tộc với một niềm tự hào, kiêu hãnh. Cũng niềm cảm hứng trước dòng sông lịch sử này, trong *Cửa biển Bạch Đằng*, Nguyễn Trãi viết:

"Ngạc chặt, kìm bãm non lồm chồm

Giáo chìm gươm gãy bãi giăng giăng"

Bạch Đằng giang đã trở thành địa danh lịch sử. Tên tuổi của Ngô Quyền đánh tan quân Nam Hán, của Lê Hoàn phá Tống, Trần Quốc Tuấn đánh bại quân Nguyên – Mông... mãi mãi in bóng xuống lòng sông lịch sử này. Thật đúng như lời ca của các bô lão:

"Sông Đằng một dải dài ghê,

Sóng hồng cuộn cuộn tuôn về bể Đông.

Những người bất nghĩa tiêu vong,

Nghìn thu chỉ có anh hùng lưu danh"

Nhưng bên cạnh niềm cảm hứng hào hùng, tác giả - "khách" cũng không giấu nổi một tâm trạng buồn thương, tiếc nuối, ngậm ngùi:

*"Buồn vì cảnh thảm,
Đứng lặng giờ lâu.
Thương nỗi anh hùng đâu vắng tá,
Tiếc thay dấu vết luống còn lưu"*

Nỗi hoài niệm này chính là vì nghĩ đến sự hi sinh xương máu của biết bao anh hùng, nghĩa sĩ đã vì nền độc lập của Tổ quốc, vì sự tồn vinh của dân tộc mà sẵn sàng ngã xuống. Nỗi buồn đó cũng chính một biểu hiện của lòng biết ơn sâu sắc đối với bao thế hệ anh hùng của dân tộc. Nỗi buồn cho hành trình xây dựng và bảo vệ đất nước mình. Đúng là "bi" mà "hùng", "bi" mà "tráng" vậy.

Cảm hứng hào hùng và bi tráng đó còn biểu hiện trong lời kể chuyện của các bộ lão với "khách". Đoạn văn kể về chiến công của "Trùng Hưng nhị thánh bắt Ô Mã", của "Ngô chúa phá Hoàng Thao". Nhưng chủ yếu là kể về chiến tích của "Trùng Hưng nhị thánh". Lời kể mang đậm chất anh hùng ca, giọng điệu sảng khoái, hào hùng. Từ lúc ra quân đến lúc chiến thắng biết bao nguy kịch đã phải trải qua. Ta mạnh nhưng địch cũng hung bạo vô cùng. Nhưng nhờ đất hiểm, tướng tài, đức cao, quân lính anh dũng nên cuối cùng ta đã chiến thắng vẻ vang:

*"Đến nay, nước sông tuy chảy hoài,
Mà nhục quân thù khôn rửa nổi.*

...

*Tiếng thơm còn mãi.
Bia miệng không mòn"*

Suy ngẫm về những chiến công oai hùng của một thời đã qua, các bộ lão cũng ngậm ngùi không khác gì "khách" viếng cảnh:

*"Đến chơi sông chừ ử mặt
Nhớ người xưa chừ lệ chan"*

Đó là một cách nhìn, cách đánh giá lịch sử rất đúng đắn, rất phù hợp với quan điểm của chúng ta ngày nay. Bởi không có chiến công nào mà không gắn với những mất mát, hi sinh.

Vừa tự hào vừa thương tiếc, đó là mạch cảm xúc chủ đạo của bài phú, từ đó tạo nên một cảm hứng hào hùng và bi tráng trong lòng độc giả bao đời nay mỗi khi đọc lại bài phú về sông Bạch Đằng. Đó cũng chính là giá trị vĩnh hằng của một tác phẩm văn học đích thực.

(Dẫn theo *Những bài làm văn chọn lọc 10*, Sdd, tr.52, có sửa chữa)

Hướng dẫn đọc

Bài viết đã chứng minh được cảm hứng hào hùng và bi tráng của bài phú qua việc phân tích một số dẫn chứng tiêu biểu, biết vận dụng những kiến thức về lịch sử, về tác giả ở mức độ vừa phải và cần thiết làm cho bài thêm sức thuyết phục.

Bài có bố cục rõ ràng, hợp lí. Luận điểm, luận cứ phân minh. Văn phong sáng sủa, mạch lạc...

Tuy nhiên, câu văn hơi khô; ít gợi cảm.

Hãy suy nghĩ để có giọng văn nhiều cảm xúc hơn để bài viết thành công hơn.

Đề 80- Phân tích bài thơ "Cảm hoài" của Đặng Dung.

Bài làm

Nói đến thơ văn Lí – Trần, ta phải nói đến nội dung chủ đạo của nó là chủ nghĩa yêu nước. Nội dung này đã bao trùm văn học suốt năm thế kỉ và trở thành chủ đề lớn nhất, nguồn cảm hứng trữ tình lớn nhất. Bên cạnh rất nhiều tác phẩm nổi tiếng về chủ đề yêu nước, ta phải nhớ đến Đặng Dung với một bài thơ duy nhất nhưng đã làm rung động tâm hồn độc giả bao thế kỉ, đó là bài *Cảm hoài*.

Bài thơ bộc lộ nỗi lòng của tác giả. Nỗi lòng ấy là nỗi lòng của một con người yêu nước, lo đời, muốn giúp nước mà không gặp thời vận để thoả sức vẫy vùng thực hiện chí lớn. Chính vì vậy bài thơ thấm đượm cảm xúc trữ tình bi tráng tự ngay hai câu thơ đầu:

"Thế sự du du nại lão hà,

Vô cùng thiên địa nhập hàm ca"

Thấm trong từng ý từng lời của câu thơ là nỗi buồn về cuộc đời của tác giả: "Việc đời dang dở mà ta già rồi, biết làm sao đây". Câu thơ như một lời than, một câu hỏi đầy xót xa, cay đắng. Thời gian đã không ủng hộ nhà thơ. Ông đã già rồi vậy mà việc đời, việc nước cứ dang dở trôi đi. Chẳng chờ đợi ai. Tuổi già đã làm ông bất lực trước thế sự, có lẽ chính nỗi buồn đó đã đưa tác giả vào những cuộc rượu hát nghêu ngao. Nhưng mà nhà thơ làm như vậy không phải để lãng quên tất cả và càng không phải muốn mặc sự đời. Ông vào các cuộc rượu hát chẳng qua vì ông quá uất hận khi thấy mình bất lực, không giúp gì được cho đời. Hơn nữa, lời ca của ông không mang cái tầm thường mà trong đó có cả cái mệnh mông vô tận của trời đất. Điều đó cho chúng ta thấy được chí lớn lao của tác

giả. Từ nỗi buồn đau của chính mình, nhà thơ đã rút ra một triết lí nhận xét về sự thành bại trong cuộc đời:

"Thời lai đồ điều thành công dị

Vận khứ anh hùng ẩm hận đa".

Lời thơ đầy tràn nỗi đắng cay, uất hận. "Đã gặp thời thì anh hùng thật, người câu cá cũng dễ làm nên công lớn. Chứ vận đã hết thì anh hùng cũng chỉ uống nhiều hận mà thôi"! Một triết lí thật đau xót nhưng có lẽ nó vẫn đúng đến đời sau. Và ở đây, chính tác giả là người anh hùng lỡ vận ấy: người anh hùng đã không may mắn gặp thời vận để có cơ hội mang sức mạnh, tài trí của mình ra cứu nước, giúp đời, nay thời vận đã qua, tuổi già cũng vừa đến, người anh hùng (tác giả) chỉ còn biết nuốt hận, bó tay trước thời cuộc mà thôi. Đặng Dung có những ước mong thật lớn lao:

"Trí chủ hữu hoài phù địa trực,

Tẩy binh vô lộ vân thiên hà".

Người ôm mộng lớn đã "những muốn giúp chúa nâng trục trái đất, muốn rửa giáp binh nhưng không có lối để kéo tuột sông ngân hà xuống". Hình ảnh thơ kì vĩ làm sao. Tác giả mong muốn được mang sức mình xoay chuyển thời thế, giúp chúa đánh giặc góp phần đem lại nền thái bình cho nhân dân, đất nước. Ước mong lập công ấy thật cao quý và nó cũng là mục đích của những người nam nhi thời bấy giờ. Lập công chính là làm nên sự nghiệp lớn với đời, giúp ích cho đất nước. Có như vậy, người nam tử mới được lưu danh sử sách. Ước muốn lập nên sự nghiệp lớn, có được công danh là khao khát muôn đời của biết bao nam nhi. Biết bao lời thơ đã bày tỏ khát vọng đó. Ca dao đã có câu:

"Làm trai cho đáng nên trai

Xuống Đông, Đông tinh, lên Đoài, Đoài yên"

Người anh hùng Phạm Ngũ Lão trong bài thơ "Thuật hoài" cũng đã viết:

"Công danh nam tử còn vương nợ,

Luống thẹn tai nghe chuyện Vũ Hầu".

Như bao người nam nhi, Đặng Dung cũng có những khát vọng lớn lao muốn cứu nước nhưng ông đã không thể thực hiện được:

"Quốc thù vị báo đầu tiên bạch

Kỉ độ long tuyên đài nguyệt ma"

Câu thơ là nỗi xót xa vô tận của nhà thơ vì lực bất tòng tâm, sự nghiệp lớn mà sức không làm nổi. Ông buồn vì "thù nước chưa báo xong

mà đầu tóc đã sớm bạc". Ông dường như cảm thấy mình có lỗi vì chưa trả xong nợ công danh mà sự nghiệp cứu nước cũng lỡ dở. Ông như trách mình vì đã không làm tròn sứ mệnh của một người nam nhi đối với đất nước đang bị lâm nguy. Có được tấm lòng như vậy đã là quý lắm rồi, tuy lực bất tòng tâm mà người anh hùng vẫn không chịu bó tay thì điều ấy còn đáng khâm phục hơn rất nhiều. Chí khí của người anh hùng muốn chống lại quy luật khắc nghiệt của tạo hoá. Ông không bị luy trước hoàn cảnh mà vẫn nuôi hừng tâm tráng chí, vẫn có khát vọng thực hiện ý nguyện diệt thù cứu nước. Câu thơ cuối đã khắc hoạ nên hình ảnh đẹp đẽ xiết bao. Người anh hùng bao đêm không ngủ, mài gươm dưới bóng nguyệt. Người anh hùng ấy vẫn luôn trăn trở nghĩ về việc nước dù đã bạc mái đầu. Hình ảnh con người ấy lồng lộng giữa trời khuya bao la dưới ánh trăng vàng vạc. Thanh gươm báu hay chí khí lớn lao của con người ngày càng được tôi luyện sắc bén hơn, vững vàng hơn. Hình ảnh người anh hùng xiết bao cao đẹp ấy sẽ khắc sâu vào tâm hồn những người đã đọc bài thơ *Cảm hoài*.

Về bài thơ này, Lí Tử Tấn đã nhận xét: "Phi hào kiệt chi sĩ bất năng" (không phải kẻ sĩ hào kiệt thì không làm nổi). Với giọng điệu bi tráng, bài thơ đã bày tỏ tấm lòng cao quý của tác giả với đất nước và cũng chỉ con người anh hùng như vậy mới thà nhảy xuống sông tự vẫn chứ không chịu đầu hàng giặc Minh xâm lược. Con người ấy hùng vĩ biết bao, cao đẹp biết bao dù đang lâm cảnh mặt vận, thất thế.

Nguyễn Thanh Hưng

Trường PTTH Amsterdam, Hà Nội

(Theo Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10. Sđd, tr. 80).

Đề 81- Phân tích các sắc thái tình cảm khác nhau của Thuý Kiều qua đoạn trích Những nỗi lòng tê tái (Trích "Truyện Kiều" – Văn học 10, tập một).

Bài làm

Từ ngày bán mình để cứu cha và em, cuộc đời nàng Kiều chuyển qua giai đoạn đầy giông bão. Biết bao nỗi đau liên tiếp đã dội xuống người con gái tài hoa và đức hạnh này. Nỗi đau khi phải trao duyên cho Thuý Vân, khi bị Mã Giám Sinh lừa đảo, khi bị Tú Bà đánh đập và buộc phải tiếp khách làng chơi và còn bao nhiêu nỗi đau khác nữa, kéo dài suốt mười lăm năm trời.

Ta hãy cùng Nguyễn Du lắng nghe tâm sự của nàng Kiều khi nàng rơi vào cạm bẫy của Tú Bà. Nàng tự bộc bạch cảnh ngộ trở trêu chua xót, đau đớn của mình:

"Khi tỉnh rượu, lúc tàn ca",

Giật mình, mình lại thương mình xót xa"

Từ một cô gái khuê các, nét na, vừa sống trong cảnh "phong gấm rủ là" nay bỗng trở thành một cô gái lầu xanh để cho "bướm chán ong chường" thì không tủi nhục sao được? Nàng tự ví mình như một cánh hoa rơi giữa đường đã bị bao bàn chân vũ phu giẫm nát: "Giờ sao tan tác như hoa giữa đường". Nàng giật mình là phải. "Giật mình" vì thấy ghê tởm cho cái cảnh trụy lạc nơi chốn lầu xanh. "Giật mình" hay rùng mình vì tấm thân mà mình đã "gìn vàng, giữ ngọc" cho Kim Trọng, bây giờ đành phải để cho khách làng chơi giày vò. Trong ý thức, nàng tự tách mình ra khỏi cuộc sống bản thủ, ô uế đó:

"Mặc người mưa Sở, mây Tần,

Riêng mình nào biết có xuân là gì!"

Sống trong chốn lầu xanh, nàng chẳng khác gì con cừu non trước nanh hổ đói. Nỗi buồn đến tê tái luôn xâm chiếm hồn nàng, khiến nàng có lúc như vô cảm trước cái đẹp của thiên nhiên, "phong, hoa, tuyết, nguyệt" cũng chẳng còn ý nghĩa gì với tâm hồn đa cảm của nàng nữa, bởi "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Cũng có lúc nàng buộc phải thể hiện tài năng "Cầm, kì, thi, họa" của mình để thoả mãn sự hiếu kì của khách. Những lúc ấy, nàng phải đóng kịch, phải tự dối mình, phải sống giả tạo, phải tươi cười niềm nở để vừa lòng khách và cũng là để vừa lòng chủ. Nàng phải vui, nhưng "vui là vui gượng kéo là". Đằng sau "kéo là" có thể là một trận lôi đình hoặc ít ra là một cơn thịnh nộ. Nàng không thể chống lại hiện thực phũ phàng đó, dẫu nàng rất ghê tởm, rất căm ghét cái địa ngục trần gian này. "Ai tri âm đó mặn mà với ai?". Làm gì có ai là "tri âm" "tri kỉ" ở đây. Nàng cảm thấy mình sẽ mòn mỏi đi theo năm tháng. Thề xác bị đầy đoạ đến tan nát, tâm hồn bị đau đớn đến quần quại, càng nghĩ ngợi nhiều càng thấy bế tắc, đành "ôm lòng" vậy. Ruột gan rối như tơ vò:

"Chẳng vò mà rối, chẳng dần mà đau"

v.v...

Càng tủi nhục cho bản thân mình, nàng càng nhớ thương cha mẹ, tuổi cao sức yếu, thiếu bàn tay săn sóc của mình. Công cha mẹ dưỡng dục sinh thành sâu nặng mà mình chưa đền đáp được gì. Đó cũng là nỗi khổ tâm mà nàng chỉ biết tự trách mình vậy. Nàng đúng là một con người có đức vị tha, bản thân mình thì đang bị đầy đoạ nhưng lại luôn lo nghĩ đến

những điều bất hạnh của người khác. Nghĩ đến cha mẹ, rồi lại nghĩ đến chàng Kim. Không biết Thuý Vân đã thay mình để đáp nghĩa cho Kim Trọng chưa? Không biết chàng có thấu hiểu cho cảnh ngộ của mình không? Đúng là:

*"Mối tình đòi đoạn vò tơ,
Giấc hương quan luống lẫn mơ canh dài".*

Thương mình, thương cha mẹ, thương chàng Kim. Một mình vò vò nơi phương trời, biết làm sao được, mà thời gian cứ trôi đi một cách lạnh lùng:

*"Song sa vò vò vô phương trời,
Nay hoàng hôn đã lại mai hôn hoàng"*

Nàng có cảm giác là số mệnh buộc nàng phải như vậy. Nàng đã có tên trong đoạn trường mà Đạm Tiên – một hồn ma - đã báo cho nàng biết sau cái buổi đi thanh minh về. Thôi đành cam chịu !

*"Đã cho lấy chữ hồng nhan,
Làm cho cho hại cho tàn cho cân.
Đã dầy vào kiếp phong trần,
Sao cho sỉ nhục một lần mới thôi"*

Âu đó cũng chỉ là một cách mà nàng – và cả Nguyễn Du nữa đã cắt nghĩa cho nỗi đoạn trường của mình. Chấp nhận định mệnh nghiệt ngã của số phận như Nguyễn Du đã tuyên ngôn từ đầu tác phẩm:

*"Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu,
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.
Lạ gì bỉ sắc tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen"*

Có lẽ trong đời, một cô gái thông minh, tài hoa, có ý thức về cuộc sống, về nhân phẩm của mình mà lại phải sa vào lầu xanh để cho khách làng chơi hưởng lạc, tưởng không có gì đau đớn và tê tái hơn. Nỗi lòng tê tái đó đã được Nguyễn Du tái hiện cực kì xúc động như chính nỗi đau của ông.

Hướng dẫn đọc

Người viết tỏ ra nắm vững vấn đề, đã phân tích được một số sắc thái tình cảm chính của Thuý Kiều sau khi bị Tú Bà bắt buộc phải tiếp khách.

Có một vài ý kiến khai thác khá sâu, diễn đạt khá chuẩn xác.

Có những liên tưởng với một số khía cạnh của nội dung Truyện Kiều như phân tích quan niệm định mệnh của Nguyễn Du ở đoạn cuối, làm cho bài viết có thêm sức nặng.

Thao tác phân tích khá, diễn đạt được. Tuy nhiên, vẫn còn có một vài câu văn hơi cứng, từ ngữ chưa thật tinh tế, sức gợi cảm còn ít.

Khắc phục những thiếu sót trên, bạn có thể suy nghĩ: nếu viết lại, bạn sẽ thay đổi những chi tiết nào của bài?

(Theo Những bài làm văn văn chọn lọc 10, Sdd, tr.149)

Đề 82- Phân tích bài thơ "Độc Tiểu Thanh kí" của Nguyễn Du.

Bài làm

Bài thơ hay khi đọc lên ta chỉ thấy tình người. Dư âm của *Độc Tiểu Thanh kí* còn để lại trong ta một nét cảm về cái đẹp của tình yêu và lòng trân trọng. Đọc bài thơ ta nhận ra sự "vô hình" của câu chữ và cái hữu hình vô hạn của tình người và tình đời. Đó là lòng yêu, sự cảm thông, là nỗi đau, nỗi sầu vạn kỉ, là tiếng lòng tê tái xót thương của một người tài tử dành cho người nghệ sĩ. Nó như một mối dây liên hệ, giao hoà linh hồn với trái tim. *Độc Tiểu Thanh kí* chính là tấm lòng Nguyễn Du đã thực sự trần trở, khổ đau cho cái tài, cái sắc bị chà đạp mà Tiểu Thanh là một điển hình.

Bài thơ mở đầu bằng cách đưa ra một tứ thơ: vườn hoa bên Hồ Tây giờ đã trở thành một bãi hoang rồi. Câu thơ thoáng chút chua xót nhẹ nhàng:

"Hồ Tây cảnh đẹp hoá gò hoang"

Bằng giác quan nghệ thuật, ta nhận ra một vườn hoa với sắc hương và hình dáng. Cái đẹp chi phối, choán ngập tâm hồn ta. Một nét ngơ ngàng trước vẻ diệu kì của thiên nhiên, tạo hoá. Trong bộn bề lo toan đời thường, ta vẫn dành một chút thời gian để thưởng thức và tận hưởng hương thơm. Cái đẹp ấy tưởng chừng là sự trường tồn và vĩnh cửu. Thế nhưng trải qua thời gian, cái đẹp lại tàn theo năm tháng. Vườn hoa bình yên, êm ả đã trở thành một bãi hoang phế, trở lại tiêu điều. Nó chỉ để lại một chút dấu ấn trong lòng người mà thôi! Nuối tiếc, thương xót mà pha chút ngậm ngùi. Nguyễn Du đã mượn sự biến đổi của thiên nhiên mà ngụ ý sự biến đổi không lường của cuộc đời, con người. Đó là sự ý thức về cái vô hạn của trời đất với cái hữu hạn của con người. Nó gợi lên sự tàn lụi không thể nào tránh khỏi cho một kiếp người, cho hồng nhan. Và Nguyễn

Du đau xót! Câu thơ không chỉ có ý nghĩa cho sự mở đầu, giới thiệu sự việc mà chính là cảm xúc của nhân vật trữ tình:

"Thổn thức bên song mảnh giấy tàn"

Một khung cửa sổ tương thông lòng người với vũ trụ, tương thông lòng người với tình người. Bên những mảnh thơ tàn của một tài hoa bị vùi dập, Nguyễn Du cảm nhận và thổn thức đau thương. Ông muốn lưu giữ tất cả, níu kéo tất cả nhưng cuối cùng chỉ còn là sự tàn tạ. Cái để gợi cho lòng người thi sĩ thì đau có nhiều mà tình thì mệnh mỏng, vô hạn, Nguyễn Du đã khóc Tiểu Thanh – khóc nàng qua một tập sách nhỏ. Lòng Nguyễn Du mệnh mỏng mà sâu lắng quá! Khoảng cách của không gian và thời gian không thể ngăn cách, cản trở tấm lòng của ông. Vượt qua tất cả, Nguyễn Du đã tìm đến cái tài, cái đẹp và trân trọng nó:

"Son phấn có thần chôn vẫn hận,

Văn chương không mệnh đốt còn vương"

Câu thơ dịch gói trọn được cả tiếng lòng Nguyễn Du. Cảm xúc trước phần di cảo một tài năng, Nguyễn Du cảm nhận được cả cái tình Tiểu Thanh. Nỗi oan nàng phải gánh chịu là nỗi oan của thế kỉ, nỗi sầu vạn kỉ. Dưới tuổi vàng, Tiểu Thanh chắc còn đau đớn, u uất v.v... Nỗi đau ai oán của nàng còn sâu sắc, mạnh mẽ hơn nhiều khi cả linh hồn nàng cũng bị huỷ diệt.

"Văn chương không mệnh đốt còn vương"

Bàn tay chế độ phong kiến huỷ diệt tất cả. Nguyễn Du thoáng một chút động lòng mà nghe đã tê tái, tang thương. Người có tài văn chương thì bạc mệnh như cái thuyết "tài mệnh tương đố" trong Truyện Kiều của ông. Đó là quy luật, là hiện thực phũ phàng mà quyền làm người không thể chấp nhận. Phi lí, độc ác hơn là số phận của những áng văn thơ. Chúng có tội tình gì đâu mà phải trở thành tro bụi? Nhưng có phải đó là tấm lòng Tiểu Thanh, là chút lòng của một người con gái. Thể xác nàng dưới tuổi vàng nhưng linh hồn còn trú ngụ nơi trần gian. Linh hồn ấy là tâm sự, là nửa cuộc đời còn ẩn mãi trong mỗi trang thơ. Tại sao thể xác bị diệt vong thì linh hồn cũng bị huỷ tàn? "Son phấn" và "văn chương" là sắc đẹp, tài năng của Tiểu Thanh. Đó là cái đẹp toàn mĩ. Nhưng xã hội phong kiến đâu có chấp nhận nó nên tài tử đành nuốt hận nơi tuổi vàng. Với chúng ta những người đời sau hôm nay còn tiếc, còn thương Tiểu Thanh nhiều lắm! Nhưng với Nguyễn Du, đó còn là sự trân trọng tài năng, gián tiếp gợi nên sự căm ghét, khinh bỉ những gì chà đạp lên tài năng đó. Nguyễn Du khóc Tiểu Thanh chứng tỏ ông đã hiểu nàng nhiều lắm v.v... Ở một nơi xa, Nguyễn Du đang hướng về nơi ấy – nơi ấy có một người con gái tài sắc mà oan khổ lưu li. Tiếng thơ đọc lên nghe ăm ỉu, đồng cảm vậy thôi nhưng chao ôi v.v... nó như một tiếng nấc, tiếng nghẹn

đến tức lòng. Nó như thét như gào muốn xã hội phải trả lại quyền tự do cho cái tài và cái mĩ. Nhưng biết làm sao đây? Câu thơ tiếp theo đau đớn, tuyệt vọng:

*"Nỗi hờn kim cổ trời không hỏi,
Cái án phong lưu khách tự mang"*

Mỗi hận cổ kim chính là mỗi hận tài·hoa bị vùi dập. Đó là vấn đề muôn thuở tự ngàn xưa. Nó luôn đau đáu, trăn trở trong lòng Nguyễn Du. Từ một số phận cụ thể, Nguyễn Du khái quát lên một vấn đề muôn đời. Nó có ý nghĩa xã hội sâu sắc. Cái chính là một hiện thực – một sự thật phũ phàng mà không ai có thể lí giải được. Ở đây có sự phát triển của tư tưởng Nguyễn Du. Ông đã mất niềm tin vào cái mệnh trời:

*"Thâm độc chung hỏi trời
Trời cao biết đâu mà hỏi"*

Câu thơ tuyệt vọng vô cùng. Trời cao đâu có thấu hiểu tình ta? ta cất lên lời hỏi mà cuối cùng thì chìm hút, tan loãng ra không gian mệnh mang. Nguyễn Du thương Tiểu Thanh lắm! Ông muốn giải oan cho nàng dầu nàng đã khuất. Nhưng sâu hơn, Nguyễn Du còn khao khát muốn xã hội này không còn ai phải như Tiểu Thanh. Cái tài và sắc đẹp phải được trở lại đúng với giá trị của nó, không ai có quyền phủ nhận. Nhưng hiện tại, sự thực hoàn toàn khác. Người tài tử buộc phải chấp nhận cái "án phong lưu" mang nặng tình nhân thế. Mỗi oan của kẻ phong nhã thật lạ lùng. Bị kịch ấy từ lâu đã dành cho những tâm hồn nhạy cảm, dễ rung động trước cái đẹp và đồng cảm với nỗi khổ đau của người khác. Nguyễn Du cũng nhận thức được mỗi "phong vân kì oan" của mình. Nhưng Nguyễn Du không sợ mà ông đau xót: đau xót cho mình và cho người. Cảm nhận điều đó, ông đã tự xếp mình cùng hội cùng thuyền cùng trang cùng lứa với những người tài tử, với cả những người con gái. Đó là một tấm lòng biết vượt lên ý thức chế độ phong kiến, một tâm hồn nhân đạo sâu sắc. Ý thức về "cùng một lứa bên trời lận đận" của Nguyễn Du đã giúp ông xoá nhoà được ranh giới bậc thang trong xã hội và nhường lại đó là một sự cảm thông giữa con người với con người. Ở một khía cạnh, ta trân trọng mà đồng thời cũng kính trọng Nguyễn Du biết bao.

Trước số phận của Tiểu Thanh, Nguyễn Du nâng cảm xúc của mình lên thành lòng thương một lớp người trong xã hội, thế rồi, ông trở lại lòng mình mà: "Giật mình mình lại thương mình xót xa". Hai câu thơ cuối như xoáy chặt vào lòng ta một nỗi đau trước nỗi tuyệt vọng của một trang tài tử. Câu kết Nguyễn Du dành cho chính mình bằng một câu hỏi lớn. Điều đó phù hợp với tâm lí con người. Nguyễn Du xót xa trước một thân phận hồng nhan chính là rơi lệ trước số phận mình đó! Nhưng như thế thì chưa đủ. Bởi lẽ "điều quan trọng là với cảm hứng trung thực của một

nhà thơ lớn, từ chỗ thương khóc cho sự oan uổng của những kiếp tài hoa, Nguyễn Du đã tiến đến chỗ vạch ra được – một cách không tự giác – những đặc trưng bản chất của xã hội thời ông. Đó là sự chà đạp lên mọi nhân phẩm, sự tha hoá của mọi tính cách, sự tan rã của mọi giá trị cao đẹp" (Nguyễn Huệ Chi):

*"Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"*

(Thơ chữ Hán)

Lời thơ như vừa tuyệt vọng vừa hi vọng, vừa cô đơn, vừa tìm kiếm. Nguyễn Du muốn tìm một tấm lòng tri kỉ để thông cảm cùng mình "khấp Tố Như" không hẳn chỉ là khóc mà nó tức tưởi, ảm ức, nức nở. Khóc vì hiểu tận cùng nỗi đau, tận cùng nỗi xót. Nỗi đau ấy hơn một lần ông đã đau, với Tiểu Thanh. Nhưng biết đến bao giờ...bao giờ... Nguyễn Du đã bao lần từng trần trở: "Thiên hạ thù nhân liên bạc mệnh" hay "Thiên hạ hà nhân liên độc tỉnh" v.v... Tấm lòng Nguyễn Du còn thấu đến ngàn đời. Nhưng có lẽ giờ đây, trang tài tử đã yên lòng nhắm mắt.

Độc Tiểu Thanh kí – một bài thơ - một tấm lòng – một nét đẹp trong cách nhìn và cách nhận của Nguyễn Du đối với một người con gái có tài sắc. Trải qua thág năm, cái tình của Nguyễn Du vẫn còn nóng bỏng, vẫn tươi nguyên mà dồn nén lòng ta. Nhưng với một Nguyễn Du trong *Độc Tiểu Thanh kí* ta còn thấy ở ông một nỗi niềm, một sự trần trở về mình và niềm khát khao được mọi người cảm thông.

Nguyễn Du – một tấm lòng thương đời, thương người vô hạn.

Hướng dẫn đọc

Trong bài, người viết đã nắm được các ý chính cần khai thác, phân tích kĩ các câu thơ, ý thơ. Khi cảm nhận, phân tích bài thơ, người viết có sự rung động và hoà nhập về cảm xúc.

Phần sau phân tích tốt hơn; lời phân tích đúng và khá hay, dẫn văn cũng khá.

Ý liên hệ "nhưng có lẽ giờ đây trang tài tử đã yên lòng nhắm mắt" có thể phát hiện thêm một chút cho rõ hơn, thoả đáng hơn.

(Theo Những bài làm văn chọn lọc 10, Sdd, tr.182)

Đề 83- Phân tích đoạn thơ "Nỗi nhớ nhung sâu muộn của người chinh phụ" (sách Văn học 10, tập một).

Bài làm

Chinh phụ ngâm khúc, tác phẩm chữ Hán nổi tiếng của Đặng Trần Côn mang dấu ấn của thời đại, đã gây tiếng vang lớn trong cuộc sống xã hội. Lời dịch thanh thoát, uyển chuyển, mượt mà của nữ sĩ Đoàn Thị Điểm đã góp phần không nhỏ làm cho tác phẩm có một vị trí trong đời sống tinh thần của các tầng lớp nhân dân và trong lịch sử phát triển của văn học dân tộc.

Chinh phụ ngâm khúc thành công trong việc miêu tả nỗi khổ của người phụ nữ có chồng đi chiến đấu nơi xa trong cuộc chiến tranh phong kiến. Toàn bộ khúc ngâm là lời tự bày tỏ tâm tình thiết tha, sâu sắc, qua đó toát lên tinh thần oán ghét chiến tranh, khao khát sống trong hoà bình, hạnh phúc của người phụ nữ. Sức mạnh nghệ thuật của tác phẩm tập trung miêu tả tình cảnh, tâm trạng đau khổ của người chinh phụ trong cảnh cô đơn. Đoạn trích trong sách giáo khoa *Văn học 10*, tập một. Nỗi nhớ nhung sâu muộn của người chinh phụ có những nét tiêu biểu cho nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

Nỗi nhớ nhung, sâu muộn được biểu hiện bằng bức tranh thiên nhiên lạnh lẽo, thê lương với những âm thanh buồn bã, náo nùng:

"Sương như búa, bổ mòn gốc liễu

Tuyết dường cửa, xẻ héo cành ngô

Giọt sương phủ, bụi chim gù

Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi"

Cảnh vật ở đây dữ dội quá: sương thì bổ mòn còn tuyết thì xẻ héo. Cách dùng từ mạnh này diễn tả người chinh phụ thấy thiên nhiên trở nên ác nghiệt. "Sương như búa, bổ mòn gốc liễu" hay bổ mòn trái tim người chinh phụ?

Bác Hồ của chúng ta cũng có những câu thơ rất hay, rất mạnh nói về sự khắc nghiệt của thiên nhiên:

"Gió sắc tự gươm mài đá núi

Rét như dùi nhọn chích cành cây"

Câu thơ của Bác chủ yếu nói đến sự khắc nghiệt của thiên nhiên đối để nêu bật sức mạnh tinh thần của con người. Còn ở đoạn thơ này, Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm miêu tả sự khắc nghiệt của thiên nhiên để nói lên sự buồn khổ, héo hắt, vò xé trong trái tim con người. Phải có sự đồng cảm đối với nhân vật trữ tình như thế nào mới viết được như vậy, mới

làm cho ngoại cảnh trở thành tâm cảnh và câu thơ tả cảnh mới day dứt lòng người đến vậy? Có thể nói cách tả cảnh để ngụ tình của tác giả trong đoạn này đã đạt tới đỉnh cao của nghệ thuật.

"Giọt sương phủ, bụi chim gù"

Đến đây ấn tượng cảm xúc của câu thơ có kém mạnh hơn nhưng nỗi buồn vẫn cứ thấm đượm trong từng câu, từng chữ:

"Sâu tường kêu vắng, chuông chùa nện khơi"

Câu thơ mang một nét đặc trưng của nghệ thuật cổ điển: lấy cái động để tả cái tĩnh, tả tiếng sâu, tiếng chuông để tả cái tĩnh lặng mênh mông của đêm và nỗi cô đơn, âm thầm của người chinh phụ. Nỗi buồn như tan ra, như không mất đi. Sâu tường vang ra một âm thanh lạnh lùng, đơn điệu như cửa vào nỗi buồn. Còn tiếng chuông chùa đột nhiên vang lên một tiếng rồi tắt lịm, tiếng chuông đưa hồn người ra xa, rồi chìm vào đêm mênh mông, lặng lẽ làm hồn người ta lạc mất, chỉ còn lại một mình người phụ nữ trong không gian tối tăm, yên lặng, rộng lớn với nỗi buồn khổ âm thầm, sâu thẳm, vô tận.

Vấn biện pháp nghệ thuật tả cảnh để tả tình, khung cảnh thiên nhiên ở khổ thơ sau cũng không kém phần buồn thảm, tác động vào tâm não của con người.

Cũng vẫn chỉ là những cảnh vật lẻ loi, buồn tẻ, lạnh lẽo:

"Vài tiếng dế, nguyệt soi trước ốc"

Nếu có một hình ảnh mạnh mẽ thì nó chỉ biểu hiện sự phũ phàng của thiên nhiên:

"Một hàng tiêu gió thốc ngoài hiên"

Ngon gió ngoài kia như thốc vào tâm tư con người. Hình ảnh ngon gió xuyên "lay động lá màn" làm ta nhớ đến một tứ thơ của Lí Bạch:

"Gió xuân có biết chi nhau"

"Cớ sao lại lọt vào sau lá màn?"

Ở đây, người thiếu phụ thấy lá màn lay động như bởi một bàn tay vô hình. Điều đó làm cho nàng chạnh lòng, tủi phận, nhìn ra ngoài nàng đã thấy:

"Bóng hoa theo bóng nguyệt lên trước rèm"

Hoa và trăng lộng lẫy, quán quýt:

"Hoa giãi nguyệt, nguyệt in một tấm"

Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông"

Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng"

Ánh trăng càng lộng lẫy hơn khi rớt xuống hoa, hoa càng tươi thắm hơn khi nở đón ánh trăng. Sự kết hợp biện pháp nghệ thuật điệp ngữ và liên hoàn đã tạo nên những câu thơ đẹp tuyệt vời. Đẹp không phải chỉ vì tả cảnh đẹp mà đẹp vì diễn tả một tâm trạng thực: niềm khao khát hạnh phúc rạo rực và liền sau đó là nỗi đau, nỗi đau khôn xiết.

Nếu như ở phần đầu đoạn, thiên nhiên là sự phụ hoạ với tâm trạng, bào mòn thêm tâm não thì ở cuối đoạn, thiên nhiên trái ngược với tâm trạng như kêu gọi, như trêu ngươi. Hai cảnh đối nghịch nhau nhưng cùng thống nhất làm tăng thêm nỗi nhớ nhung sâu muợn của người chinh phụ.

Tác giả và dịch giả đã thành công trong việc diễn tả tâm trạng nhân vật trữ tình. Tác giả đặt nhân vật trữ tình trong khung cảnh không gian và thời gian có ý nghĩa phúng dụ. Hình ảnh ước lệ, tượng trưng được tạo dựng bằng những từ ngữ có hồn đã khắc hoạ sâu sắc tâm trạng nhân vật bằng biện pháp tả cảnh, ngụ tình. Đoạn trích có sức cuốn hút, lay động mạnh mẽ, làm cho người đọc hiểu và thông cảm sâu sắc với số phận và nỗi bất hạnh của người thiếu phụ trong *Chinh phụ ngâm khúc* cũng như với bao phụ nữ khác vì chiến tranh mà phải xa chồng và phải sống trong cô đơn, trong sự lo buồn, đợi mong mòn mỏi.

Hướng dẫn đọc

Bài viết về cơ bản đạt được những yêu cầu của đề. Phần đặt vấn đề đã giới thiệu khái quát được tác phẩm và đoạn thơ. Phần kết thúc vấn đề cũng đã khái quát được giá trị nội dung của đoạn thơ (tuy nhiên cần nói rõ hơn nữa nội dung của đoạn thơ và nêu bật hơn nữa giá trị nhân bản, nhân văn của đoạn thơ).

Bài đã chỉ ra những từ ngữ, hình ảnh có sức diễn tả mạnh nhất, phân biệt được các biện pháp nghệ thuật, đã biết sử dụng phương pháp đậm nhạt trong phân tích, đã cố gắng vận dụng thao tác so sánh, liên tưởng (như liên hệ đến thơ Bác, thơ Lí Bạch v.v...) Tuy nhiên, trong đoạn kết, người viết có nhắc đến biện pháp "phúng dụ" nhưng không nói rõ về biện pháp này trong quá trình phân tích.

Lời văn nói chung khúc chiết, đảm bảo tính chính xác, khoa học, nhưng không lạnh lùng.

Tuy nhiên, cần nâng cao hơn nữa tính truyền cảm, sức khơi gợi. Đây là một yêu cầu cần chú ý và phần đầu đạt được khi phân tích thơ nhất là phân tích một đoạn thơ giàu chất trữ tình như đoạn thơ này.

(Theo Những bài làm văn chọn lọc 10, Sdd, tr.121)

Đề 84- Tấm lòng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đối với Tổ quốc qua *Hịch tướng sĩ*.

Bài làm

Nếu được trở về với lịch sử, sống những ngày tháng sục sôi của đất nước những năm 1285, ắt hẳn chúng ta sẽ cảm nhận sâu sắc hơn nỗi lo và tấm lòng của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn trong *Hịch tướng sĩ*.

Bài hịch đã thuyết phục người đọc không chỉ bằng những lí lẽ và lập luận sắc bén mà còn bởi những cảm xúc chân thành và mạnh mẽ của người đứng trước vận mệnh nguy nan của dân tộc lúc bấy giờ. Vì thế, mặc dù là một bài chính luận, nhưng xuyên suốt trong bài là hình tượng nhân vật "ta"- chủ thể sáng tạo nên tác phẩm.

Mở đầu bài hịch là nỗi đau trước cảnh đất nước bị lũ giặc dày xéo: "Ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan; ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ..." Câu văn thấm đẫm cảm giác xót xa, đau đớn. Đó là nỗi đau của con người trước cảnh đất nước mình, làng quê mình đang bị giặc dày xéo, vua tôi, bạn bè, người thân bị nhục mạ...Nỗi đau riêng hoà trong nỗi đau chung làm thành lòng căm thù ngàn ngút. Cảm xúc ấy làm cho lời văn thêm phần thuyết phục.

"Ta thường tới bữa quên ăn nửa đêm vỗ gối ruột đau như cắt nước mắt đầm đìa. Chỉ căm tức rằng chưa xả thịt, lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng vui lòng".

Vừa yêu nước thương dân đến rơi lệ, vừa căm thù quân giặc đến tím ruột bầm gan. Hình ảnh vị chủ tướng hiện lên thật đậm nét: ngày đêm thao thức, lo lắng cho vận mệnh đất nước, lúc nào cũng sôi sục khí thế chiến đấu: "Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa ta cũng cam lòng". Mỗi chữ như một lời thề thiên liêng, một quyết tâm sắc nhọn. Đó không chỉ là nghệ thuật, đó chính là tấm lòng, là tiếng nói của chính trái tim đang rung lên những nhịp đập căm thù đối với quân thù đang dày xéo mảnh đất của tổ tiên.

Cũng bằng tiếng nói của trái tim, Hưng Đạo Vương đã phân tích rõ thái độ thờ ơ vô trách nhiệm, thói cầu an hưởng lạc trong mỗi tì tướng mà nói rộng ra là trong mỗi con người thời Trần trước hoạ xâm lăng: "Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết then, làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc thái thường để dãi yến nguy sứ mà không biết căm...".

Hưng Đạo Vương đã chỉ rõ hai mặt của một vấn đề: những được và mất, những đúng và sai, tất cả nhằm vào một mục đích duy nhất là: tiêu diệt "những tên địch trong ta". Đó không chỉ là bài học đối với các tướng sĩ mà còn là thái độ tự răn mình một cách nghiêm khắc. Nó thể hiện cái "nhục", cái "thẹn", cái "lo" của một nhân cách lớn.

Tấm lòng trung quân, ái quốc ấy là động lực giúp ông nhìn xa trông rộng, biên soạn *Bình thư yếu lược* để dạy các tướng lĩnh, để "người người đều giỏi như Bàng Mông, nhà nhà đều là Hậu Nghệ", để có thể giữ yên bờ cõi trước các thế lực xâm lăng. Như vậy, tình cảm yêu nước với ông không chỉ là lòng căm thù mà còn phải là ý thức trách nhiệm đối với tổ quốc, không phải chỉ của một người mà phải là của tất cả mọi người. Chính vì vậy, khơi dậy lòng căm thù trong quân sĩ, chỉ rõ mối liên hệ sống còn giữa lợi ích cá nhân với lợi ích dân tộc, động viên tinh thần học tập, rèn luyện, tạo ra mối đoàn kết trong nhân dân chính là hành động, là trách nhiệm cũng là tấm lòng của người dũng tướng đối với đất nước.

Kết thúc bài hịch, ông đã trải lòng mình trước ba quân tướng sĩ: "Ta viết bài hịch này để các người biết bụng ta". Chính điều ấy, chứ không phải là những lập luận sắc bén với lối nói ngoa dụ, thậm xưng kia làm nên sức thuyết phục lớn lao của *Hịch tướng sĩ*. Bởi lẽ, chỉ có tấm lòng mới đến được với tấm lòng.

Hịch tướng sĩ đã trở thành một bản hùng ca của dân tộc, khơi gợi tinh thần chống giặc ngoại xâm, là tiếng nói của hoài bão quyết tâm giữ vững chủ quyền lãnh thổ chính bởi vì đó là tiếng nói của một trái tim hết lòng vì đất nước: Trần Quốc Tuấn.

(Bài viết do cô giáo Hoàng Thị Tâm sưu tầm)

Đề 85- Chất hào hùng trong "Bình Ngô đại cáo" của Nguyễn Trãi.

Bài làm

Không phải ngẫu nhiên mà *Bình Ngô đại cáo* được người đời sau mệnh danh là áng "thiên cổ hùng văn". Đọc *Bình Ngô đại cáo*, người đọc được quay trở lại thế kỉ XV đầy hào khí. Có được sức mạnh ấy chính là bởi trong *Bình Ngô đại cáo*, chất hào hùng luôn thấm đẫm trang văn. "Hào hùng" có nghĩa là "có khí thế mạnh mẽ, sôi nổi". Và như vậy, chất hào hùng trong *Bình Ngô đại cáo* chính là sự biểu hiện khí thế mạnh mẽ, sôi nổi một cách đậm nét.

Khí thế mạnh mẽ, sôi nổi ấy hiển hiện suốt chiều dài tác phẩm, bắt đầu từ hoàn cảnh ra đời thật đặc biệt của bài cáo, thấm đẫm trong từng câu chữ, hình ảnh, cả những dư âm không bao giờ dứt khi kết thúc.

Bình Ngô đại cáo ra đời trong một hoàn cảnh vô cùng trọng đại của lịch sử dân tộc. Trải qua cuộc kháng chiến mười năm gian khổ "nằm mặt nằm gai" của cuộc khởi nghĩa Lam sơn, cuối cùng cũng dành được thắng lợi làm chủ đất nước. Thay mặt Lê Lợi, Nguyễn Trãi, vị quân sư số một của triều đình, trở thành người được Lê Lợi giao cho trọng trách viết *Bình Ngô đại cáo* bá cáo cho toàn dân biết sự thắng lợi của quân ta. Như vậy, ngay hoàn cảnh ra đời, *Bình Ngô đại cáo* đã mang chất hào hùng rõ nét. Nó thể hiện cho niềm vui của nhân dân, là bản Tuyên ngôn độc lập của dân tộc và là bản Tuyên ngôn nhân quyền sâu sắc. Niềm vui, khí thế sôi nổi ấy được Nguyễn Trãi thể hiện rõ nét hơn trong nội dung tác phẩm.

Mở đầu *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi nêu lên luận đề nhân nghĩa và đi vào chứng minh cho luận đề ấy bằng truyền thống độc lập tự chủ và anh hùng của tổ quốc ta, dân tộc ta:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo
Như nước Đại Việt ta từ trước
Vốn xưng nền văn hiến đã lâu*

Đó là thái độ ngợi ca nhưng đồng thời là thái độ khẳng định chủ quyền và nền độc lập dân tộc: Quốc gia Đại Việt là quốc gia có Quốc hiệu, có nền văn hiến, có lãnh thổ, phong tục, tập quán riêng.

Từ đây, Nguyễn Trãi đưa người đọc trở về với lịch sử nước nhà. Đó là lịch sử đấu tranh bảo vệ nền độc lập, bảo vệ bờ cõi. Từ truyền thống ấy, Nguyễn Trãi đưa đến cho người đọc những chứng cứ thuyết phục hơn qua việc kể lại quá trình mười năm gian khổ của quân dân ta chống quân Minh xâm lược. Chất hào hùng được Nguyễn Trãi chuyển tải bằng ngôn ngữ hào sảng, giọng văn danh thép, khi vạch trần tội ác của kẻ thù xâm lược, khi biểu đạt một lòng căm thù sục sôi trong huyết quản. Khi Lê Lợi dựng cờ khởi nghĩa quyết dành lại độc lập cho dân tộc thì người người ủng hộ. Để rồi, khắc phục mọi khó khăn gian khổ, giành được những thắng lợi to lớn. Bằng lối văn biến ngẫu, tác giả diễn đạt niềm vui thắng lợi, khí thế tiến công bằng những trận thắng liên tiếp, những từ ngữ miêu tả sức mạnh thần tốc của quân ta:

*"Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay"...*

Hay:

*"Đánh một trận sạch không kình ngạc
Đánh hai trận tan tác chim muông"...*

....

Và những thất bại thảm hại của quân địch:

*"Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía
Lí An, Phương Chính nín thở cầu thoát thân"...*

Bằng kế sách "tâm công", quân ta đã toàn thắng

Thủ pháp đối lập trong việc miêu tả thế chiến thắng của quân ta và đà thất bại của quân địch là yếu tố làm nổi bật hơn chất hào hùng trong *Bình Ngô đại cáo*.

Kết thúc bài cáo là tương lai rạng rỡ của một quốc gia độc lập tự chủ:

*"Xã tắc từ đây vững bền
Giang sơn từ đây đổi mới
Càn khôn bĩ mà lại thái
Nhật nguyệt hối mà lại minh
Muôn thuở nền thái bình vững chắc
Ngàn năm vết nhục nhã sạch lâu"...*

Âm hưởng hào sảng còn vang vọng mãi trong lời văn. Những từ miêu tả sự vững bền: "càn khôn", "nhật nguyệt", "muôn thuở", "ngàn năm"... là sự khẳng định danh thép nhất, tự hào nhất thành quả của thắng lợi dưới lá cờ nhân nghĩa và độc lập tự chủ.

Bắt nguồn từ niềm tự hào dân tộc, từ sức mạnh làm nên chiến thắng, chất hào hùng trong *Bình Ngô đại cáo* đã trở thành một biểu tượng tinh thần của một thời đại đấu tranh bảo vệ chủ quyền của quốc gia Đại Việt.

Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi chính là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc ta.

(Bài viết do cô giáo Hoàng Thị Tâm sưu tầm)

Đề 86- Trình bày hiểu biết của anh (chị) về tư tưởng nhân nghĩa của thi hào Nguyễn Trãi thể hiện qua áng "thiên cổ hùng văn" Bình Ngô đại cáo.

Bài làm

Các nhà phê bình sẽ chẳng quá khó khăn để tìm hiểu một nhà thơ Nguyễn Trãi phong tình, trong trang thơ, "Cầm đuốc chơi đêm bởi tiết xuân" (Trích cảnh, 6), một tấm lòng yêu nước "Đêm ngày cuộn cuộn người triều đông" (Thuật hứng, 5). Và thiết nghĩ, sẽ chẳng ai quên Bình Ngô đại cáo khi nhắc tới một Uất Trai. Điều kì diệu là chính tác phẩm được viết ra trước hết để làm một đại cáo, một văn kiện lịch sử, lại đã được nhìn nhận như một hùng văn, đưa tác giả lên hàng đầu trong số các tác gia văn học của một "nước Đại Việt ta lấy văn hiến giữ nước" (Ngô Thì Nhậm). Phải chăng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi, một tâm tư tưởng vượt quá sức chứa của "đêm trường trung cổ" đã góp phần lớn nhất làm nên sự kì diệu ấy?

Lẽ dĩ nhiên, tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi trước tiên vẫn là một sự kế thừa. Vì hiển nhiên là khái niệm nhân nghĩa với nội dung cơ bản của nó, đã có nguồn gốc từ Nho giáo.

Tuy nhiên, nếu như tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chỉ là sự thay bình, đổi vỏ mà vẫn là rượu cũ thử hỏi làm sao có hình ảnh rất đẹp của một triết gia trong người nghệ sĩ ấy? Tôi còn nhớ khá rõ và thực sự thấy kì lạ trước sức sống của một bài ca dao:

"Câu thơ ba chữ rành rành

Chữ trung, chữ hiếu, chữ tình là ba

Chữ trung thì dễ phân cha,

Chữ hiếu phân mẹ, đôi ta chữ tình"

Dường như có một sự tương giao giữa cốt cách của nhân vật trữ tình trong bài ca trên với tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chăng? Vẫn biết sự so sánh ấy quá ư khập khiễng thì chúng ta vẫn thấy sự vượt mẫu, phá khuôn rất đẹp trong câu ca và sự phát huy tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi đều gợi cho ta tới một sức sống Việt Nam mãnh liệt lắm. Với Uất Trai, nhân và dân đã xích gần và hòa hợp hơn bao giờ hết, ông đã có thể thấy được cái nhân trong những kiếp người mà ta vẫn gọi là dân đen, kẻ "mạnh lẹ". Và cũng hợp lí thôi khi chữ nghĩa của Nguyễn Trãi là những việc làm vì dân mà không tư lự, dấn đo lợi thiệt bản thân. Thiết nghĩ đây đâu chỉ là sự sáng tạo đơn thuần mà hẳn là bước chuyển về chất

trong tư tưởng. Phạm Văn Đồng đã rất tinh tường sâu sắc khi nói về Ưc Trai: "triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi chẳng qua là lòng yêu nước, thương dân (v.v...)". Cũng như ai đó viết: "Triết thuyết nào cũng chỉ để cứu rỗi cái tệ của một thời mà thôi. Muốn đánh giá một triết thuyết thì phải đặt vào thời của nó (v.v...)". Nguyễn Trãi thuộc vào số người được lịch sử đặt lên vai trách nhiệm cứu lấy một dân tộc đang trong họa diệt chủng của ngoại xâm. Trong hoàn cảnh ấy, nhân nghĩa, yêu nước thương dân là phẩn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt bạo tàn, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân.

Yêu nước thương dân nên trong người anh hùng nặng trĩu một niềm đau cho nỗi thống khổ của tầng lớp đông đảo nhất trong xã hội – tầng lớp "dân đen", "con đỏ". Lần đầu tiên trong văn học trung đại ta bắt gặp những hình ảnh miêu tả chân thực đến vậy:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"

Không, xin chớ nghĩ rằng đây là đôi ba nét phóng đại trên nền bút pháp ước lệ. Lịch sử còn ghi rõ lắm những tội ác, bạo hình dã man của quân giặc mà dân ta phải chịu: rút ruột người treo lên cây, phanh thây phụ nữ có thai, nấu thịt người lấy dầu thắp trống quân, nướng sống người làm trò vui, đập mồ tập thể làm kỉ niệm v.v... Nào "dân đen", nào "con đỏ" đã đi vào từng trang của Đại cáo với những vết thương còn hằn lên trong nỗi đau mất nước:

"Người bị ép xuống biển lồng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập, thuồng luồng

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc"

Rồi cũng chính tình yêu lớn ấy cháy lên thành lòng căm thù những kẻ cuồng bạo "thừa cơ gây hoạ". "Thiên triều" (Trung Hoa) vẫn tự hào về một ông đế như mặt trời, một cõi giang sơn của những kẻ cao quý giữa bốn bề toàn những man di thì Nguyễn Trãi lại cho thấy chính bọn chúng mới là hình ảnh của một lũ quỷ man di, mọi rợ:

"Thằng há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán"

Khi mà sự chịu đựng không còn đủ cho những đau đớn lớn đến vậy, lòng căm thù sẽ bùng nổ. Nguyễn Trãi bằng những hình ảnh liên tiếp đã lột tả sinh động và sâu sắc tội ác chồng chất của giặc Minh:

"Vét sản vật, bắt dò chim trả, chốn chốn lưới chăng,

Nhiều nhân dân, bắt bầy hươu đen, nơi nơi cạm đặt"

Và lòng căm thù ấy như căng lên tới đỉnh điểm khi tội ác của giặc đã động tới cả những cội linh thiêng tôn nghiêm của vũ trụ khiến người và thần đều phẫn uất:

"Bại nhân nghĩa nát cả đất trời

Nặng thuế khoá sạch không đầm núi"

Nếu như trong *Hịch tướng sĩ* lòng căm thù được Trần Quốc Tuấn khắc hoạ ở nỗi nhục của kẻ: "làm tướng triều đình phải hầu quân giặc mà không biết tức, nghe nhạc Thái Thượng để đãi yến ngụy sứ mà không biết căm", nhằm khơi lên ý chí dân tộc, lòng yêu nước thì Nguyễn Trãi hoàn toàn đứng trên lập trường của dân tộc và nhân dân để tố cáo chủ trương cai trị thâm độc và tội ác của giặc v.v...

Yêu nước thương dân nên người anh hùng nung nấu hi vọng cứu dân cứu nước:

"Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông

Cổ xe cầu hiền, thường chăm chăm còn dành phía tây"

Trong những năm tháng khó khăn của cuộc khởi nghĩa, khi mà con đường chiến thắng còn mịt mù giữa chốn bể khơi, khi mà "lương hết mấy tuần", "quân không một đội" thì sự trần trọc, trần trở, bồn chồn hơn bao giờ hết càng canh cánh trong lòng Nguyễn Trãi:

"Đau lòng, nhức óc, chốc đã mười mấy năm trời,

Nếm mật, nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kĩ"

Một nỗi niềm như thế chắc chắn không thể có một xuất phát điểm nào khác hơn là tình yêu nóng bỏng và sâu nặng với nước với dân, là nỗi đau khôn tả của người vong quốc, là lòng khát khao được báo quốc thù.

Rồi cũng chính yêu nước, thương dân đã khiến Nguyễn Trãi sung sướng phấn khích khi cuộc chiến đấu đi gần đến chiến thắng hoàn toàn. Chiến công dồn dập chiến công:

"Ngày mười tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu,

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh bại trận tử vong,

Ngày hăm tám, thượng thư Lí Khánh cùng kẻ tỵ vẫn".

Nguyễn Trãi với giọng kể liên hồi, sung sướng miêu tả thật sống động cái khí thế hưng hực của nghĩa quân; niềm vui thấm vào từng câu chữ tưởng như cuốn theo nhịp trống trận, nhịp quân đi, tiếng vó ngựa. Không còn những hình ảnh vương vấn bi thương. Lời cáo, tới đoạn này đâu đâu cũng rạng ngời tin tức thắng:

"Hẹn đến giữa tháng mười diệt giặc"

Và khi chiến thắng đã tới, ta thấy rõ hơn bao giờ hết yêu nước thương dân chính là trong lí tưởng an dân của Nguyễn Trãi. Giặc đã hàng nhưng tàn quân của chúng vẫn đó. Hơn nữa trong chiến tranh đã mất đi bao sinh mạng, kể xiết bao những cảnh goá bụa, mồ côi tang tóc v.v... Không! Không thể chất chồng thêm đau khổ được nữa! Chữ nhân của nhà nhân đạo ấy hiện lên, lớn đẹp xiết bao:

"Ta lấy tàn quân là hơn để nhân dân nghỉ sức"

Nếu có điều gì còn muốn được nói thêm về lòng nhân nghĩa thì phải chăng điều ấy chính là niềm vui lớn trước chiến thắng của cuộc khởi nghĩa. Sau cơn bĩ cực, "giang sơn từ đây đổi mới", Nguyễn Trãi không giấu nổi niềm vui sướng, xúc động trước đại thắng:

"Than ôi:

Một côi nhưng y chiến thắng, nên công oanh liệt ngàn năm"

Chữ xô vào chữ, niềm hạnh phúc tự nó căng trào ra, không còn bó hẹp trong cái hữu hạn của ngôn từ:

"Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật

Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay"

Rồi:

"Sĩ khí đã hăng

Quân thanh càng mạnh"

Và lại nữa:

"Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận, sạch không kình ngạc

Đánh hai trận tan tác chim muông"

Yêu nước – thương dân, cái nghĩa lớn lao ấy đã làm nên những chiến thắng huy hoàng, oanh liệt; đánh tan tác đạo quân xâm lược tuy

hùng cường nhưng bất nhân bất nghĩa. Cái thảm bại khủng khiếp của quân thù:

"Lạng Giang, Lạng Sơn, thây chết đầy đường

Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước"

Chỉ thêm phần điểm rõ cho thế thắng tất yếu của nghĩa quân:

"Nổi gió to quét sạch lá khô

Thông tổ kiến phá toang dê vỡ"

Và cái bi, cái thê lương của cảnh chiến trường đã làm cho:

"Ghê gớm thay, sắc phong vân phải đổi

Thảm đạm thay, ánh nhật nguyệt phải mờ"

Tất cả điều đó, suy cho cùng chỉ như nét khắc họa gián tiếp cho sức mạnh, chiến thắng vốn đã quá đổi oai hùng của nghĩa quân. Sức mạnh, chiến thắng ấy một lần nữa lại cùng từ một lòng yêu nước thương dân rất đẹp mà ra.

Như thế Nguyễn Trãi người con của lòng nhân nghĩa có thể coi như người đầu tiên đã thành hệ thống một tư tưởng sáng suốt, tiến bộ, có sức vượt qua giới hạn của không gian và thời gian. Cáo bình Ngô, áng văn đọc trong ngày lễ trọng chung của dân tộc mà âm ắp trong đó biết bao nhiệt huyết riêng của bậc thi hào. Dù rằng người anh hùng đã ra đi trong nỗi thảm oan, thì trong lòng chúng ta, ông không chỉ như một quân sư, một nhà văn, một nghệ sĩ mà còn như một con người có tấm lòng nhân đạo trời bể. Thật tự hào khi nhờ ông, người dân Đại Việt đã có thể nghĩ tới một ngày:

"Xã tắc từ đây vững bền,

Giang sơn từ đây đổi mới"

trong một nền thái bình vững chắc muôn thu.

Hướng dẫn đọc

Người viết bài này tỏ có ham muốn mở rộng và đào sâu kiến thức chứ không chịu dừng lại ở những hiểu biết thông thường. Bài đã hiệu khá trúng sự lớn lao và nét đặc sắc trong tư tưởng nhân nghĩa của Nguyễn Trãi thể hiện trong Bình Ngô đại cáo. Chịu liên tưởng, so sánh, tham khảo để cố đi đến cùng những ý kiến của bản thân. Lời văn của bài thể hiện một sự suy nghĩ nỗ lực, nhiều khi vất vả, nhọc nhằn. Nhiều câu văn, từ đó, đã có sức nặng và ít nhiều ánh lên vẻ đẹp.

Cái thiếu rõ nhất của bài là sự rành mạch, sáng sủa trong các luận điểm. Nhiều ý kiến còn chưa đủ rõ ràng, chắc chắn. Sự cố gắng suy nghĩ, đó chưa đạt tới sự sáng rõ, đã làm cho không ít câu văn còn nặng nề, đôi khi tối nghĩa.

(Theo Những bài làm văn chọn lọc 10, Sdd, tr.84)

Đề 87- Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi qua một số bài thơ đã học trong sách Văn học 10, tập một.

Bài làm

Nguyễn Trãi là bậc đại thi hào đầu tiên của dân tộc. Ông là người có tâm hồn phóng khoáng, nhạy cảm với thiên nhiên. Thiên nhiên từ bao đời nay đã trở thành nguồn cảm hứng của nhiều tác giả. Những tác giả của những bài thơ thiên nhiên hay thường là những người có tâm hồn phóng khoáng thanh cao. Họ thường tìm đến với thiên nhiên, đối với họ thiên nhiên là bầu bạn, là nơi giải bày tâm sự. Thiên nhiên, là một trong những nội dung chính trong các tác phẩm thơ văn của Nguyễn Trãi. Qua một số bài thơ đã học trong sách Văn học 10, tập một như *Cây chuối*; *Bảo kính cảnh giới*; 43; *Tùng*; *Côn Sơn ca* chúng ta cũng thấy rõ điều đó.

Trước hết ta thấy thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi luôn luôn tươi mới, sống động, tràn đầy sức xuân.

Thiên nhiên trong bài thơ *Cây chuối* rút trong tập *Môn hoa mộc* của Nguyễn Trãi có một sức sống dồi dào:

*"Tự bén hơi xuân, tốt lại thêm,
Đầy bông lạ, màu thâu đêm.
Tình thư một bức phong còn kín,
Gió nơi đâu gượng mở xem"*

Trong bài thơ, chúng ta bắt gặp nhiều chi tiết, nhiều hình ảnh của cây chuối mà trong thực tế nó không thể xuất hiện cùng một lúc. Nhưng bài thơ không hề vô lí vì tác giả đã dựa vào quy luật đồng hiện của văn chương. "Hơi xuân" được cảm nhận được bằng giác quan tinh tế của mình. Phải chăng hơi xuân là cái gì cô đọng nhất, tinh túy nhất, là cái hồn của mùa xuân. Hình như ở đây có sự giao cảm ý nhị giữa đất trời cỏ cây hoa lá. Cây chuối chủ động đón nhận sức sống tràn trề mà mùa xuân tặng cho mình. Sức sống ấy khi gặp hơi xuân như được nhân lên gấp bội. Câu

thơ thứ hai gây cho người đọc ấn tượng đặc biệt. Buồng chuối quả thật không có gì lạ nhưng dưới con mắt của thi nhân thì sự lạ ấy lại xuất hiện trong một sự vật vốn rất quen. Con mắt nhà thơ dường như có một sự phát hiện, một khám phá độc đáo. Tâm hồn nhà thơ rất nhạy cảm với thiên nhiên. Từ những sự vật bình thường nhà thơ vẫn có cảm xúc rất mãnh liệt. Hai câu thơ miêu tả sức sống của cây chuối, của mùa xuân và cũng là của cuộc đời.

Hai câu cuối, tác giả lại phát hiện một nét đẹp mới của cây chuối. Nhà thơ sử dụng lối so sánh ngầm độc đáo đến bất ngờ. Lá chuối non cuộn lại như một bức thư tình, còn gió như một người khách lạ được mời gọi tới gượng mở bức thư. Ẩn trong câu thơ ta thấy Nguyễn Trãi có cái nhìn thật tinh tế, có tình cảm say đắm, tế nhị.

Nếu không phải là người yêu thiên nhiên thì Nguyễn Trãi khó có thể miêu tả được cảnh thiên nhiên đẹp và giàu sức sống như vậy! Bài thơ cũng cho ta thấy nhà thơ đã phát hiện ra những gì tinh túy nhất của đất trời. Chính tâm hồn của nhà thơ làm cho cảnh thiên nhiên đẹp hơn, đáng yêu hơn gấp ngàn lần.

Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi không chỉ là những hình ảnh mang tính quy phạm, ước lệ. Ông đã đưa vào thơ của mình những hình ảnh về cuộc sống dân dã, giản dị của người dân lao động. Ông không chỉ miêu tả trong thơ mình những tùng cúc, trúc, mai mà còn mạnh dạn miêu tả cây chuối. Vì thế thơ của Nguyễn Trãi rất dễ được quần chúng tiếp nhận.

Hình tượng thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi là hình ảnh trữ tình, đầm ấm, chan hoà tình cảm giữa con người với thiên nhiên:

*"Côn Sơn núi chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi chiếu êm.
Trong ghềnh thông mọc như nêm,
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm,
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn"*

(Côn Sơn ca)

Bức tranh thiên nhiên hiện lên trong tám câu thơ thật tuyệt vời. Nhà thơ cảm nhận thiên nhiên bằng tất cả các giác quan và tấm lòng của

mình. Tiếng suối chảy làm cho Nguyễn Trãi liên tưởng đến tiếng đàn. Đá và rêu, khi ngồi lên Nguyễn Trãi tưởng như ngồi trên chiếu êm. Tất cả sự vật đều được Nguyễn Trãi thổi vào một linh hồn, một sức sống. Cả một chút bụi bặm của cuộc đời để cho tâm hồn mình được thư thái trong cảnh an nhàn. Cảnh làm cho người đẹp thêm và người làm cho cảnh hoà với nhau dường như không có ranh giới.

Sự sống động của thiên nhiên còn được Nguyễn Trãi miêu tả trong bài *Bảo Kính cảnh giới*, 43:

*"Rồi hóng mát thuở ngày trường,
Hoè lục đùn đùn tán rợp trương.
Thạch lựu hiên còn phun thức đỏ,
Hồng liên trì đã tiễn mùi hương"*

Tác giả đã gạt bỏ mọi nỗi ưu tư để hoà tâm hồn mình vào cảnh vật. Có được những giây phút thư nhàn như thế đối với Nguyễn Trãi quả là hiếm hoi. Những giây phút như vậy chất nghệ sĩ trong tâm hồn Nguyễn Trãi được bộc lộ rất sâu sắc. Bức tranh thiên nhiên mà tác giả dựng nên trong bài thơ này là bức tranh sống động tiêu biểu, với sự hài hoà về màu sắc, cảnh vật. Đó là màu xanh của cây hoè bao phủ, choán ngợp không gian. Hai chữ "đùn đùn" làm hiện lên trước mắt người đọc màu xanh tầng tầng lớp lớp xuất hiện đan xen vào nhau. Tác giả đã sử dụng hai gam màu đậm, gắt mà không đối lập. Từ "phun" ở câu thơ thứ ba không chỉ cho ta thấy màu đỏ mà còn thấy được hình dáng của bông hoa. Bằng những từ nghe rất dân dã đó, tác giả đã phát hiện được cái hồn của cảnh vật. Đến câu thơ thứ tư, tác giả cho chúng ta thấy cảnh vật ở tầng thấp hơn. Đó là hình ảnh của ao sen mùa hạ. Dường như câu thơ mang một chút gì nuối tiếc về một thời đã qua.

Phải tinh tế lắm, phải nhạy cảm lắm tác giả mới phát hiện được những nét độc đáo như vậy. Nhờ thế, cảnh vật dường như có hồn, vô cùng sống động, tươi mới.

Thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi gợi mở về hình ảnh một con người có chí lớn vượt khỏi gió bụi của cuộc đời giúp ích cho dân. Hình ảnh cây tùng trong bài thơ *Tùng* là hình ảnh tượng trưng về một con người lí tưởng mà Nguyễn Trãi mong ước. Thông qua việc miêu tả hình dáng bên ngoài và phẩm chất bên trong của cây tùng: Trong mọi hoàn cảnh, mọi thời tiết khắc nghiệt, cây tùng vẫn trụ vững, vẫn hiên ngang bất khuất trước bão táp của cuộc đời, tác giả muốn nói đến phẩm chất của người quân tử. Và cái quý ở hình tượng được xây dựng theo truyền thống nghệ

thuật cổ có tính tượng trưng này là ở câu thơ cuối cùng mang chất trữ tình vì dân của Nguyễn Trãi: "Dành còn để trợ dân này".

Tóm lại, thơ viết về thiên nhiên của Nguyễn Trãi luôn mới lạ và hấp dẫn bởi tâm hồn ông luôn trong sáng, tươi xanh. Nguyễn Trãi luôn mở rộng tâm hồn mình để đón nhận thiên nhiên, giao cảm với thiên nhiên. Chính vì thế, những bức tranh thiên nhiên hiện lên trong thơ Nguyễn Trãi như có hồn và tràn đầy sức sống.

(Theo *Những bài làm văn chọn lọc 10*, Sdd, tr.106)

Hướng dẫn đọc

Bài làm đã cố gắng phân tích, lí giải được những nét cơ bản thuộc về đặc điểm thiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi.

Hành văn giản dị, trong sáng có sự quan tâm dẫn dắt hợp lí các luận điểm trong bài.

Tuy thế bài vẫn còn ít những nhận xét đánh giá mang màu sắc chủ quan của người viết. Văn viết rõ ý, nhưng còn ít câu hay.

Theo tôi, cần phải viết "trẻ" hơn chút nữa!

Đề 88- Dựa vào những tác phẩm đã đọc và đã học, anh (chị) hãy chứng minh rằng: "Thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết, trọn đời".

Bài làm

Yêu nước thương dân đó là điều thường trực trong con người Nguyễn Trãi. Chính lí tưởng cao đẹp đó là mục đích mà ông đã theo đuổi suốt cuộc đời để đem lại nền độc lập cho nước, hạnh phúc cho dân. Ông đã từng trần trọc vì việc nước:

"Còn có một lòng âu việc nước

Đêm đêm thức nhẩn nẻo sơ chung"

Để rồi thốt lên sung sướng khi nước nhà độc lập:

"Than ôi!

Một cổ nhung y chiến thắng, nện công oanh liệt ngàn năm

Bốn phương biển cả thanh bình, ban chiếu duy tân khắp chốn"

(*Bình Ngô đại cáo*)

Và một lẽ hiển nhiên: chiến thắng có được là do có lòng yêu nước của mỗi người dân. Nguyễn Trãi cũng chứa trong mình bầu nhiệt huyết ấy và lòng căm thù sôi sục đối với quân giặc cướp nước:

*"Ngẫm thù lớn há đội trời chung,
Căm giặc nước thề không cùng sống.
Đau lòng, nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời,
Ném mật, nằm gai, há phải một hai sớm tối"*

(*Bình Ngô đại cáo*)

Tâm trạng ấy chính là tâm trạng đau xót dần vật day dứt của một người dân mất nước, của một vị tướng tài ba. Ông căm thù quân xâm lược đến tận tủy, chính bọn chúng đã làm cho đất nước ta tràn đầy khói lửa, đã vơ vét tài sản quý hiếm của quê hương ta, tàn sát dân ta. Trong ông bừng cháy một lòng căm thù không đội trời chung với quân giặc. Và chính nỗi đau ấy, nỗi đau mất nước đã nung đốt lòng Nguyễn Trãi, khiến ông phải thốt lên:

*"Độc ác thay, trúc Nam sơn không ghi hết tội
Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa hết mùi"*

Câu thơ như một tiếng thét đầy căm phẫn trước tội ác tày trời của quân thù. Lòng căm ghét không nguôi của ông:

*"Ta đây:
Núi Lam Sơn dấy nghĩa,
Chốn hoang dã nương mình"*

Câu thơ nói đến Lê Lợi nhưng cũng cho phép ta hiểu đó là nói về Nguyễn Trãi. Bởi Nguyễn Trãi đã cùng Lê Lợi xây dựng nghĩa quân Lam Sơn từ buổi đầu còn trứng nước.

Và phải chăng chính vì yêu nước mà ông vui mừng trước chiến thắng dồn dập của quân ta?

Từ:

*"Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giật.
Miền Trà Lân trúc trẻ tro bay"*

Đến:

*"Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm
Tốt Động thây chất đầy nội, nhơ dơ ngàn năm"*

Tác giả đã miêu tả những chiến thắng của quân ta mạnh mẽ, dồn dập. Nhịp thơ cũng tăng nhanh tạo không khí hồ hởi vui vẻ và niềm tự hào của quân sĩ cũng như của tác giả.

Con người Nguyễn Trãi không chỉ là một chiến sĩ dạn dày với khói lửa binh đao mà ông còn là một thi nhân có tâm hồn lãng mạn nhạy cảm với thiên nhiên sâu sắc.

Khi đất nước bị ngoại xâm đe dọa thì lòng yêu nước của Nguyễn Trãi là lòng căm thù giặc. Trong thời bình lòng yêu nước của Nguyễn Trãi lại là lòng yêu quê hương, yêu cảnh sắc của quê hương đất nước.

Trong bài *Bến đò xuân đầu trại*, tác giả viết:

"Cỏ xanh như khói bến xuân tươi

Lại có mưa xuân nước vỗ trời"

Hai câu thơ miêu tả cảnh đẹp của thiên nhiên khi tiết trời sang xuân. Xuân về mang theo sự tươi tốt với những làn mưa. Cỏ ở bến xanh như màu khói bao la bát ngát.

Câu thơ thứ hai vẫn tiếp tục miêu tả cảnh vật:

"Lại có mưa xuân nước vỗ trời"

Từ "lại" ở đây không phải là sự lặp lại nhiều lần mà là sự đóng góp thêm phần sinh động. Hai câu thơ không chỉ có hình ảnh mà còn có những âm thanh, những âm thanh của mùa xuân. Đó là "mưa xuân nước vỗ trời". Cả hình ảnh và âm thanh như hoà quyện với nhau tạo nên một nét đẹp. Mùa xuân bao giờ cũng có mưa. Những làn mưa xuân phủ trắng trên mặt sông. Và những làn mưa ấy như chiếc thang trắng xoá nối liền trời với nước.

Qua hai câu thơ ta cũng thấy được nét tinh tế trong tâm hồn và cách nhìn của tác giả. Đó chính là sự rung cảm trước cảnh vật thiên nhiên, đất trời khi xuân về.

Chưa hết, ta còn thấy được tình yêu thiên nhiên tha thiết của tác giả qua bài thơ *Cuối xuân tức sự*:

"Trong tiếng cuốc kêu xuân đã muộn

Đầy sân mưa bụi nở hoa xoan"

Tuy suốt ngày chỉ khép mình trong phòng văn để xa lánh cuộc sống trần tục nhưng tác giả vẫn hướng về thiên nhiên, hướng về thế giới của cỏ cây hoa lá. Phải là một con người có sự nhạy cảm, rung động thực sự trước thiên nhiên thì tác giả mới cảm nhận được những vẻ đẹp của thiên

nhiên để cảm hứng rung lên thành những tác phẩm tuyệt tác và đây khi đang ngồi và kếp mình trong phòng văn, ông đã nghe thấy tiếng cuộc và ông khẽ ngược mắt nhìn ra ngoài sân hoa xoan đã nở đầy.

Hai câu thơ cho chúng ta thấy tình yêu thiên nhiên của tác giả và tình yêu ấy đã không bị ngăn cản bởi bức tường của căn phòng văn mà vượt ra ngoài hoà nguyện vào thiên nhiên cảm nhận sự chuyển mùa, cuối xuân đầu hạ.

Bài thơ *Côn sơn ca* cho ta thấy cảnh sống, tấm lòng và tâm hồn nghệ sĩ của tác giả:

"Côn Sơn suối chảy rì rầm

Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai"

Tiếng suối chảy róc rách trong một không gian vắng lặng cả độ trầm độ bổng. Ở đây tiếng suối không chỉ như tiếng hát mà đối với Nguyễn Trãi tiếng suối còn như tiếng đàn cầm bên tai. Và với niềm thích thú tác giả ngồi xuống tảng đá và tác giả cảm nhận, một cảm nhận bằng xúc cảm: "Chiều êm". Với biện pháp so sánh, tác giả thể hiện niềm vui thú say sưa với thiên nhiên của mình. Đây chính là chất nghệ sĩ trong tâm hồn tác giả: "Ngâm thơ nhàn". Dưới bóng trúc râm, dưới cái màu xanh mát ấy nhà thơ đã vút lên những cảm hứng ngâm những câu thơ nhàn tản. Điều đó chứng tỏ tác giả rất yêu thiên nhiên, ông tìm đến thiên nhiên hoà lòng mình vào thiên nhiên với tất cả tấm lòng.

Cũng với lòng yêu nước sâu sắc, Nguyễn Trãi còn thể hiện tình yêu thương nhân dân tha thiết trọn đời.

Chính tình yêu thương ấy đã làm cho tác giả phải đau đớn khi dân ta bị tàn sát dưới gót giày xâm lược:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"

Hai câu thơ gợi cho người đọc một cảnh tượng đầy hãi hùng. Quân giặc đi đến đâu là đâu rơi máu chảy, ngọn lửa chiến tranh, ngọn lửa phi nghĩa đang thiêu đốt dân ta. Chính ngọn lửa ấy đã làm cho dân ta phải chết, đã làm cho những em bé thơ ngây luôn nơm nớp nỗi sợ hãi lo âu. Tác giả đã sử dụng từ "nướng, vùi" là những từ giàu sức gợi tả. Thật là một tội ác dã man vô nhân đạo. Hai câu thơ đã thể hiện được sự đau xót rụng rời của Nguyễn Trãi. Ông thương cảm cho những con người vô tội bị ngọn lửa của chiến tranh tàn sát. Lòng thương dân ấy của ông cũng chính là sự tin tưởng ở dân, lấy dân làm gốc.

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo"

Phải chăng lòng thương dân sâu sắc đã thôi thúc ông diệt trừ bạo tàn, diệt trừ bè lũ xâm lăng, giành lại tự do cho đất nước, hạnh phúc cho dân?

Thương dân - đó là dòng máu luôn chảy hừng hực xen vào từng đường gân thớ thịt của ông. Đó chính là lí tưởng cao quý mà ông theo đuổi suốt cuộc đời và gắn bó suốt cuộc đời.

Ông luôn mơ ước cho dân mình được sống một cuộc sống đầy đủ ấm no:

"Lẽ có Ngu cầm đàn một tiếng

Dân giàu đủ khắp đòi phương"

Ông muốn mình có một cây đàn của vua Thuấn để đàn lên một khúc cho dân giàu nước mạnh. Cả bài thơ thất ngôn xen lục ngôn; đến câu thứ tám từ "dân" mà tác giả ấp ủ mới được thốt lên. Đó cũng chính là mỗi lòng của tác giả. Nỗi lòng ấy luôn hướng về nhân dân, mong cho dân hạnh phúc.

Trong bài *Tùng* tác giả cũng viết:

"Hổ phách phục linh nhìn mới biết

Dành còn để trợ dân này"

Vẫn là để dành cho dân. Những món thuốc quý ấy không phải dành cho vua chúa quan lại mà dành cho dân. Ý thơ đọng lại ở câu lục ngôn đồng thời mở ra cho người đọc rất nhiều suy nghĩ. Câu thơ đã bộc lộ sâu sắc tư tưởng thân dân của Nguyễn Trãi. Lòng thương dân của tác giả thật cao cả. Ông không chỉ mong cho dân mà còn dành cho dân. Đây chính là giá trị nhân đạo trong thơ văn Nguyễn Trãi.

Tóm lại lòng yêu nước thương dân của Nguyễn Trãi rất cao cả. Hai tư tưởng đó như hoà cùng với nhau trong tâm hồn Nguyễn Trãi. Chính vì tình yêu nước mà ông mới thương dân và cũng chính vì thương dân mà ông yêu nước.

Phải chăng chính lòng yêu nước thương dân ấy mà ông đã theo đuổi sự nghiệp cứu dân suốt cuộc đời, và ông luôn giữ nó thường trực trong tâm can? Nguyễn Trãi quả là người có lòng yêu nước thương dân. "Triết lí nhân nghĩa của Nguyễn Trãi cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương

dân, cái nhân nghĩa lớn nhất là phấn đấu đến cùng chống ngoại xâm, diệt bạo tàn, vì độc lập của nước, hạnh phúc của dân" (Phạm Văn Đồng)

Câu nói đó thật đúng. Ta càng tự hào hơn về Nguyễn Trãi, vị anh hùng, nhà đại thi hào của dân tộc.

(Theo Những bài làm văn chọn lọc 10, Sdd, tr.115)

Hướng dẫn đọc

Bài viết đã tỏ ra nắm khá chắc yêu cầu của đề ra, đã phân tích và chứng minh được hai yêu cầu cơ bản thuộc về nội dung của đề bài. Phần cuối bài còn có sự đánh giá, lí giải về mối quan hệ và ảnh hưởng qua lại giữa "lòng yêu nước" và "thương dân" trong tình cảm vốn có của Nguyễn Trãi.

Cần có sự lí giải cho rõ hơn giữa tình cảm trong thơ văn và tình cảm, tư tưởng của nhà thơ thì bài viết sẽ có sức thuyết phục hơn. Đôi chỗ chuyển ý trong bài chưa thật tự nhiên. Văn viết còn có phần khô khan, chưa sắc sảo.

Đề số 90- Phân tích bài thơ "Nhàn" của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Bài làm

Nguyễn Bỉnh Khiêm hiện còn để lại khoảng 1.000 bài thơ chữ Hán và dưới 200 bài thơ Nôm trong *Bạch Vân am thi tập* và *Bạch Vân Quốc ngữ thi*.

Nhận xét về thơ Trạng Trình, nhà sử học Phan Huy Chú trong thế kỉ XIX viết trong *Lịch triều hiến chương loại chí*:

"Văn chương ông tự nhiên, nói ra là thành không cần gọt giũa, giản dị mà linh hoạt, không màu mè mà có ý vị đều có quan hệ đến việc dạy đời"

Mảng thơ viết về thiên nhiên và vịnh nhân chiếm một tỉ lệ sang trọng trong các sáng tác của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Bài thơ Nôm số 73 của Tiên sinh mà người soạn sách *Ngũ văn đặt* cho nhan đề "Nhàn" tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật và tâm hồn thanh cao của "ông tiên giữa cõi trần" này.

"Nhàn" được viết bằng thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật, đó là những vần thơ "giản dị mà linh hoạt, không màu mè mà có ý vị"

"Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần, nào ai vui thú nào.
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá,
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao.
Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao"

Nhịp thơ rất biến hoá, gợi lên một tâm thế đứng đỉnh khoan thai của một lão nông sống ung dung thanh thản nơi vườn quê thân thuộc:

"Một mai, một cuốc, một cần câu,
Thơ thần, nào ai vui thú nào".

Mai, cuốc, cần câu, những nông cụ ấy, vật dụng ấy với ta cũng chỉ có "một" mà thôi; hằng ngày ta vẫn cùng "một mai, một cuốc, một cần câu" ấy vui vầy giữa "chốn nước non", thanh thoi với dòng xanh sông Tuyết Giang quê nhà. Cái gia tài có 3 thứ, thứ nào cũng chỉ có "một" nhưng với Bạch Vân cư sĩ thì vô cùng giàu có và sang trọng, Dù ai có cách vui thú nào cũng mặc, riêng "ta" cứ thơ thần, nhõn nhõn ung dung giữa cuộc đời. Có tự ý thức được mình mới có tâm thế "thơ thần" ấy. Cách sống ấy của Nguyễn Bình Khiêm khác nào cách sống cần cù, thanh bạch của Ưc Trai trong thế kỉ XV sau khi đã thoát vòng danh lợi:

"Ao cạn vớt bèo cấy muống,
Đìa thanh phát cỏ ương sen.
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,
Thuyền chở yên hà nặng vạy then"

(Thuật hứng-24)

Hai câu 3, 4 trong phần thực đối nhau: "ta dại" đối với "người khôn"; "ta tìm" đối với "người đến", "nơi vắng vẻ" đối với "chốn lao xao". Nghệ thuật đối ấy đã tương phản và đối lập hai quan niệm sống, hai cách sống, hai nhân cách trong cuộc đời. "Nơi vắng vẻ" với Nguyễn Bình Khiêm là quê tổ đất cha, là am Bạch Vân, là làng Trung Am, huyện Vĩnh Lại (nay là xã Lí Học, Vĩnh Bảo, Hải Phòng), là sông Tuyết Giang, là quán Trung Tân. Đó là nơi "hàng mến" đối với Tuyết Giang phu tử:

"Chốn lao xao" theo Nguyễn Bình Khiêm là chốn bon chen danh lợi, là nơi bọn cơ hội vênh vang tự đắc, lên mặt đạo đức dạy đời, là nơi đồng tiền hôi tanh đã trở thành "sức mạnh của cán cân công lí":

*"Đạo nọ nghĩa này trăm tiếng bướm,
Nghe thôi thỉnh thỉnh lại đồng tiền".*

(*Thơ Nôm, bài số 5*)

Sau nhịp thơ 2/5 và các điệp ngữ "ta", "người", chúng ta cảm thấy ánh mắt của nhà thơ nheo lại với nụ cười mỉm:

*"Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ,
Người khôn, người đến chốn lao xao".*

Hai câu thơ trong phạm luận đăng đối hài hòa làm hiện rõ một cách sống giản dị, bình dị, thanh bạch của kẻ sĩ đã lánh đục tìm trong, đã thoát "chốn lao xao" "đầy bụi trần"

*"Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao".*

Trúc và giá còn thơm ngon hơn cao hương mĩ vị "chốn lao xao". Tắm hồ sen về mùa xuân, tắm ao về mùa hạ đối với Bạch Vân cư sĩ là để thanh sạch tâm hồn, để di dưỡng tinh thần cho thêm phần thanh cao. "Xuân tắm hồ sen" là thú què, là niềm vui dân dã không phải ai cũng tìm thấy, ai cũng được tận hưởng:

*"Rủ nhau ra tắm hồ sen,
Nước bóng mát hương chen cạnh mình.
Cứ chi vườn ngọc ao quỳnh,
Thôn quê vẫn thú hữu tình xưa nay".*

(*Ca dao*)

Hai câu kết thể hiện một cốt cách thanh cao, ung dung tự tại của bậc cao sĩ phong lưu. Ở trên đã nói "Ta dại ta tìm nơi vắng vẻ" thì khi uống rượu, "ta" lại "đến cội cây". Trong lúc "người đến chốn lao xao" thì với "ta" lại "nhìn xem phú quý tựa chiêm bao". Xưa nay, đã mấy ai có cách sống đẹp như thế:

*"Rượu đến cội cây, ta sẽ uống,
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao".*

Xưa kia, Nguyễn Trãi đã từng "Đêm thanh hớp nguyệt nghiêng chén". Uống rượu và uống cả ánh trăng thanh. Thì giữa am Bạch Vân, Trang Trình lại ung dung "Rượu đến cội cây, ta sẽ uống". Rượu ấy là rượu đế, rượu tằm, đâu phải là "hồng đào mĩ tửu dạ quang bôi". Có dị bản nghi: "Rượu đến cội cây, ta sẽ nhấp"; chữ "nhấp" mới thể hiện đầy đủ cốt cách của kẻ sĩ yêu nhàn và sống nhàn.

Có người cho rằng hai câu kết "tác giả có ý dẫn điển tích Thuần Vu Phần uống rượu say nằm ngủ dưới gốc cây hoè, rồi mơ thấy mình ở nước Hoè An, được công mộng...". Nhưng Thuần Vu Phần chưa có chút danh vọng gì, giấc mộng của ông ta chỉ là "giấc Nam Kha" mà thôi! Còn Nguyễn Bình Khiêm sau khi bước lên tới đỉnh cao danh vọng, mới lui về quê cũ dựng am Bạch Vân để vui thú trong cảnh nhàn:

"Rượu đến cội cây ta sẽ uống

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao"

Bạch Vân cư sĩ là một con người đã từng đứng trên đỉnh cao danh vọng, ung dung tự tại tại cao khiến nên mới có tâm thế "nhìn xem phú quý tựa chiêm bao?" Con người ấy chan hoà với thiên nhiên, từng coi gió mát trăng thanh là "cổ tri", là "tương thức".

"Trăng thanh gió mát là tương thức,

Nước biếc non xanh ấy cổ tri".

Với Nguyễn Bình Khiêm thì sống nhàn là coi thường phú quý, danh lợi, có sống nhàn mới tận hưởng được mọi vẻ đẹp của thiên nhiên. Một chén rượu, một chén đối với Nguyễn Bình Khiêm là để sống đẹp hơn, an nhàn hơn, hạnh phúc hơn:

"Hoa trúc tay tự giồng

Gầy dếp bén mùi hoa

Chén, cốc ánh sắc hồng

Rửa nghiêng cá nuốt mực

Pha trà, chìm lánh khói"...

(Ngụ hứng ở quán Trung Tân)

Nhàn là một bài thơ tuyệt tác của Nguyễn Bình Khiêm. Bài thơ có ngôn ngữ bình dị, giọng điệu khoan thai, thể hiện một tâm thế thanh cao, coi thường danh lợi phú quý bon chen trong cuộc đời. Có sống trong sạch mới có tâm hồn thanh cao, mới có lối sống nhàn tuyệt đẹp.

Hình ảnh Tuyết Giang phu tử hiện lên thấp thoáng sau vãn thơ đã làm cho ta kính phục và ngưỡng mộ kẻ sĩ quân tử thời loạn.

Học bài *Nhàn* để chúng ta hiểu rõ hơn cảm hứng thế sự trong thơ Nguyễn Bình Khiêm và trong thơ trung đại.

Có điều ta nên biết, các bạn trẻ nên biết là Nguyễn Bình Khiêm đi thi cả ba lần đều đỗ thủ khoa, đã đỗ Trạng Nguyên. Cái tài học ấy, bằng vàng ấy không thể sống "nhàn" mà có được!

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 76- Có sửa chữa).

Đề 90 - Hiện thực cuộc sống trong "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" của Nguyễn Dữ.

Bài làm

Văn học phản ánh hiện thực theo đặc trưng riêng, cách thức riêng của nghệ thuật ngôn từ. Nhà văn có thể nói chuyện thần tiên ma quái, chuyện các vì sao trên chín tầng trời, chuyện con đại bàng vỗ cánh, con kiến xây tổ, con ong hút mật,... nhưng chung quy cũng đều là chuyện con người, chuyện cuộc đời, là hiện thực cuộc sống được khúc xạ qua lăng kính nghệ thuật mà thôi. *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* của Nguyễn Dữ là một tác phẩm nghệ thuật mà ở đó hiện thực cuộc sống được phản ánh theo cách riêng của thể loại truyền kì và tài năng của người nghệ sĩ.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên là một truyện đặc sắc trong *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Truyện có ý nghĩa hiện thực rõ ràng và ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. Hồn ma tướng giặc họ Thôi là hiện thân của sự giả trá, gian xảo. Tử Văn tiêu biểu cho những con người cương trực, dũng cảm, yêu nước, trọng công lí, chống tà ma nhưng vẫn trọng thần linh. Qua câu chuyện, tác giả biểu hiện lòng tin vào những con người có lòng thiện, có bản lĩnh, dù phải chết cũng không sợ. Họ tất sẽ chiến thắng.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên tiêu biểu cho đặc trưng thể loại truyền kì với tính chất kì ảo. Truyện được kể một cách hấp dẫn, cốt truyện được kết cấu như một xung đột giàu kịch tính.

Ngô Tử Văn vì không chịu để cho sự giả trá, gian xảo hoành hành đã đốt đền trừ hoạ cho dân. Sau khi Tử Văn đốt đền, hồn ma tên tướng giặc hiện lên dọa nạt. Tử Văn được Thổ Thần mách bảo về tung tích và tội ác của hồn ma tướng giặc. Tử Văn bị quỷ sứ bắt xuống âm phủ, chàng

dũng cảm, thẳng thắn tố cáo tội của tên ác thần. Công lí được thực hiện, Tử Văn được Thổ Thần tiến cử giữ chức Phán sự đền Tản Viên.

Qua lời giới thiệu về Tử Văn và nguyên nhân đốt đền của chàng, ta thấy Tử Văn là con người "*khảng khái*", "*nóng nảy*" và "*cương trực*". Tử Văn là người coi trọng công lí, bất bình trước cái xấu, cái ác lộng hành làm mưa làm gió. Cuộc đấu tranh giữa Ngô Tử Văn với hồn tên tướng giặc họ Thôi là cuộc đấu tranh giữa hai thế lực: công lí, chính nghĩa và phi nghĩa, gian tà. Cuộc đấu tranh giữa hai thế lực này có ý nghĩa hiện thực cụ thể và ý nghĩa nhân đạo sâu sắc, một mặt lên án giặc ngoại xâm, tố cáo sự cấu kết của thần quyền, mặt khác phản ánh hiện thực xã hội với cái nhìn tin tưởng vào chính nghĩa thắng gian tà.

Sở dĩ có việc xử kiện ở âm phủ là do hồn tên tướng giặc Bách Hộ họ Thôi kiện Ngô Tử Văn đốt đền. Hồn tên tướng giặc đã giả mạo Thổ Thần, làm hại dân, qua mặt cả Diêm Vương. Diêm Vương không hay biết là vì các thần ở những đền miếu lân cận ăn của đút nên bao che cho kẻ ác, vì các phán quan của Diêm Vương chưa làm hết trách nhiệm của mình, quan liêu, không theo sát thực tế.

Chi tiết Diêm Vương xử kiện ở âm phủ là chi tiết vô cùng cần thiết nhằm đẩy kịch tính của truyện đến cao trào để nhân vật bộc lộ rõ tính cách, phẩm chất đồng thời khắc sâu chủ đề của truyện. Chi tiết này thể hiện khát vọng của người xưa về công lí chưa thể thực hiện được nơi trần thế còn đầy dẫy bất công và tội ác. Con người thời trung đại còn tin rằng bên cạnh cõi trần còn có một thế giới khác là âm phủ, nơi con người sau khi chết sẽ phải đến để nhận sự phán xét, thưởng phạt về những việc làm của mình khi còn sống. Điều đó có ý nghĩa khuyên răn, giáo dục con người nên sống và hành động thế nào cho đúng đắn, hợp lẽ phải, tránh làm điều ác để không bị trừng phạt.

Chức Phán sự là một chức quan xem xét về các vụ kiện tụng, giúp việc cho người xử án. Đây là chức quan thực hiện công lí. Ngô Tử Văn sở dĩ được Thổ Thần tiến cử nhận chức này vì chàng đã giúp Thổ Thần đòi lại công lí, chàng dũng cảm bảo vệ công lí, chính nghĩa ngay cả khi cái chết đe dọa. Việc nhận chức Phán sự đền Tản Viên của Ngô Tử Văn chính là một hình thức thưởng công xứng đáng có ý nghĩa noi gương cho đời sau, khích lệ mọi người dũng cảm đấu tranh chống cái ác, bảo vệ công lí. Hình ảnh Ngô Tử Văn oai phong lẫm liệt xuất hiện ở cuối truyện đã nói lên điều đó.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên ngay từ nhan đề đã đưa người đọc bước vào thế giới li kì, biến ảo. Truyện toàn viết về thần linh (Thổ

công, Đức thánh Tản Viên), ma quỷ (Diêm Vương, hồn ma tướng giặc) rồi chuyện chết đi sống lại (Tử Văn chết hai ngày rồi còn trở về; chết để nhận chức phán sự đền Tản Viên). Điều đáng nói ở đây là cốt lõi hiện thực đã được lồng vào một cốt truyện kì ảo. Người đọc bị mê hoặc bởi bức màn kì ảo để rồi khi đọc hết, suy ngẫm về các nhân vật, tình tiết,... sẽ nhận ra giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm.

Tác giả đã dẫn dắt chuyện vô cùng khéo léo, mở ra bằng một sự việc bất ngờ rồi dần dắt dần tới đỉnh điểm của kịch tính và giải quyết một cách hợp lí, thoả đáng. Người đọc hồi hộp theo dõi diễn biến các sự việc để rồi cuối cùng thở phào nhẹ nhõm, chủ đề tư tưởng của truyện vì thế được nổi bật.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ có nhiều ý nghĩa nhưng chủ yếu là đề cao tinh thần khảng khái, cương trực, dám đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân của Ngô Tử Văn, một trí thức yêu chính nghĩa, dũng cảm, cương trực, dám đấu tranh. Truyện thể hiện khát vọng công lí, niềm tin công lí, chính nghĩa nhất định sẽ chiến thắng.

(Bài viết do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

**Đề số 91- Về đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật qua đoạn "Trao duyên"
(Trích "Truyện Kiều" - Nguyễn Du)**

Bài làm

Nói tới Nguyễn Du là nói tới một hiện tượng vô song của văn học Việt Nam. Với "lời lơi châu ngọc, hàng hàng gấm thêu", *Truyện Kiều* đến bây giờ vẫn là mẫu mực cho nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ dân tộc. Đoạn trích "Trao duyên" có thể được xem là một minh chứng cụ thể cho tài năng ngôn ngữ bậc thầy của đại thi hào Nguyễn Du.

Vấn đề sử dụng ngôn từ bao giờ cũng được quan tâm hàng đầu của người cầm bút. Nhà văn chỉ có thể gửi gắm những suy nghĩ, những quan điểm của mình qua ngôn ngữ. Không rèn câu, luyện chữ thì không thể tạo ra những tác phẩm có giá trị. Nhưng những từ ngữ cầu kì, gọt rũa một cách không cần thiết lại trở nên vô duyên và sáo rỗng. Chính vì vậy để ngôn ngữ thăng hoa cần đến cả cái "tài" và cái "tâm".

Ngôn ngữ nghệ thuật hay còn gọi là ngôn ngữ văn chương, ngôn ngữ văn học đòi hỏi phải có tính gợi hình, gợi cảm. Đó là ngôn ngữ được tổ

chức, xếp đặt, lựa chọn, tinh luyện từ ngôn ngữ để đạt được giá trị nghệ thật - thẩm mỹ cao.

Cũng như các phong cách ngôn ngữ khác, ngôn ngữ nghệ thuật trước hết đảm bảo chức năng thông tin. Gia đình Kiều gặp cơn tai biến. Bao ngày tháng êm đềm, hạnh phúc bỗng chốc trở thành ảo ảnh xa xôi. Kiều buộc phải bán mình chuộc cha, gác lại mối tình đầu vừa mới chớm nở với chàng Kim. Trong hoàn cảnh đó, nàng đã trao duyên cho em là Thuý Vân, mong Thuý Vân giúp nàng làm tròn nghĩa tình với Kim Trọng. Những chi tiết ấy, người đọc chỉ biết được khi tiếp cận với tác phẩm, qua lớp ngôn từ. Nhưng *Truyện Kiều* hấp dẫn người đọc không phải ở nội dung mà nó thông báo. Hơn bao giờ hết, Nguyễn Du đã để lại cho văn học dân tộc những trang thơ tuyệt tác. Nếu Nguyễn Trãi là người đặt nền móng cho thơ nôm thì Nguyễn Du là người đưa nó đến đỉnh cao. Ngôn ngữ *Truyện Kiều* trong sáng, giản dị mà tinh tế. Nỗi đau khổ, dằn vặt của Thuý Kiều, sự xót xa cay đắng cho thân phận, sự nuối tiếc một tình yêu, sự băn khoăn cảm thấy có lỗi với chàng Kim..., tất cả những tâm trạng đó đã được Nguyễn Du miêu tả rất thành công. Bởi lẽ ông hoàn toàn nhập thân vào nhân vật, đồng cảm và thấu hiểu. Chẳng phải thế mà Mộng Liên Đường chủ nhân đã nhận xét: "Nguyễn Tố Như viết Kiều như có máu rỏ trên đầu ngót bút, nước mắt thấm qua tờ giấy".

Vẻ đẹp ngôn ngữ trong đoạn trích trước hết thể hiện ở tính hình tượng. Đó là khả năng ngôn ngữ gợi lên những hình ảnh làm các nhân vật như chuyển động và hiện hữu như ngoài đời. Chỉ với hai câu thơ:

"Cậy em em có chịu lời

Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa"...

Tác giả không những khắc hoạ được cử chỉ, hành động của Kiều mà còn thể hiện được suy nghĩ, ý nguyện của nàng. Thuý Kiều là chị nhưng khi nhờ em lại dùng từ "cậy". Kiều lại dùng từ "chịu" chứ không dùng từ "nhận" để hỏi ý kiến Thuý Vân. Đó hẳn không phải là cách dùng từ "ngẫu hứng". Thuý Kiều hiểu rằng việc nàng sắp nói ra là một điều hệ trọng mà Thuý Vân không có quyền lựa chọn. Và Nguyễn Du đã để nàng kể lại câu chuyện ấy... Chuyện tình yêu vốn của riêng hai người nên khi phải kể cho người thứ ba, Thuý Kiều đã cố lược đi những chi tiết rườm rà. Đó là sự tế nhị của một người con gái sâu sắc. Nguyễn Du đã truyền tải điều đó như thế nào? Chỉ với hai hình ảnh: "quạt ước", "chén thề", tác giả đã vẽ nên một không gian tình ái mà chỉ Kiều và Kim mới biết, chỉ "vầng trăng vằng vặc giữa trời" là nhân chứng. Rồi "chiếc khăn với bức tờ mây", hay "phím đàn với mảnh lương nguyên ngày xưa"... những đồ vật ý nghĩa tượng trưng rất giản

đơn ấy đã gợi dậy trong Kiều những kỉ niệm mãnh liệt của thời yêu thương. Và dường như chúng khiến Kiều không còn đủ sáng suốt. Nàng... "Trao duyên" cho Thuý Vân nhưng "tình" thì không:

"Duyên này thì giữ, vật này của chung".

Kể cả khi Kiều nghĩ đến cái chết, thì tình nghĩa ấy vẫn không thôi rục rịch:

"Hồn còn mang nặng lời thề

Nát thân bồ liễu đền nghì trúc mai"...

"Bồ liễu", "trúc mai" vốn là những hình ảnh tượng trưng quen thuộc trong văn thơ bác học. Nó xuất hiện trong câu thơ mang lại tính hàm súc. Cũng một nghĩa là đền đáp tình cảm của Kim Trọng nhưng câu thơ còn gợi lên cả dáng điệu mảnh mai, yếu ớt của Kiều, cả mối tình hai người vun đắp.

Tác giả không nói với chúng ta về sự đau khổ, không nói về tình yêu thiết tha của Thuý Kiều nhưng tiếng kêu: "Ôi Kim lang ! Hỡi Kim lang !" đã nói lên tất cả. Kim Trọng với Kiều đã không đơn thuần là người yêu mà là một đức lang quân, một người chồng mà nàng trao thân gửi phận. Vị trí của Kim Trọng trong trái tim nàng thật vô cùng to lớn.

Cứ hiện lên trên từng câu chữ một bóng dáng tội nghiệp, vật vờ của nàng thiếu nữ xinh đẹp mà bạc phận. Cứ hiện lên trong trang thơ những giọt nước mắt đắng cay cho thân phận của nàng Kiều. Điều mà chúng ta cảm nhận được chính là do tính hình tượng của ngôn từ nghệ thuật và tính truyền cảm của nó. Hẳn rằng Nguyễn Du cũng đã khóc rất nhiều cùng nhân vật, hẳn rằng nhà thơ đã xót xa đau khổ rất nhiều. Để bây giờ trở thành "người cho máu" nói như En-xa Tri-ô-lê, làm rung động tâm hồn bạn đọc nhiều thế hệ. Chắc chắn rằng không chỉ có một Nguyễn Du mà còn có muôn triệu con người cùng chung nhịp đập với tác giả và nhân vật của ông. Thương cho cuộc tình duyên của Kiều, lại càng thấm thía những điều:

"Lạ gì bỉ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen"

Càng căm ghét xã hội mà con người phải chịu tước bỏ những giá trị tinh thần đẹp đẽ, thiêng liêng nhất chỉ vì thế lực "cường quyền" và "đồng tiền".

Vẻ đẹp ngôn ngữ trong đoạn trích còn thể hiện ở tính cá thể hoá. Cả đoạn trích là lời Thuý Kiều cùng những giằng xé nội tâm đau đớn. Kiều tỏ ra là người sâu sắc, có ý chí khi trao duyên cho Thuý Vân. Nhưng

rồi nàng lại chìm sâu vào dòng tâm tưởng với những hồi ức, với viễn cảnh tương lai và bi kịch tinh thần, để rồi sau tiếng gọi tưởng chừng đứt ruột "Ôi, Kim lang, hỡi Kim lang!". Nàng hoàn toàn khủng hoảng, sụp đổ vì nỗi đau đứt ruột:

"Cạn lời hồn ngắt máu sau

Một hơi lạnh ngắt, đôi tay giá đông"

Nguyễn Du rất tài tình khi khắc họa nhân vật của mình. Một Thuý Kiều thông minh, sắc sảo, tinh tế, ý nhị nhưng nàng vẫn là một con người, một người con gái yếu đuối, một người trong lưới tình giăng mắc. Trong Thuý Kiều ta thấy mọi phụ nữ, nhưng cũng lại không thể nhầm Kiều với ai khác được. Đó chính là nhờ tính cá thể của ngôn ngữ nghệ thuật. Qua đoạn trích, ta cũng phần nào thấy được phong cách nghệ thuật Nguyễn Du. Một giọng điệu rất riêng: thiết tha, đắm thắm mà chỉ Tố Như bằng ngọn gió yêu thương của tâm hồn mình mới tạo ra được.

Còn nhớ Nguyễn Du trong *Truyện Kiều* từng mượn lời nhân vật khác để khen Thuý Kiều:

"Khen tài nhả ngọc phun châu

Nàng Ban, ả Tạ cũng đâu thế này".

Thiết nghĩ lời ấy dành cho *Truyện Kiều* cũng hoàn toàn xứng đáng. *Truyện Kiều* - một hòn ngọc vô giá trong kho tàng văn học dân tộc.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên giới thiệu)

Đề 92- Bằng những kiến thức đã học về phương pháp đọc sách, hãy bình luận câu nói sau: "Kẻ sơ học đọc sách ngoài bì phu; bậc đại học đọc sách trong cốt tuỷ" (Lê Quý Đôn)

Bài làm

Trên hành trình chinh phục đỉnh cao tri thức, đọc sách là một con đường quan trọng. Bởi lẽ, trong sách cất giữ di sản tinh thần nhân loại, nói về đọc sách, nhà bác học Lê Quý Đôn có câu: "Kẻ sơ học đọc sách ngoài bì phu; bậc đại học đọc sách trong cốt tuỷ".

"Kẻ sơ học đọc sách ngoài bì phu" có nghĩa là: những người có tầm hiểu biết hạn chế, không chuyên sâu, là những người chỉ biết đọc sách bề ngoài, hiểu được những nội dung sơ đẳng nhất của tác phẩm.

"Bậc đại học đọc sách trong cốt tủy" nghĩa là: những người có kiến thức uyên thâm là người người đọc sách có phương pháp, biết chất lọc cái "cốt tủy" để tiếp nhận. Người đọc sách có phương pháp là người có thể phá vỡ lớp vỏ bề ngoài của ngôn từ để hiểu thấu ý đồ, tâm sự sâu sắc nhất của người viết, cũng như có thể cảm thụ được phương pháp làm việc, tài năng, phong cách riêng của tác giả.

Nội dung câu nói của Lê Quý Đôn nhằm đề cao phương pháp đọc sách. Ông cũng đã khuyên người ta biết tìm lấy cho mình cách đọc sách, sao cho có thể hiểu được nội dung "cốt tủy" của sách.

Trong thực tế, rất nhiều người chỉ biết đọc sách "ở ngoài bì phu". Vì người đọc chỉ nhằm mục đích giải trí, tiêu thì giờ.

Trái lại, cũng có những người luôn tìm cho mình một phương pháp đọc sách hiệu quả. Đó là những người thuộc "bậc đại học", có tham muốn chinh phục kho tri thức của nhân loại, làm giàu kiến thức cho chính bản thân mình.

Cũng có những người có nhiệt tình, có tâm huyết, nhưng không đủ năng lực, thiếu khả năng trí tuệ nên không thể "đọc sách từ trong cốt tủy". Nghĩa là muốn đọc sách có phương pháp, cần phải có những điều kiện nhất định- trước hết, đó là điều kiện về khả năng nhận thức của mỗi người.

Các bậc đại nho xưa kia đều là những người biết đọc sách trong cốt tủy. Nhà thơ Đỗ Phủ (Trung Quốc) có viết:

"Độc sách phá vạn quyển

Hạ bút như hữu thần"

(Độc sách hiểu thấu được vạn quyển

Nên khi hạ bút viết, cảm thấy như có thần lực)

Nguyễn Trãi (TK XV) cũng từng khuyên:

"Độc sách hã thông đòi nghĩa sách"

(Độc sách hã hiểu thấu nhiều ý nghĩa của sách)

Chính Lê Quý Đôn cũng là người đọc sách nổi tiếng. Ông từng nói: thiên hạ có mười bồ sách thì ông đã đọc hết bảy bồ. Nói như vậy không có nghĩa là Lê Quý Đôn đã chạy theo số lượng mà không quan tâm đến chất lượng của việc đọc. Trái lại, chỉ có phương pháp đọc tận "trong cốt tủy" mới có thể giúp ông lĩnh hội được một khối lượng sách khổng lồ như vậy.

Ngày nay, với sự phát triển bùng nổ của ngành in ấn, số lượng sách trên thị trường cũng có sự bùng nổ. Cho nên, việc đề ra phương pháp đọc sách càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Người đọc cần có sự lựa chọn cho riêng mình và cần phải xây dựng cho mình phương pháp đọc sách đúng đắn mới có thể chiếm lĩnh được kho tàng văn hoá của nhân loại.

Trong quá trình đó, lời dạy của nhà bác học Lê Quý Đôn vẫn mãi mãi có ý nghĩa: Kẻ sơ học đọc sách ngoài bì phu; bậc đại học đọc sách trong cốt tủy".

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Đề 93- Phân tích bài thơ "Hoàng Hạc lâu" của Thôi Hiệu.

Bài làm

Thôi Hiệu (704 – 754) người Biện Châu, tỉnh Hà Nam, đậu tiến sĩ năm 725. Ông còn truyền lại hơn 40 bài, trong đó nổi tiếng nhất là bài *Hoàng Hạc lâu*. Tương truyền Lí Bạch đi chơi Vũ Xương; lên xem lầu Hoàng Hạc thấy bài thơ này của Thôi Hiệu bèn cảm bút đề vào vách: "Nhân tiên hữu cảnh đạo bất đắc – Thôi Hiệu đề thi tại thượng đầu" (Trước mắt có cảnh đẹp, nhưng không làm được thơ vì đã có thơ của Thôi Hiệu ở trên đầu).

Bài thơ vừa là một bức tranh mô tả cảnh đẹp ở lầu Hoàng Hạc vừa bộc lộ nỗi nhớ quê hương của nhà thơ.

Lầu Hoàng Hạc là một di tích văn hoá nổi tiếng ở phía tây nam huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc, nay ở gần thành phố Vũ Hán. Tương truyền Phí Văn Vi hành tiên thường cưỡi hạc vàng bay về đây nên được đặt tên là lầu Hoàng Hạc (lầu hạc vàng). Đến thăm di tích này, nhà thơ chỉ thấy còn trơ lại lầu Hoàng Hạc, không thấy chim hạc đâu, người xưa đã cưỡi hạc vàng bay đi mất rồi, không bao giờ trở lại nữa. còn chẳng chỉ có đám mây trắng ngàn năm còn bay mãi chơi vơi. Cái mất đi thì không bao giờ tìm thấy được nữa, cái còn thì cũng là cái gì đó bập bênh nổi trôi như đám mây trắng trên bầu trời kia. Đứng trước lầu Hoàng Hạc nhà thơ thấy lòng băng khuâng, tiếc nhớ:

"Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,

Thử địa không dư Hoàng Hạc lâu

Hoàng Hạc nhất khứ bất phục phản,

Bạch vân thiên tải không du du.

(Hạc vàng ai cưỡi đi đâu?

Mà đây Hoàng Hạc riêng lâu còn trơ.

Hạc vàng đi mất từ xưa

Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay)

Tả cảnh lầu Hoàng Hạc trong đó âm vang cả một tấm lòng băng khuâng, tiếc nhớ của nhà thơ.

Trở lại với thế đứng ở lầu Hoàng Hạc, nhà thơ đưa mắt nhìn cảnh vật xung quanh và nhận ra Hán Dương, những hàng cây đất Hán Dương phản chiếu rõ mồn một trên dòng sông tạnh và nhìn thấy bãi Anh Vũ cỏ thơm mơn mớn xanh tươi:

"Tình duyên lịch lịch Hán Dương thụ,

Phương thảo thê thê Anh Vũ châu"

(Hán Dương sông tạnh cây bày,

Bãi xa Anh Vũ xanh dày cỏ non)

Cảnh ở đây thật có hồn, thật tĩnh lặng, không có một âm thanh nào, tất cả đều im ắng. Phải chăng tâm hồn nhà thơ đang lắng sâu vào cảnh vật?

Cảnh hoang vắng mênh mang lại chìm ngập trong bóng hoàng hôn vàng vọt đã gợi cho nhà thơ một nỗi nhớ quê hương và nhà thơ băng khuâng tự hỏi: "Nhật mộ hương quan hà xứ thị?" (Chiều tối tự hỏi đâu là quê hương?) "Đâu là quê hương?" lời hỏi ấy chứa chan biết bao tấm lòng tha thiết của nhà thơ đối với quê hương và ẩn chứa một nỗi buồn. Nỗi buồn ấy càng được gợi sâu thêm bởi hình ảnh của khói và sóng trên sông: "Yên ba giang thượng sử nhân sầu" (Khói và sóng trên sông khiến cho người thêm mối sầu)

"Quê hương khuất bóng hoàng hôn

Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?"

Hai câu kết đóng bài thơ lại, nhưng nỗi buồn vẫn như âm vang bất tận, tràn ngập trong không gian, đọng mãi trong lòng người đọc tưởng như không bao giờ dứt được.

Hoàng Hạc lâu là một trong những bài thơ nổi tiếng của Thôi Hiệu ở đời Đường đến Thi tiên Lí Bạch cũng phải khâm phục. Bài thơ mô tả

khái quát cảnh ở lầu Hoàng Hạc, nhưng chủ yếu bộc lộ nỗi hoài vọng xa xưa và nói lên nỗi nhớ quê nhà tha thiết của người lữ khách.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 119).

Đề 94- Phân tích bài "Khuê oán" của Vương Xương Linh.

Bài làm

Vương Xương Linh là một trong những nhà thơ kiệt xuất thời thịnh Đường. Thi phẩm của ông để lại hiện còn 186 bài, phần lớn là thơ thất ngôn tứ tuyệt. Bài "Khuê oán" là một kiệt tác, tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Vương Xương Linh: trầm trầm, trang nhã, tinh tế:

*"Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trong thương thủy lâu.
Hối kiến mạch đầu dương liễu sắc,
Hối giao phu tế mịch phong hầu".*

Bài thơ thể hiện tâm trạng người thiếu phụ nơi phòng khuê trong những năm tháng mà người chồng thân yêu đang xông pha, đang gởi đất nằm sương trên miền chiến địa.

Người thiếu phụ được nói đến trong *Khuê oán* không phải thuộc lớp bình dân, mà là một mệnh phụ phu nhân sống trong chốn lầu son gác tía, trong những lầu đẹp (thủy lâu). Đó là điều cần biết để cảm hiểu bài thơ *Khuê oán*. Hai câu thơ đầu nói lên cuộc sống nhàn nhã, dãi dãi của thiếu phụ thời son trẻ, khi sống hạnh phúc đoàn tụ với người chồng yêu thương. Khi ấy, nàng chưa hề biết đến nỗi buồn (bất tri sầu). Phòng khuê là tổ ấm hạnh phúc. Suốt một thời son trẻ, mỗi lần trang điểm xong, nàng bước lên lầu đẹp (để dạo bước, để ngắm hoa, nhìn cảnh, nhìn trời...):

*"Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,
Xuân nhật ngưng trang thương thủy lâu".*

(Trẻ trung nàng biết chi sầu,

Ngày xuân trang điểm lên lầu ngắm gương).

Trong câu thơ dịch, hai chữ "ngắm gương" là Tản Đà suy luận ra, chứ trong nguyên tác không hề có, hai chữ "xuân nhật" nghĩa đen là "ngày xuân"; trong văn cảnh còn mang hàm nghĩa chỉ thời trẻ trung, đây

xuân sắc, xuân tình, đó là những ngày êm đẹp, hạnh phúc nhất của nàng. Nhưng những ngày ấy đã trôi qua lâu rồi, nay chỉ còn là kỉ niệm đẹp.

Hai câu thơ đầu vừa tả tâm hồn vô tư, yêu đời (chẳng biết sâu là gì) vừa tả cử chỉ động tác (soi gương, nhẹ bước lên lầu); đúng là nhà thơ tả ít mà gợi nhiều. Hai chữ "xuân nhật" là thời gian nghệ thuật, ba chữ "bất tri sâu" là tâm trạng nghệ thuật đồng hiện, gợi tả sự trẻ trung, yêu kiều, đài các, nhàn nhã, quý phái, phong lưu...

Nàng đã sống trong giàu sang phú quý, trong êm ấm hạnh phúc gia đình thời son trẻ. Nhưng ẩn phong hầu cho chồng là niềm khao khát và mơ ước của nàng. Người chồng cũng vậy, "chí làm trai dặm nghìn da ngựa"... Có thể nói, giấc mộng phong hầu ấy rất đẹp và chính đáng. Nàng khuê phụ và chồng nàng được nói đến trong bài thơ là những con người thuộc tầng lớp trên thời thịnh Đường cách chúng ta hơn 13 thế kỉ. Họ gắn bó với nhà vua theo lí tưởng trung quân.

Hai câu 3, 4, các chữ "hốt kiến" và "hối giao" là nhãn tự của bài thơ:

"Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,

Hối giao phu tế mịch phong hầu"

(Nhác trông về liễu bên đường,

"Phong hầu" nghĩ đại, xui chàng kiếm chi)

"Dương liễu sắc" là sắc màu dương liễu, là hình ảnh hiện tại. Sau những năm dài sống cô đơn, nàng khuê phụ lên lầu cao chợt nhìn thấy. Như có sự giật mình trước sự đổi thay cả sắc màu dương liễu. "Xuân nhật" là quá khứ, "dương liễu sắc" là hiện tại. Và đó là mùa thu, sắc thu. Hình ảnh ấy mang hàm nghĩa: tuổi xuân đẹp đã trôi qua, nhan sắc xinh tươi đã dần phai sau năm tháng đợi chờ và cô đơn. "Dương liễu sắc" là một ẩn dụ, một hình ảnh ước lệ, lấy cảnh để tả tình.

Khuê phụ chợt nhìn thấy sắc màu dương liễu mà hối hận (hối giao) vì mình đã để chồng đi tòng chinh mong kiếm ẩn phong hầu. Hối hận vì phải trả giá cho giấc mộng công hầu. Người chồng có thể giải vây trên chiến địa. Người chồng cũng có thể trở thành "Chàng Siêu tóc đã điểm sương mới về" (*Chinh phụ ngâm*). Thực tế phũ phàng: cô đơn, sầu muộn, tuổi xuân mỗi mòn, mong chờ tuyệt vọng. Khuê phụ thở dài, than khóc, hối hận. Nàng tự trách mình, nàng oán trách duyên phận mình. Đó là *Khuê oán*.

Ở đây, thời gian nghệ thuật và tâm trạng nghệ thuật một lần nữa lại đồng hiện. "Hốt kiến", "hối giao" là tâm trạng khuê phụ, là nỗi đau,

nỗi buồn của người vợ trẻ có chồng đi lính ngày xưa: hối hận, u sầu, đau khổ, nàng chỉ còn biết trách mình.

Có người cho rằng "khuê oán" tiêu biểu cho tinh thần phản đối chiến tranh phi nghĩa của con người thời Đường. Thực ra "Khuê oán" chỉ là tiếng thở dài, là giọt nước mắt, sự hối hận của người khuê phụ về mộng công hầu mà nàng phải nếm trải với bao cay đắng cô đơn. Cách viết của Vương Xương Linh nhẹ nhàng và thâm thúy. Cái ẩn phong hầu thời nào cũng có giá: máu và nước mắt.

Qua bài *Khuê oán*, ta thấy phong cách nghệ thuật của Vương Xương Linh chứa chan tình đời và tình người. Càng đọc càng suy nghĩ mới thấy hay, thấy rung động.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 121).

Đề 95- Cảm nhận của anh (chị) về tiếng đàn tì bà của người kĩ nữ trên bến Tâm Dương trong bài thơ "Tì bà hành" của Bạch Cư Dị.

Bài làm

Âm nhạc là một sự diệu kì không thể thiếu được trong đời sống tinh thần của con người. Người ta đã dùng biết bao mỹ từ, bao lời văn hoa để ngợi ca cái đẹp của âm nhạc, cái sức sống mãnh liệt và niềm hi vọng vô bờ bến mà âm nhạc đã đem lại cho cuộc sống. Thơ và nhạc luôn gắn với nhau vì trong nhạc có chất thơ, trong thơ có âm điệu tiết tấu của nhạc. Thơ làm đẹp cho nhạc và âm nhạc làm đẹp cho thơ...

Nhiều nhà văn, nhà thơ đã rất thành công nhờ việc sử dụng âm nhạc một cách tài tình, khéo léo, để lại dấu ấn sâu sắc trong tác phẩm của mình. Trong đó phải kể đến Bạch Cư Dị với khúc *Tì bà hành*. Có thể nói, Bạch Cư Dị đã rất thành công trong việc sử dụng ngôn ngữ vừa giàu hình ảnh, âm thanh, vừa có nhạc điệu, tiết tấu để diễn tả cái kì diệu của tiếng đàn người kĩ nữ.

Đọc *Tì bà hành*, ta cảm thấy cái say của một kẻ khát khi tìm thấy một chén rượu ngon – tìm thấy sức sống và dường như chìm đắm trong cái say mãnh liệt của âm thanh tiếng đàn. Từng lời thơ, từng âm thanh điệu phách tình tứ cứ như thấm vào lòng người, là rung động đến tận cùng những chỗ sâu kín nhất của tâm hồn.

Những tưởng rằng mình đang ngồi trên chiếc thuyền nhỏ, lướt hai bên bờ lau sậy đều hiu, bông bênh trên dòng sông lạnh. Mảnh trang thu treo giữa bầu trời xanh ngắt và trôi theo con thuyền dưới đáy nước. Và dường như trước mắt ta đây là người kĩ nữ bến Tầm Dương đang nỉ non, tâm sự với khách lãng du...

Tiếng đàn của nàng lúc buồn man mác, lúc nức nở nghẹn ngào, lúc đau đớn xót xa oán hờn. Con người ta như quên đi tất cả, phút chốc thả mình bông bênh theo cái mà lực hấp dẫn của âm thanh kia, tiếng đàn kia. Mà có lẽ, cái ma lực của tiếng đàn, điệu phách, của âm nhạc còn chinh phục lòng người hơn cả những dòng chữ:

"Ngón buông, bắt khoan khoan diu dặt.

Trước Nghê Thường sau thoát Lục Yêu

Dây to dường đổ mưa rào,

Nỉ non nhỏ nhỏ khác nào chuyện riêng".

Sau mấy "phút tình đà thoảng bay", tiếng đàn cất lên diu dặt, du dương dưới những ngón tay của kĩ nữ. Lần lượt, ta được thưởng thức khúc Nghê Thường và khúc Lục Yêu – hai khúc nhạc cổ đậm đà hương sắc tình yêu mà xưa kia Dương Quý Phi đã làm Đường Minh Hoàng phải mê đắm. Cả không gian tĩnh lặng, cô đơn trước đó giờ như trở nên ấm áp, rung động lòng người đến lạ thường.

Tiếng đàn nỉ non, khi trầm khi bổng, lại có cả tiếng gió, mưa, tiếng của thiên nhiên đất trời. Tiếng đàn mang cả cái náo nhiệt của cuộc sống nhưng có lúc lại mang nỗi niềm thủ thỉ tâm tình cả lòng người... rồi từ đó, dường như nỗi lòng kĩ nữ cất cao tiếng hát tâm tình. Tiếng đàn chính là nơi gửi gắm và bộc lộ nỗi lòng đó. Mỗi tiếng đàn là một hạt châu long lanh nảy từ mâm ngọc làm hoa nở, chim oanh riu rít, có cả tiếng suối, tiếng nước chảy trong vắt, khi róc rách rì rầm, lúc nhanh lúc chậm:

"Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy,

Mâm ngọc đâu bỗng nảy hạt châu

Trong hoa oanh riu rít nhau,

Nước tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh"

Có lẽ, chính cái sức sống mãnh liệt của âm nhạc đã tạo ra sự kì diệu của âm thanh, của tiếng đàn đó. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã từng viết:

"Phím đàn diu dặt tay tiên

Khói trầm cao thấp, khúc huyền gần xa.

Khúc đầu đầm ấm dương hoà,

Ấy là hồ điệp hay là Trang Sinh?"

Hay:

"Trong sao châu rõ duênh duyên,

Em sao hạt ngọc Lam Điền mới đông"...

Từng giọt âm thanh buông lơ tợ như tiếng rơi quy tụ của tình hoa đất trời v.v... Song đó cũng là " một cung gió thảm mưa sầu - Bốn giây nhỏ máu năm đầu ngón tay". Mỗi tiếng đàn là một tiếng lòng phát ra từ trái tim của người kĩ nữ. Cái âm thanh rỉ máu ấy thật sâu muộn, đau đớn và ghen ngào. Xót xa trong nỗi cô đơn! Tủi hờn trong phận lạnh lùng! Cái kiếp hồng nhan bạc mệnh sao thật lắm đắng cay!

"Nước suối lạnh, dây đàn ngừng đứt,

Ngừng đứt, nên phút bật tiếng tơ,

Ôm sâu, mang giận ngán ngờ,

Tiếng tơ lặng ngắt, bây giờ càng hay".

Tiếng đàn còn gợi tả cả quá khứ lịch sử, về cuộc chiến tranh An Lộc Sơn, chỉ rõ cái phi nghĩa của cuộc chiến tranh đó, và dường như vẽ ra cái khung cảnh một xã hội loạn lạc, đầy rẫy những bất công:

"Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước,

Ngựa sắt giong, xô sát tiếng đao"...

Tiếng đàn nửa như oán trách, nửa như phẫn nộ. Âu cũng là bởi chính cái xã hội đó đã gây nên những khổ đau bất hạnh cho người kĩ nữ. Số phận nàng hiện lên trong tiếng đàn tài hoa: khi tuổi xuân phơi phới tài sắc tàn phai, nhạt nhòa thì bị lãng quên trong cô đơn. Trong xã hội đó, kĩ nữ bị coi như một món hàng rẻ rúng. Cái số kiếp "Sống làm vợ khắp người ta - Đến khi thác xuống làm ma không chồng" mãi đeo đẳng người kĩ nữ trong xã hội phong kiến. Dường như sự căm phẫn cau đớn của người kĩ nữ đã lên tới tột đỉnh... Người phụ nữ có tài, có tình có sắc ấy lẽ ra phải được hưởng một cuộc sống hạnh phúc nhưng lại bị xã hội phong kiến tàn ác đẩy vào cuộc:

"Vành lược bạc gãy tan dịp gò

Bức quần hồng hoen ố rượi rơi".

Có thể nói, ngôn ngữ hình ảnh đã được Bạch Cư Dị kết hợp một cách nhuần nhuyễn, uyển chuyển khiến cho tác phẩm trở nên có hồn, có sức sống hơn qua sự biến hình lung linh của tiếng đàn. Nó vừa là tiếng đàn thơ ngọt ngào say đắm lòng người, lại vừa là tiếng đàn hiện thực phản ánh sâu sắc xã hội Trung Đường bấy giờ... Làm sao có thể không rung động trước một tiếng đàn như thế?

(Bài của Nguyễn Lan Hương - Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sdd, tr. 124).

Đề 96 - Cảm nhận về "Hồi trống Cổ thành" trong "Tam quốc diễn nghĩa".

Bài làm

"Hồi trống Cổ Thành" được trích ở hồi 28:

"Chém Sái Dương anh em hoà giải,

Hồi Cổ Thành tôi chúa đoàn viên".

"Hồi trống Cổ Thành" đã khắc hoạ đậm nét thêm tấm lòng trọng nghĩa của Quan Công và tấm lòng cương trực thuỷ chung của Trương Phi.

Trương Phi vốn là một con người nóng nảy nhưng ngay thẳng cương trực, lòng dạ trước sau như một, luôn biết phục thiện, dám nhận sai lầm, thiếu sót.

Trương Phi đã từng túm tóc Đốc Bưu lôi tuột ra ngoài quán dịch, kéo thẳng về trước huyện trối vào tàu ngựa, bẻ mười cành liễu đánh vào mông Đốc Bưu chỉ vì tên này là một sâu dân một nước. Trương Phi đến huyện Lôi Dương hỏi tội Bàng Thống vì Trương Phi cho rằng Bàng Thống say mê rượu chè, bỏ bê việc nước, nhưng khi thấy Bàng Thống làm việc đâu ra đấy, không sai sót chút nào thì vội vàng xin lỗi: "Tiên sinh thật là bậc cao tài, tiểu tử có mắt mà không biết".

Trương Phi đã ba lần theo Lưu Bị đến Ngọa Long để mời Khổng Minh ra giúp nước. Trương Phi chán nản, bức tức vì "gã nhà quê kiêu kì" (lời Trương Phi) và đòi đốt lều cỏ của Gia Cát Lượng, nhưng khi thấy Gia Cát Lượng trong lần ra quân đầu tiên chỉ bằng một mẹo nhỏ đã phá tan mười vạn quân của Hạ Hầu Đôn tại Tân Dã, Trương Phi mới vỡ lẽ: "Khổng Minh quả là bậc anh tài".

Những nét tính cách tốt đẹp đó của Trương Phi được thể hiện khá rõ nét và hoàn chỉnh trong đoạn trích: "Hồi trống Cổ Thành."

Khi nghe Tôn Càn báo Vân Trường từ Hứa Đô vừa đưa hai phu nhân đến đây, thì Trương Phi chẳng nói năng gì, lập tức mặc áo giáo, vác mâu lên ngựa, dẫn một nghìn quân, đi tắt ra cửa Bắc. Khi vừa nhìn thấy Quan Công, Trương Phi mắt tròn xoe, râu vểnh ngược, hò hét như sấm, múa xà mâu chạy lại đâm Quan Công, vì Trương Phi nghĩ rằng Quan Công ở với Tào Tháo là giặc, nên Quan Công đã bội nghĩa.

Đây là một cuộc đón tiếp thật đặc biệt, hiếm thấy giữa hai anh em kết nghĩa đã từng thề sống chết có nhau. Trương Phi nóng nảy đến nỗi bỏ ngoài tai tất cả lời can gián của Cam phu nhân, Mi phu nhân và Tôn Càn. Trương Phi tiếp tục chửi mắng Quan Công là "thằng phụ nghĩa" rồi múa bát xà mâu hăm dọa trở lại đâm Quan Công. Cho đến khi thấy Quan Công lấy đầu Sái Dương (viên tướng của Tào Tháo), và nghe lời kể của một tên lính Tào Tháo thì Trương Phi mới hiểu được lòng dạ trung thực của Quan Công và nhất là khi nghe những việc Quan Công đã trải qua, Trương Phi đã rửa nước mắt khóc, sụp xuống lạy Vân Trường.

Những chi tiết này đã làm hoàn chỉnh tính cách nóng nảy cương trực của nhân vật Trương Phi.

Quan Công là người "tuyệt nghĩa", khi ở với Tào Tháo, Quan Công vẫn một lòng, một dạ với Lưu Bị. Khi ở trong dinh Tào, Tào Tháo đã dùng đủ mọi cách để mua chuộc, nhưng vẫn không được, lòng Quan Công vẫn hướng về Lưu Bị, nghĩ đến mối tình ba anh em kết nghĩa Lưu - Quan - Trương. Quan Công đã qua năm cửa ải, chém sáu tướng của Tào để trở về với Lưu Bị. Quan công trước sau "hàng Hán chứ không hàng Tào"

Trong đoạn trích này, để minh oan cho mình, xua tan nghi ngờ, sự hiểu lầm của Trương Phi, Quan Công đã nhận ngay điều kiện mà Trương Phi đưa ra: phải lấy đầu Sái Dương trong ba hồi trống. Không đợi đến hồi thứ ba, chỉ mới xong hồi trống thứ nhất, đầu Sái Dương đã lăn lông lốc dưới đất. Sở dĩ Quan Công hành động kì tài như vậy là vì ông muốn tỏ rõ ngay tấm lòng trung thực của ông, giải quyết ngay sự hiểu lầm của Trương Phi.

Tam quốc diễn nghĩa là một kiệt tác trong nền văn học cổ điển Trung Quốc. Tam quốc đã kể lại quá trình hình thành, phát triển và diệt vong của ba tập đoàn phong kiến cát cứ phân tranh thời Tam quốc là Ngụy - Thục - Ngô trong thời gian 97 năm từ năm 184, năm nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân Khăn Vàng (Hoàng Cân), đầu mối dẫn tới cục

diện tranh hùng cát cứ, đến năm 280, họ Tư Mã thống nhất Trung Quốc và lập nên triều đại nhà Tấn. Qua đó, La Quán Trung đã lên án chiến tranh, lên án những kẻ gian xảo, bất nhân như Tào Tháo, ca ngợi những con người nhân đức như Lưu Bị, tài trí như Khế 3 Minh, dũng khí như Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân v.v... thể hiện ước mơ của nhân dân muốn có được vua hiền, tướng giỏi.

Đoạn trích "Hồi trống Cổ Thành" đã khắc hoạ đầy ấn tượng tính cách nóng nảy, nhưng ngay thẳng, cương trực và biết phục thiện của Trương Phi, đồng thời cũng khắc hoạ đậm nét tấm lòng trọng nghĩa của Quan Công.

(Bài của Nguyễn Hữu Quang - Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 132).

PHẦN VIII- CÁC ĐỀ ÔN TẬP CUỐI NĂM

Đề 97- Viết một bài văn miêu tả một đối tượng mà em thích nhất (dòng sông, cánh đồng, người bạn...) trong đó có sử dụng yếu tố tự sự.

Bài làm

"Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới

Nước bao vây chia cắt nửa ngày sông"

(Quê hương- Tế Hanh)

Những câu thơ ấy đã giới thiệu về một vùng quê của Tế Hanh, nơi gắn liền với biển, với sóng, với cát, với vị mặn mòi của muối và cả vất vả của những con người sinh ra và lớn lên từ sóng nước mênh mông. Đó cũng là những câu thơ mà tôi rất thích, từ khi tôi đọc trong những trang sách của chị tôi. Bởi vì đó cũng là quê tôi, nơi mà tôi yêu như chính cuộc đời mình.

Nhà tôi cách biển không xa lắm, đủ để "đêm nằm nghe tiếng sóng xa vọng về". Thuở nhỏ tôi thường theo cha ra biển, đặc biệt là những ngày hè nóng nực. Cha tôi là một người dạy Văn nên có lẽ tâm hồn ông cũng luôn lãng mạn. Cha tôi dẫn tôi ra biển vào các buổi chiều, sau khi ăn cơm xong. Tôi vẫn nhớ cái câu quen thuộc mà cha tôi hay nói:

- Không biết gió trồn ở đâu? Vân ơi, con có muốn ra biển với cha không?

Tôi cũng chỉ đợi có thể, để rồi sau đó cứ cuống quýt cả lên chạy theo cha. Những gót chân nhỏ của tôi lon ton chạy theo sau những vết chân to, vững chãi của cha đang in hình trên bãi cát trắng xoá. Bờ phi lao xanh ngắt, chạy dọc ven biển, đem lại cho biển một vẻ đẹp hiền hoà. Giữa cát trắng, màu xanh của phi lao như càng đậm hơn, nổi bật hơn. Những con sóng cứ nối đuôi nhau chạy dài, chạy dài mãi. Tôi vẫn nhớ, lúc đó, tôi đã hỏi cha tôi:

- Cha ơi. Sao biển lại rộng thế? Biển có bờ không cha? Con có được ra ngoài xa như những con thuyền kia không?

Cha tôi cười:

- Có chứ, biển có bờ đấy con gái ạ. Nhưng mà bờ xa lắm. Con cố gắng học thật giỏi, và lúc đó, con sẽ theo những cánh buồm kia, con sẽ tìm thấy bờ...

Sau đó, tôi đi học xa nhà, cứ thứ bảy, chủ nhật mới được về nhà. Nhưng tôi vẫn thường ra biển vào buổi chiều. Những hàng phi lao hình như cũng lớn lên theo tôi. Bãi cát vẫn mịn màng, trắng xoá. Tôi vẫn giữ thói quen đi trên những lớp cát và nhìn lại phía sau để thấy những vết chân ấy đang bị cát lấp đầy.

Mặt biển buổi chiều thật êm ả. Những lớp sóng biển trắng xoá hình như đã bắt đầu chuyển sang màu xanh khi chiều xuống. Cả mặt biển bỗng ánh lên màu đỏ rực của hoàng hôn. Bầu trời, mặt nước, bãi cát..., tất cả như hồng rực lên, lấp lánh, giống như những chùm pháo hoa đang rơi, rơi trên biển. Những con thuyền đang từ ngoài khơi tiến vào bờ, đầy ắp cá.

- Mẹ ơi, thuyền của bố đã về rồi kìa.

Bên cạnh tôi là tiếng nói của một cậu bé đang túm lấy áo mẹ. Khuôn mặt cậu bé lấp lánh ánh hoàng hôn in hình trên đôi mắt. Cậu bé rời vạt áo mẹ, chạy ra mũi con thuyền đang nhích dần vào bờ (Hình như đó cũng là những vết chân của tôi lúc còn nhỏ, khi theo cha ra biển vào những buổi chiều). Khuôn mặt của những người dân chài sau một ngày lênh đênh trên sóng nước, trở về đất liền, sao đáng yêu đến thế? Nước da họ đen sạm nhưng ánh mắt và nụ cười thì nồng ấm, rạng rỡ. Cứ như là không có khó khăn, hiểm nguy gì trên đường họ đã vượt qua.

Biển lúc hoàng hôn bao giờ cũng đẹp hơn. Thời điểm ấy, biển mới thật sự phô diễn hết vẻ đẹp kín đáo và dịu dàng, những vẻ đẹp mà ít ai có thể nhận ra vào những thời điểm khác. Bầu trời có cảm giác như gần với mặt nước hơn. Những cánh buồm nâu đang trở về đất liền làm cho mặt biển như hẹp lại, như gần với con người hơn. Ngồi như thế nhìn biển, tôi thấy lòng thật ấm áp. Những gì lo lắng, phiền muộn, khi đối diện với biển, hình như đều vơi bớt. Tôi nói điều này với chị gái của tôi, chị cười, bảo:

- Mày thật mơ mộng. Liệu rồi sau này, đi học, ra thành phố, có còn muốn trở về ngồi ngắm biển nữa không?

Ừ, mà tôi sẽ đi học xa. Mơ ước của tôi là sẽ được đến Hà Nội, nơi có những ngôi nhà cao tầng, có ánh đèn rực rỡ mỗi khi thành phố lên đèn, nơi có những con đường hoa sữa ngát hương vào đêm khuya... Nhưng có lẽ, biển với tôi không bao giờ xa được. Vì biển là những gì mà tôi yên nhất, như tình yêu với cha, với mẹ, với chị, với em. Biển với tôi mãi là chỗ dựa, là sự bình yên mà tôi mang theo trong suốt cuộc đời mình.

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Hướng dẫn đọc

Thực ra thì những bài văn miêu tả có sử dụng yếu tố tự sự đã được giới thiệu từ chương trình tiểu học và THCS. Tuy nhiên, ở đây, chúng ta lại lặp lại một lần nữa để các em củng cố và khắc sâu hơn kiến thức và kỹ năng miêu tả.

Cần nhớ là đề yêu cầu miêu tả nhưng nhấn mạnh sự kết hợp phương thức tự sự. Do vậy, người viết cần có ý thức trong việc sử dụng những lời đối thoại, cốt truyện, nhân vật... (các yếu tố tự sự), tất nhiên ở mức độ phù hợp, không lấn át mục đích miêu tả.

Bài làm 2

(Tả trận gió mùa đông bắc)

Ba tôi người miền trong, má tôi người Hà Nội. Còn nhà tôi thì ở thành phố Hồ Chí Minh. Tôi lớn lên ở thành phố của mình, quanh năm ấm áp. Từ khi sinh ra, tôi chưa từng được ra thăm quê ngoại lần nào. Chỉ nghe nói mùa đông ngoài ấy rét lắm. Thế rồi năm ngoái, ba má cho cả tôi và Tí Sún về quê ngoại ăn Tết. Tí Sún mừng lắm, còn tôi thì mấy đêm liền nằm ngủ không yên, cứ liên tục hỏi má về miền quê ngoại nghe quen thuộc mà xa xôi ấy.

Khi máy bay hạ cánh ở sân bay Nội Bài, thời tiết vẫn chưa rét lắm. Ấy là vào đầu buổi chiều ngày 27 tết. Má tôi bảo tiết trời hôm nay thật đẹp. Nhưng ấy là khoảng giữa của hai trận gió mùa đông bắc. Suốt cả ngày hôm ấy, bọn tôi chơi với ông bà, chú, thím và những đứa em họ, thật vui lắm, tối đến tôi ngủ thiếp đi.

Nửa đêm, không rõ là mấy giờ sáng, khi tôi tỉnh giấc, bỗng nghe ngoài trời có tiếng gió thổi sáo. Gió nổi mạnh khiến tiếng những lá cây bên đường kêu lên rào rào, những cành khô run lập cập. Thỉnh thoảng, tiếng gió rít qua hàng dây điện, rót vào các lỗ hổng của nhà cao tầng, tạo nên những âm thanh ghê sợ. Qua tấm cửa kính mờ bóng điện, tôi thấy đường phố vắng người qua lại. Thỉnh thoảng một chiếc xe tắc- xi hoặc xe gắn máy của ai đó vội vã lao qua, rú còi inh ỏi. Nhưng, chỉ phút chốc, im lặng lại bao trùm, và nổi lên trong đêm vắng vẫn là tiếng gió rít, tiếng rung lên bần bật của cành cây khô bên đường.

Má tôi vẫn chưa ngủ. Má kéo lại tấm chăn bông dày và nhẹ trùm kín lên cả hai anh em tận cổ. Tôi choàng mắt dậy, hỏi:

- Mấy giờ rồi má?

- Một rưởi!- Má trả lời, rồi lấy hai chiếc mũ len đội cho cả hai anh em chúng tôi. Thảo nào buổi chiều, khi qua ngang siêu thị, tôi thấy ba má tôi mua cả mũ len, dây, tất và quần áo ấm cho chúng tôi nữa. Tôi tung chăn ngồi bật dậy:

- Gió mùa đông bắc phải không má?

- Ủ, ngủ đi, cẩn thận kéo viêm phổi đấy!

Cái rét bây giờ mới bắt đầu len vào phòng ngủ kín đáo và ấm áp của chúng tôi. Những tia gió lạnh thỉnh thoảng rớt lên mặt, lên tóc tôi. Và phút chốc, cả căn phòng đã trở nên lạnh giá. Quả nhiên, tôi chưa bao giờ cảm nhận được cái rét một cách trực tiếp như thế. Ban đầu tôi thấy vui vui. Chẳng qua cũng chỉ sờ lên mấy chú gai ốc chứ có gì đâu mà rét? Nhưng độ nửa tiếng sau, có cảm tưởng như cái rét đã theo gió lan toả đến khắp mọi nơi. Cả thủ đô trở thành một buồng lạnh, thậm chí sắp sửa biến thành một ngăn đựng đá trong tủ. Nói thế thì hơi quá, vì sự thực, nhiệt độ trong nhà lúc ấy mới chỉ 13°C. Nhưng cái cảm giác lạ lùng ấy là một sự thật, bởi vì đó là cái rét đầu tiên trong đời tôi. Tuy nhiên, khi đắp mền chăn bông êm và nhẹ phủ kín đầu, tôi lại cảm thấy một cảm giác ấm áp kì diệu. Tôi tự nghĩ nếu không có cái rét mướt ngoài kia thì chắc tôi cũng chẳng được biết đến cái cảm giác khi vùi mình vào trong chăn và đệm ấm.

Sáng ra, tất cả chúng tôi đều đi dày, tất và bận quần áo công kênh. Lúc đầu, tôi thấy khó chịu vì nó cộm cộm thế nào ấy. Nhưng chỉ một lát là quen, hơn nữa, gió rét vẫn thổi hun hút, không có cách nào khác. Theo đài truyền hình Hà Nội, nhiệt độ ngoài trời bây giờ là 11°C.

Ông và bà tôi đã già yếu. Chú tôi phải làm một chậu lửa đốt trong nhà. Chú mua than gỗ xoan (chú bảo thế) từ đâu về không biết, quạt lên đỏ rực trong một cái chậu, rồi để chính giữa hai chiếc giường của ông và bà. Tuy trong nhà có máy điều hoà nhiệt độ, nhưng cả ông và bà tôi đều không quen, không chịu được.

- Lửa than rất tốt cho sức khoẻ con người - Ông tôi già, thích- vì nó làm tăng nhiệt độ trong phòng nhưng khí ô-xi vẫn đảm bảo, hơn nữa người ta vẫn được tiếp xúc với môi trường tự nhiên...

Trưa hôm ấy, tôi và mấy đứa em con nhà chú ra ngoài hè phố chơi. Trưa đã ngừng gió, nhưng cái rét thì vẫn căm căm. Ai nấy đều bận đủ các loại áo màu sặc sỡ. Nhất là phụ nữ, họ có nhiều kiểu quần áo thật lạ, thật sang trọng..., và điều đó làm cho con người ở đây trở nên tươi đẹp hơn rất nhiều. Trên màn ảnh nhỏ, tôi đã thấy Hà Nội mùa đông rồi.

Nhưng chưa bao giờ tôi được tận mắt chứng kiến cảnh tượng cả thành phố ăn mặc như ngày hội chỉ vì một trận gió mùa đông bắc.

Nước vắn trong vòi ra, nhưng vẫn lạnh buốt. Má và thím tôi nếu muốn giặt giũ hay rửa bát đĩa đều phải dùng một chiếc bao tay lớn, để cách li với nước, thế mà vẫn "cóng". Tôi cũng chưa bao giờ có được cái cảm giác "cóng" ấy. Nhưng lúc sáng sớm, sau khi rửa mặt bằng nước nóng, tôi đã thử nghịch nước lạnh một lúc, thấy đôi bàn tay buốt dần, rồi tận trong xương tủy cảm thấy nhức thun thút, sau đó, cả hai bàn tay tôi đều tê tê, muốn cựa quậy cũng khó. Má tôi thấy vậy la lối ầm ĩ và giải thích rằng đó là "cóng lạnh". Người nào bị cóng lạnh, không cẩn thận sẽ sinh ra cảm, rồi viêm họng, viêm phổi, rất nguy hiểm.

Chiều tối, mưa phùn lất phất bay. Hạt mưa chỉ to hơn mưa xuân một chút nhưng lạnh buốt. Hình như chính vì có mưa phùn nên càng cảm thấy giá buốt. Mọi người đi đâu cũng phải dùng ni lông hoặc ô che mưa. Tôi thấy đây là một sự phiền phức lớn cho những ai muốn đi chơi ra khỏi nhà. Thế mà đường phố vẫn đông người, giờ cao điểm vẫn nghìn nghịt người xe.

Chẳng biết trời tối hẳn từ bao giờ, nhưng nhìn đồng hồ mới chỉ năm giờ rưỡi mà cả nhà đã ăn cơm chiều và phải bật đèn lên nữa chứ. Bữa cơm chiều mùa đông, thật là ấm áp. Khói bốc nghi ngút từ nồi cơm và từ các đĩa thức ăn. Tất cả đều phải được đun nóng lên. Ngoài ra, tôi còn thấy trong các thứ thịt cá kho, thím tôi bỏ rất nhiều hành, nghệ và gừng. Đây là những thứ mà trong thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi ít được dùng. Chỉ thỉnh thoảng có người ngoài Bắc vào cho một chút, thế là má tôi cũng nấu nướng đúng kiểu thức ăn Hà Nội để cả nhà thưởng thức. Tôi cũng rất thích hương vị của chúng. Ngoài tôi giải thích rằng, mùa đông cần ăn những thứ cay nóng, có lợi cho tiêu hóa và phòng chống được các bệnh do lạnh. Còn mùa hè, cũng như ở những nơi có nhiệt độ cao, thì không cần ăn nhiều những đồ này, trái lại cần dùng những thứ mát lạnh. Thế đấy, mùa đông hay mùa hạ quyết định đến từng món ăn của gia đình tôi.

Buổi tối, sau khi chơi tất cả những đồ chơi thú vị nhất của mấy đứa em họ, chúng tôi cùng vui mình vào chăn và đệm ấm. Ôi, cái cảm giác ấm êm hạnh phúc của tuổi thơ tôi! Rồi đây, khi khôn lớn, tôi sẽ chẳng bao giờ quên được cái cơn gió mùa đông bắc đầu tiên mà mình được nếm trải, vì nó gắn liền với những kỉ niệm êm đềm, ấm áp trong một đại gia đình giữa lòng thủ đô.

(Theo thầy giáo Phạm Minh Diệu)

Đề 98- Hãy viết một bài văn biểu cảm về mùa thu, trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận.

Bài làm

Có biết bao nhiêu lí do để tôi yêu mùa thu – một mùa đẹp trong vòng tuần hoàn của thời gian trôi chảy: Xuân – Hạ - Thu - Đông. Yêu lắm vòm trời cao trong xanh vời vợi, vắt ngang vài dải mây trắng lơ lửng trôi! Yêu lắm nắng mùa thu sao dịu dàng đến thế! Nắng thu mỏng mảnh như tơ trời vàng óng phủ khắp mọi nơi. Vạn vật được đắm mình tha hồ vùng vẫy trong cái nắng dịu, tươi sáng, trong trẻo như đôi mắt trong veo của bé thơ. Nắng thu không chói chang như nắng mùa hạ, không hanh hao, vàng vọt, yếu ớt như nắng mùa đông. Có ai bảo: Sao giống nắng xuân đến thế! Nhưng không phải! Mùa xuân nắng mong manh không thành màu, đâu trong sáng như nắng mùa thu. Không những thế, nắng thu còn đánh thức cả lương tâm cây trái, báo hiệu một mùa quả chín đỏ mọng hay vàng ươm đang trĩu trên cành.

Thuở bé, tôi được nghe những câu chuyện "Vì sao hoa cúc có nhiều cánh?" mà không khỏi xúc động trước tình cảm của em bé đối với bà mẹ. Phải chăng bông hoa cúc - đặc trưng của mùa thu là minh chứng cho tình mẫu tử cao đẹp ấy? Dần lớn lên, bài học ấy vẫn mãi theo tôi. Chính loài hoa này đã dạy cho tôi biết thế nào là tình yêu, là sự hy sinh, là hạnh phúc? Có lẽ vậy nên mỗi độ thu về, được ngắm loài Liêu Chi, lòng tôi lại trào dâng lên bao nỗi niềm khó tả, nó đánh thức và nhắc nhở tôi bài học về lòng hiếu thảo.

Bạn đã bao giờ ngắm nhìn hoa quỳnh nở dưới trăng chưa? Trên nền trời cao thăm thẳm, trăng dịu dàng như cô tiên nữ với chiếc váy trắng óng ánh đang nô đùa cùng muôn ngàn sao lấp lánh. Khoảng giữa là không trung bao la khoáng dang, còn dưới mặt đất này, bầu không khí tĩnh lặng yên bình, được ngắm quỳnh nở trong cảnh gió mát trăng thanh còn gì thú bằng? Hoa cúc mình khê khàng, rồi từ từ, từ từ nhẹ nhàng nở bung ra, tắm mình dưới ánh trăng ngân, thật đắm say lòng người. Không chọn cho mình cái rộn ràng của buổi bình minh, không lựa lúc cuộc sống ồn ào, hối hả ban ngày, quỳnh chọn cho mình cái khoảnh khắc tĩnh mịch này để nhẹ nhàng tỏa hương. Hoa nhẹ nhàng tỏa hương ngọt ngào của mình trong đêm để quyến rũ hồn người, khiến cho lòng người băng khuâng, man mác. Và kìa! Trăng ngơ ngàng, sững sờ, sà xuống hôn lên những cánh hoa trắng muốt, tinh khôi lưu lại đây một phết vàng lung linh huyền ảo. Chao ôi, đẹp đến mê người !

Nhắc đến mùa thu tôi lại nhớ đến những chiều tà! Thật thanh thản khi thả mình giữa những cơn mưa lá, bước dần lên thảm lá vàng rụng dày, sức nức một hương thơm thôn dã. Hít thở cái hương vị thiên nhiên mang dáng vẻ đồng nội ấy đã thấy lòng mình menh mang. Chợt nghe đâu đây lời ru ngọt ngào: "À ơi! Gió mùa thu mẹ ru con ngủ (...) Hãy ngủ, ngủ đi con. Con hời con hời...", lòng ta lại nao nao, bâng khuâng đến lạ.

Nhưng đặc biệt, tôi yêu mùa thu vì đây là mùa mà tôi cất tiếng khóc chào đời. Thật hạnh phúc biết bao bởi từ lúc hé mắt nhìn cha mẹ, người thân, cuộc đời... tôi lại được đón nhận khoảng trời thu, làn gió thu, ánh nắng thu... Cứ mỗi mùa thu, tôi lại háo hức chờ đón ba ngày vui cùng lúc: một là ngày sinh nhật với riêng mình, hai là ngày tết trung thu với cả niềm vui của trẻ con trên đời này và ngày thứ ba là ngày tựu trường tràn đầy hạnh phúc khi được mẹ đưa đến trường trên con đường thân thuộc - đến các nơi mà khi chiếc cổng mở ra là có biết bao điều kì diệu.

Thu đẹp lắm nhưng thật khó thể hiện ra. Bao bức tranh tôi đã từng được ngắm, được xem, song bức tranh thu trong tâm hồn tôi mãi đẹp hơn cả. Xin cảm ơn mùa thu đã cho tôi bao xúc cảm, niềm hạnh phúc lớn lao. Và trên tất cả là thu đã dang rộng vòng tay chào đón tôi khi tôi cất tiếng khóc đầu đời. Yêu lắm, mùa thu ơi !

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Đề 99- Viết một văn bản nghị luận tự chọn, trong đó có sử dụng yếu tố biểu cảm. Sau đó tóm tắt bài viết của mình trong khoảng 10 - 15 dòng.

Bài làm

"Mục đích cuộc sống"- đó là một vấn đề có ý nghĩa lớn lao đối với nhân loại, và cũng là một vấn đề có tính thời sự đối với Thanh niên hiện nay.

Người quân tử xưa đặc biệt chú ý "tu thân", người phụ nữ luyện rèn "tứ đức". Tại sao lại như vậy? Ngày nay chúng ta ai cũng muốn thành công trên con đường học tập. Vậy mục đích, động cơ của ta là gì?

Trước khi trả lời câu hỏi đó, chúng ta cùng xem tại sao phải cần có mục đích, động cơ? Nhà văn Pháp Đi-đrô từng nói: "Nếu không có mục đích, anh sẽ không làm được gì cả. Anh cũng không làm được gì nếu như mục đích tầm thường".

Mục đích - nó tựa hồ như kim chỉ nam định hướng, như ngôi sao Bắc Đẩu rực rỡ trời khuya. Không có mục đích, ta chẳng khác nào kẻ có mắt mà phải dò dẫm, lầm đường trong đêm tối.

Hãy tưởng tượng cuộc sống là muôn nghĩa, muôn triệu mối dây chẳng chịt. Bạn sẽ lựa chọn mối dây nào hay tự thiết kế cho mình một mối dây riêng? Nếu chúng ta chưa định hình trong đầu óc mình những việc cần làm, những gì cần vươn tới, thì những mối dây hỗn độn ấy chỉ càng làm ta bối rối. Ta sống mà không biết sống để làm gì? Ta như cái bóng vật vờ lang thang vô định.

Nhà thơ Chế Lan Viên cũng từng khắc khoải, đau đớn trong những câu hỏi:

*"Ta là ai? Như ngọn gió siêu hình
Câu hỏi hư vô thổi nghìn nến tắt,
Ta vì ai? Khẽ xoay chiều ngọn bắc
Bàn tay người thấp lại triệu chồi non".*

(Hai câu hỏi)

Nhà thơ chỉ thực sự là chính mình khi thoát khỏi "tinh cầu giá lạnh", hiểu ra ý nghĩa cuộc sống, mục đích của mình là đem lời thơ phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc. Mục đích thiết tha như thế đấy.

Đối với chúng ta, mục đích của việc học tập, tu dưỡng là thế nào?

Khẩu hiệu của học sinh chúng ta là: "Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp". Sự nỗ lực của mỗi chúng ta là một phần quan trọng để làm đẹp hơn Tổ quốc. Ta phấn đấu vì cuộc sống, tương lai của chính mình, của gia đình mình chẳng phải là đã tạo nên một tế bào khoẻ mạnh cho cơ thể đất nước thêm cường tráng đó sao?

Bác Hồ đã từng dạy: "Thanh niên đừng hỏi nước nhà đã đem lại gì cho mình, mà phải hỏi mình đã làm được gì cho nước nhà".

Bạn và tôi chúng ta phấn đấu cho những mục đích của riêng mình nhưng đều có điểm chung là hội tụ lòng yêu đất nước, yêu nhân dân. Chúng ta cùng rèn luyện cho mình một lương tâm trong sáng để có một mục đích trong sáng nhé.

Tóm tắt văn bản:

Bài viết nêu ý kiến về "mục đích cuộc sống" nói chung và vấn đề lí tưởng sống của thanh niên hiện nay nói riêng.

Con người ai cũng có mục đích sống. Mục đích chính đáng và cao cả đó là lí tưởng. Lí tưởng có vị trí vô cùng quan trọng trong tinh thần của mỗi người. Nó có thể làm người ta hứng khởi, có thể khiến người ta khổ đau.

Lí tưởng càng cao cả thì cuộc sống càng có ý nghĩa đẹp đẽ.

Người xưa đã từng tu thân, rèn luyện bản thân mình một cách nghiêm khắc để có được những nhân cách cao đẹp vì lí tưởng, hoài bão của thời đại.

Thanh niên ngày nay cần phấn đấu, rèn luyện theo lí tưởng phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)

Đề 100- Viết một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học mà anh (chị) thích, trong đó sử dụng yếu tố biểu cảm.

Bài làm

Tôi đã từng đọc nhiều tác phẩm văn học rất hấp dẫn, nhưng với *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng thì tôi đã phải rơi nước mắt.

Chúng tôi không biết đến chiến tranh, tác phẩm *Chiếc lược ngà* đã giúp chúng tôi hiểu hơn về tình người trong cuộc chiến.

Với *Chiếc lược ngà*, nhà văn đã chậm chậm dẫn dắt người đọc đến với một vùng sông nước ở miền Đông Nam Bộ trong những năm đầu của thập kỉ 60 – thế kỉ XX. Gia đình anh Sáu cũng như bao nhiêu gia đình khác trong chiến tranh: con chưa hề biết mặt cha. Sau bao khao khát mong chờ thì cũng là lúc bao tình huống dở khóc, dở cười xảy ra. Anh đi thoát li kháng chiến từ đầu năm 1946, sau khi tỉnh nhà bị chiếm, lúc đưa con gái duy nhất của anh – bé Thu – chưa đầy một tuổi. Tám năm ở rừng, nỗi nhớ con cồn cào chỉ được thoả mãn bằng một bức hình nhỏ. Chính vì thế mà ngày trở về, "cái tình người cha cứ nôn nao trong anh", đến nỗi "không thể chờ xuống cập bến, anh nhón chân nhảy thót lên...bước vội vàng với những bước dài". Chỉ thế thôi cũng đủ cho ta hiểu sự nóng lòng gặp con trong anh lớn biết nhường nào. Anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh nên anh "vừa bước vừa khom người đưa tay đón chờ con". Nhưng một tình thế mà anh không bao giờ ngờ tới đã xảy ra: "Con bé giật mình, tròn mắt nhìn... ngơ ngác, lạ lùng". Rồi nó thét lên "Má. Má..."

khiến anh bị sốc đến nỗi "hai cánh tay của anh buông thõng xuống như bị gãy". Trái tim người cha của anh đã bị tổn thương nặng nề.

Trong vai người chứng kiến, tác giả đã dẫn người đọc đi từ đầu đến cuối câu chuyện với một niềm xúc động ngậm ngùi. Bà ngày phép ngăn ngui, anh đã cố gắng hết sức để gần con. Nhưng hình như anh càng cố gắng thì khoảng cách tình cảm của anh với con gái càng xa hơn. Mâu thuẫn trong câu chuyện cứ tăng dần. Người cha chỉ mong sao được con gọi một tiếng "ba" nhưng chẳng bao giờ có được. Nghe mẹ giục, con bé bảo: "Thì má cứ kêu đi!".

Khi bắt buộc phải gọi "ba", sự đáp lại của con bé là những lời trống không, tức tưởi: "Vô ăn cơm", "Cơm chín rồi", "Con kêu rồi mà người ta không nghe"...

Hai tiếng "người ta" phát ra từ miệng của một đứa bé 7. 8 tuổi để gọi cha của mình! Nguyễn Quang Sáng dùng từ rất đúng chỗ, làm người đọc phải cố nén tiếng thở dài. Mâu thuẫn trong câu chuyện đã được đẩy lên cao hơn nữa trong tình huống "chất nước cơm" của con bé. Để hoàn thành nhiệm vụ mẹ giao, con bé không thể không cầu cứu người trợ giúp. Kịch tính được đẩy dần lên nhưng vẫn là những câu nói trống không: "Cơm sôi rồi, chất nước giùm cái", "Cơm sôi rồi, nhào bây giờ"... Và sau những giây phút sợ hãi nhìn xuống lại nhìn lên...nhăn nhó, muốn khóc... lúnh quính... nó đã tự mình giải quyết mâu thuẫn một cách đáo để bằng cách "lấy cái lá mức ra từng lá nước, miệng lẩm bẩm điều gì không rõ". Điểm cao trào của tình huống truyện, giọt nước tràn li là bữa cơm cuối cùng, khi anh gấp cho con cái trứng cá to vàng để vào chén con. Nhưng con bé "lấy đũa soi vào chén rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung toé cả mâm".

Quá đau đớn, thất vọng, anh "vung tay đánh con" nhưng bé Thu cứng đầu không khóc. Chiều hôm ấy nó sang luôn bên bà ngoại "mét với ngoại" và ngủ luôn bên đó. Anh Sáu gần như không còn chút hi vọng nào được nhận là cha trong cuộc gặp gỡ ngắn ngủi này.

Nhưng không, tình phụ tử vẫn mãi là bài ca bất diệt. Đó chỉ là màn đầu của vở kịch đầy xúc động này. Chúng ta được chứng kiến một Nguyễn Quang Sáng rất sâu sắc, tinh tế trong việc khắc họa tâm lí nhân vật. Quả thật, người đọc khó mà phân biệt được đâu là cuộc sống thực, đâu là sự hư cấu trong truyện. Chi tiết gây xúc động nhất đối với người đọc có lẽ là buổi sáng hôm sau: khi anh chia tay với gia đình để bước vào một cuộc chiến đấu mới, bé Thu xuất hiện với một thái độ hoàn toàn khác hẳn, "nó không bướng bỉnh, cau có nữa". Vẻ mặt nó sầm lại, buồn rầu. Và cái nhìn

cũng khác. Đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng với một vẻ nghi ngại sâu xa. Chúng ta có cảm giác như người kể chuyện chỉ để tâm theo dõi cô bé bằng trái tim của người cha. Đó cũng là lí do để chúng ta có được những trang viết đánh thức tận cùng mọi ngõ ngách của tâm hồn người đọc. "Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao". Nỗi khát khao tình cha con được bật lên bởi tiếng kêu: "Ba...a...a...ba". Tất cả như được giải toả nhưng sao bỗng nhiên, người đọc lại có cảm giác xót xa đến kì lạ. Bởi vì chỉ vì vết sẹo dài trên gương mặt người cha, dấu tích mà chiến tranh đã hằn in như một lời tố cáo nhẹ nhàng mà sâu sắc về mất mát, về bi kịch...

Tình cha con quả thật là sâu nặng. Cái tình cảm không gì thay thế được bộc lộ bột phát nhưng mãnh liệt và sâu sắc. Chính vì nó được xuất hiện liên tiếp qua những tình tiết lô-gíc khiến người đọc không thể nào không tin đây là câu chuyện "thật hơn cả con người thật". Nếu như phút gặp mặt, con bé "tái đi", vừa chạy vừa gọi má một cách hốt hoảng trước người đàn ông xa lạ có vết sẹo dài bên má thì giờ đây, cũng là tiếng kêu thét nhưng là tiếng kêu xé lòng gọi "Ba". Đó là những cái hôn chuộc lỗi, là những giọt nước mắt đắng cay, mặn, ngọt.

Người đọc lại không thể không xúc động khi chứng kiến buổi chia tay của hai cha con anh Sáu buổi sáng hôm ấy (tất nhiên là bằng lời kể chuyện của nhà văn, người đã nhập vai những nhân vật trong truyện thành công). Và cũng không ai có thể ngờ rằng: phút nhận cha đầu tiên cũng là phút chia li vĩnh viễn. Người đọc xúc động sâu sắc khi quả pháo Mĩ cắt đứt cuộc sống của anh. Nhưng tình cha con thì không thể chết được. Bàn tay anh vẫn còn chút sức lực cuối cùng để trao lại cây lược ngà cho đồng đội, thay anh thực hiện lời hứa với đứa con gái trước khi lên đường.

Ra đời cách đây đã hơn nửa thế kỉ nhưng *Chiếc lược ngà* ngay lập tức và mãi mãi chiếm được cảm tình của người đọc. Cảm tình ấy được lí giải bằng nhiều yếu tố: sức hấp dẫn của tình huống truyện, lối kể chuyện thủ thỉ nhưng thấm đẫm nỗi niềm của một người cầm bút đã từng đi qua hai cuộc kháng chiến. Mặt khác, sự hấp dẫn của câu chuyện còn là tính nhân văn được gói gọn trong những trang viết đầy cảm xúc.

Có lẽ, không nên bàn về cái được, mất ở đời. Chỉ biết rằng, câu chuyện đã kết thúc nhưng dư âm của tình cha con vẫn làm thổn thức bao trái tim người đọc. Tác phẩm góp một tiếng nói để khẳng định: vượt qua bao bi kịch, tình phụ tử vẫn luôn luôn bất diệt.

(Bài do cô giáo Phạm Thị Anh cung cấp)

Đề 101- Nhận xét về nét đặc sắc, truyền thống của văn học Việt Nam, sách văn học 10, tập một có viết: "Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc là đặc điểm sâu sắc nhất của tâm hồn Việt Nam".

Qua những tác phẩm văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX mà anh (chị) đã học, đã đọc, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Bài làm

Lịch sử văn học một dân tộc là lịch sử tâm hồn của dân tộc ấy. Và lịch sử văn học Việt Nam cũng chính là lịch sử tâm hồn của dân tộc Việt Nam. Nền văn học Việt Nam mặc dù trải qua nhiều thời kì lịch sử, nhiều bước thăng trầm nhưng vẫn không ngừng phát triển và vẫn giữ được bản sắc riêng. Nội dung lớn xuyên suốt lịch sử văn học dân tộc đó là: Lòng yêu nước và tinh thần tự hào dân tộc. Sách Văn học 10, tập một có viết: "Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc là đặc điểm sâu sắc nhất của tâm hồn Việt Nam".

Nhận định trên được thể hiện rõ qua các tác phẩm văn học từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.

Tinh thần yêu nước luôn thường trực trong tâm hồn mỗi con người Việt Nam. Quê hương - đó là hai tiếng thiêng liêng mà con người Việt Nam luôn giữ trong tâm hồn mình, luôn hướng về quê hương với những tình cảm cao đẹp nhất. Tình yêu quê hương đất nước đó thể hiện thấm thiết trong thời bình và càng nồng cháy khi đất nước gặp chiến tranh. Trước nạn ngoại xâm, tinh thần ấy được biểu hiện qua những áng hùng văn sôi nổi tinh thần quyết chiến và những hình tượng anh hùng cứu nước. Đất nước bị ngoại xâm đã làm đau lòng hàng triệu con tim của người dân Việt Nam. Nỗi đau trước cảnh nước mất nhà tan đã làm day dứt, trăn trở người anh hùng dân tộc Trần Hưng Đạo trong bài *Hịch tướng sĩ*: "Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối; ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa". Nỗi đau đó đã đi vào từng bữa ăn, từng giấc ngủ của Trần Hưng Đạo, và khi lên đến đỉnh điểm đã trở thành lòng căm thù không đội trời chung với lũ giặc cướp nước: "chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan uống máu quân thù. Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn xác này gói trong da ngựa, ta cũng vui lòng"

Trước cảnh đất nước gặp rồi ren, vô cùng lo lắng cho vận mệnh của non sông đất nước, Trần Quốc Tuấn đã chỉ ra cho tướng sĩ thấy được tội ác tày trời của lũ giặc cướp nước: "ta cùng các ngươi sinh ra phải thời loạn lạc, lớn gặp buổi gian nan. Ngó thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang

ngoài đường. Uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình, đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ, thác mệnh Hốt Tất Liệt mà đòi ngọc lụa, để thoả lòng tham không cùng, giả hiệu Văn Nam Vương mà thu bạc vàng, để vét của kho có hạn"

Đất nước lâm nạn nhưng các tướng sĩ không biết lo lắng mà còn ham thú vui chơi. Ông đã chỉ ra những sai lầm cho các tướng sĩ: "Nay các người nhìn chủ nhục mà không biết lo, thấy nước nhục mà không biết thẹn v.v..."

Trần Quốc Tuấn không những chỉ ra sai lầm của các tướng sĩ mà ông còn kích thích lòng tự ái, tự tôn dân tộc để các tướng sĩ tu tỉnh và có những hành động cụ thể để bảo vệ vận mệnh của non sông đất nước.

Tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc còn được thể hiện rõ qua *Bình Ngô đại cáo* của người anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi.

Trước hết đó là lời tuyên bố đầy tự hào về nền độc lập của nước Nam: "Nước Đại Việt ta từ trước, Vốn xưng văn hiến đã lâu"

Khi đất nước bị xâm lăng, cuộc khởi nghĩa hướng tới lí tưởng cao đẹp - đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho muôn dân: "Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân".

Khi giặc đến, khí thế chiến đấu anh dũng, hào hùng của nhân dân đã được Nguyễn Trãi ghi lại:

*"Trận Bồ Đằng sấm vang chớp giạt,
Miền Trà Lân trúc chẻ tro bay"*

Và trước khí thế anh hùng, trước tinh thần chiến đấu anh dũng của nhân dân ta, lũ giặc cướp nước đã phải trả giá cho tội ác của mình

*"Đánh một trận, sạch không kình ngạc
Đánh hai trận, tan tác chim muông"*

Tình yêu đất nước đôi khi còn thể hiện ở một nỗi xót xa, đau đớn, một tâm trạng bất chợt như buồn man mác, như nuối tiếc về quá khứ xưa. Tú Xương đã nuối tiếc về đất nước, quê hương:

*"Sông kia giờ đã nên đồng,
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình còn tưởng tiếng ai gọi dò"*

(*Sông Lấp*)

Nhà thơ luôn hướng về quê hương và trong thời kì này không biết bao nhiêu những tâm hồn bị rạn nứt vì nỗi tiếc, vì trần trở với quê hương.

Yêu quê hương, con người Việt Nam đã yêu những mảnh đất bé nhỏ, đơn sơ trên đất Việt. Cảnh sắc Đèo Ngang đã được Bà huyện Thanh Quan miêu tả dưới con mắt của một thi sĩ với cách nhìn rất tế nhị, độc đáo:

*"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi, tiêu vài chú,
Lác đác bên sông, chợ mấy nhà"*

Cảnh sắc Việt Nam, dưới con mắt Bà huyện Thanh Quan rất gần gũi, thân thuộc nhưng cũng rất thơ và trong cảnh sắc thân thuộc của quê hương, bà đã bộc lộ tâm sự thầm kín của tâm hồn mình:

*"Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại: trời, non, nước,
Một mảnh tình riêng, ta với ta"*

Câu thơ đọc lên ta như cảm nhận được một tâm trạng buồn khắc khoải. Phải chăng đây chính là nỗi buồn của nhà thơ trước cuộc sống đương thời? Nhưng trong hoàn cảnh đó, nhà thơ vẫn gửi gắm tâm hồn mình với thiên nhiên, với cảnh sắc Việt Nam.

Nói đến làng quê Việt Nam, nói đến một làng quê thanh bình là nói đến những con đò, những dòng sông êm đềm trôi, nói đến những lũy tre xanh ngát, giản dị mà rất đẹp. Cảnh sắc quen thuộc thân thương đó đã đi vào thơ Nguyễn Khuyến:

*"Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo"*

Chỉ là một "ao thu" nhỏ nhỏ, một "chiếc thuyền", một "ngõ trúc" nhưng những hình ảnh đó hiện lên trong thơ Nguyễn Khuyến rất đẹp, rất gần gũi thân thuộc và mang màu sắc riêng của làng quê Việt Nam. Nhà thơ đã cảm nhận được những nét đẹp riêng của làng quê Việt Nam. Đường như nhà thơ cảm thấy thư thái, thanh thản trước cảnh sắc bình dị nhưng cũng rất đẹp, rất thơ của Việt Nam.

Thơ văn Việt Nam có sức sống mãnh liệt. Thơ văn Việt Nam đã phản ánh đúng cuộc sống, tâm hồn tình cảm của con người Việt Nam. Qua những tác phẩm văn học đặc biệt, từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX chúng ta đã thấy rõ được nội dung lớn của văn học Việt Nam đồng thời cũng là tâm hồn tình cảm người Việt, đó là: "Tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc sâu sắc". Phải chăng chính điều đó, chính những tình cảm rất thật của người Việt Nam mà văn học đã thể hiện, đã tạo thành sức sống mãnh liệt riêng? Không những thế văn học Việt Nam ngày càng được phát triển và đã có những thành tựu rực rỡ.

(Theo *Những bài làm văn chọn lọc 10*, Sdd, tr.206)

Đề 102- Dựa vào bài Tổng kết tri thức văn học Việt Nam trong sách giáo khoa "Ngữ văn 10", hãy viết lá thư trong đó giới thiệu tóm tắt nội dung chương trình đã học cho người thân (anh, chị hay bố mẹ...) đang công tác ở xa.

Bài làm

Ba xa nhớ !

Một năm học đã trôi qua, con gái của ba giờ đã học xong lớp mười - năm đầu của cấp III đầy bỡ ngỡ. Để rồi, ba biết không, vài tháng nữa, khi con gặp lại ba, con không còn là cô bé nhõng nhẽo của ba khi xưa bởi vì con không chỉ thay đổi về hình dáng bên ngoài mà còn biết suy nghĩ sâu sắc và thấu đáo hơn trước. Sự thay đổi của con hôm nay chính là nhờ những gì con được học ở lớp 10, đặc biệt là môn văn đấy ba ạ. Ba có muốn biết con đã được học những gì không?

Ôi thế giới văn chương thật rộng lớn, văn học đã mở ra trước mắt con cả một chân trời tri thức. Càng đi sâu vào tìm hiểu, khám phá con càng yêu quý nó lắm.

Ba biết không? Văn học Việt Nam gồm văn học dân gian và văn học viết. Con hiểu sâu hơn về truyền thống của văn học Việt Nam. Đó là tinh thần yêu nước chống ngoại xâm và tinh thần nhân đạo.

Đến với văn học dân gian con được biết các truyện thần thoại, sử thi, ngụ ngôn, cổ tích, truyện tiểu lâm, và cả một kho tàng tục ngữ, ca dao- dân ca hết sức phong phú... Văn học dân gian là nguồn tri thức về đời sống, có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, có giá trị thẩm mĩ và mang bản sắc riêng của từng dân tộc.

Các con được học truyền thuyết *An Dương Vương - Mỵ Châu - Trọng Thủy*, đọc đi đọc lại truyện cổ tích *Tấm Cám*, học truyện cười dân gian *Tam đại con gà*...

Các con thật sự tự hào về nền văn học dân gian của dân tộc mình, ba ạ!

Không chỉ học văn học dân gian của Việt Nam, các con còn được học những thành tựu nghệ thuật của văn học cổ đại nước ngoài. Đó là sử thi *Ôdixê* của Hi Lạp, *Ra-ma-ya-na* của Ấn Độ. Hoàng tử Ra-ma trong sử thi *Ra-ma-ya-na* có những nét gì giống chàng Đam Săn trong sử thi *Đam Săn*.

Chúng con cũng thực sự ấn tượng với những thành tựu của văn học viết Việt Nam từ thời trung đại đến nay. Văn học trung đại (từ TK X đến TK XIX) có nội dung yêu nước và nhân đạo sâu sắc. Bây giờ con đã hiểu quan niệm "trung quân ái quốc" mà hồi xưa nội thường dạy cha và con. Bây giờ, các con được học thêm nhiều về nền văn hóa của dân tộc thể hiện trong văn học trung đại, như bài *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu, *Hứng trở về* của Nguyễn Trung Ngạn, *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi, *Đại việt sử kí* của Lê Văn Hưu và *Đại việt sử kí* của Ngô Sĩ Liên, hoặc những áng văn nghị luận còn mãi muôn đời như *Trích diễm thi tập* của Hoàng Đức Lương, *Hiển tài là nguyên khí quốc gia* của Thân Nhân Trung...

Khi viết thư cho ba, con còn nghe âm vang bài ca hùng tráng của một áng "thiên cổ hùng văn"

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo"

(Bình Ngô đại cáo- Nguyễn Trãi)

Và âm vang những "tiếng kêu đứt ruột" từ trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, cả trong *Chinh phụ ngâm* của Đặng Trần Côn, *Cung oán ngâm* của Nguyễn Gia Thiều. Còn nếu nói về nghệ thuật huyền bí và quái

đán, con rất thích *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* (trong *Truyện kì mạn lục*) của Nguyễn Dữ...

Từ các tác phẩm ấy con được biết thêm về cuộc sống của nhân dân ta dưới thời phong kiến, biết được nỗi đau khổ hay số phận bạc bẽo của những con người đáng thương vì những nguyên nhân chiến tranh, đói khổ và tệ tham nhũng.

Truyện Kiều đã bóc trần bộ mặt nhơ nhuốc của bọn quan lại, sai nha, bọn buôn thịt bán người, vì tiền mà "táng tận lương tâm"... *Chinh phụ ngâm* tố cáo chiến tranh phi nghĩa, *Cung oán ngâm* tố cáo chế độ cung tần... Nói chung, đó là những tác phẩm có giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

Ở lớp 10, con còn được học các tác phẩm văn học nước ngoài như: Lí Bạch, Đỗ Phủ, Thôi Hiệu, La Quán Trung... (Trung Quốc), cả các nhà thơ Hai-cư (Nhật Bản) nữa.., ba ạ!

Bên cạnh các tác phẩm văn học, các tác gia nổi tiếng, các con còn được học về ngôn ngữ học tiếng Việt, lí luận văn học... Những tri thức về văn bản văn học, về cấu trúc nội dung và hình thức của tác phẩm, các biện pháp đọc-hiểu và cách viết các loại văn bản đều được dạy học chu đáo.

Ba ạ, cuộc sống quả là kì diệu phải không ba? Nó đã được trải dài qua từng trang sách. Nhà văn Gor-ki đã có lí khi nói về tác dụng của sách và khuyên mọi người nên đọc sách. Còn con sau khi học văn lớp mười con càng hiểu thêm về câu nói: "Văn học là nhân học" của Gor-ki ba ạ!

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm và sửa chữa)

MỤC LỤC

PHẦN I- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 1

Đề 1- Tóm tắt đoạn trích Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây	5
Đề 2- Hãy tưởng tượng mình là Đăm Săn, kể lại trận đánh Mtao Mxây	6
Đề 3- Tả quang cảnh nhà Đăm Săn sau khi chiến thắng Mtao Mxây	10
Đề 4- Có ý kiến cho rằng, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng. Qua đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", hãy chứng minh.	11
Đề 5- Cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp của một nhân vật văn học mà anh (chị) thích.	14
Đề 6- Cảm nghĩ anh (chị) sau một chuyến đi (du lịch hoặc tham quan).	16
Đề 7- Thuyết minh về văn học dân gian Việt Nam cho đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường em.	22
Đề 8- Hãy viết một bài văn ngắn giới thiệu về trường hoặc về lớp của anh (chị).	24
Đề 9- Viết bài văn giới thiệu bức tranh chưa Một Cột.	26
Đề 10- Giới thiệu hình ảnh đầm sen Việt Nam	27
Đề 11- Giới thiệu hình ảnh cánh đồng lúa quê hương bạn.	28
Đề 12- Giới thiệu hình ảnh con trâu trên đồng ruộng.	32
Đề 13- Giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu ngôn ngữ: "Học vắn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".	33
Đề 14- Nhận xét về nội dung câu tục ngữ: "Học thầy không tày học bạn".	37
Đề 15- Giải thích và chứng minh câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".	39
Đề 16- Phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo trong truyền thuyết "An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy".	41
Đề 17- Qua đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" của dân tộc Mường, nêu nhận xét của em về quan niệm của nhân dân lao động thời xưa về nguồn gốc vũ trụ.	43
Đề 18- Viết đơn xin học môn cờ vua tại câu lạc bộ thể thao.	46

PHẦN II- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 2

Đề 19- Tóm tắt chuyện của nhân vật Trọng Thủy trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy.	47
Đề 20- Kể lại truyện An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thủy, tưởng tượng một cách kết thúc khác với tác giả dân gian.	48
Đề 21- Tê-lê-mác kể lại buổi Uy-lit-xơ trở về.	50
Đề 22- Tóm tắt truyện Tấm Cám.	52
Đề 23- Từ truyện Tấm Cám, hãy viết ba đoạn văn miêu tả cô Tấm trong ba hoàn cảnh.	53
Đề 24- Tả lại ngôi nhà Tấm ở khi còn nhỏ theo tưởng tượng của em.	55
Đề 25- Kể lại một câu chuyện ngoài cuộc sống mà anh(chị) đã được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.	58
Đề 26- Tả lại một con chim bị nhốt trong lồng.	60
Đề 27- Con chim bị nhốt trong lồng tự kể chuyện mình.	63

PHẦN III- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 3 (BIỂU CẢM)

Đề 28- Cảm nghĩ của anh chị về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số bài ca dao than thân trách phận.	67
Đề 29- Cảm nghĩ về một bài ca dao mà anh (chị) thích.	71
Bài 30- Cảm nhận về truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thủy	73
Đề 31- Ca dao có một số câu bắt đầu bằng "Thân em...". Anh (chị) hãy tìm hiểu khoảng ba, bốn câu như thế và làm rõ nét đặc sắc của chúng.	75
Đề 32- Cảm nghĩ của anh (chị) về bài thơ <i>Tổ lòng</i> của Phạm Ngũ Lão.	78
Bài 33- Cảm nghĩ của em về bài Tựa "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương.	80
Đề 34- Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật nàng Xi-ta trong đoạn trích "Ra-ma buộc tội" (SGK <i>Ngữ văn 10</i> , tập 1)	82
Đề 35- Cảm nghĩ của anh (chị) khi học bài thơ <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> của Nguyễn Du.	85
Bài 36- Cảm nhận của em sau khi đọc bài "Thái sư Trần Thủ Độ" trích <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> của Ngô Sĩ Liên.	92
Đề 37- Cảm nghĩ khi đọc bài "Cảm xúc mùa thu" của Đỗ Phủ.	95
Bài 38- Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" trích trong "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ	97
Đề 39- Quan sát và nêu cảm xúc của anh (chị) trước quang cảnh một cánh đồng lúa chín.	99
Đề 40- Quan sát ngôi nhà cao tầng đang xây và nêu cảm xúc của anh (chị).	100
Đề 41- Cảm xúc của anh (chị) khi nhìn một đứa bé mồ côi không nơi nương tựa.	101
Đề 42- Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh.	103
Đề 43- Cảm nghĩ đêm trăng sáng đẹp.	105
Đề 44- Cảm nghĩ khi xa nhà.	106
Đề 45- Cảm nghĩ khi xa mái trường trung học cơ sở.	109
Đề 46- Cảm xúc của em trước cảnh con chim bị nhốt trong lồng	112

PHẦN IV- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 4 (KIỂM TRA KÌ I)

Đề 47- Kể lại một câu chuyện cười mà anh (chị) cho là có ý nghĩa phê phán sâu sắc.	114
Đề 48- Kể lại một chuyện xảy ra trong lớp học hoặc trong đời sống khiến anh chị băn khoăn về đạo đức, lối sống.	114
Đề 49- Kể lại một câu chuyện trong sinh hoạt hàng ngày mà em được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.	115

PHẦN V- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 5 (THUYẾT MINH VỀ THỂ LOẠI, VẤN ĐỀ VĂN HỌC)

Đề 50- Giới thiệu ca dao Việt Nam.	117
Đề 51- Cô giáo giao cho anh (chị) thuyết trình trước Câu lạc bộ Văn học của lớp về đề tài: ca dao xưa đã thể hiện một cách sâu sắc và thấm thía thân phận đau khổ của người phụ nữ trong xã hội phong kiến bất công. Anh (chị) hãy viết bài thuyết trình ấy chuẩn bị trình bày trước Câu lạc bộ.	123
Đề 52- Giới thiệu chùm ca dao than thân	127

Đề 53- Giới thiệu một số biện pháp nghệ thuật thường gặp trong ca dao yêu thương, tình nghĩa.	129
--	-----

PHẦN VI- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 6 (THUYẾT MINH VỀ TÁC GIA, TÁC PHẨM)

Đề 54- Giới thiệu bài <i>Phú sông Bạch Đằng</i> của Trương Hán Siêu.	131
Đề 55- Giới thiệu về tác gia Nguyễn Trãi.	133
Đề 56- Giới thiệu bài thơ <i>Cảnh ngày hè</i> của Nguyễn Trãi.	136
Đề 57- Giới thiệu văn bia <i>Hiền tài là nguyên khí quốc gia</i> của Thân Nhân Trung.	138
Đề 58- Giới thiệu bài tựa sách <i>Trích diễm thi tập</i> của Hoàng Đức Lương.	139
Đề 59- Giới thiệu tác gia Nguyễn Bình Khiêm và bài thơ <i>Thú nhân</i>	140
Đề 60- Giới thiệu <i>Chuyện chức phán sự đền Tản Viên</i> của Nguyễn Dữ.	142
Đề 61- Giới thiệu đoạn trích: "Nỗi sầu oán của người cung nữ" (Trích <i>Cung oán ngâm</i> của Nguyễn Gia Thiều).	144
Đề 62- Giới thiệu tác giả Nguyễn Du.	146
Đề 63- Giới thiệu bài thơ <i>Độc Tiểu Thanh Kí</i> của Nguyễn Du.	149

PHẦN VII- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 7 (NGHỊ LUẬN TỔNG HỢP)

Đề 64- Vai trò của sách đối với đời sống nhân loại.	152
Đề 65- Suy nghĩ về lòng dũng cảm.	153
Đề 66- Bình luận câu nói "Cái khó bó cái khôn".	155
Đề 67- Bình luận câu tục ngữ: "Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng".	156
Đề 68- Quan niệm về một bài thơ hay	158
Đề 69- Phân tích nhân vật Xúy Vân trong trích đoạn chèo "Xúy Vân giả dại".	164
Đề 70- Phân tích truyện cổ tích Tấm Cám.	167
Đề 71- Phân tích và chứng minh nhận định: "Ca dao là tiếng hát yêu thương, tình nghĩa".	169
Đề 72 - Khi Thúy Kiều buộc phải bán mình để chuộc cha và em, nàng nhờ Thúy Vân thay mình lấy Kim Trọng. Thúy Kiều đã nói với Thúy Vân "Ngày xuân ... hãy còn thơm lây". Anh (chị) hãy phân tích để chứng minh rằng trong cảnh ngộ của Thúy Kiều lúc ấy thì nói như Thúy Kiều là thích hợp nhất.	174
Đề 73 – Phân tích đoạn tả tiếng đàn của người kĩ nữ bên Tầm Dương	177
Đề 74- Nhân vật văn học thường có tính cách và số phận. Thông qua tính cách và số phận nhân vật, nhà văn bày tỏ mối quan tâm sâu sắc của mình đối với con người và cuộc đời. Hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	180
Đề 75- Trong truyện kể dân gian Việt Nam, anh (chị) đã biết đến những tác phẩm nào có yếu tố kì ảo? Theo anh (chị) yếu tố kì ảo có vai trò như thế nào trong việc bộc lộ nội dung tác phẩm?	182
Đề 76- Có người cho hình ảnh ngọc trai, nước giếng là biểu tượng của tình yêu chung thủy giữa Mị Châu và Trọng Thủy, người khác lại cho đó là sự hoá giải một nỗi oan tình. Anh (chị) hiểu thế nào về hình ảnh đó?	184
Đề 77- Học bài thơ <i>Thuật hoài</i> của Phạm Ngũ Lão, suy nghĩ về lí tưởng của thanh niên hiện nay.	188
Đề 78- Phân tích bài thơ "Thuật hoài" của Phạm Ngũ Lão.	190
Đề 79 - Phân tích một số lời văn tiêu biểu trích chọn từ <i>Bạch Đằng giang phú</i> của Trương Hán Siêu.	191

Đề 80- Phân tích bài thơ "Cảm hoài" của Đặng Dung.	194
Đề 81- Phân tích các sắc thái tình cảm khác nhau của Thuý Kiều qua đoạn trích Những nỗi lòng tê tái (Trích <i>Truyện Kiều</i> – Văn học 10, tập một).	196
Đề 82- Phân tích bài thơ <i>Độc Tiểu Thanh kí</i> của Nguyễn Du.	199
Đề 83- Phân tích đoạn thơ <i>Nỗi nhớ nhung sáu muông của người chinh phụ</i> (sách <i>Văn học 10</i> , tập một).	203
Đề 84- Tấm lòng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đối với Tổ quốc qua Hịch tướng sĩ.	206
Đề 85- Chât hào hùng trong Bình Ngô đại cáo của Nguyễn Trãi.	207
Đề 86- Trình bày hiểu biết của anh (chị) về tư tưởng nhân nghĩa của thi hào Nguyễn Trãi thể hiện qua áng "thiên cổ hùng văn" Bình Ngô đại cáo.	210
Đề 87- Nhiên nhiên trong thơ Nguyễn Trãi qua một số bài thơ đã học trong sách Văn học 10, tập một.	215
Đề 88- Dựa vào những tác phẩm đã đọc và đã học, anh (chị) hãy chứng minh rằng: "Thơ văn Nguyễn Trãi thể hiện tấm lòng yêu nước, thương dân tha thiết, trọn đời".	218
Đề 89- Phân tích bài thơ "Nhàn" của Nguyễn Bỉnh Khiêm.	223
Đề 90 - Hiện thực cuộc sống trong Chuyện chức phán sự đền Tản Viên của Nguyễn Dữ.	227
Đề 91- Về đẹp của ngôn ngữ nghệ thuật qua đoạn "Trao duyên" (Trích <i>Truyện Kiều</i> - Nguyễn Du)	229
Đề 92- Bằng những kiến thức đã học về phương pháp đọc sách, hãy bình luận câu nói sau: "Kể sơ học đọc sách ngoài bì phu; bậc đại học đọc sách trong cốt tủy" (Lê Quý Đôn)	232
Bài 93- Phân tích bài thơ "Hoàng Hạc lâu" của Thôi Hiệu.	234
Bài 94- Phân tích bài thơ "Khuê oán" của Vương Xương Linh.	236
Bài 95- Cảm nhận của anh (chị) về tiếng đàn tì bà của người kĩ nữ trên bến Tầm Dương trong bài thơ "Tì bà hành" của Bạch Cư Dị.	238
Bài 96 - Cảm nhận về "Hồi trống Cổ Thành" trong "Tam quốc diễn nghĩa"	241

PHẦN VIII- CÁC ĐỀ ÔN TẬP CUỐI NĂM

Đề 97- Viết một bài văn miêu tả một đối tượng mà em thích nhất (dòng sông, cánh đồng, người bạn...) trong đó có sử dụng yếu tố tự sự.	244
Đề 98- Hãy viết một bài văn biểu cảm về mùa thu, trong đó có sử dụng yếu tố nghị luận.	249
Đề 99- Viết một văn bản nghị luận tự chọn, trong đó có sử dụng yếu tố biểu cảm. Sau đó tóm tắt bài viết của mình trong khoảng 10 - 15 dòng	250
Đề 100- Viết một văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học mà anh (chị) thích, trong đó có sử dụng yếu tố biểu cảm.	252
Đề 101- Nhận xét về nét đặc sắc, truyền thống của văn học Việt Nam, sách văn học 10, tập một có viết: "Lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc là đặc điểm sâu sắc nhất của tâm hồn Việt Nam". Qua những tác phẩm văn học từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX mà anh (chị) đã học, đã đọc, hãy làm sáng tỏ nhận định trên.	255
Đề 102- Dựa vào bài <i>Tổng kết tri thức văn học Việt Nam</i> trong sách giáo khoa <i>Ngữ văn 10</i> , hãy viết lá thư trong đó giới thiệu tóm tắt nội dung chương trình đã học cho người thân (anh, chị hay bố mẹ ...) đang công tác ở xa.	258